***Ngày soạn: 04/01/2025***

***Ngày dạy: /01/2025***

**Bài 6: BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

**(Số tiết: 12)**

**TIẾT 73 -74-75**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN 1: ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG**

**VĂN BẢN 2: ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

**VĂN BẢN 3:CON MỐI VÀ CON KIẾN – *Ngụ ngôn Việt Nam* –**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Đọc-hiểu văn bản truyện ngụ ngôn.

- Nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường và những ngụ ngôn khác.

- Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất**

- Hình thành và phát triển ở HS: Trách nhiệm học hỏi cái tốt; phê phán cái xấu, cái không phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án, SGK

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết 73:** | **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**  **HOẠT ĐỘNG 1: HĐ KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.  **c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** | | **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *Em có thể nêu một số cơ hội học tập mà con người có được trong cuôc sống không? Đã bao giờ em thấy mình học được điều gì đó từ những chuyến đi, từ việc phim, đọc sách hoặc nghe kể chuyện hay chưa? Có thể xem đó là những bài học mà cuộc sống dạy cho em được không*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + *GV dẫn dắt:* Lê Nin đã từng nói "Học nữa, học mãi" và những bài học ấy ta có thể học ở bạn bè, thầy cô, những người xung quanh. nhưng các em sẽ thấy vô cùng thú vị khi được trải nghiệm bài học cuộc sống từ những câu chuyện ngụ ngôn hấp dẫn hay thấm thía kinh nghiệm bài học từ những câu tục ngữ ngắn gọn. Bài học hôm nay cô sẽ giúp các em khám phá những điều kì diệu ấy. | HS chia sẻ |   **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**  **a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học  **b. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi:  + Chủ đề của bài học là gì?  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào?  + Để thể hiện chủ đề, bài học đưa vào mấy ngữ liệu?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Bài học cuộc sống.  -> Nhắc nhở chúng ta không ngừng học hỏi, không chỉ học trong sách vở, mà còn học trong cuộc sống, học từ những trải nghiệm, những chuyến đi….  - **Thể loại chính**: truyện ngụ ngôn, tục ngữ  + Đẽo cày giữa đường  + Ếch ngồi đáy giếng  + Con mối và con kiến  + Một số câu tục ngữ Việt Nam  + Con hổ có nghĩa |   **Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**  **a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, đặc điểm của truyện ngụ ngôn  **b. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và hoàn thành phiếu học tập theo nhóm.  + GV chia lớp thành 4 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập tìm hiểu kiến thức về truyện ngụ ngôn.  + Thời gian: 5 phút    + Nêu khái niệm về tục ngữ và thành ngữ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu học tập và câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Truyện ngụ ngôn**  **- Khái niệm:** là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.  **- Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn**  **+ Hình thức:** ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.  **+ Nhân vật:** con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hóa.  **+ Mục đích:** thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.  **2. Tục ngữ**  Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần, có điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.  Ví dụ: “Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa”…  3. Thành ngữ  Thành ngữ là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố. |   **VĂN BẢN 1: ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG**  **– *Ngụ ngôn Việt Nam* –**  **I. MỤC TIÊU**   1. **Kiến thức**   - Chủ đề của bài học, truyện ngụ ngôn, các yếu tố cơ bản trong truyện ngụ ngôn.  - Đặc điểm của tục ngữ  - Đặc điểm và bài học trong truyện ngụ ngôn được thể hiện trong văn bản “*Đẽo cày giữa đường*”.   1. **Năng lực**   - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn ( đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.) .  - Xác định được ngôi kể văn bản “*Đẽo cày giữa đường"*  - Nhận biết được các chi tiết về lời nói, hành động, nhân vật văn bản. Từ đó hình dung ra đặc điểm của văn bản truyện ngụ ngôn..  **3. Phẩm chất**  - Phải có chính kiến và biết bảo vệ chính kiến để đạt mục tiêu đề ra.  - Biết lắng nghe và hành động thích hợp.  **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**  **1. Chuẩn bị của giáo viên:**  - Giáo án, SGK  - Máy chiếu, máy tính.  - Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi  - Tranh ảnh minh hoạ cho các truyện ngụ ngôn  - Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp  - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà  **2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.  **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**  **A, Hoạt động 1: Khởi động**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b. Tổ chức thực hiện:**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV tổ chức trò chơi Tiếp sức:  + Chia lớp thành 2 nhóm  + Yêu cầu: Kể tên các truyện ngụ ngôn mà em thích  + Thời gian: 2 phút  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***   * *HS kể tên truyện ngụ ngôn*   ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động***  - GV nhận xét, đánh giá  ***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Đây là những câu chuyện ngụ ngôn quen thuộc gắn liền với kí ức tuổi thơ của mỗi chúng ta. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về thể loại này qua văn bản 1: Đẽo cày giữa đường.*  **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.  **b. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** | | **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng; chú ý lời đối thoại của các nhân vật.  - Gọng đọc hài hước, dí dỏm pha mỉa mai, châm biếm.  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HStìm hiểu các yếu tố của truyện ngụ ngôn: thể loại, xuất xứ, ngôi kể, PTBĐ, bố cục, tóm tắt  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc - Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng; chú ý lời đối thoại của các nhân vật.  - Gọng đọc hài hước, dí dỏm pha mỉa mai, châm biếm.  **b. Chú thích**  **-** Quan: đơn vị tiền tệ thời xưa  - Ngàn: rừng, vùng rừng  - Phá hoang: khai khẩn đất tự nhiên để cày, cấy, trồng trọt  - Tinh: toàn, hoàn toàn  **2. Tìm hiểu chung**  **- Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  **- Xuất xứ:** Theo Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Truyện cổ nước Nam, tập 1, Thăng Long, 1958, tr101-102  **- Ngôi kể:** ngôi thứ 3  **- PTBĐ**: tự sự  **- Bố cục: 2 phần**  **+ Phần 1:** Từ đầu đến *“bày ra bán”*: Người thợ mộc cùng những lời khuyên của người qua đường.  **+ Phần 2:** Còn lại: Hậu quả của việc “đẽo cày giữa đường” của anh thợ mộc.  **- Tóm tắt**  + Một người thợ mộc bỏ ra 300 quan tiền mua gỗ về đẽo cày để bán.  + Mỗi lần có khách ghé vào coi và góp ý về việc đẽo cày anh ta đều làm theo.  + Cuối cùng, chẳng có ai đến mua cày, bao nhiêu vốn liếng đi sạch. |   **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  **a. Mục tiêu:**  - Phân tích được nhân vật ngụ ngôn (anh thợ mộc), từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi gắm qua văn bản.  **b. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** | | **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh chia làm 4 nhóm và hoàn thành phiếu học tập.  + Nhóm 1,2 thực hiện PHT số 1: Nhân vật anh thợ mộc  + Nhóm 3,4 thực hiện PHT số 2: Những lần góp ý và hành động của anh thợ mộc      **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhân vật ngụ ngôn (anh thợ mộc)**  **a. Hoàn cảnh của anh thợ mộc**  **- Nghề nghiệp**: thợ mộc  **- Công việc:** Đẽo cày  **- Nơi làm việc:** cửa hàng ở bên đường  **- Hành động**: Bỏ ra “ba trăm quan tiền” mua gỗ về đẽo cày để bán.  -> Công việc chân tay, mang hết gia tài để đầu tư vào công việc của mình.  **b. Những lần góp ý và hành động của anh thợ mộc**  **\* Người thứ nhất:**  - “ Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày”  - Anh thợ mộc: **Cho là phải**, đẽo cày vừa to vừa cao  **\* Người thứ hai:**  - “Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày”  - Anh thợ mộc: **Cho là phải**, lại đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp  **\* Người thứ ba:**  - Đẽo cày cho thất cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được  - Anh thơ mộc: **Liền đẽo ngay** một lúc bao nhiêu cày to, gấp năm, gấp bảy thứ thường  **\* Kết quả**   - Chẳng ai đến mua, gỗ hỏng hết, vốn liếng đi sạch  **\* Nguyên nhân**  **- Nguyên nhân trực tiếp:**  + Do không có người mua.  + Không có ai nói voi đi cày ruộng.  **- Nguyên nhân gián tiếp:**  + Do bản tính anh nông dân hiền lành, dễ tin người, thiếu hiểu biết, không có chính kiến của riêng mình. | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi gợi mở:  + Em hiểu gì về nhan đề “Đẽo cày giữa đường”?  + Từ truyện này, em rút ra được bài học gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Bài học rút ra**  - Phải luôn tin tưởng vào bản thân, học cách chủ động và có chính kiến của mình trong bất cứ công việc nào.  - Cần tránh việc để những lời nói bên ngoài ảnh hưởng tới công việc của mình. | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhân vật ngụ ngôn: Anh thợ mộc..  - Tình tiết truyện đơn giản  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, hóm hỉnh pha châm biếm.  **2. Nội dung**  Mượn câu chuyện về người thợ mộc để ám chỉ những người thiếu chủ kiến khi làm việc và không suy xét kĩ khi nghe người khác góp ý. |   **C. Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV tổ chức trò chơi* ***RUNG CHUÔNG VÀNG***  1. Truyện “Đẽo cày giữa đường” thuộc thể loại truyện dân gian nào?  - Ngụ ngôn  2. Truyện “Đẽo cày giữa đường” được kể theo ngôi thứ mấy?  - Ngôi thứ 3  3. Phương thức biểu đạt chính của truyện “Đẽo cày giữa đường” là gì?  - Tự sự  4. Trong truyện, có mấy người đã tham gia góp ý cho anh thợ mộc?  - 3 người  5. Người thứ hai đã góp ý cho anh thợ mộc như thế nào?  - Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày  6. Kết quả của anh thợ mộc khi nghe theo những lời góp ý của người khác là gì?  - Chẳng ai đến mua, gỗ hỏng hết, vốn liếng đi sạch  7. Sau khi học xong truyện “Đẽo cày giữa đường”, em rút ra cho mình bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định:**  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*  *thức.*  **D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).  **d) Tổ chức thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm** | | **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**  ? Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) có sử dụng thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát nội dung của văn bản để viết  **HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ:** HS đọc đoạn văn  **B4:Đánh giá nhiệm vụ:**  **-** HS nhận xét, bổ sung  GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). |  | |

***Ngày dạy: /01/2025***

**TIẾT 74. VĂN BẢN 2:ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

**– *Trang Tử* –**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Tác giả Trang Tử

- Chủ đề của bài học, truyện ngụ ngôn, các yếu tố cơ bản trong truyện ngụ ngôn.

- Đặc điểm nhân vật, lời thoại

- Đặc điểm và bài học trong truyện ngụ ngôn được thể hiện trong văn bản “*Ếch ngồi đáy giếng*”.

1. **Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn ( đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.) .

- Xác định được phương thức biểu đạt, ngôi kể văn bản “*Ếch ngồi đáy giếng"*

- Nhận biết được các chi tiết về lời nói, hành động, nhân vật văn bản. Từ đó hình dung ra đặc điểm của văn bản truyện ngụ ngôn..

**3. Phẩm chất**

- Không nên kiêu căng, tự phụ.

- Biết khiêm tốn và học tập mở mang kiến thức, hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án, SGK

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động 1: HĐ khởi động**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  - *Em hãy nhắc lại bài học rút ra từ truyện ngụ ngôn: Đẽo cày giữa đường và nêu ý nghĩa thành ngữ "Đẽo cày giữa đường"*  *- Cùng cô giáo phân tích lời khuyên trong câu châm ngôn: kiến thức như một đại dương bao la còn sự hiểu biết của chúng ta chỉ là những giọt nước bé nhỏ*  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + *GV dẫn dắt:* và câu châm ngôn đó cũng nhắc nhở chúng ta một điều rằng không được kiêu căng tự phụ, phải khiêm tốn học hỏi ta mới có thể tiến xa trên con đường chinh phục tương lai. Đừng như chú ếch sống trong cái giếng sụp mà tự phụ rằng mình có cả một bầu trời cao rộng. Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay. | - HS nhớ lại kiến thức  - Hs chia sẻ: Kiến thức rất rộng lớn , hiểu biết con người có hạn. Vì vậy con người phải luôn luôn trau dồi học hỏi. |

**B. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc - Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào? Cần chú ý điều gì khi chúng ta đọc bài?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm “Ếch ngồi đáy giếng”  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc - Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  Đọc rõ ràng, rành mạch, thể hiện được sự ngông nghênh, kiêu ngạo của ếch, xen chút hài hước; chú ý chỉ dẫn đọc màu vàng bên phải mỗi phần.  **b. Chú thích**  **- Đi đời nhà ma**: chết , mất, mất hết  **- Biển đông:** biển ở phía đông  **- Vô:** vào  **- Lăng quăng:** con bọ gậy, ấu trùng của muỗi  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Trang Tử (369- 286 TCN)  - Là một triết gia nổi tiếng của Trung Quốc  - Thể loại sáng tác: thư kinh, sử kí…  - Sáng tác tiêu biểu: sách Trang Tử (Nam Hoa Kinh), Sử kí Tư Mã Thiên…  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  **- Xuất xứ:** - Trích trong *Thu Thủy ( thiên thứ 17) của sách Trang Tử*  **- Ngôi kể:** Thứ ba  **- PTBĐ: tự** sự  **- Bố cục:** 2 phần  **+ Phần 1:** Từ đầu đến *“coi cho biết”* : Cuộc sống của con ếch bên trong giếng sụp.  **+ Phần 2:** Còn lại: Con rùa cho ếch biết về cuộc sống của mình ngoài biển đông.  - Tóm tắt: Bài văn kể về một con ếch cảm thấy cuộc sống của mình bên trong cái giếng nhỏ là sung sướng, tự do nhất đời, mời con rùa biển đông vào giếng chơi cho biết. Con rùa không thể chui vừa cái giếng nhỏ, bèn nói cho ếch nghe về sự rộng lớn của biển đông. Con ếch nghe về biển bèn mới thu mình lại, hoảng hốt, bối rối. |

**Hoạt động 2: Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nhân vật ngụ ngôn (ếch, rùa), quá trình thay đổi của ếch, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi gắm qua văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi gợi dẫn:  + Câu chuyện có mấy nhân vật chính?  + Tìm hiểu về nhân vật ếch (không gian sống, không gian vận động, đối tượng tiếp xúc…)  + Tìm hiểu về nhân vật rùa (không gian sống, thời gian sống, trải nghiệm…?  + So sánh hai nhân vật ếch và rùa.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức:  + Nhân vật đại diện cho những người có vốn hiểu biết và vốn sống hạn hẹp nhưng lại tự cho rằng mình hiểu biết và tự mãn với những gì mình có.  + Nhân vật đại diện cho những người có vốn hiểu biết và vốn sống phong phú, đã đi nhiều, có nhiều trải nghiệm. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhân vật ngụ ngôn**  (ếch và rùa **: con vật được nhân hóa)**  **a. Nhân vật ếch**  **- Không gian sống**: cái giếng sụp -> Chật hẹp  **- Không gian vận động**: Chỉ từ miệng giếng vào trong giếng -> Chật hẹp  **- Đối tượng tiếp xúc**: (lăng quăng, con cua, nòng nọc…) -> những con vật nhỏ bé  -> Sống trong không gian chật hẹp, Tự cảm thấy “sung sướng” với cái không gian bé nhỏ của mình đang sống.  -> Ếch chưa hề biết đến sự rộng lớn và bao điều mới lạ của thế giới bên ngoài.  **b. Nhân vật rùa**  **- Không gian sống**: biển -> rộng lớn  **- Thời gian sống**: sống lâu (lớn đến nỗi không vào được trong giếng).  **- Trải nghiệm**: đã đi đây đi đó, biết nhiều điều, chứng kiến nhiều điều  -> Rùa lùi lại, không quan tâm đến cái giếng bé nhỏ của ếch và kể cho ếch biết niềm “sung sướng” mà rùa được trải nghiệm “cái vui lớn của biển đông”  **-> Môi trường sống, không gian sống, đối tượng tiếp xúc có ảnh hưởng rất nhiều đến suy nghĩ, nhận thức và hành động của cả ếch và rùa** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV áp dụng kĩ thuật **khăn trải bàn:**  **- Hình thức: chia lớp làm 4 nhóm**  **+ Nhóm 1+3**: Những điều gì làm cho con ếch trong truyện “Ếch ngồi đáy giếng” cảm thấy sung sướng?  **+ Nhóm 2+4**: Sau khi nghe rùa biển kể, tại sao ếch lại “ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối”?  **- Thời gian: 5 phút, cử đại diện nhóm lên báo cáo**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Quá trình thay đổi của ếch**  **a) Ban đầu: ếch tự tin, sung sướng**  **- Sung sướng vì có cuộc sống tự do, tự tại**  + Có thể nhảy ra khỏi giếng; nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng…  + Ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng  + Bơi trong nước thì nước đỡ nách và nách; nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá  **- Sung sướng vì thấy những con vật khác không bằng mình**  + Ngó lại phía sau, thấy những con loăng quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi.  **- Sung sướng vì tự hào với địa vị “chúa tể” của mình ở trong giếng**  + Một mình chiếm một chỗ nước tụ  + Tự do bơi lội trong một cái giếng sụp  + Còn gì vui hơn nữa? Hỏi để khẳng định  **- Sung sướng đến nỗi khoe khoang với rùa về thế giới trong giếng của mình**  Ếch nói với rùa: “Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?”  **b) Những thay đổi của ếch sau khi nghe rùa biển kể**  **- Ngạc nhiên:** Vì sự vĩ đại của biển nằm ngoài hiểu biết của ếch  -> Ếch hoàn toàn bất ngờ  **- Thu mình lại:** Niềm vui và niềm tự hào của ếch bị thay thế bởi cảm giác nhỏ bé trước sự vĩ đại của biển.  **- Hoảng hốt, bối rối:** Cảm giác của ếch khi mất niềm tin (bối rối) vào những điều ếch đã tin và tự hào trước đây, choáng ngợp (hoảng hốt) trước những điều mới mẻ, lớn lao, vĩ đại |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:** Qua câu chuyện của con ếch, em rút ra cho mình những bài học gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Bài học rút ra**  - Câu chuyện ngầm phê phán những người có vốn hiểu biết hạn hẹp nhưng lại thường ra vẻ ta đây tài giỏi, tự cao.  - Khuyên con người nên khiêm tốn, luôn lắng nghe, học hỏi, tìm hiểu những điều thú vị xung quanh cuộc sống của mình.  - Khuyên con người nên thích nghi với mọi hoàn cảnh sống. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhân vật ngụ ngôn: nhân vật con vật được nhân hóa  - Tình tiết truyện đơn giản  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, hóm hỉnh pha châm biếm.  **2. Nội dung**  Câu chuyện kể cuộc đối thoại giữa rùa và biển. Từ đó gửi gắm bài học cách sống, về cách nhìn nhận cuộc sống của mỗi con người |

**C. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn có sử dụng thành ngữ "Ếch ngồi đáy giếng"

- Sử dụng ngôi kể thứ ba.

**b) Nội dung***:* HSviết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu  Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) có sử dụng thành ngữ: ***Ếch ngồi đáy giếng***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. những yêu câu  -GV gợi ý:  + Hình thức: đoạn văn từ 5 đến 7 câu.  + Nội dung: *Gợi ý: -* Thành ngữ ếch ngồi đáy giếng có ý nghĩa gì  - Lời khuyên của thành ngữ với con người  - Muốn không trở thành *ếch ngồi đáy giếng* thì ta phải làm gì ?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, viết  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs báo báo kết quả  - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - HS viết đúng hình thức và dung lượng  - Lựa chọn được những lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục  - Gợi ý:   Câu chuyện "Ếch ngồi đáy giếng" cho ta một cách nhìn nhận về cách sống phù hợp, không như chú ếch trong câu truyện trên. Chú sung sướng và tự hào trong cái thế giới bé nhỏ của mình để rồi phải hốt hoảng bối rối trước sự kì vĩ choáng ngợt của đại dương. Qua chú ếch kia, dân gian nhằm phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp hay huênh hoang, tự đắc. Đồng thời khuyên mọi người cố gắng mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết của mình, không nên chủ quan, kiêu ngạo. Nếu không có tầm hiểu biết ra ngoài sẽ bị chê cười, xa lánh. Vì vậy hãy vì cuộc sống của mình, tìm hiểu, tìm hiểu và tìm hiểu... để không bị rơi vào cảnh ếch ngồi đáy giếng và trở thành một người giỏi giang và hiểu biết. |

**D. Hoạt động 4: Vận dụng**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*GV chia 2 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một yêu cầu* :

1/ *Tìm đọc và kể lại một phiên bản khác về truyện ngụ ngôn "Ếch ngồi đáy giếng"* (truyện ngụ ngôn Việt Nam)

2/ *Trong cuộc sống nếu gặp những con người huyênh hoang tụ phụ thì em sẽ nói gì để khuyên nhủ bạn ấy ?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Gv tổ chức cho hs trả lời như chia sẻ

**Bước 3: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**Dự kiển sản phẩm:.**

**1/** Hs tìm và kể đúng, diễn cảm lại truyện ngụ ngôn "Ếch ngồi đáy giếng"( ngụ ngôn Việt Nam)

2/ Dựa trên bài học rút ra trong câu chuyện hs có thể đưa ra lời khuyên:

+ Cuộc sống còn nhiều màu sắc, kì bí mà kiến thức của chúng ta còn hạn hẹp.

+ Nếu tự phụ kiêu căng bạn sẽ mất đi cơ hội mở mang. Đôi khi bạn sẽ bị choáng trước những thay đổi hoặc không thể thích ứng trước hoàn cảnh mới.

+ Bạn phải khiêm tốn để học hỏi nhiều hơn

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

***Ngày dạy: /01/2025***

**TIẾT 75. VĂN BẢN 3:CON MỐI VÀ CON KIẾN**

**– *Nam Hương* –**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**

- Tác giả Nam Hương

- Tìm hiểu đặc điểm của truyện ngụ ngôn được viết theo lối văn vần.

- Đặc điểm nhân vật, lời thoại

- Bài học trong truyện ngụ ngôn được thể hiện trong văn bản “*Con mối và con kiến*”.

**2. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn (cốt truyện, nhân vật, chủ đề.) .

- Xác định được hình thức văn bản truyện ngụ ngôn khấc loại với 2 truyện ngụ ngôn đã học.

- Nhận biết được các chi tiết về lời nói, hành động, nhân vật văn bản. Từ đó hình dung ra đặc điểm của nhân vật và bài học được gửi gắm.

**3. Phẩm chất**

- Phải chăm chỉ và sống vì mọi người.

- Không nên ích kỉ, lười biếng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án, SGK

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động 1: HĐ Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đọc câu đố

**Câu đố 1.**

Con gì bé tí

Đi lại từng đàn

Kiếm được mồi ngon

Cùng tha về tổ

(Là con gì?)

**Câu đố 2**

Con gì ăn gỗ cả ngày

Chuyên môn đục phá giường này tủ kia?

(Là con gì?)

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Dự kiến sp:

- Con kiến

- Con mối

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Câu đố của cô đã nhắc đến hai con vật nhỏ bé là con mối và con kiến. Trong thế giới ấy, có những con mối và con kiến hiện lên với hai trạng thái đối lập nhau. Muốn biết tại sao chúng lại trái ngược nhau thì chúng ta hãy cùng đi vào tìm hiểu văn bản ngày hôm nay****Con mối và con kiến.***

**B. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả Nam Hương  - Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân để tìm hiểu những nét chung về tác phẩm (xuất xứ, PTBĐ, bố cục…)    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc - Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - Gọi 3 học sinh Đọc phân vai  - **Giọng đọc:** to, rõ ràng, biểu cảm được tính cách nhân vật  **b. Chú thích**  **- Ồ ề:** dáng mập và chậm chạp  **- Ghế chéo:**  ghế chân chéo, có lưng tựa  **- Vun thu:** vun vén, thu xếp, chăm lo  **- Xứ sở:** nơi ở, quê hương, đất nước  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - **Nam Hương (1899- 1960)**  **- Quê:** Hà Nội  - Sáng tác nhiều **thơ ngụ ngôn và thơ thiếu nhi**  **- Các tác phẩm chính:** *Ngụ ngôn mới, Gương thế sự, Tập thơ ngụ ngôn...*  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  **- Xuất xứ:** trích trong *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập III do Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thương biên soạn và tuyển chọn. Xuất bản tại NXB Giáo dục năm 1999, tr. 805.  **- PTBĐ:** tự sự kết hợp biểu cảm  **- Bố cục:** 2 phần  - Tóm tắt: Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững. |

**Hoạt động 2: Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được quan niệm sống của kiến và mối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi gắm qua văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV áp dụng kĩ thuật: THINK- PAIR-SHARE  **- Hình thức:** tạo nhóm cặp đôi theo bàn  **- Yêu cầu:** trình bày quan niệm sống của mối và kiến theo bảng gợi ý sau  **- Thời gian:** 5 phút    **+ GV hỏi mở rộng :** theo em, thiện cảm của tác giả dành cho mối hay kiến ? Vì sao ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức:  Như vậy, tác giả đã xây dựng hai nhân vật với những nét đối lập nhau. Chúng ta có thể nhận thấy rõ rằng con kiến được xây dựng với tính cách chăm chỉ, cần cù. Ngược lại, con mối lại có tính cách lười nhác, lười biếng. Liệu có ẩn ý sâu xa gì nữa không qua hai hình tượng nhân vật đó. Phải chăng là sự đối lập của 2 bộ phận con người trong XH. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Quan niệm sống của mối và kiến**  a. Quan niệm sống của mối  **- Không muốn lao động, sợ vất vả**  + Ngồi trong nhà nhìn ra ngoài  + Ngồi tựa lưng trên chiếc ghế chéo, bên bàn tròn  + Lười vận động nên cơ thể béo mập và chậm chạp  + Nói với kiến: Kiến ơi các chú/ Tội tình gì lao khổ lắm thay! -> NT nhân hóa  **- Chỉ biết hưởng thụ trước mắt, chỉ biết nghĩ đến bản thân:**  + Ăn no béo trục, béo tròn  + Chỉ biết an hưởng nhà cao cửa rộng,tủ hòm  + Không nhận ra đó chỉ là cuộc sống đó là tạm bợ -: không được dài lâu  **- Hậu quả: nhà đổ xuống -> “Đi đời các anh” -> NT nhân hóa**  **b. Quan niệm sống của kiến**  **- Không ngại vất vả, chăm chỉ lao động**  + Sẵn sàng ra ngoài làm việc, dù vất vả, khiến cơ thể gầy gò  + Ý thức: Hễ có làm thì mới có ăn  **- Biết lo xa, sống có trách nhiệm vì cộng đồng**  + *“Sinh tồn là cuộc khó khăn”* -> chủ động, chuẩn bị kĩ cho tương lai  + Quan tâm đến mọi người *“địa cầu muôn loại”*  + Ý thức: *“Vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở”*  **- Kết quả: Cuộc sống no đủ, hạnh phúc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:** Qua văn bản “Con mối và con kiến”, em rút ra cho mình những bài học gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Bài học rút ra**  - Sống ích kỉ, chỉ biết nghĩ cho bản thân, chỉ biết hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp trước mắt sẽ không được bền lâu  - Trách nhiệm của mọi người đối với cộng đồng, dân tộc, đất nước. Phải biết yêu thương, biết “vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở” |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.  - Sử dụng nhân hóa.  - Lời thơ ngắn gọn nhưng thâm thúy.  - Mượn chuyện loài vật để nói bóng gió, kín đáo chuyện loài người.  **2. Nội dung**  Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Từ đó khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững. |

**C. Hoạt động 3: Luyện tập (So sánh)**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs nhận diện và chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa 3 văn bản truyện ngụ ngôn đã học.

- Trình bày nhận xét một cách khúc chiết, thuyết phục.

**b) Nội dung***:* HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:**  Phiếu học tập của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu  Em hãy chỉ ra điểm riêng biệt và giống nhau giữa 3 văn bản truyện ngụ ngôn đã học bằng cách điền vào phiếu học tập sau  sau   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Đẽo cày giữa đường** | **Ếch ngồi đáy giếng** | **con mối và con kiến** | | **Khác nhau** |  |  |  | | **Giống nhau** |  |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  -GV gợi ý:  + Chú ý vào bài học từng câu chuyện.  + Chú ý vào mục đích chung  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm trong 5 phút. 5 phút viết câu trả lời.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs báo báo kết quả  - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - **Khác nhau:**  + Đẽo cày giữa đường gửi đến bài học dễ nghe người, không suy xét thực tế, đánh giá đúng sai sẽ nhận hậu quả, cần cận trọng trong quyết định làm điều gì đó.  + Ếch ngồi đáy giếng cần rèn cho mình đức tính kiên trì (kiên tầm), chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn vói những điểu mình đã biết,...  + Con mối và con kiến: quan niệm sống chỉ biết nghĩ cho bản thân, chỉ biết sống hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp sẽ chẳng thể được bền lầu  - **Giống nhau**:  Cả 3 câu chuyện đều truyền đến ta một bài học bổ ích. Đó chính là những kinh nghiệm quý báu, những đạo lí làm người đúng đắn mà mỗi cá nhân cần học hỏi khi sống trong xã hội. |

**D. Hoạt động 4: Vận dụng**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*GV yêu cầu HS*: *Chia sẻ những câu chuyện trong thực tế liên quan đến những câu thành ngữ ra đời trong các truyện ngụ ngôn đã học.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Gv tổ chức cho hs trả lời như chia sẻ

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

**Dự kiển sản phẩm:**

- Những người ít quan tâm đến xung quanh, không học hỏi. Khi hỏi đến họ trả lời: Tôi ngồi đây như *ếch ngồi đáy giếng* biết gì mà nói.

- Người làm việc nhưng nghe góp ý của người này lại thay đổi theo: Chín người mười ý tôi biết theo ai. Đúng là *đẽo cày giữa đường*!

**Bước 4 :Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức:

Những bài học trong truyện ngụ ngôn luôn tươi mới vì còn sống trong cuộc sống con người

***Ngày dạy /01/2025***

**Tiết 76 .THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THÀNH NGỮ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

* Đặc điểm của thành ngữ (về cấu trúc và ngữ nghĩa), từ đó nhận diện được thành ngữ trong cầu.
* Chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó, phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

**2. Năng lực**

**-** Nhận diện và lý giải được ý nghĩa của thành ngữ ở trong câu văn .

- Năng lực nhận diện nghĩa của thành ngữ trong VB và biết đặt câu có thành ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *1. Ở Tiểu học, các em đã được học về thành ngữ. Năm lớp 6 chúng ta cũng đã được làm quen với một số thành ngữ. Sau đây các bạn cùng thi xem ai nhanh hơn để đoán đúng thành ngữ mình đã học nhé!*   |  | | --- | | **BÀI TẬP KHỞI ĐỘNG**  Điền thành ngữ thích hợp | | **1.** Nói về một người rất khỏe:................  2. Nói về thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước:.............................  3. Nhìn bốn phía không ai là người thân thích:.....  4. Người(giặc ) đổ xuống hàng loạt như người ta cắt thân cây lúa (rạ) cho đổ xuống:.........  5. Những món ăn ngon và lạ lấy từ trên núi và dưới biển:............................ |   Mỗi dãy cử 5 bạn chơi trò chơi tiếp sức. Trong thời gian 2 phút nhóm nào trả lời nhanh và nhiều đáp án đúng hơn nhóm đó sẽ chiến thắng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và phân công chọn người  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS thi điền thật nhanh:  + GV theo dõi thời gian  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *Gv dẫn dắt:* Trạng ngữ là một đơn vị tiếng Việt có một ý nghĩa nhất định trỏgn tạo lập văn bản. Vậy ta phải hiểu cụ thể về đặc điểm của thành ngữ cuàng như tác dụng của thành ngữ trong câu thế nào? | HS huy động kiến thức đã có và làm bài tập  Hs điền theo thứ tự:  1. Khỏe như voi.  2. Nhanh như chớp.  3. Tứ cố vô thân  4. Chết như ngả rạ  5. Sơn hào hải vị |

**B. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ hộp thoại bên phải, hs thảo luận nhóm cặp đôi hoàn thiện phiếu học tập:  *1. Cho các câu văn sau với các thành ngữ đã được in đậm:*  *a/* ***Kẻ hầu người hạ*** *ra vào tới tấp, bưng lên cho khách toàn những món* ***sơn hào hải vị*** *thơ nức mũi ( Vũ chích chòe)*  *b/ Mọi người trong làng luôn đoàn kết, sẵn sàng* ***chia ngọt sẻ bùi*** *cho nhau.*  *Trả lời: + Em có thể chêm xen từ vào trong cụm từ là thành ngữ đã in đậm không? Từ đó em thấy cấu tạo của thành ngữ như thế nào?*  *+ Giải thích nghĩa của các thành ngữ, em thấy nghĩa thành ngữ có phải sự cộng gộp nghĩa của từng yếu tố tạo nên thành ngữ không?*  2.*Những kết hợp sau có gì đặc biệt: con ông cháu cha, thượng cẳng chân hạ cẳng tay, cao chạy xa bay?*  3. *Hãy thay cách diễn đạt khác thành ngữ trong câu sau rồi rút ra kết luận vè giá trị của thành ngữ trong văn bản:*  *Lần này hai đội gặp nhau,* ***chưa biết mèo nào cắn mửi nào.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ làm việc nhóm trong vòng 7 phút  Dự kiến sản phẩm:  *1. - Trạng ngữ có cấu tạo cố đinh, chặt chẽ.*  *- Nghĩa của thành ngữ mang tính toàn khối chứ không phải nghĩa cộng gộp*  *2.- Đôi khi có cách sắp xếp đặc biệt không theo quy tắc thông thường*  *3. - Hs có thể thay: chưa biết ai thắng ai thua, chưa biết ai hơn ai kém*  *-> Cách dùng thành ngữ ấn tượng, gợi hình hơn, làm lời nói sắc bén.*  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  + GV nhận xét, bổ sung:  Có lẽ vì sự sâu sắc và gợi nhiều liên tưởng nên thành ngữ vừa được vận dụng khéo léo trong lời ăn tiếng nói hàng ngày vừa được sử dụng rất nhiều trong thơ văn.   * Ghi bảng. | **I. Nhận thức kiến thức tiếng Việt:**  **Thành ngữ**  **1. Xét ví dụ**  **2. Nhận xét**  **-** Đặc điểm:  + Là một cụm ngữ có cậu tạo cố định và biểu đạt một nghĩa trọn vẹn.  + Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toàn khối và thường mang nghĩa biểu trưng.  + Một vài thành ngữ có sự sắp xếp đặc biệt không theo thông thường  **-** Tác dụng: giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiếu liên tưởng  - Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu.  **-** Về chức năng: là thành phần phụ của câu, nói về địa điểm thời gian, nguyên nhân, trạng thái, mục đích, cách thức diễn ra sự việc |

**C.Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào phiếu học tập.  - GV hướng dẫn HS: chỉ ra thành ngữ trong câu và giải thích ý nghĩa.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS làm việc nhóm cặp đôi:** làm bài tập 2, thay thành ngữ in đậm bằng những từ ngữ tương đương rồi rút ra nhận xét  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3 trong vòng một phút  - Nhận xét về việc sử dụng thành ngữ đẽo cày giữa đường trong 2 trường hợp  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ và trả lời nhanh  **Bước 3: Báo cáo kết quả.**  + HS trình bày  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **II. Luyện tập:**  ***Bài tập 1***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Thành ngữ** | **ý nghĩa** | | a | Ba chân bốn cẳng | vội vã, cuống lên. | | b | Chuyển dời núi sông | làm những việc lớn lao, phi thường. |   ***Bài tập 2***   1. Thành ngữ *đi đời nhà ma* có thể thay bằng *đi tong, chẳng còn gì.* 2. Thành ngữ *thượng vàng hạ cảm* có thể thay bằng các cụm từ *từ sang đến hèn, sang trọng đến tầm thường.*   So với cầu dùng từ ngữ tương đương, cầu dùng thành ngữ có tác dụng biểu đạt ý mạnh hơn, gầy ấn tượng hơn đối với người nghe.  ***Bài tập 3:***  - Nội dung câu chuyện đã đọc giúp ta hiểu rằng, *đẽo cày giữa đường* muốn nói về kiểu người ai bảo gì nghe nấy một cách thụ động, không biết suy nghĩ, xét đoán đúng/ sai, dẫn đến kết quả tồi tệ. - - Như vậy, *“Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đẽo cày giữa đường.”* mới là câu dùng thành ngữ hợp lí. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài tập 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV trình chiếu bài tập  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  - Cho HS 2 dãy chia 2 nhóm, mỗi nhóm 4 người đại diện thi đặt câu với thành ngữ theo quy trình:  2 phút thảo luận theo bàn để đặt câu  sau đó nhóm trưởng cử đại diện 4 bạn đứng lên thi đua đặt câu có thành ngữ lên bảng  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - HS trao đổi theo bàn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS làm bài thi đua trong 2 phút. Nhóm nào có câu trả lời đúng, hợp lý thì chiến thắng.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức qua màn hình chiếu | ***Bài 4***:   1. *Thần đồng là những đứa bé có khả năng rât đặc biệt: học một biết mười.* 2. *Mẹ bảo: Anh Thành giỏi giang, học hay, cay biết, ở đâu cũng sống được.* 3. *Con cái khôn ngoan, hiếu thuận làm cho cha mẹ mở mày mở mặt.* 4. *Biết bài kiểm tra phần nói tiếng Anh của mình được đánh giá cao, tôi như mở cờ trong bụng.* |

**D. Hoạt động 4: vận dụng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết đoạn văn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: *Truyện ngụ ngôn mang đến cho em nhiều bài học lý thú.* Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một thành ngữ. (Gạch chân thành ngữ)

Gợi ý: - Trình bày câu chủ đề

- Kể ra một số truyện ngụ ngôn em biết và được học

- Những truyện ấy mang đến bài học nào.

- Có sử dụng thành ngữ, gạch chân.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

Dự kiến sản phẩm: Trong kho tàng văn học dân gian, truyện ngụ ngôn không những hấp dẫn bởi những câu chuyện ngắn gọn lý thú mà còn hấp dẫn bởi những bài học đạo lý được truyền đạt rất nhẹ nhàng mà thấm sâu. Ta có thể kể ra vô vàn các truyện nổi tiếng như: đẽo cày giữa đường, ếch ngồi đáy giếng, con mối và con kiến, thỏ và rùa...Để qua đó ta nhận ra con người không được nghe ý kiến một cách tùy tiện mà phải xem xét đánh giá. Ta phải mở rộng tầm hiểu biết đừng để thành ếch ngồi đáy giếng. Chúng ta phải sống có trách nhiệm, sống vì cộng đồng đừng ích kỉ nếu không sẽ chả có hạnh phúc bền lâu. Thật tuyệt làm sao, những bài học đó cứ theo ta, làm cho tâm hồn ta thêm phong phú và tốt đẹp.

**B3: Báo cáo nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**B4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS khác nhận xét, bổ sung sp của bạn

GV đánh giá,đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

***Ngày dạy: /01/2025***

**TI ẾT 77 +78.** **VĂN BẢN 4:**

**MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1 Về kiến thức***

- HS nắm được:

* Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phẩn lớn có vần điệu; nhịp nhàng, cần đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.
* Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.

- HS hiểu được, mặc dù có quy mô nhỏ, nhưng tục ngữ vẫn tồn tại với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, thấy được tương quan giữa tục ngữ với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè,...

***.2 Về năng lực***

- Nhận diện tục ngữ và bài học kinh nghiệm qua những câu tục ngữ*.*

- Có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống, biết vận dụng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp.

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật của một câu tục ngữ.

- Viết đoạn văn cảm nhận về một câu tục ngữ.

***3 Về phẩm chất***

- Giúp HS phát triển các phẩm chất: yêu tục ngữ, và có ý thức vận dụng tục ngữ trong nói năng và tạo lập văn bản.

- Tự hào về vẻ đẹp văn học Việt Nam.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

**A. Hoạt động 1: HĐ Khởi động**

**a) Mục tiêu:** kết nối với văn bản đọc 1, khơi dậy kiến thức nền để tiếp thu kiến thức mới của bài.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kiến thức đã lĩnh hội

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu hs trả lời câu hỏi ngắn:

1. *Khi trò chuyện với người khác em đã dùng tục ngữ chưa? Hãy lý giải từ thực tế của bản thân*
2. *Theo em, vì sao người ta lâij dùng tục ngữ trong giao tiếp hằng ngày ?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tiếp nhận nhiệm vụ
* -HS trao đổi,thảo luận

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

Hs xung phong chia sẻ câu trả lời

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số
* Gv tuyên dương , khích lệ và nhấn mạnh: Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, có vần nhịp nên đã tự nhiên đi vào lời ăn tiếng nói của người dân. Điều đó đã khiến cho câu nói trong giao tiếp trở nên ý nhị, sâu sắc và gợi cảm hơn rất nhiều. Vậy thì với hs muốn sử dụng được tốt tục ngữ thì chúng ta phải có năng lực nào? Chắc các bạn sẽ có chung câu trả lời đầu tiên là phải nhận diện và có hiểu biết về ý nghĩa của tục ngữ.

**B. Hoạt động 2: HĐ hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| I**. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  a) Mục tiêu: Nắm được những thông tin chung về chủ đề, số tiếng, vần, nhịp của một số câu tục ngữ.  b) Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  d) Tổ chức thực hiện: | |
| **HĐ của GV & HS** | **Sản Phẩm** |
| ***Nhiệm vụ 1: Đọc-chú thích***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Yêu cầu HS đọc to, diễn cảm văn bản chú ý vần nhịp và chiến lược theo dõi và trả lời các hộp thoại  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK: *cần, tày, nề...*  - HS lắng nghe.  ***Bước 2: thực hiện nhiệm vụ***  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  ***Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ***  + HS đọc và trả lời chú thích  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ***  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  ***Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các câu TN***  ***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***  - GV chia lớp làm 6 nhóm , sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn ,yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi trong vòng 10 phút:  ? Có thể xếp 15 câu tục ngữ vào những chủ đề nào  ? Tìm hiểu số tiếng trong mỗi câu tục ngữ và nhận xét chung về độ dài của tục ngữ.  ? Câu tục ngữ nào gieo vần, ý nghĩa của việc gieo vần.  ? Câu tục ngữ nào có hình thức của một thể thơ quen thuộc được dùng rất nhiều trong ca dao, tìm thêm 2 câu tương tự  Cách thực hiện:  Giáo viên chia lớp thành các nhóm học tập từ 4- 6 học sinh. Trao cho mỗi nhóm 1 tờ A0 (tượng trưng cho khăn trải bàn) thảo luận câu hỏi theo yêu cầu kĩ thuật khăn trải bàn:    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  B1. Trưởng nhóm chia sẻ khăn trải bàn  B2. Từng thành viên nhóm trình bày. Trưởng nhóm thể hiện ý kiến của từng người vào khăn theo từng cạnh của khăn.  B3. Sau 2-3 phút làm việc cá nhân , nhóm trao đổi thống nhất ý kiến cả nhóm  Dự kiến sản phẩm:  - 3 chủ đề là: Câu 1 đến câu 5: chủ đề kinh nghiệm về thời tiết; câu 6 đến câu 8: chủ đề kinh nghiệm về lao động sản xuất; cầu 9 đến cầu 15: chủ đề kinh nghiệm vể đời sống xã hội.  - Ngắn nhất là 5 chữ, dài nhất cũng có 16 chư-> tục ngữ ngắn gọn.  - Trừ mỗi câu "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" còn câu nào cũng gieo vần-> tạo sự nhịp nhàng nghệ thuật và dễ nhớ dễ thuộc.  - Câu 15 theo thể lục bát. 2 câu tương tự  1. *Lua chiêm lấp ló đấu bờ/ Hễ nghe tiếng sâm phất cờ mà lên-,*  *2. Cười người chớ vội cười lâu/ Cười người hôm trước, sau người cười;...*  ***Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ***  Đại diện các nhóm treo khăn trải bàn và trình bày kết quả.  HS khác nghe và bổ sung  ***Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ***  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV nhấn mạnh: Tục ngữ thường hiệp vần lưng rất cân đối nhịp nhàng như: nắng tốt dưa/ mưa tốt lúa; đói cho sạch/rách cho thơm... | 1. Đọc, chú thích:  **2. Tìm hiểu chung về một số câu tục ngữ**  3 chủ đề:  - Câu 1 đến câu 5: chủ đề kinh nghiệm về thời tiết  - câu 6 đến câu 8: chủ đề kinh nghiệm về lao động sản xuất; c - câu 9 đến cầu 15: chủ đề kinh nghiệm vể đời sống xã hội.  - Ngắn gọn, thường gieo vần.  - Có sử dụng thể thơ lục bát (câu 15) |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VĂN BẢN**  a) Mục tiêu: Giúp HS  - Nắm được nội dung ý nghĩa và nghệ thuật của các câu tục ngữ.  - Xác định được nghĩa đen, nghĩa bóng của một số câu tục ngữ.  - Những câu tục ngữ không mâu thuẫn mà bổ sung bài học cuộc sống cho ta  b) Nội dung  - Hs sử dụng phiếu bài tập đã chuẩn bị ở nhà, câu trả lời chuẩn bị trước để hoạt động nhóm lớn, cặp đôi hoàn thành công việc gv giao.  c) Sản phẩm: câu trả lời, phiếu học tập của hs  d) Tổ chức thực hiện | |
| **HĐ của GV & HS** | **Sản phẩm** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Gv cho hs thảo luận cặp đôi, giao nhiệm vụ  *? Những câu tục ngữ và thiên nhiên và sản xuất mang đến cho ta những kinh nghiệm gì?*  *? Ngoài ý nghĩa kinh nghiệm ấy còn có ý nghĩa nào khác không.*  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  + Các cặp đôi thảo luận và trả lời từng câu hỏi trong vòng 5 phút  ***Bước 3: : Báo cáo nhiệm vụ***  + Gv gọi đại diện 2-3 cặp trình bày trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi đại diện cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ***  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | ***II. Khám phá văn bản***  ***1. Những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất***  - Kinh nghiệm về thời tiết từ câu 1 đến 5: khi thấygió heo may thêm chuồn chuồn bay nhiều thì trời sắp có bão; kiến cánh vỡ tổ bay ra sắp có mưa to lũ lụt ; mây kéo xuống biển thì nắng may kéo lên núi thì mưa; tháng năm ngày dài đêm ngắn, tháng 10 ngày ngắn đêm dài; trời nắng thì chóng đến trưa mà mưa thì nhanh tối.  - Kinh nghiệm về sản xuất câu 6->8: trồng lúa nước cần đủ 4 yếu tố, nắng rất cần cho mùa dưa mưa cần cho lúa,nghề trồng dâu nuôi tằm mang lại hiệu quả cao hơn trồng lúa.  => Chỉ có nghĩa trực tiếp trừ câu số 4 có nghĩa ẩn dụ. |
| **Hết tiết 1. Chuyển sang tiết 2**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Gv yêu cầu hs làm việc theo nhóm nhỏ theo bàn  Giao các câu hỏi đã ghi trong phiếu học tập số 1:  *? Chỉ ra ý nghĩa của mỗi câu tục ngữ. Câu nào mang ý nghĩa ẩn dụ*  *? Theo em câu tục ngữ 11, 12 có mâu thuẫn nhau không? Thử lý giải và tìm hai câu tương tự*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  + HS các bàn thảo luận và trả lời từng câu hỏi trong thời gian 5 phút  Dự kiến sản phẩm:  cột bên  ***Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ***  + Đại diện nhóm bàn trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi nhóm bàn hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ***  - HS khác nhận xét, bổ sung  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | ***2*. Tục ngữ về đời sống xã hội**  - Ý nghĩa: đề cao con người, đề cao lòng tự trọng sống ngay thẳng; đề cao việc học thầy và bạn; khuyên chúng ta phải biết học hỏi và giữ tinh thần đoàn kết.  - Câu tục ngữ 9,10,14,15 có nghĩa ẩn dụ.  - Câu 11,12 không mâu thuẫn và loại trừ nhau vì nó được dùng ở những hoàn cảnh khác nhau. Và nó đều tồn tại để khuyên con người không chỉ học ở thầy mà còn học ở bạn.  + Tương tự như "Một giọt máu đào hơn ao nước lã" và "Bán anh em xa mua láng giềng gần" |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. TỔNG KẾT**  a) Mục tiêu: Giúp HS nhớ được những ý cơ bản về nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của một số câu tục ngữ.  b) Nội dung  - GV tổ chức cho HS hoàn thành phiếu học tập để tổng kết  c) Sản phẩm: phiếu học tập  d) Tổ chức thực hiện | |
| **HĐ của GV & HS** | **Sản phẩm** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | Nghệ thuật |  | | Nội dung |  | | Ý nghĩa |  |   - Giao nhiệm vụ nhóm:  *? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của những câu tục ngữ?*  *? Nội dung chính của các câu tục ngữ muốn đề cập?*  *? Ý nghĩa của những câu tục ngữ*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  ***B3: Báo cáo nhiệm vụ***  HS:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  GV:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  ***B4: Đánh giá nhiệm vụ***  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn ý | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngắn gọn, có vần, nhịp  - Nghĩa trực tiếp hoặc mang nghĩa ẩn dụ.  ***2. Nội dung***  Văn bản đề cập đến kinh nghiệm về thiên nhiên, lao động sản xuất và xã hội.  3. Ý nghĩa :để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá để con người học tập, rút kinh nghiệm |

**C. Hoạt động 3: Luyện tập**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*GV yêu cầu HS:* viết đoạn hội thoại ( khoảng từ 5 đến 7 câu) có sử dụngcâu tục ngữ *Muốn lành nghề chớ nề học hỏi.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV Gợi ý:

Ví dụ một cuộc trò chuyện giữa bà mẹ và cậu con trai.

* Nhân vật trò chuyện với nhau: mẹ và con.
* Hoàn cảnh cuộc trò chuyện: trong gia đình.
* Nội dung trò chuyện: con nói với mẹ về chuyện học nghề sửa chữa điện tư.

Cầu tục ngữ *“Muốn lành nghể, chớ nề học hỏi.”xuẵt* hiện trong một lời khuyên của mẹ đối với con.

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

* HS đọc đoạn văn

**Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**

- HS khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. Hoạt động 4: HĐ Vận dụng**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*GV yêu cầu HS*: *Những vấn đề về ứng xử, về đạo đức của con người là chuyện nhất thời hay bền vững? Có sự biến đổi theo thời gian không? Tại sao trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp hiện nay, người ta vẫn thường dùng những câu tục ngữ ra đời từ hàng trăm năm trước?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* Gv tổ chức cho hs trả lời như chia sẻ

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

**Dự kiển sản phẩm:**

Theo thời gian, cuộc sống xã hội của con người luôn thay đổi, nhưng cũng có những yếu tố hết sức bền vững. Sở dĩ, con người thời hiện đại với thiết chế xã hội, tâm lí, kinh tế, điểu kiện sống hoàn toàn khác ngày xưa, nhưng vẫn dùng tục ngữ vể đời sống xã hội phù hợp trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp là nhờ những yếu tỗ bền vững đó. Ví dụ, thời nào thì con người vẫn quý hơn mọi thứ trên đời, cho nên câu: *“Người sống hơn đống vàng”* chưa bao giờ sai; hoặc tinh thần đoàn kết vẫn là chuyện cần thiết muôn thuở của con người, vậy cầu: *“Một cây lảm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn nút cao.”* vẫn còn nguyên giá trị.

**Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**

-HS khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hoàn thành nhiệm vụ luyện tập, ôn bài.

- Chuẩn bị tiết “Thực hành tiếng Việt” : đọc nội dung kênh chữ nhận biết về nói quá trang 13,14 và làm các bài tập.

***Ngày dạy /01/2025***

**Tiết 79.THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI QUÁ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá, những cách gọi khac nhau của biện pháp tu từ này (phóng đại, cường điệu, thậm xưng, ngoa dụ,...), các cách thức íhể hiện biện pháp tu từ nói quá, mục đích của việc sử dụng nói quá trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.

**2. Năng lực**

- HS nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể

- Biết vận dụng biện pháp tu từ nói quá một cách phù hợp.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.GV**

- Giáo án

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2.HS**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động 1:HĐ Khởi động.**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV ra câu hỏi: Lan hỏi Huệ làm xong bài toán cuối chưa. Huệ trả lời:  - Tớ nghĩ nát óc mà chưa ra được kết quả!  Theo em, câu trả lời của Huệ có gì là phóng đại, cường điệu lên ? Cách dùng như thế của Huệ có ý nghĩa gì  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  GV dẫn dắt: Việc dùng từ như Huệ là một cách dùng biện pháp nói quá. Vậy nói quá là gì và hiệu quả khi sử dụng thế nào? | HS trả lời:  Huệ phóng đại "nghĩ nát óc" tức là nghĩ rất lâu, rất nhiều với sự tậptrung cao độ  -> Bài toán quá khó |

**B. Hoạt động 2: HĐ Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Khái niệm nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa ra ví dụ và đặt câu hỏi**: Hãy chú ý vào các từ in đậm và nhận xét chúng. Có thể thay từ in đậm bằng từ khác được không? Vì sao?  🡪 Nói quá sự thật  🡪 Có thể thay thế:  (1) Đêm tháng năm rất ngắn  Ngày tháng mười rất ngắn  (2) Mồ hôi đổ rất nhiều  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Đặc điểm của BPTT nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu học sinh thực hiện yêu cầu: nối cột A với cột B để tìm hiểu về đặc điểm của BPTT nói quá    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 3: Tìm hiểu chức năng của BPTT nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành phiếu so sánh ví dụ (1,2) ở mục 1 với 2 ví dụ sau:**  ***(3)-*** *Đêm tháng năm* ***ngắn***  *Ngày tháng mười* ***ngắn.***  *(4)- Cày đồng đang buổi ban trưa,*  ***Mồ hôi rơi nhiều và liên tục.***  ***🡪 VD (1,2) hay, gây nhiều ấn tượng***  ***VD (3,4) Bình thường, không gây ấn tượng***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Biện pháp tu từ nói quá:**  **Xét ví dụ:**  *(1)- Đêm tháng năm* ***chưa nằm đã sáng****.*  *Ngày tháng mười* ***chưa cười đã tối.***  *(Tục ngữ)*  *(2)- Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót* ***như mưa ruộng cày****.*  *Ai ơi bưng bát cơm đầy*  *Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần*  *(Ca dao)*  - Nói quá sự thật  **- Khái niệm:** Là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.  **2. Đặc điểm của BPTT nói quá**  - *Phóng đại quy mô*  - *Phóng đại tính chất*  - *Phóng đại mức độ*  **3. Chức năng của BPTT nói quá**  - Nhấn mạnh ý  - Gây ấn tượng  - Tăng sức biểu cảm cho lời văn  **\* Lưu ý**  *- Nói quá còn có tên gọi khác là khoa trương, ngoa dụ, thậm xưng, phóng đại, cường điệu.*  *- Để nhận ra biện pháp nói quá cần đối chiếu nội dung lời nói với thực tế. Phải nắm được cái ý nghĩa hàm ẩn của lời nói (tức là hiểu theo nghĩa bóng chứ không hiểu theo nghĩa đen).* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV2: Bài tập 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm theo nhóm bàn vào phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV3: Bài tập 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS làm bài tập 2.**  GV hướng dẫn HS: dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà hoạt động cặp đôi thống nhất lại đáp án dựa vào câu hỏi gợi mở:  . *Em nghi ngờ tính chân thực của những trường hợp nào? Trường hợp nào, em biết thực tế có thể không diễn ra như vậy, nhưng em không có nhu cầu xem xét tính hợp lí của nó, mả chỉ quan tâm đến ấn tượng mả cách nói đó gợi lên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Bài tập 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trình chiếu bài tập  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  - Cho HS 2 dãy chia 2 nhóm, mỗi nhóm 4 người đại diện thi đặt câu với thành ngữ theo quy trình:  2 phút thảo luận theo bàn để đặt câu  sau đó nhóm trưởng cử đại diện 4 bạn đứng lên thi đua đặt câu có thành ngữ lên bảng  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - HS trao đổi theo bàn  - HS cử đại diện thi đua  - GV hỗ trợ  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài thi đua trong 2 phút. Nhóm nào có câu trả lời đúng, hợp lý thì chiến thắng.  - HS làm bài  **B4: Đánh giá nhiệm vụ**  - Nhận xét và chốt kiến thức qua màn hình chiếu | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | hình ảnh nói quá | tác dụng | | a | chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối | Nói quá trơng trường hợp này nhằm tác động mạnh vào nhận thức của mọi người, giúp người ta hiểu được đặc điểm thời gian từng mùa để chủ động sắp xếp mọi việc cho phù hợp. | | b | vui ngắn chẳng tày gang | 1. cái ngắn của thời gian như hiện hình, một ngày mà có thể lấy gang tay để đo, nghĩa là chỉ còn lại một mầu. Nói quá như thế để tạo ấn tượng. | | c | tát cạn biển đông | làm nổi bật được tầm quan trọng của sự hoà thuận vợ chồng. |   **Bài 2**  - Câu b và câu d thuộc loại câu nói khoác; cầu a và cầu c là những cầu sử dụng biện pháp tu từ nói quá.  - So sánh khác nhau:  + Bản chất: Nói quá là một biện pháp nghệ thuật gây ấn tượng còn nói khoác thì không  + Về mục đích: Nói quá sử dụng rộng rãi trong giao tiếp , trong văn học. Nhưng nói khoác có khi chỉ để khoe khoang bản thân một cách tầm thường, có khi nhằm thu hút sự chú ý của ngưòi nghe qua những cầu chuyện mua vui, giải trí. Trong giao tiếp thông thường, người hay nói khoác dễ bị coi la thiếu tư cách, vì thế, HS không nên nói khoác.  **Bài 3**  a/ Biết kết quả thi,Nam buồn nẫu ruột, không muốn đi đâu cả  b/ Tôi vừa nghe tin dữ mà rụng rời chân tay.  c/ Anh ấy kể chuyện làm chúng tôi cười vỡ bụng.  d/ Qua giờ thể dục thầy cho chạy thi, đứa nào đứa náy mệt đứt hơi. |

**D. Hoạt động 4: HĐ Vận dụng**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*GV yêu cầu HS*: *Hay tạo một cuộc hội thoại giữa 2 người khoảng từ 5 đến 7 câu có sử dụng một cách nói quá*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

-HS trao đổi theo bàn

Gv gợi ý:

- Cuộc trò chuyện giữa 2 người bạn trong lớp.

- Chủ đề về đề toán kiểm tra vừa qua.

- Có nói quá trong lời thoại

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

* HS trả lời

**Dự kiển sản phẩm:**

Nam: Vừa nãy cậu làm hết bài không ?

Đức: Không, còn bài cuối nữa cậu ạ

Nam: Tớ cũng thế, bài cuối tớ nghĩ nát óc mà không ra

Đức: Vậy là mất điểm 10 rồi, hic

**Bước 4 Đánh giá nhiệm vụ**

**-**HS khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Yêu cầu HS nắm kiến thức về văn bản và thực hành Tiếng Việt.

- Chuẩn bị tiết học đọc văn bản 5: Con hổ có nghĩa

+ Đọc văn bản

+ Trả lời câu hỏi sau khi đọc.

***\***

***Ngày dạy /01/2025***

**Tiết 80. VĂN BẢN 3**

**CON HỔ CÓ NGHĨA**

**(Vũ Trinh)**

**I. MỤC TIÊU**

***1 Kiến thức:***

- Hiểu được bước đầu về thể loại truyện truyền kì ( nhân vật, chủ đề, chi tiết, ý nghĩa).

- Đọc hiểu một văn bản liên kết chủ đề với truyện ngụ ngôn thông qua bài học trong truyện *Con hổ có nghĩa*.

- Hiểu, cảm nhận một số nét chính trong nghệ thuật viết truyện trung đại.

- Học sinh hiểu được sự khác nhau giữa hai thể loại truyện truyền kì và truyện ngụ ngôn .

***2 Năng lực:***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con hổ có nghĩa.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bài học của truyện.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, nhận xét các chi tiết nghệ thuật của truyện và phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa văn bản truyện ngụ ngôn và văn bản truyện truyền kì.

***3. Phẩm chất:***

- GD HS lòng biết ơn

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *Em đã từng nghe câu chuyện nào về một con vật có nghĩa không? Em hãy chia sẻ lại cho các bạn cùng nghe*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + *GV dẫn dắt:* Câu chuyện về một con vật có nghĩa được tương truyền như một tấm gương sáng dăn dạy bài học đạo lý cho con người. Và chúng ta không chỉ nhận được bài học trong truyện ngụ ngôn mà còn trong một loại truyện khác: truyện truyền kì (trung đại)-> chuyển tiết. | . |

**B. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **a) Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó, bố cục.  **b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của GVvà HS** | **Sản phẩm.** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  Chú ý đọc tách bạch từng cầu, ở mỗi cầu, nhịp điệu phải rành mạch, âm rõ ràng, dứt khoát.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *bà đỡ, tiều phu*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, thực hiện hoạt động nhóm theo ban, trả lời phiếu học tập 1:  + *Nêu xuất xứ của văn bản*  *+ Truyện có những nhân vật nào? Nhân vật nào là nhân vật chính.*  *+ Liệt kê các sự việc chính liên quan đến nhân vật chính vừa xác định.*  + *Xác định phương thức biểu đạt, ngôi kể ? Bố cục của văn bản?*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân trong vòng 2 phút, sau đó làm việc cá nhân 5 phút  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **1.Đọc**  **2.Tìm hiểu chung**  **a.Tác giả:**  - Nhà văn Vũ Trinh, quê ở Bắc Ninh.  - Ông sáng tác cả thơ và văn xuôi.  **b.Tác phẩm**  -Xuất xứ: Là truyện thứ 8 trong 45 truyện  Lan Trì kiến văn lục (truyện truyền kì)  - Nhân vật chính: con hổ- là con vật  - Ngôi kể: ngôi thứ ba.  - Phương thức biểu đạt: tự sự  - ***Bố cục:*** 2 phần  - P1: Từ đầu -> mà sống qua được: con hổ vơi bà đỡ Trần  - P2: còn lại*-> Con hổ với bác tiều phu*  - Kể tóm tắt:  + Bà đỡ Trần được hổ chồng mời đi đỡ đẻ cho hổ vợ. Xong việc, hổ chồng lại cõng bà ra khỏi rừng và đền ơn 10 lạng bạc.  + Bác Tiều Mỗ ở Lạng Sơn cứu hổ khỏi bị hóc xương. Hổ đền ơn đáp nghĩa bác Tiều. Bác Tiều qua đời, hổ còn đến bên quan tài tỏ lòng thương xót và sau đó, mỗi dịp giỗ bác Tiều, hổ lại đem dê hoặc lợn đến tế. |

**II. Khám phá chi tiết văn bản**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Hiểu được tại sao lại lồng hai câu chuyện trong một văn bản.

- Hiểu được những chi tiết nghệ thuật, lý giải ý nghĩa.

- Thấy được sự tương đồng trong mục tiêu của truyện truyền kì với truyện ngụ ngôn.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại, hợp tác

- HS làm việc cá nhân ,cặp đôi, nhóm nhỏ theo bàn, nhóm lớnđể hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời, phiếu học tập của của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 2 nhóm  + Nhóm 1: PHT số 2 (câu chuyện Bà đỡ Trần giúp hổ sinh con)  + Nhóm 2 :PHT số 3 (câu chuyện bác tiều phu giúp hổ mắc xương)  - Yêu cầu: hoàn thiện phiếu học tập và cử đại diện 1 bạn báo cáo, thuyết trình trước lớp  - Thời gian: thảo luận nhóm 10 phút, báo cáo 3 phút  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Câu chuyện bà đỡ Trần giúp hổ sinh con**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Con hổ** | **Bà đỡ Trần** | | **Hoàn cảnh** | - Con hổ cái đang trong cơn đau đẻ -> đi tìm người đỡ đẻ  - Tình huống khẩn cấp và nguy hiểm | - Bà đỡ Trần là bà đỡ duy nhất ở huyện Đông Triều.  - Nghe tiếng gõ cửa -> mở cửa -> bị con hổ chồm tới cõng bà đi  - Hoàn cảnh nguy hiểm, tình huống bất ngờ.  - Bà vô cùng sợ hãi, sợ hổ ăn thịt mình. | | **Hành động** | - Chỉ dẫn bà nhìn hổ cái và chảy nướcmắt  - Đùa giỡn với con  - Đến bên, quỳ xuống, nhìn bà và đưa ra một khối bạc.  - Ra hiệu đưa bà trở về  - Quỳ xuống, cúi đầu quẫy đuôi tiễn biệt và gầm lớn một tiếng | - Thấy gì đó động đậy trong bụng -> đoán sắp đẻ  -> lấy thuốc kích đẻ hòa vào nước suối cho hổ uống  - Xoa bóp bụng cho hổ cái  - Nhận bạc và buộc vào thắt lưng  - “Xin chúa sơn lâm hãy quay về” | | **Kết quả** | - Hổ cái sinh con thành công | - Đỡ đẻ thành công cho hổ cái  - Được trả ơn bằng một khối bạc -> cứu sống bà (mất mùa) | | **Ý nghĩa** | - Là con vật có tình với người thân, có nghĩa với ân nhân | - Dũng cảm, biết vượt qua nỗi sợ để giúp đỡ người khác  - Có kinh nghiệm làm việc và tình thương với con vật. | | **Nghệ thuật** | - Nhân hóa (con vật có hành động, tính cách, suy nghĩ như con người)  - Hình ảnh con vật rõ nét, sinh động | - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật  - Nhân vật sinh động, có hồn, thể hiện rõ tính cách, phẩm chất của nhân vật |   **2. Câu chuyện bác tiều phu giúp hổ mắc xương**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Con hổ** | **Bác tiều phu** | | **Hoàn cảnh** | **-** Bị hóc xương, đau đớn, vật vã, nhảy lên vật xuống, máu chảy lênh láng, nhớt dãi trào ra vì lấy chân móc họng.  - Tính mạng đang gặp nguy hiểm | **-** Đang kiếm củi ở chân núi -> thấy ngọn núi lay động không ngớt -> vác búa đến xem -> thấy con hổ đang cào đất…. | | **Hành động** | - Cào đất, nhảy lên nhảy xuống, lấy chân móc họng…  - Nằm phục xuống, há miệng cầu cứu  - Hổ liếm mép, nhìn rõ khuôn mặt bác tiều rồi bỏ đi | - Nhận ra sự việc: Uống rượu để lấy can đảm.  - Nói to “Đừng cắn ta…”  - Trèo xuống, lấy khúc xương ra khỏi cổ con hổ  - Hô lớn: “Có miếng ngon thì nhớ nhau nhé” | | **Kết quả** | - Con hổ được cứu  - Trả ơn bác tiều bằng một con hươu  - Lúc bác tiều mất: hổ xuất hiện trước mộ, năm nào đến ngày giỗ cũng đem hươu, lợn đến. | - Cứu được con hổ thoát khỏi cái chết  - Được hổ trả ơn từ lúc còn sống -> mất | | **Ý nghĩa** | - Tình cảm vững bền, khắc cốt ghi tâm ơn nghĩa của ân nhân với mình.. | - Bác tiều phu dũng cảm, có lòng thương loài vật. Sẵn sàng cứu giúp hổ dù biết sự nguy hiểm. | | **Nghệ thuật** | - Nhân hóa, con hổ biết lắng nghe, có tình cảm như con người | - Đối thoại với con hổ  - Miêu tả tâm lí nhân vật  - Tên gọi “bác tiều phu” -> người hiền lành, hay giúp đỡ người hoạn nạn | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:**  + Nêu nhận xét về cách đền ơn của hai con hổ ?  + Hoàn thành cây cảm xúc, bài học rút ra sau khi học xong văn bản.  (GV cho học sinh ghi ra giấy, rồi dán vào cây)    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  GV hỏi mở rộng bài học qua trò chơi CÙNG LÍ GIẢI.  1. Hãy nhận xét về tiếng gầm của hai con hổ ở phần cuối mỗi câu chuyện.  - Điểm chung: đều là ngôn ngữ, âm thanh của con hổ  - Điểm khác biệt:  + Con hổ thứ nhất: “gầm lớn” -> lời chào ân nhân đang ở khoảng cách xa.  + Con hổ thứ hai: “gầm gừ, gào lớn” -> gầm gừ như tâm sự, gào lớn khi biết ân nhân đã ra đi  2. Việc tác giả ghép hai câu chuyện vào nhau trong cùng một văn bản có ý nghĩa gì? Theo em, nếu bớt đi một câu chuyện, ý nghĩa của văn bản có thể bị ảnh hưởng như thế nào?  -> Vì hai câu chuyện có nhiều điểm tương đồng: con hổ gặp nạn – con người giúp – con hổ trả ơn  - Nếu bớt đi 1 câu chuyện sẽ giảm đi sức thuyết phục, khó truyền tải đạo lí, bài học | **2. Bài học rút ra**  - Con hổ thứ nhất : đền ơn một lần  - Con hổ thứ hai : đền ơn mãi mãi  **-> BÀI HỌC VỀ CÁCH “NHẬN” VÀ “TRẢ” ƠN KHI ĐƯỢC GIÚP ĐỠ**  **+** Phải biết tri ân, đền đáp những người giúp đỡ mình, làm những điều tốt đẹp cho mình với sự chân thành sâu sắc  + Hãy luôn dũng cảm, vượt qua nỗi sợ hãi để sẵn sàng cứu giúp người khác trong những hoàn cảnh khó khăn, nguy cấp.  + Tình yêu thương muôn loài chính là tình cảm to lớn, bền vững, giúp thế giới trở nên tốt đẹp hơn. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể loại truyện trung đại với cốt truyện đơn giản  - Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người.  - Sử dụng biện pháp nghệ thuật: nhân hóa, miêu tả tâm lí nhân vật…  **2. Nội dung**  Mượn câu chuyện “con hổ có nghĩa”, tác giả muốn mang đến bài học, khuyên con người đề cao chữ “nghĩa” và biết tôn trọng ân nghĩa. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **C. Hoạt động 3: Luyện tập**   |  |  | | --- | --- | | Mục tiêu:  - Vận dụng kiến thức của quá trình đọc và khám phá văn bản để làm bài tập:  Tổ chức thực hiện: | | | **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm.** | | ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV chiếu một hình ảnh liên quan đến bài học và đặt câu hỏi:    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo cặp hoàn thiện gợi ý, cá nhân viết đoạn văn.  ***Bước 3: Báo cáo nhi*ệm vụ*:***  **-**HS báo cáo kết quả  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  ***-*** *GV nh*ận xét và bổ sung  - GV chốt và mở rộng kiến thức**.** |  |   **D. Hoạt động 4. Vận dụng.**   |  |  | | --- | --- | | Mục tiêu:  - Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng các kiến thức, kĩ năng để bày tỏ cảm nghĩ về chi tiết truyện.  Tổ chức thực hiện: | | | **Hoạt động củaGV và HS** | **Sản phẩm.** | | ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nêu cảm nghĩ về một chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ  ***Bước 3: Báo cáo nhi*ệm vụ*:***  HS báo cáo kết quả.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  ***-****HS khác nh*ận xét , bổ sung  GV liên hệ thực tế và đưa ra lời khuyên. | Chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện là chi tiết hổ đực một chân trước ôm bà đỡ Trần chạy như bay vào rừng, gặp bụi rậm gai góc thì dùng một chân rẽ lối. Chi tiết này cho thấy hổ đực đang rất lo cho hổ cái, nên phải chạy như bay, nhưng không vì thế mà hổ đực quên đi sự an toàn của bà đỡ Trần. Hổ đực ôm bà đỡ Trần và rẽ lối khi gặp bụi rậm cho thấy nó cũng rất quan tâm đến an nguy của bà, coi trọng bà. | |

***Ngày dạy / /2025***

**Tiết 81,82,83. VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**( Trình bày ý kiến tán thành)**

**I.MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

* HS chọn được vấn đề đời sống có những quan niệm khác nhau, thể hiện rõ ràng, dứt khoát ý kiến tán thành của bản thần trước một quan niệm rất đáng được bàn luận.

- Ý kiến tán thành phải được trình bày thành một bài văn nghị luận hoàn chỉnh; Bài văn nghị luận trình bày ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phải có mối liên hệ chặt chẽ với nhau

***2 Năng lực:***

- Nêu được vấn đề trong đời sống cần bàn luận.

- Thể hiện được ý kiến tán thành và thuyết phục của bản thân.

- Biết dùng lí lẽ, bằng chứng và hình thức biểu đạt phù hợp.

- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiếntán thành về một vấn đề trong đời sống.

***3 Phẩm chất:***

Trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:** Kết nối với kiến thức cũ vừa tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***- GV tổ chức trò chơi: “XÂY DỰNG NÔNG TRẠI”***

1. Tìm câu thành ngữ nói về hành động của 2 con hổ sau khi được giúp đỡ trong văn bản “Con hổ có nghĩa”

**🡪 Đền ơn đáp nghĩa**

2. Tên gọi kiểu văn bản thể hiện ý kiến, nhận xét, đánh giá về các sự việc trong đời sống?

**🡪 Nghị luận (về một sự việc, hiện tượng trong đời sống)**

3. Khi ý kiến của người khác trùng với suy nghĩ của em, em thể hiện thái độ gì?

**🡪 Tán thành**

4. Khi muốn bảo vệ một ý kiến, quan điểm của người khác em cần làm gì?

**🡪 Đưa ra lý lẽ, dẫn chứng để chứng minh ý kiến đó là đúng, thể hiện sự đồng tình**

5. Có mấy bước để làm một bài văn? Đó là những bước nào?

**🡪 Có 3 bước**

Bước 1: Trước khi viết

Bước 2: Viết bài

Bước 3: Chỉnh sửa bài

6. Đối với những việc làm sai trái em nên thể hiện thái độ gì?

**🡪 Phản đối, không đồng tình**

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết bái văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề). Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được học cách viết một bài văn như thế, nhưng sẽ là trình bày ý kiến tán thành.*

**B. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Theo em, để viết được một bài văn **nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**, cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**  - Nêu được vấn đề và ý nghĩa bàn luận  - Trình bày được sự tán thành đối với những ý kiến được bàn luận  - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành đó là có căn cứ |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “Nêu ý kiến về vai trò của gđ và nhà trường đối với sự trưởng thành của mỗi người”.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động CẶP ĐÔI CHIA SẺ  **+ YÊU CẦU: hoàn thiện phiếu học tập theo cặp đôi**  + **THỜI GIAN: 5 phút**   |  |  | | --- | --- | | 1. Vấn đề cô giáo đưa ra để nghị luận là gì? |  | | 2. Người viết đồng tình với ý kiến nào, của ai? |  | | 3. Người viết đã đưa ra những lý lẽ gì để bảo vệ, thể hiện sự đồng tình với ý kiến đó? |  | | 4. Người viết đã đưa ra những dẫn chứng gì để chứng minh cho ý kiến mình tán thành? |  | | 5. Người viết kết thúc vấn đề như thế nào? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**   |  |  | | --- | --- | | 1. | “Nêu ý kiến về vai trò của gđ và nhà trường đối với sự trưởng thành của mỗi người” | | 2. | Đồng ý với ý kiến của bạn Hồng Minh: “Gia đình cũng là trường học” | | 3. | Cha mẹ, ông bà không chỉ nuôi nấng, mà còn dạy bảo …tự nhiên mà thấm thía.  -> Vai trò của thành viên trong gia đình | | 4. | -> Câu chuyện của bản thân: Tôi nhớ, lần tôi mới vào lớp 4… tôi vẫn thấy xấu hổ | | 5. | Khẳng định lại sự tán thành của mình. | |

**Hết tiết 81**

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

- Biết cách đưa ra lý lẽ, dẫn chứng.

- Sử dụng ngôi thứ nhất.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (bày tỏ ý kiến tán thành), gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức  GV chiếu mẫu dàn ý cho đề bài: Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí? để học sinh tham khảo.  **Mở bài:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí?  **Thân bài:** Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề  Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:  + Ý 1: Khẳng định vai trò của người thầy trong học tập, rèn luyện (thầy cô giáo là người “lái đò”, mở cánh cửa tri thức…)  + Ý 2: Khẳng định bên cạnh việc học từ thầy cô còn cần học từ bạn bè (làm phong phú hiểu biết, dễ chia sẻ, đồng cảm hơn…).  + ý 3: Khẳng định hai câu tục ngữ nghe qua thì thấy mâu thuẫn, đối ngược nhau, nhưng thực chất lại bổ sung, làm phong phú cho nhau…  +……  **Kết bài:** Khẳng định vai trò quan trọng của người thầy trong việc học. Song việc học cần có sự chủ động, vừa học tập từ thầy cô vừa học hỏi từ bạn bè. | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  ***Gợi ý một số đề tài***  *1) Thành công và thất bại, mặt nào mới là trải nghiệm bổ ích giúp con người tiến bộ?*  *2) “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy chẳng tày học bạn”, câu nào là chân lí?*  *3) Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?*  *4) Đồ dùng bằng nhựa, tiện tích và tác hại.*  **b. Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | Vấn đề được đưa ra bàn luận là gì? |  | | Vấn đề đó gợi ra những cách hiểu nào?  (Có những cách hiểu nào về vấn đề này?) |  | | Ý kiến nào là đáng quan tâm nhất?  (Em đồng tình với ý kiến nào?) |  | | Vì sao em bày tỏ thái độ tán thành? |  | | Em sẽ đưa ra những lý lẽ nào để bảo vệ cho ý kiến đó? |  | | Em sẽ đưa ra những dẫn chứng gì để chứng minh sự đúng đắn của ý kiến em tán thành |  | | Em sẽ kết thúc bài viết như thế nào? |  |   **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:** nếu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.  **- Thân bài:**  + Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:  + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:   * Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) * Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) * Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng).   **- Kết bài:** khẳng định tính chính xác của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.  **2. Viết bài**  - Nhất quán về ngôi kể/ đại từ xưng hô.  - Triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý.  - Nắm vững cách viết của từng phần.  **- Mở bài:** nếu vấn đề đời sống cần bàn theo cách trực tiếp hay kể lại một câu chuyện để dẫn đến một vấn đề. Mở bài cần ngắn gọn, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc…  **- Thân bài:**  + Làm rõ khía cạnh cơ bản của vấn đề  + Khẳng định rõ ràng, dứt khoát thái độ tán thành ý kiến  + Tuần tự kiểm tra từng ý, sử dụng lí lẽ và huy động bằng chứng để sự tán thành ý kiến có sức thuyết phục. Mỗi ý cần viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các đoạn có liên kết chặt chẽ với nhau.  **- Kết bài:** khẳng định lại sự tán thành ý kiến đó, nêu tác dụng của ý kiến đó đối với cuộc sống. Phần kết bài nên viết trọn vẹn trong 1 đoạn văn.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Đọc, rà soát các phần, các đoạn của bài viết để chỉnh sửa theo yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) theo bảng hướng dẫn sau: |

**Hết tiết 82**

|  |  |
| --- | --- |
| **IV/ TRẢ BÀI** | |
| a)**Mục tiêu:** HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho bản thân và cho bạn.  b)**Nội dung:**  - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết cho bạn.  - GV trả bài, yêu cầu HS đối chiếu với các yêu cầu đã nêu và góp ý của bạn để chỉnh sửa bài viết của mình.  - HS đọc bài viết, đối chiếu và chỉnh sửa.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài làm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Trả bài cho HS và yêu cầu HS đọc, chỉnh sửa và nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ.  - HS làm việc cá nhân.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn vào phiếu học tập.  - HS nhận xét bài viết.  - HS hoàn thiện bài viết sau khi được góp ý.  **B4. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | Bài viết đã được sửa của HS |

**Phiếu chỉnh sửa bài viết cho bạn:**

Họ tên người chỉnh sửa:…………………………..

Họ tên tác giả bài viết:……………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung rà soát** | **Hướng dẫn chỉnh sửa** | **ND nhận xét/chỉnh sửa** |
| Đã nêu rõ ý kiến cần được tán thành chưa ? | Nếu ý kiến chưa rõ trong phần mở bài thì cần phải bổ sung. |  |
| Đã trình bày tường minh sự tán thành đối ý kiến được nêu để bàn luận chưa? | Nếu việc tán thành ý kiến chưa được thể hiện rõ thì phải bổ sung ý hoặc tìm phương án diễn đạt phù hợp hơn. |  |
| Việc tán thành ý kiến đã có sự thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu lên làm cơ sở cho sự tán thành đã thật sự thuyết phục chưa? | Bổ sung thay đổi nếu thấy lí lẽ và dẫn chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục. |  |
| Đã nói được ý nghĩa được sự tán thành ý kiến chưa? | Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn được mờ nhạt |  |
| Việc dùng từ ngữ đặt câu, duy trì mạch lạc và liên kết trong bài viết đã đạt yêu cầu chưa | Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc. |  |

**C. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên cho HS theo dõi đoạn video liên quan đến vấn đề nghiện game online.

Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên.**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS lập dàn ý

- HS xem video, suy nghĩ và lập dàn ý

**B3: Báo cáo nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét tinh thần làm việc của HS.

**-** GV nhận xét bài làm của HS.

- GV trình chiếu dàn ý tham khảo.

**DÀN Ý THAM KHẢO:**

**I. MỞ BÀI**

Dẫn dắt, giới thiệu

Tuần trước cô cho chúng tôi thảo luận về vấn đề "Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên.". Và cuộc thảo luận sôi nổi. Đa số các bạn đều đưa ra ý kiến rằng không nên đam mê trò chơi điện tử quá kẻo sẽ bị nghiện ngập và đánh mất tương lai. Tôi hoàn toàn tán thành ý kiến đó.

**II.THÂN BÀI**

- Giải thích:

+ Trò chơi điện Trò chơi điện tử là những trò chơi giải trí được ra đời dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin và các thiết bị điện tử .

+ Sự ra đời của trò chơi điện tử đã giúp con người giải tỏa bớt được những căng thẳng, mệt mỏi sau thời gian làm việc. Trò chơi điện tử cũng vô cùng phong phú và đa dạng, người dùng có thể thoải mái lựa chọn trò chơi phù hợp với nhu cầu cũng như độ tuổi của bản thân. Như vậy, khi biết cách sử dụng một cách hợp lí về cách thức cũng như quỹ thời gian, trò chơi điện tử sẽ đem đến những lợi ích nhất định cho người chơi.

- Lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục : Tuy nhiên, trên thực tế, con người đang lạm dụng cũng như đầu tư nhiều thời gian cho những trò chơi điện tử và vô tình khiến chúng trở thành những mối nguy hại.

+ Trước hết, nghiện chơi điện tử sẽ làm ảnh hưởng xấu đến kết quả công việc, còn đối với thế hệ trẻ, điều này sẽ làm giảm hứng thú, kết quả học tập. Lớp 9A3 có bạn vì mải chơi điện tử trong giờ mà kì thi nào cũng bị điểm liệt. Có bạn vì ham mê điện tử mà từ học sinh ngoan học khá đã tụt hạng trầm trọng

+ Khi dạo ngang qua các quán internet, chúng ta dễ dàng bắt gặp những bạn trẻ tập trung cao độ vào màn hình máy tính, đắm mình trong những thế giới ảo. Không những thị lực bị ảnh hưởng mà tinh thần cũng không được minh mẫn. Chắc các bạn còn nhớ một bạn học sinh 12 tuổi ở Trung Quốc đã tắt thở ngay trên bàm phím vì đam mê điện tử.

+ Không ít bạn học sinh sẵn sàng nói dối bố mẹ, thầy cô để trốn học, thậm chí, khi không còn tiền để đầu tư vào các trò game, các bạn sẵn sàng thực hiện những hành động vi phạm quy chuẩn đạo đức và pháp luật như trộm cắp, cướp giật tài sản.

+ Như vậy, bắt nguồn từ nhu cầu giải trí, trò chơi điện tử lại trở thành những mối nguy hại và là một trong những con đường dẫn con người sa vào tệ nạn xã hội

- Lời khuyên:  
+ Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh.  
+ Dùng trò chơi điện tử để giải trí trong thời gian cho phép, không được lạm dụng  
+ Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game.  
**III. KẾT BÀI**

- Khẳng định lại vấn đề chúng ta không nên đam mê trò chơi điện tử

- Đừng biến mình thành nô lệ của công nghệ hiện đại. Hãy học bản lĩnh để có thể buông bỏ khi cần thiết.

**D. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

- Yêu cầu HS hoàn thiện bài viết để chuẩn bị cho phần luyện nói tiết sau.

- Đọc và chuẩn bị một câu chuyện ngụ ngôn để luyện nói trước lớp.

**PHIẾU TÌM Ý**

Nhóm / Họ tên: ……………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| Vấn đề đời sống được bàn luận |  |
| Ý kiến của người khác cần thể hiện sự tán thành (ý *kiến nào được người khác nêu ra? Ý kiến đó có lí ở chỗ nào? Vì sao cần tán thành ý kiến đó?)* |  |
| Những lí lẽ và bằng chứng cho tháy tán thành ý kiến là có cơ sở (Cẩn *diễn giải điều gì để làm rõ ý kiến của mình? Với từng ý đã diễn giải, côn những bắng chứng nào để củng cố?)* |  |

**Ngày dạy :**

**Tiết 84 NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

* HS chọn được truyện ngụ ngôn chứa đựng bài học về cuộc sống, kể lại được một cách sinh động, khiến người nghe cảm thấy cầu chuyện có ý nghĩa nhân sinh sầu sắc, thấm thìa.

***2. Về năng lực:***

* Trong tư cách người nói,hs nói thành thạo, diễn cảm, vận dụng tốt các yếu tố phi ngôn ngữ để thu hút nguời nghe
* Trong tư cách người nghe, HS hiểu được bài học vể đạo lí và kinh nghiệm sống từ câu chuyện và có sự tương tác linh hoạt với người kể.

- Biết tóm tắt được nội dung của bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kĩ năng của người trình bày.

***3. Về phẩm chất:***

- Sống chia sẻ, dũng cảm, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá tiêu chí.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV tổ chức trò chơi* ***“NHÌN HÌNH ĐOÁN TRUYỆN”***

*+ Ếch ngồi đáy giếng*

*+ Ôm cây đợi thỏ*

*+ Thầy bói xem voi*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Ở những tiết học đầu tiên của chủ đề, chúng ta đã được học, được đọc rất nhiều truyện ngụ ngôn khác nhau. Hẳn là nhiều tuyện đã đưa lại cho các em nhiều ấn tượng sâu sắc vì bài học rút ra từ đó rất gần gũi, thiết thực. Trong buổi học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi* ***Kể lại một truyện ngụ ngôn***, *nêu ý nghĩa của câu chuyện và chia sẻ cảm xúc của mình nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:**  HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Để thực hiện tốt bài kể về một truyện ngụ ngôn, em cần chuẩn bị những gì cho bước trước khi nói?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị**  - Chọn được truyện ngụ ngôn mà mình yêu thích.  - Nắm được cốt truyện, tóm lược nội dung truyện theo một trật tự đơn giản, dễ hiểu.  - Lưu ý những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ diễn đạt đặc sắc, giàu ý nghĩa.  - Có thể sáng tạo thêm những cách diễn đạt thú vị để tăng sức hấp dẫn nhưng không làm sai lệnh những yếu tố cơ bản của cốt truyện gốc.  ***Ví dụ: “Thầy bói xem voi”***  - Chuyện kể về năm ông thầy bói cùng nhau xem voi, nhưng mỗi người chỉ sờ được một bộ phận của voi rồi cùng nhau tranh cãi.  - Người bảo voi như con đỉa, người bảo voi như cái đòn càn, người bảo voi như cái quạt thóc, người bảo voi như cột đình, người bảo voi như cái chổi sể…  - Không ai chịu ai, các thầy xông vào đánh nhau chảy máu.  - Từ câu chuyện này mà trong dân gian xuất hiện câu thành ngữ: “Thầy bói xem voi” để phê phán những người nhận thức phiến diện thiếu tổng thể.  **2. Luyện tập**  - Kể lại truyện trước các bạn trong nhóm, Chú ý bài học được thể hiện qua câu chuyện.  - Luyện kể bằng ngữ điệu truyền cảm.  - Tập kết hợp lời kể với ngôn ngữ cơ thể. |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: ***“*** ***Kể lại một truyện ngụ ngôn mà em yêu thích”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Lời chào, nụ cười thiện cảm  - Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe trước khi kể  - Dẫn vào câu chuyện một cách đơn giản, linh hoạt  ***Ví dụ:*** Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường. ........ Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về một câu chuyện ngụ ngôn mà tôi rất tâm đắc. Tôi nghĩ là qua câu chuyện, chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều hay và nhiều bài học bổ ích. Đó là câu chuyện “Thầy bói xem voi”. Các bạn và cô giáo cùng lắng nghe nhé!  **2. Triển khai**  - Kể nội dung câu chuyện bằng lời kể sinh động  - Luôn tương tác với người nghe một cách tự nhiên (bằng lời nói, ánh mắt, cử chỉ,…)  - Có thể sáng tạo trong khi kể (không phải đọc thuộc lòng) để tạo sự lôi cuốn, nhưng không được làm sai lệch nội dung cơ bản của câu chuyện.  **3. Kết luận:**  - Nêu tóm lược câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện  **-** Lời cảm ơn  **Ví dụ: Kể lại truyện ngụ ngôn “Thầy bói xem voi”**  Câu chuyện ấy vừa tạo nên tiếng cười giải trí, lại giúp chúng ta rút ra bài học ý nghĩa cho bản thân. Rằng phải biết nhìn nhận mọi chuyện một cách toàn diện và đa chiều. Rằng không được bảo thủ, phải biết lắng nghe những đóng góp, ý kiến từ xung quanh mình...….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm. |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * HS báo cáo sp   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** Hs nhận xét ,bổ sung  - Gv nhận xét ,đánh giá và cho điểm | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1.Câu chuyện có đúng yêu cầu chưa | Không xac định được thể loại của câu chuyện | Câu chuyện đúng yêu cầu đề tài luyện nói | Câu chuyện ngụ ngôn ấn tượng, hấp dẫn |
| 2. Nội dung | ND sơ sài, không nêu được những chi tiết quan trọng, lời thoại và cảm xúc của ngươi nói | HS nêu được những chi tiết quan trọng, lời thoại và cảm xúc của ngươi nói | HS nêu được những chi tiết quan trọng, lời thoại và cảm xúc của ngươi nói một cách khéo léo, ấn tượng |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Gv giao nhiệm vụ cá nhân: Hãy viết đoạn văn khoảng 8- 10 câu nêu những điều tốt đẹp em đã tiếp nhận được sau khi đọc những truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ trong bài học này.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề:

+ Dùng câu khái quát để nêu giá trị của những truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ đã học.

+ Giới thiệu một số truyện ngụ ngôn, tục ngữ, thành ngữ.

+ Lần lượt tình bày những bài học, những điều tốt đẹp em học được

- Viết đoạn trong khoảng 5 phút.

**B3: Báo cáo nhiệm vụ**

- GV yêu cầu các nhóm trình bày

- Dự kiến sản phẩm:

(1) Những câu chuyện ngụ ngôn, những câu tục ngữ, thành ngữ đã đến cho em nhiều điều tốt đẹp trong cuộc sống. (2) Đó là những bài học nhận thức, ứng xử ở đời mà con người càn thấu hiểu như cần suy xét đúng sai trước khi quyết định làm điều gì đó ở truyện ngự ngôn "Đẽo cày giữa đường" hay luôn khiêm tốn và sẵn sàng mở rộng tầm hiểu biết của mình qua câu chuyện "Êch ngồi đáy giếng"...(3) Đó là những đạo lý ngàn đời cao đẹp của dân tộc Việt Nam là sống biết ơn trong câu tục ngữ "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", phải coi trọng con người, phải sống sao cho lương tâm trong sạch "Đói cho sạch rách cho thơm".(4)Tục ngữ còn dạy ta những kinh nghiệm quý báu trong lao động sản xuất, để ta biết vận dụng đem lại thành quả trong công việc: "Nhất nước nhì phân tam cần từ giống". (5) Mỗi lần kiêu căng tự phụ thành ngữ "Ếch ngồi đáy giếng" lại nhắc nhở ta...(6)Chao ôi, trí tuệ dân gian thật đáng khâm phục và tự hào. (7) Mang theo những câu chuyện ngụ ngôn, những câu tục ngữ và thành ngữ, hành trang ta bước vào đời mới quý giá làm sao!

**B4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét thái độ làm việc và bài làm của HS.

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: Trao đổi về ý nghĩa của câu tục ngữ "Có công mài sắt có ngày nên kim'". Từ đó lấy những dẫn chứng thực tế để chứng minh cho tính đúng đắn của câu tục ngữ đó

3. Sản phẩm: câu trả lời của hs

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **1.Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp làm 2 nhóm lớn và nêu yêu cầu: Trao đổi về ý nghĩa của câu tục ngữ "Có công mài sắt có ngày nên kim'". Từ đó lấy những dẫn chứng thực tế để chứng minh cho tính đúng đắn của câu tục ngữ đó  **2.Thực hiện nhiệm vụ**:  HS bàn bạc thảo luận trong vòng 5 phút  **3**.**Báo cáo nhiệm vụ**  Đại diện các nhóm trình bày  Nhóm khác bổ sung  **4. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét thái độ và năng lực của hs trước một tình huống áp dụng vào thực tiễn | – Ý nghĩa: khẳng định kiên trì, nghị lực sẽ đạt được thành công  – Nhất trí với ý nghĩa của câu tục ngữ.  - Minh chứng: những người nổi tiếng nhờ kiên trì mà thành công, những người bất hạnh nhờ kiên trì mà vượt lên sô phận. |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Hoàn thiện phần bài tập củng cố mở rộng và thực hành đọc theo chủ đề.
* Ôn lại nội dung đọc hiểu văn bản 1, 2,3 và ý nghĩa của thành ngữ, nói quá
* Đọc phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn bài 7 bằng cách dùng phiếu học tập thống kê những tri thức chính mà em thu thập được.

Duyệt :

***Kí duyệt / 1 /2025***

***Ngày soạn:01/02/2025***

***Ngày dạy: /02/2025***

**BÀI 7. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG**

**(Thời lượng : 12 tiết )**

**TIẾT 85. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I.Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nêu một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian, tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nêu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.

**2. Năng lực:**

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

- Thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến trước khi thảo luận.

- Khát vọng và ước mơ, có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

**b. Năng lực riêng:**

- Đọc-hiểu văn bản thuộc thể loại văn học khoa học viễn tưởng.

- Nhận diện thể loại, những yếu tố của thể loại: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian, tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS: khả năng khám phá, tìm hiểu những điều mới lạ về ngành công nghệ

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

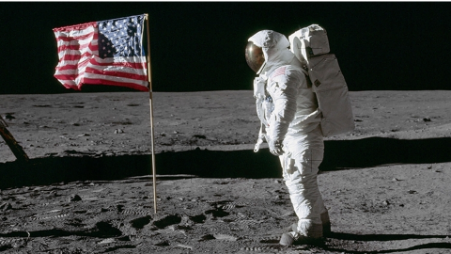
**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra hình ảnh và đặt câu hỏi dẫn vào bài: ***Hãy quan sát những bức hình sau và cho biết những bức hình đó nhắc đến một lĩnh vực khoa học nào hiện nay***



- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *……*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi:  + Chủ đề của bài học là gì?  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Thế giới viễn tưởng  -> Thế giới viễn tưởng thể hiện trí tưởng tượng phong phú, không có giới hạn của con người. Những câu chuyện khoa học viễn tưởng chính là cầu nối giữa hai bờ hiện thực và tưởng tượng.  - **Thể loại chính**: Truyện khoa học viễn tưởng, văn bản thông tin |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu khái niệm truyện khoa học viễn tưởng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức trò chơi GIẢI MẬT THƯ (trò chơi cá nhân)  **Từ khóa**  **(1)** Thế giới tương lai  **(2)** Cách viết logic  **(3)** Công nghệ tương lai  **(4)** Tính chất li kì  **(5)** Khoa học dự đoán  **(6)** Trở thành sự thật  Truyện khoa học viễn tưởng là loại tác phẩm viết về ……………dựa trên dự phát triển của………………….., thường có…………… Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng…………nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay …………… Vì có nền tảng là các nguyên lí khoa học mới của thời hiện đại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể…………….  + Thời gian**: 5 phút**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận, tham gia trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức.  **Thao tác 2: Tìm hiểu một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn học sinh tìm hiểu về các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng  + Theo em, truyện khoa học viễn tưởng có nguồn gốc ở đâu?  + Truyện khoa học viễn tưởng thường viết về những đề tài gì?  + Nhận xét về không gian, thời gian trong truyện khoa học viễn tưởng.  + Cốt truyện của thể loại truyện khoa học viễn tưởng thường có những yếu tố gì?  + Nhân vật của truyện khoa học viễn tưởng là người như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận, suy nghĩ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Khái niệm truyện khoa học viễn tưởng**  Truyện khoa học viễn tưởng là loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên dự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất li kì. Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng cách viết loogic nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai. Vì có nền tảng là các nguyên lí khoa học mới của thời hiện đại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể trở thành sự thật.  - Ví dụ về một số truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng:  1. Ubik – Tác giả Philip K. Dick  2. Dune – Tác giả Frank Herbert  3. Labyrinths – Tác giả Jorge Luis Borges  4. Fahrenheit 451 – Tác giả Ray Bradbury  5. Neuromancer-Tác giả William Gibson  **2. Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng.**  **a) Nguồn gốc xuất xứ**  - Truyện xuất hiện đầu tiên **ở Pháp vào khoảng nửa sau thế kỉ XIX**, sau đó nhanh chóng lan rộng ra các nước như Mỹ, Anh, Canada, Nga và phổ biến trên toàn thế giới.  - **Ở Việt Nam** những người đặt nền móng đầu tiên: Phan Hồn Nhiên, Hà Thủy Nguyên, Nam Thanh…  **b) Đề tài**  - Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường là những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, những cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất…  **-** Tất cả những hoạt động được thực hiện dựa trên cơ sở những phát triển khoa học đặc biệt trong tương lai, liên quan đến bước tiến nhảy vọt của:  + Công nghệ thông tin  + Công nghệ sinh học  + Khoa học vũ trụ  **c) Không gian, thời gian**  **- Không gian:** Là không gian Trái Đất hoặc ngoài Trái Đất.  + Không gian Trái Đất: mặt đất, tâm địa cầu, dưới đại dương…  + Không gian ngoài Trái Đất: hành tinh hệ mặt trời, thiên hà…  - **Thời gian** diễn ra câu chuyện viễn tưởng thường là thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm.  **d) Cốt truyện**  - Cốt truyện trong truyện khoa học viễn tưởng là **một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng**, dựa trên những giả thuyết, dự báo và quan niệm khoa học.  **VD: Hai vạn dặm dưới đáy biển**  Câu chuyện kể về cuộc phiêu lưu của thuyền trưởng Nê- mô trên tàu Nau-ti-Lux. Con tàu đã đưa thuyền trưởng cùng giáo sư A-rô-rắc, anh thợ việc Công- xây và Nét- len…đi vòng quanh các đại Dương, chứng kiến bao điều mới lạ, kì thú…  **e) Nhân vật**  - Nhân vật chính thường có sức mạnh thể chất phi thường do những tác động của các nhân tố khoa học nào đó, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi rung chuông vàng và làm việc cá nhân ở nhà để tự tìm hiểu các VB.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1) GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Rung chuông vàng”:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**Bài tập 1: Chọn đáp án đúng**

**Câu 1**. Dòng nào nêu đúng nhất về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?

1. Sử dụng các chi tiết thuần tuý tưởng tượng, không có cơ sở..
2. Miêu tả những viễn cảnh tương lai dựa trên những căn cứ khoa học.
3. Miêu tả những viễn cảnh tương lai có thể xảy ra với lực lượng siêu nhiên.
4. Sử dụng những chi tiết không có thực, được tạo dựng bởi trí tưởng tượng.

**Câu 2**. Đề tài chủ yếu của truyện khoa học viễn tưởng là:

1. Khoa học vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương, lòng đất….
2. Bức tranh cuộc sống muôn màu phong phú, sống động.
3. Đời sống, kinh nghiệm lao động, sản xuất.
4. Thế giới huyền bí, hấp dẫn, không có thực.

**Câu 3.** Truyện khoa học viễn tưởng thường có nhân vật chính là:

A. Người gây ra tội ác.

B. Người thường làm việc thiện.

C. Người có sức mạnh siêu nhiên.

D. Nhà khoa học thông thái.

**Câu 4**. Người đọc cần năng lực nào để thấy được khả năng dự đoán về khoa học công nghệ của truyện KHVT?

1. Am hiểu sâu sắc về một lĩnh vực khoa học cụ thể.
2. Khả năng phân tích được sự lo-gic của các sự việc.
3. Có trí tưởng tượng phong phú
4. Đối chiếu thành tựu của KHCN hiện tại với sản phẩm trong truyện KHVT ở thời điểm chúng xuất hiện.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

-HS thảo luận theo cặp

- Dự kiến SP:

(\*Gợi ý đáp án: 1B; 2A; 3D; 4C)

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

* HS trả lời đáp án

**Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**

**-** Hs khác nhận xét ,bổ sung

- GV nhận xét và đánh giá kq của HS

**H** **Đ 4.VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi rung chuông vàng và làm việc cá nhân ở nhà để tự tìm hiểu các VB.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

**?** *Sưu tầm* *một số truyện KHVT đã đọc hoặc nghe, sau đó tóm tắt lại cốt truyện vào sổ tay.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

*- Hs th*ực hiện nhiệm vụ ở nhà

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

**-** HS lên trình bày kết quả vào tiết học sau

**Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**

- GV nhận xét và đánh giá kq của HS vào tiết học sau

***Ngày soạn: 01/02/2025***

***Ngày dạy: /02/2025***

**Tiết 86**

**VĂN BẢN 1. CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG**

(trích *Hai vạn dặm dưới đáy biển*, Giuyn Vec-nơ)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I.Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện ngôi thứ nhất là một nhà khoa học. Điều này khiến những điều người kể chuyện trình bày vừa hấp dẫn vừa đáng tin cậy.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài (phát kiến khoa học trong tương lai), tình huống (li kì, gay cấn), không gian (đại dương và đáy đại dương).

- Nắm được lối viết lô-gíc mang tính đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng. Đặc điểm này được thể hiện thông qua cách trình bày và dẫn dắt các sự kiện của người kể chuyện.

- Hiểu được rằng ý tưởng phát minh dù kì lạ, thậm chí đôi khi “không tưởng”, vẫn luôn được nảy sinh trên cơ sở của hiện thực.

**2. Năng lực :**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc theo dõi bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

**3*.* Phẩm chất**

- Yêu khoa học, thích khám phá và trân trọng giá trị của các phát minh của nhân loại.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn

-Chuẩn bịphần Đọc – hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần Định hướng trong nội dung Viết, Nói và Nghe

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Định hướng được nội dung bài học; tạo hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết, trí tưởng tượng phong phú của HS; kết nối trải nghiệm cuộc sống của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức liên môn, trí tưởng tượng và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

\*GV nêu nhiệm vụ: *Hãy kể tên những nhà khoa học và những phát minh vĩ đại của nhân loại mà em biết? Nếu là một nhà phát minh, em muốn chế tạo sản phẩm khoa học gì cho tương lai?*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

\*HS hoạt động cá nhân, dựa vào hiểu biết bản thân để kể tên các nhà khoa học và những phát minh của họ. Bày tỏ khát vọng cá nhân.

**B3. Báo cáo nhiệm vụ**

- Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

**B4. Đánh giá nhiệm vụ**

- HS khác nhận xét, bổ sung

-GV có thể chia sẻ cùng HS về mơ ước của bản thân mình,

-GV kết nối với bài học: *Qua việc đọc VB “Chạm trán giữa đại dương” ở nhà, các em có biết đó là cuộc chạm trán gì không? Em có nghĩ với khả năng của con người hiện nay, cuộc chạm trán đó có thể xảy ra được không? Vì sao? Bài học hôm nay sẽ đi tìm câu trả lời đó.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1: Khám phá chung về văn bản**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả, xuất xứ, bố cục, tình huống, cốt truyện...

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Họat động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Hình thức: Cả lớp, nhóm, cá nhân  - Kĩ thuật: đặt câu hỏi  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập (số 1) GV đã giao về nhà và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.  *? Trình bày những nét cơ bản về nhà văn Giuyn Véc-nơ?*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  ***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***  *-* GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi, chú ý lời thoại của nhân vật.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS nghe GV đọc mẫu và đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc..  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  ***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***  - HS làm việc cặp đôi  *? Văn bản “Cuộc chạm trán trên đại dương” viết về đề tài gì?*  *? Văn bản được trích dẫn từ tác phẩm nào của nhà văn Giuyn Véc-nơ?*  *? Văn bản “Cuộc chạm trán trên đại dương” thuộc thể loại gì?*  *? Trong văn vản có những nhân vật nào?*  *? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai?*  *? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’  - HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS: Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả.**    - Giuyn Véc-nơ (1828-1905), Pháp  - Tâm hồn bay bổng cộng với trí tưởng tượng phong phú -> dành nhiều thời gian để tập tành sáng tác các tác phẩm kịch, thơ văn.  - Dùng ngòi bút của mình để viết lên những chuyến phiêu lưu để thỏa mãn đam mê.  - Người đi tiên phong trong thể loại văn học Khoa học viễn tưởng và được coi là một trong những "cha đẻ" của thể loại này.  - Có các tác phẩm được dịch nhiều thứ ba trên thế giới, những tác phẩm của ông cũng được chuyển thể thành phim nhiều lần.  **2. Tác phẩm**  a. Xuất xứ, thể loại  - Đề tài: viết về phát kiến khoa học công nghệ trong tương lai.  - Xuất xứ: Trích tiểu thuyết “*Hai vạn dặm dưới biển*” (1868).  - Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng.  - Nhân vật: Pi-e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  b. Đọc, chú hích, bố cục  - Bố cục: 3 phần  Phần 1 (từ đầu đến “nhưng nó vẫn phớt lờ”): cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến .  - Phần 2 (tiếp theo đến “khi rơi xuống nước”): cuộc đọ sức giữa tàu chiến và “con cá”.  - Phần 3 (còn lại): phát hiện sự thật về “con cá”. |
| - Hình thức: Cả lớp, nhóm, cá nhân  - Kĩ thuật: đặt câu hỏi  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4  - Thời gian: 7 phút  \* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của đoạn văn lên màn hình hoặc cho HS đọc lại trong SGK.  *? Qua lời của của vị giáo sư, hình ảnh của con cá thiết được thể hiện qua những từ ngữ, chi tiết nào?*  *? Qua đó, em có nhận xét gì về con cá thiết?*  *? Việc tác giả sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hoá khi miêu tả con cá thiết có tác dụng gì?*  *? Con cá thiết kình này có gì khác thường?*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - HS đọc đoạn văn: SGK  GV hướng dẫn HS chú ý các đoạn văn đặc biệt có từ ngữ, chi tiết miêu tả hình ảnh con cá thiết.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV yêu cầu HS trình bày.  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hình ảnh con cá thiết**   |  |  | | --- | --- | | Hình ảnh con cá thiết | | |  | Chi tiết | | Hình dáng | - Không dài quá tám mươi mét.  - Chiều ngang hơi khó xác định | | Thân | - Rắn như đá, không mềm như cá voi. | | Lưng | - Đen bóng, nhẵn thín, phẳng lì, không có vảy.  - Được ghép lại bằng thép lá, gõ kêu bog bong. | | Hành động | - Quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt  - Lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. | | Cách thở | - Hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét. | | Nhận xét | - Nghệ thuật: so sánh, nhân hoá.  -> Miêu tả hình dáng đặc biệt của con cá.  → Con cá này rất to lớn, lạ và khó xác định, có thể phát ra ánh điện . | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *? Ở phần 1 và 2, nội dung chủ yếu đề cập đến vấn đề gì?*  - Chia nhóm cặp đôi.  - Phát phiếu học tập số 3 và giao nhiệm vụ cho các nhóm  *? Hành trình rượt đuổi con cá của tàu chiến diễn ra trong thời gian và không gian như thế nào?*  *? Tìm những chi tiết miêu tả hành động của tàu chiến và cá thiết? Qua đó, em có nhận xét gì?*  *? Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và con cá được thể hiện qua những chi tiết nào?*  *? Kết quả của cuộc đọ sức ra sao?*  *? Em có nhận xét như thế nào về trình tự miêu tả đó?*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV: Yêu cầu HS trình bày.  HS: Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang nội dung sau. | **2. Trận chiến giữa tàu chiến và con cá**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | \* Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến | | | |  | Tàu chiến | Con cá thiết | | Thời gian | - Rạng đông. | | | Không gian | - Trên mặt biển, trên con tàu. | | | Hành động | - Lưới đánh cá xếp sẵn.  - Chuẩn bị súng. | - Không lộ rõ, khó xác định.  - Không có động tĩnh gì. | | Nhận xét | -> Quyết đoán không do dự, dũng cảm. | -> Điềm tĩnh không sợ hãi. | | \* Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và “con cá” | | | | Thời gian | - Trong suốt một giờ đồng hồ. | | | Không gian | - Mặt biển đêm ba la, rộng lớn. | | | Diễn biến | - Bắt đầu tiến về phía con cá nhưng chậm chạp.  - Net lên vị trí chiến đấu.  - Mũi lao chạm vào người con cá phát ra tiếng kêu khác thường. | - Con cá nằm yên. | | Kết quả | - Mọi người bị hất xuống biển. | - Con cá vẫn bơi như chưa hề có chuyện gì xảyra. | | Nhận xét | - Nghệ thuật: miêu tả thành công hành động của nhân vật.  => Phù hợp tâm lí thích khám phá và chinh phục thử thách của con người. | | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV phát phiếu học tập số 4 (*phụ lục đi kèm*).  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  *? Hình dáng bên ngoài của con cá như thế nào?*  *? Quá trình tư duy của giáo sư được thể hiện như thế nào?*  *? Qua đó, em nhận thấy được thái độ của vị giáo sư như thế nào?*  *? Theo em, tác giả đã sử dụng những nghệ thuật nào để nói về bí mật của con cá thiết?*  *? Chiếc tàu ngầm mang ý nghĩa gì?*  *? Theo em, nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực nào?*  *? Nhan đề “Hai vạn dặm dưới biển” đã thể hiện ước mơ gì của Giuyn Véc-nơ và những người cùng thời với ông? Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa như thế nào?*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS đọc vb và tìm chi tiết trong tác phẩm.  GV hướng dẫn HS tìm chi tiết (nếu cần).  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV yêu cầu HS báo cáo, GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  HS:  - Báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  Dự kiến câu trả lời:  Nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực:  - Tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển của Véc-nơ ra đời năm 1870.  - Khi đó, tàu ngầm đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai.  - Nhan đề “Hai vạn dặm dưới biển” đã thể hiện ước mơ khám phá tận sâu dưới đáy biển - nơi còn nhiều bí ẩn của Giuyn Véc-nơ và những người cùng thời với ông.  - Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa: con người có thể lặn sâu xuống dưới biển, đã có những tàu ngầm, con người đã có nhiều hiểu biết về đại dương.  \* KĨ NĂNG SỐNG: Theo em, để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng đến môi trường biển, con người cần có ý thức bảo vệ môi trường biển, không xả các chất xả thải chưa qua xử lí xuống biển, đánh bắt các động vật một cách hợp lí.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **3. Sự thật về con cá thiết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Sự thật về con cá thiết | | | |  | Thực nghiệm | Thu thập và xử lí thông tin | | Hình dáng bên ngoài | Thon dài, cân đối, vỏ bằng thép. | | | Quá trình tư duy | - Khi nghe Net nói về việc mũi lao không đâm thủng da con cá.  -> Trèo trên lưng cá và gõ lên lưng cá. | - Dữ liệu quan sát: vật đó có cái lưng đen bóng, “nhẵn thín, phẳng lì” và “không có vảy”.  - Lắng nghe âm thanh và nhìn thấy mảnh thiết ghép. | | Suy luận | - Chưa dám khẳng định đó là vật gì, băn khoăn. | - Điều nghi ngại được loại bỏ ngay.  - Khẳng định đây không phải là con quái vật. | | Nhận xét | - Nghệ thuật: tình huống bất ngờ, li kì và miêu tả tâm lí nhân vật.  -> “Con cá” chính là chiếc tàu ngầm.  => Hiện tượng kì diệu hơn, do bàn tay con người tạo ra.  => Ước mơ chinh phục đáy biển sâu của Giuyn Véc-nơ và những người đương thời. | | |
| - Hình thức: Cả lớp, nhóm, cá nhân  - Kĩ thuật: đặt câu hỏi  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu hs hoàn thành vào phiếu học tập số 3 trả lời 2 câu hỏi: *Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB? Văn bản có ý nghĩa gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo, thảo luận  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhân hoá, so sánh sinh động, giàu hình ảnh.  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.  ***2. Nội dung – ý nghĩa***  - Kể về cuộc phiêu lưu đầy lí thú và hấp dẫn của các thuỷ thủ và vị giáo sư.  - Qua đó ca ngợi những chuyến phiêu lưu để chinh phục và khám phá những điều bí ẩn bất tận trong thế giới tự nhiên của con người. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố nội dung của VB.

**b. Nội dung**: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm câu trả lời.

**BÀI TẬP:** **Chỉ ra các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng trong VB.**

**\*Gợi ý:**

1. Truyện hư cấu tưởng tượng, sử dụng cách viết logic để triển khai ý tưởng về viễn cảnh tương lai.

2. Đề tài: khám phá đại dương.

3. Cốt truyện: Xoay quanh tình huống bất ngờ, kịch tính.

4. Nhân vật chính: Nhà khoa học thông thái.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Đại diện nhóm HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết luận**

**-** GV nhận xét câu trả lời của HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học trình bày.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kĩ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

**\***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) kể tiếp (theo tưởng tượng của em) về sự kiện diễn ra sau tình huống nhân vật "tôi", Công-xây và Nét Len bị kéo vào bên trong con tàu ngầm**.**

**\*Bài tập:**

**-** *Vẽ tranh thể hiện phát minh vĩ đại của con người trong tương lai*

*- Tìm đọc một truyện ngắn có chủ đề về khoa học viễn tưởng và điền thông tin phù hợp vào nhật kí đọc sách do em thiết kế theo mẫu gợi ý. Chuẩn bị chia sẻ kết quả đọc mở rộng của em với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp.*

**\*Gợi ý:**

- Hình thức: Đoạn văn, dung lượng khoảng 5- 7 câu.

**-** Nội dung: Có thể tưởng tượng ra những tình huống mà 3 nhân vật gặp phải khi vào bên trong con tàu ngầm, tận mắt chứng kiến những thiết bị hiện đại, giải đáp những thắc mắc của họ lúc trước về con tàu này…

­- Ngôi kể: Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

- Chính tả và diễn đạt: Đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt.

­**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

* HS chọn nhân vật kể, ngôi kể; lựa chọn giọng kể phù hợp, đảm bảo sự việc, đầy đủ chi tiết. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

* Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn theo bảng kiểm.

**Bước 4. Đánh giá kết luận**

- GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

*Sau khi vào trong chiếc tàu ngầm, tôi đã phải sửng sốt về nó. Ở trong tàu không khác gì một chiếc tàu bình thường. Nước không thể xâm nhập vào đây, và tất cả đều cười nói bình thường, không có dấu hiệu gì của việc thiếu không khí. Chúng tôi được dẫn đi gặp thuyền trưởng Nê-mô. Trông ông cao to, lực lưỡng và là người có chiều sâu. Vậy là chúng tôi sống rồi. Như tôi đã nói, chẳng nghi ngờ gì khả năng đặt quan hệ với những người trên chiếc tàu ngầm này.*

***Ngày dạy: /02/2025***

**Tiết 87: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT CỦA VĂN BẢN**

**I.Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

* Nhận biết được đặc điểm của mạch lạc và liên kết.
* Hiểu được chức năng của mạch lạc và liên kết trong văn bản.
* Chỉ ra được các phương tiện ngôn ngữ dùng để tạo nên tính liên kết cho văn bản.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực** **đặc thù:** Giúp HS:

* Nhận biết được đặc điểm của mạch lạc và liên kết.
* Hiểu được chức năng của mạch lạc và liên kết trong văn bản.
* Chỉ ra được các phương tiện ngôn ngữ dùng để tạo nên tính liên kết cho văn bản.

**2.2. Năng lực chung:**

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: Nhận xét về sự kết nối giữa các bức tranh hội họa?*

******

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Nói đến bố cục là nói đến sự sắp đặt, sự phân chia. Trong văn học cũng vậy, văn bản sẽ không hay khi không có sự liên kết. Vậy làm thế nào để các phần, các đoạn của một văn bản được phân cắt rành mạch mà lại không mất đi sự liên kết chặt chẽ với nhau? Đó chính là vấn đề mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học Thực hành tiếng Việt hôm nay –****Mạch lạc và liên kết của văn bản.***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a**. **Mục tiêu**: Cho HS nhận biết đặc điểm và chức năng của mạch lạc và liên kết.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Hình thức: Cả lớp, nhóm, cá nhân  - Kĩ thuật: đặt câu hỏi  ***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS đọc kiến thức Mạch lạc và liên kết trong Tri thức ngữ văn.  *? Thế nào là mạch lạc, liên kết?*  *? Đoạn văn viết về nội dung gì? Đoạn văn có bao nhiêu câu?*  *? Điều gì làm cho các câu văn tạo thành một đoạn văn (lưu ý nội dung của các câu và những phương tiện ngôn ngữ (từ ngữ in đậm) được dùng trong các câu)?*  *? Nếu đảo trật tự giữa các câu thì ta có thể có một đoạn văn khác hay không? Vì sao?*  - GV yêu cầu HS đọc kĩ hộp thoại bên phải, hs thảo luận nhóm cặp đôi hoàn thiện phiếu học tập:  - HS thực hiện nhiệm vụ  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ làm việc nhóm trong vòng 7 phút  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức: Mạch lạc và liên kết trong văn bản là những yếu tố quan trọng giúp cho một văn bản đảm bảo được sự thống nhất, lô-gic. Vì vậy, việc nắm được tác dụng của mạch lạc và liên kết sẽ giúp cho chúng chúng ta viết được bài văn hiệu quả hơn. | I**. Nhận biết mạch lạc và liên kết của văn bản**  **1. Định nghĩa:**  - Mạch lạc là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản; chủ yếu dựa trên sự thống nhất về đề tài và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong một đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.  - Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong một đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong một văn bản, thể hiện qua phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ nối, từ ngữ lặp lại, từ ngữ thay thế (từ đồng nghĩa, loại từ…)  **2. Xét ví dụ SGK**  Nội dung chính của đoạn văn nói về bức tranh của Kiều Phương.  - Các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: miêu tả sự vật dựa trên nguyên tắc từ xa đến gần.  - Sự sắp xếp về đề tài được nói đến và trình tự sắp xếp hợp lí của các câu văn nói về bức tranh làm cho đoạn văn được mạch lạc.  - Đoạn văn đảm bảo tính liên kết về mặt hình thức giữa cách thể hiện qua việc dùng từ ngữ đồng nghĩa và từ ngữ lặp lại (*bức tranh, tranh, chú bé, chú*) |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a**. **Mục tiêu**: HS thực hành nhận biết mạch lạc và liên kết trong VB.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, cách tiến hành:  - Đọc thầm bài tập, xác định yêu cầu của bài;  - Lần lượt thực hành và trình bày.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luậnnhiệm vụ**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Đánh giá kết luận**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **B. Luyện tập**  **Bài tập 1/tr.34:** Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:  *Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!*  **Đáp án bài 1:**  Tính mạch lạc của đoạn văn được thể hiện:  - Các câu được sắp xếp theo trật tự thời gian: từ sáu giờ sáng đến bảy giờ sáng. Sự thống nhất về đề tài ở đây thể hiện ở việc sắp xếp hợp lí các câu văn theo nguyên tắc nhân quả: diễn biến quan sát và tiếp cận "con cá kình".  - Hình thức:  + Sử dụng các từ ngữ được lặp lại (phép lặp): *trời, sáng*.  + Sử dụng quan hệ từ: *tới, nhưng*. |
| **Bài tập 2/tr.34:**  Hãy chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích sau và nêu chức năng của chúng:  *Cách chiếc tàu chiến một hải lí rưỡi, có một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kĩ con cá. Báo cáo của tàu Hen-vơ-chi-a và San-nông hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.*  **Đáp án bài 2:**  - Các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích:  + Sử dụng các từ đồng nghĩa, thay thế (phép thế) như: "*nó", "vật thể dài màu đen"* để nói về *"con cá".*  + Sử dụng các từ ngữ được lặp lại (phép lặp): *"đuôi", "nó", "con cá", "chiếc tàu".* |
| **Bài tập 3/tr.34:**  Theo em, có thể sắp xếp các câu trong đoạn văn dưới đây theo một trật tự khác được không? Vì sao?  *(1) Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy! (2) Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải! (3) Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ! (4) Anh em thủy thủ tức giận điên người. (5) Họ nguyền rủa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ.*  **Đáp án bài 3:**  Không thể sắp xếp các câu trong đoạn văn đã nêu theo một trật tự khác được. Vì trật tự sẵn có của đoạn văn đã đảm bảo tính mạch lạc, liên kết của nó. Nếu đảo sẽ mất tính mạch lạc và gây khó hiểu nội dung. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về mạch lạc và liên kết để viết đoạn.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\*GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

**Bài tập:** **Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) kể lại một tình huống trong *Cuộc chạm trán trên đại dương*. Thuyết minh ngắn gọn về mạch lạc và liên kết của đoạn văn.**

- HS làm xong và báo cáo, GV cho nhận xét hoàn thiện.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân. nhóm

\* GỢI Ý ĐÁP ÁN:

*Chúng tôi đã nhìn thấy con cá kình. Nó bơi nhanh ngoài sức tưởng tượng của tất cả những người trên tàu cộng lại. Trong vòng một giờ, tàu chiến của chúng tôi không tiến gần vào nó được lấy một sải! Thật là nhục nhã cho chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ. Chúng tôi còn có thể làm gì hơn ngoài chuyện bực tức? Chúng tôi có thể làm gì hơn ngoài đợi nó đi ngủ và tóm cổ nó?!*

**-** Mạch lạc và liên kết của đoạn văn:

+ Các câu văn được sắp xếp theo mạch đuổi bắt cá kình và tâm trạng, suy nghĩ của những người đuổi bắt cá kình.

+ Hình thức: Sử dụng phép thế: "nó" thay cho "con cá kình"; "chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ" thay cho "tàu chiến của chúng tôi".

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận nhiệm vụ**

* HS đại diện trình bày, nhận xét.
* HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.

**Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kt



***Ngày dạy:01/02/2025***

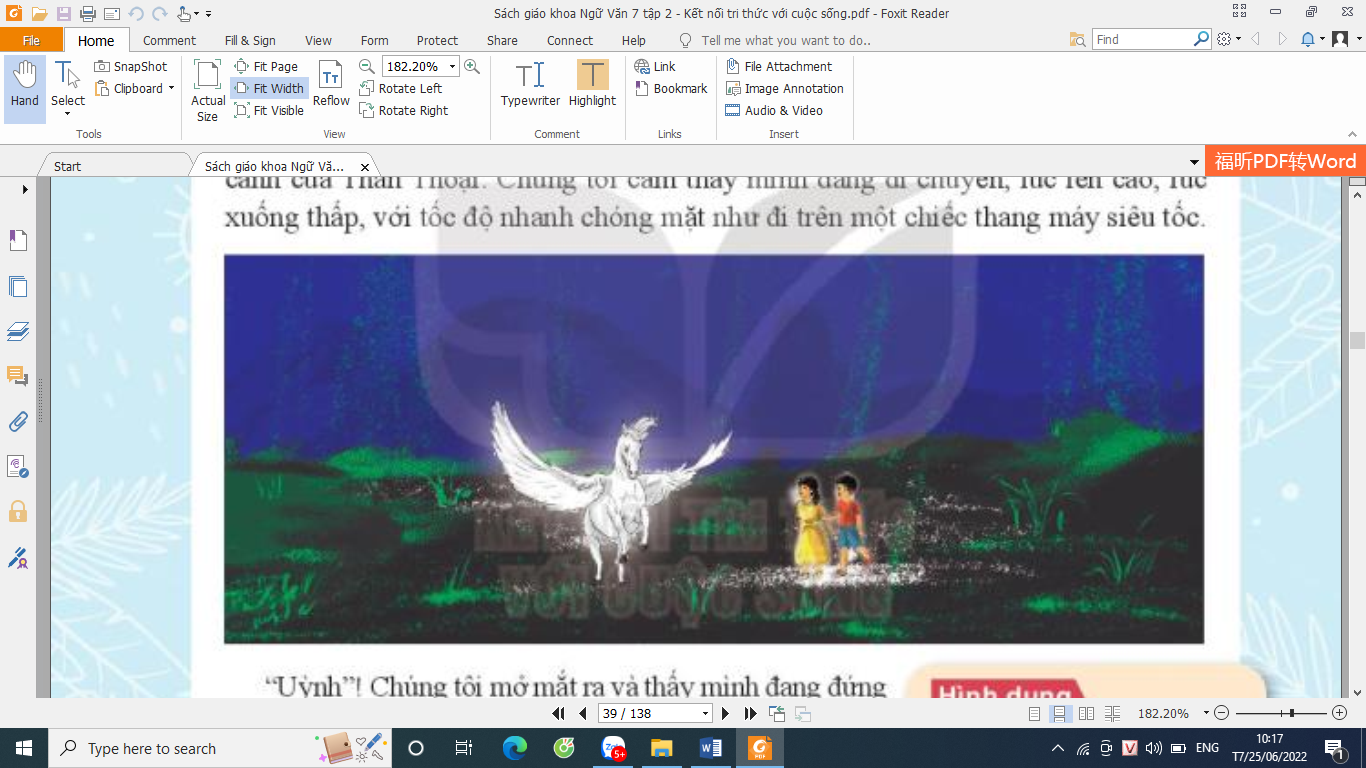
***Ngày dạy: /02/2025***

**Tiết 88 +89:**

**VĂN BẢN 2**

**ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM VŨ TRỤ**

**(Trích *Thiên Mã*, Hà Thuỷ Nguyên)**



**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Năng lực**

**1.Ki ến thức** **:** Giúp HS:

- HS nhận biết được các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: cốt truyện hoàn toàn tưởng tượng (dựa trên giả thuyết về công nghệ gen); các sự việc li kì diễn ra ở không gian ngoài Trái Đất (Tâm Vũ Trụ), trong thời gian dịch chuyển giữa hiện tại và thời cổ đại; nhân vật có trí thông minh tuyệt vời và ưa phiêu lưu, khám phá (cô bé và cậu bé Thần Đồng); nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh Thần Thoại và nhiều nhân vật phụ khác trong khu rừng ở Tâm Vũ Trụ).

- HS biết tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn.

- HS hiểu được nội dung của VB, phát huy khả năng tưởng tượng để có thể hoà mình vào thế giới khoa học viễn tưởng, nơi các em có thể phiêu lưu và khám phá những điều kì diệu.

**1.2. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.

**2*.* Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu sáng tạo và khám phá.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối,tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm chia sẻ, suy nghĩ hiểu biết của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu vấn đề cho HS trao đổi thảo luận, suy nghĩ và trình bày (GV khơi gợi để HS nói được những nội dung có thể kết nối với VB đọc):

*1) Nêu hiểu biết của em về hệ Mặt Trời.*

*2) Tìm đọc và trình bày trước lớp một vài thông tin cơ bản về người đầu tiên trên thế giới thực hiện chuyến bay vào vũ trụ.*

HoặcGV chiếu cho HS xem video giới thiệu về Yuri Alekseyevich Gagarin:

<https://www.youtube.com/watch?v=sZ9qifDdVNk>

*?Chia sẻ cảm nhận của em về video?* (Đó là một con người dũng cảm và thế giới vũ trụ đầy sự hấp dẫn)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, sau đó chia sẻ hiểu biết, trải nghiệm bản thân

**\*GỢI Ý:**

1) Hệ Mặt Trời là một hệ hành tinh có Mặt Trời ở trung tâm và các thiên thể nằm trong phạm vi lực hấp dẫn của Mặt Trời.

2) Một vài thông tin cơ bản về người đầu tiên trên thế giới thực hiện chuyến bay vào vũ trụ: Nhà du hành Liên Xô Yuri Gagarin là người đầu tiên bay vào vũ trụ vào ngày 12/4/1961.

- Yuri Gagarin sinh ngày 09/03/1934 trong một gia đình thợ mộc bình dị ở Smolensk.

- Yuri Gagarin sinh ngày 9/3/1934 trong một gia đình thợ mộc bình dị ở Smolensk. Năm 16 tuổi, ông chuyển tới thủ đô Moscow và sau đó nhập học một trường kĩ thuật ở Saratov. Gagarin đã mơ ước về bầu trời từ thời niên thiếu. Một trong những bức ảnh đầu tiên của Gagarin mà gia đình ông còn giữ được là hình ảnh chàng thanh niên đứng bên cánh máy bay, giơ tay tỏ vẻ phấn khích.

- Khi còn là sinh viên ở Saratov, Gagarin đã tình nguyện xin tham gia một câu lạc bộ hàng không. Nhờ tài năng và nỗ lực không ngừng, đến năm 1955, ở tuổi 21, Gagarin được cử tới trường đào tạo Phi công Không quân Thứ nhất Chkalov ở Orenburg và tốt nghiệp với thành tích xuất sắc sau 2 năm.

- Tháng 11/1957, ông chính thức trở thành phi công quân sự với hàm Trung úy Không quân Liên Xô. Cùng thời điểm đó, Liên Xô đã phóng vệ tinh nhân tạo đưa chú chó Laica lên không gian. Đến đầu những năm 1960, ông đăng kí tham gia chương trình bí mật lựa chọn phi hành gia cho chuyến bay lên vũ trụ và trở thành một trong nhóm 20 ứng cử viên sáng giá nhất.

- Sau gần một năm khổ luyện, Gagarin đã chứng minh những tố chất cho thấy ông chính là người phù hợp nhất, vượt qua mọi bài kiểm tra khắt khe về thể chất và tinh thần – yếu tố quan trọng hàng đầu với một phi hành gia vũ trụ.

- Ngày 8/4/1961, thiếu tá phi công Gagarin chính thức được lựa chọn trở thành người đầu tiên bay vào không gian. Người dự bị ông là phi hành gia Gherman Titov, người sau này bay lên không gian trên tàu vũ trụ Vostok 2 vào ngày 6/8/1961.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận nhiệm vụ**

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở những suy nghĩ, hiểu biết của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới, sau đó dẫn vào bài.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1: Khám phá chung về văn bản**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về văn bản.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Họat động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Hình thức: Cả lớp, nhóm, cá nhân  - Kĩ thuật: đặt câu hỏi  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng; chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nói của nhân vật.  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu chú thích trong SGK  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  - HS tìm hiểu chú thích dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đọc, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Hà Thuỷ Nguyên (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi:**  *1) Xác định thể loại, nhân vật trong văn bản, nêu ấn tượng của em về một nhân vật dị thường trong số đó?*  *2) Câu chuyện diễn ra trong những không gian nào? Em hãy kể tóm tắt những diến biến chính của câu chuyện?*  *3) Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần?*  *4) Xác định đề tài của văn bản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc – chú thích**  **2. Tác giả, tác phẩm**  a. Tác giả: Hà Thủy Nguyên    - Hà Thuỷ Nguyên sinh năm 1986 tại Hà Nội.  - Cô là một trong những nữ tác giả tiểu thuyết nổi tiếng và trẻ tuổi tại Việt Nam.  - Một số tác phẩm đã xuất bản: Điệu nhạc trần gian (2004), Bên kia cánh cửa (2005), Thiên Mã (2010),..   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   b. Tác phẩm  **- Thể loại:** tiểu thuyết  **- Nhân vật:** Có 3 nhân vật xuất hiện trong truyện  + Nhân vật tôi  +Thần Đồng  + Thần Thoại là con thiên mã, được lai tạo từ gen của Thần Đồng (là nhân vật duy nhất có tên riêng với Thần Đồng)  **- Các sự việc chính:**  + Sự việc một: nhóm bạn cùng Thần Thoại ghé thăm bảo tàng dưới chân núi, bắt đầu tìm kiếm hòn đá trung tâm của vũ trụ.  + Sự việc hai: tối mịt nhóm bạn quay trở lại đột nhập đền, lần đến vị trí đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ.  + Sự việc ba: Thần Đồng bị ngã dúi dụi vào một cái hố, hố này dẫn cả nhóm tới tâm vũ trụ.  + Sự việc bốn: Cả nhóm cùng nhau bước vào thám hiểm thế giới kì bí tại rừng cổ sinh  **- Bố cục: 3 phần** Phần 1: Từ đầu đến “Thần Đồng bặm môi suy tính”: cuộc ghé thăm bảo tàng  Phần 2: Tiếp theo đến “không gian trung tâm của vụ trũ”: bước nhảy không gian tới cái rốn của vũ trụ  Phần 3: Còn lại: không gian kì diệu của khu rừng cổ sinh  **- Đề tài:** Khoa học viễn tưởng |
| - Hình thức: Cả lớp, nhóm, cá nhân  - Kĩ thuật: đặt câu hỏi  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận cặp đôi trong 05 phút, trả lời câu hỏi:  *1) Ai là người phát hiên ra trung tâm của vũ trụ?Phát hiện trong hoàn cảnh nào?*  *2) Nêu đặc điểm của hòn đá Ôm-phe-lốt?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  (Các nhóm có thể dùng giấy A0 để làm phiếu và hoàn thành)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2: | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tìm đường vào trung tâm vũ trụ:**  + Hai nhân vật bay đến thánh địa Hy Lạp trên con ngựa Thần Thoại.  + Khám phá thánh địa và phát hiện “rốn vũ trụ”.  + Thần Đổng quay trở về bảo tàng “mượn chìa khoá”. |
| **Thảo luận nhóm bàn:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**   * GV phát phiếu học tập 1 câu hỏi HS thực hiện thảo luận theo nhóm bàn:   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công.  - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện Hs lên trình bày.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.  - GV chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung tổng kết. | **2. Tìm hiểu trung tâm vũ trụ**  **\* Khái quát trung tâm vũ trụ**  **-** Đó là một thung lũng lọt thỏm dưới những núi đá vôi cao vời vợi, không biết đến tận cùng.  - Không có mây, không có mặt rời cũng chẳng có sao.  - Không có gì cả ngoài một tầng cao hoăm hoắm.  - Xung quanh được thắp sáng bằng bột lân binh.  =) Cảnh sắc khá kì lạ.  **\* Khám phá trung tâm vũ trụ**  - Theo nhà văn Giuyn Véc-nơ: Tâm Trái Đất là “một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất” như: “những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm, ...”.  - Theo nhân vật Thần Đồng, Tầm Trái Đất chỉ có khoáng chất, không có sinh vật sống; Tầm Vũ Trụ là nơi có sự sống của các loài động vật, thực vật kì lạ. => Tầm Trái Đất đó chính là Tầm Vũ Trụ.  => Truyện khoa học viễn tưởng không chỉ dẫn người đọc vào những cuộc phiêu lưu kì thú mà còn thôi thúc niềm đam mê khám phá để người đọc tự mình trải nghiệm những điều kì diệu của cuộc sống.  - “Bước nhảy không gian” đã đưa ba nhân vật chính trở lại thời cổ đại, cách thời điểm câu chuyện được kể khoảng một trăm sáu mươi triệu năm.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các loài sinh vật kì lạ ở tâm vũ trụ** | | | | | Tên loài | Chim cánh cụt | Con cóc địa ngục | Loài chuột khổng lồ | | Đặc điểm | Cao 1,5 m | Nặng 4,5 kg | Nặng 1 tấn |   -> Tất cả những động vật đều có kích thước khổng lồ. |

**Hoạt động 2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB; cách đọc VB KHVT.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức HS hoạt động cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung, hoàn thiện.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS .

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS làm việc cặp đôi thảo luận những nội dung câu hỏi sau:  *1) Những đặc sắc nghệ thuật nào đã làm nên sức hấp hẫn của truyện?*  *2) Nêu nội dung chính và ý nghĩa của truyện “Đường vào Trung Tâm Vũ Trụ”?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ và ghi ra giấy câu trả lời. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**   * GV chuẩn kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Ngôi kể thứ nhất giúp câu chuyện trở nên chân thực, đáng tin.  - Xây dựng nhân vật thông minh và nhân vật kì ảo đặc sắc.  - Các sự việc li kì diễn ra ở không gian và thời gian đặc biệt.  - Cốt truyện hoàn toàn tưởng tượng (dựa trên giả thuyết về công nghệ gen)  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Qua câu chuyện li kì của các nhân vật diễn ra ở không gian ngoài trái đất; sự dịch chuyển kì diệu giữa hiện tại và thời cổ đại mở ra thế giới viễn tưởng đầy hấp dẫn =>Truyện đã lay động đến tâm hồn người đọc, khơi gợi và bồi đắp khao khát phiêu lưu, khám phá những điều kì diệu.  . |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố hiểu biết về VB.

**b. Nội dung**: HS làm việc theo cặp bàn dựa vào VB vừa học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm**: Bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV cho HS làm việc theo cặp bàn để hoàn thành bài tập sau:

**BÀI TẬP:** ***Hai văn bản “Cuộc chạm trán trên đại dương” và “Đường vào trung tâm vũ trụ” có gì giống nhau?***

**\*Gợi ý:** Liệt kê các chi tiết giống nhau của các văn bản về thể loại, nội dung câu chuyện, chủ đề văn bản.

+ Chủ đề: Phiêu lưu, khám phá thế giới.

+ Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng.

+ Nhân vật: Nhân vật tưởng tượng, không có thật.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ, làm việc theo cặp bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận nhiệm vụ**

* Đại diện HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**

**-** GV nhận xét, tuyên dương HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV giao HS câu hỏi thảo luận nhóm nhỏ:**

*Em có thích ý tưởng về công nghệ gen được đề cập tới trong văn bản không? Em suy nghĩ gì nếu công nghệ gen đó trở thành hiện thực?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.

**-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**Gợi ý trả lời**

- Em rất thích ý tưởng về công nghệ gen được đề cập tới trong văn bản.

- Nếu công nghệ gen đó trở thành hiện thực, sẽ có nhiều sinh vật mới được tạo ra phục vụ cho cuộc sống. Nhưng cũng cần thận trọng để tránh gây ra những thảm họa.

***Ngày soạn: /02/2025***

***Ngày dạy: /2025***

**Tiết 90: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**DẤU CHẤM LỬNG**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức** Giúp HS:

- HS nhận biết được công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.

- HS biết vận dụng hiểu biết về dấu chấm lửng để thực hành viết đoạn văn có sử dụng dấu câu này.

**2. Năng lực :**

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học.

**b. Nội dung**: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để dẫn dắt HS vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV đưa ra một câu chuyện và đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: Dấu chấm lửng trong câu thể hiện điều gì? Tại sao anh con trai lại lao vào hút thuốc, đánh bạc.*

***Một ông bố lúc sắp mất đã để lại cho con trai một lá thư, một phần nội dung của lá thư như sau:***

***- Đừng uống trà…uống rượu con nhé!***

***- Đừng đánh cờ… đánh bạc con nhé !***

***Anh con trai vốn là người con có hiếu, luôn nghe lời bố. sau khi bố qua đời, anh đã lao  vào uống rượu, đánh bạc đến nỗi bán cả sản nghiệp do bố để lại.***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ.

+ GV quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận nhiệm vụ**

+ HS trình bày sản phẩm.

+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.

**Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, đánh giá.

***-*** *sử dụng sai dấu câu 🡪 nghĩa của câu thay đổi....*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Ông bố trong câu chuyện đã sử dụng dấu chấm lửng chưa hợp lí đúng không nào? Vậy dấu chấm lửng được sử dụng như thế nào, có công dụng ra sao, đó chính là vấn đề mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học Thực hành tiếng Việt hôm nay –* ***Dấu chấm lửng.***

**Hoạt động 2: Khám phá kiến thức**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu công dụng của dấu chấm lửng**

**a**. **Mục tiêu**: giúp HS nhận biết được công dụng của dấu chấm lửng.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ để nhận biết công dụng.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Họat động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| - Hình thức: Cả lớp, nhóm, cá nhân  - Kĩ thuật: đặt câu hỏi  **NV1: Tìm hiểu công dụng của dấu chấm lửng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc lại mục “ Dấu chấm lửng” trong tri thức Ngữ văn SGK trang 26.  - HS trao đổi cặp đôi về nội dung trong khung “Nhận biết công dụng của dấu chấm lửng” SGK trang 41,42 và hoàn thiện phiếu học tập số 1.  - GV yêu cầu HS rút ra kết luận về công dụng của dấu chấm lửng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  GV chuẩn kiến thức | **I. Nhận biết công dụng của dấu chấm lửng.**  **1. Ví dụ**  **2. Công dụng**  - Tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.  - Thể hiện chỗ lời nói nỏ dở hay ngập ngừng ,ngắt quãng.  - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước châm biếm. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a**. **Mục tiêu**: Củng cố cho HS nhận biết công dụng của dấu chấm lửng.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 41, 42 xác định yêu cầu của bài:  **Bài tập 1/tr.41,42.** Chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong các trường hợp sau:  *a. Nhưng tôi chạm ngay vào một vật rắn. Tôi níu lấy nó. Tôi cảm thấy mình được đưa lên mặt nước và dễ thở hơn... Tôi ngất đi...*  *b. Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc, phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... chúng ta đã thoát chết!*  *c. Chúng tôi lần mò từng ngóc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô đến thánh đường A-then-na Pờ-rô-nai-a, thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát,... bên bờ suối Cát-xta-líc.*  *- Tớ nghĩ ta nên quay lại điện thờ thần A-pô-lô, vì trong câu đố có nhắc đến vị thần đội vòng nguyệt quế và nhấn mạnh rằng chúng ta cần phải bày tỏ lòng thành kính... - Tôi kết luận sau khi đã kiểm tra một vòng.*  *- Có lí! Nhưng mà cái khoản bày tỏ lòng thành kính ấy, cậu bày tỏ đi nhé...*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá;  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **2. Luyện tập**  **Bài tập 1/tr.41,42:**  a. Thể hiện lời nói ngập ngừng, ngắt quãng.  b. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ có sắc thái hài hước: từ việc phân tích hết sức khoa học để đi đến một kết luận không về khoa học mà về tính mạng của những người đang nói.  c. - Dấu chấm lửng (1) phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.  - Dấu chấm lửng (2) thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HSlàm bài tập 2/tr.42:  *Tìm trong văn bản "Đường vào trung tâm vũ trụ" một câu có dấu chấm lửng với công dụng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước.*  - GV gợi ý cho HS thực hiện qua việc đọc soát lại VB. (HS đọc một đoạn trích dài hoặc ngắn, ví dụ đoạn trích từ *Theo truyền thuyết* đến *Tôi khích* để tìm ra câu)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày, nhận xét.   **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Bài tập 2/tr.42:**  Câu có dấu chấm lửng với công dụng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước:  "*Chẳng qua chỉ là cái... ổ voi thôi mà*!". |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hiện:  **Bài tập 3/tr.42:** Nêu công dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau:  a. *Cả Thần Đồng và tôi đều tin "cái rốn" ấy hẳn vẫn còn ở trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia*.  b. *Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hắn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những "hiện vật" này?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày, nhận xét.   **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  - HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Bài tập 3/tr.42:**  a. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, nhằm nhấn mạnh vị trí trung tâm của vũ trụ.  b. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, nhằm nhấn mạnh ý nghĩa của từ và giúp người đọc hình dung Tâm Vũ Trụ như một “viện bảo tàng” khổng lồ và sống động. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng và tích hợp kiến thức văn bản và tiếng Việt để viết đoạn.

**b. Nội dung:** HS thực hiện ở nhà bài tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Bài tập 1.** Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) về một nội dung được gợi ra từ văn bản "*Đường vào trung tâm vũ trụ*", trong đó có sử dụng dấu chấm lửng.

**Bài tập 2.** Sưu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng dấu chấm lửng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

**-** HS ở giờ học sau

**\*Dự kiến SP:**

**Bài tập 1.** HS tự do trình bày ý tưởng của mình. Có thể dựa vào một vài tình huống sau: (1) Khi quay trở lại bảo tàng để “mượn” hòn đá Ôm-phe-lốt, Thần Đồng đã xử trí như thế nào để có thể “qua mặt” được sự canh gác cẩn mật của bảo vệ bảo tàng? (2) Trong lúc cố gắng thoát khỏi Tâm Vũ Trụ, nhân vật “tôi” và Thần Đồng đã gặp khó khăn, cản trở hay nhận được sự giúp đỡ nào từ những loài sống ở khu rừng cổ sinh và thảo nguyên?

**THAM KHẢO**

Sau khi đọc xong văn bản "Đường vào trung tâm vũ trụ", tôi đã tưởng ra một thế giới diệu kì ở tâm Trái Đất. Ở thế giới đó có tất cả các loài động vật từ xa xưa, từ cổ tích cho đến nay. Đó là những con khủng long, là người cá, chuồn chuồn,... Tôi ước gì mình cũng có thể biết cách để có được "bước nhảy không gian". Khi đó, tôi có thể đi bất cứ đâu mà mình muốn.

**Bài tập 2.** HS tự sưu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng dấu chấm lửng.

**Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**

* GV đánh giá nhi ệm vụ vào tiết học sau

***Ngày dạy:***

***Ngày dạy****:*

**Tiết 91**

**VĂN BẢN 3. DẤU ẤN HỒ KHANH**

**Nhật Văn**



**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

**-** *Dấu ấn Hồ Khanh* là VB thông tin, không cùng thể loại với VB1 và VB2, nhưng cùng hướng tới chủ đề phiêu lưu, thám hiểm để khám phá thế giới. Qua tìm hiểu VB, HS củng cố được những điều đã học về VB thông tin: nhan đề, nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện nội dung đó.

**2. Năng lực :**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.

**3*.* Phẩm chất**

- Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về một số hang động ở Việt Nam.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS xem video, nghe câu hỏi và chia sẻ trải nghiệm cá nhân có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

?: ***Hang động nào lớn nhất thế giới***

GV trình chiếu video Hồi ức về tìm thấy hang Sơn Đoòng <https://youtu.be/wJeByJDYOgk>

GV hỏi:

*- Video đề cập tới nội dung gì?*

*- Nhân vật nào được nói tới trong video?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS xem video, quan sát và suy nghĩ

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

* HS bày tỏ cảm xúc cá nhân về nội dung của video.
* **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**
* GVnhận xét câu trả lời của HS
* GV dẫn dắt để kết nối vào bài mới: *Kể từ khi được phát hiện, hang Sơn Đoòng đã khiến các chuyên gia, những người yêu hang động và đam mê du lịch khám phá ngỡ ngàng, choáng váng vì vẻ đẹp lộng lẫy của nó. Không chỉ rất lớn về quy mô, Sơn Đoòng còn sở hữu những điều kỳ bí, độc đáo và vẻ đẹp có một không hai. Người đã góp phần khám phá ra Sơn Đoòng chính là Hồ Khanh- một người dân địa phương với đam mê đi rừng, khám phá ra những hang động mới. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về quá trình tìm ra hang động lớn nhất thế giới của người đàn ông ấy qua văn bản 3 của bài học: “Dấu ấn Hồ Khanh”.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về VB.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về VB.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**(Tìm hiểu chung văn bản)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu chung:** | **Trả lời** |
| 1. Xuất xứ: |  |
| 2. Thể loại/kiểu văn bản: |  |
| 3. Phương thức biểu đạt: |  |
| 4. Nhan đề và yêu cầu cơ bản của nhan đề theo đặc trưng thể loại: |  |
| 5. Bố cục: |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Khám phá chung văn bản** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  1) GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu chú thích:  - Đọc lướt nhan đề, văn bản, quan sát hình ảnh để bước đầu nắm bắt được thông tin của văn bản.  - Đọc kĩ từng phần của văn bản:  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Nhấn mạnh vào những thông tin quan trọng như: phát hiện và khám phá hang Sơn Đoòng, hang động lớn nhất thế giới.  - GV đọc mẫu đoạn 1, sau đó gọi HS lần lượt đọc. GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của HS.  - HS chú ý các từ khó**:** *thợ sơn tràng, địa mạo, thủy văn.*  2) GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành **Phiếu học tập số 01.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  - Các nhóm hoàn thành phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - Đại diện HS trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  **-** HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản: *Văn bản “Dấu ấn Hồ Khanh” là văn bản thông tin về đề tài phiêu lưu, khám phá thế giới của một con người bình dị - Hồ Khanh. Vậy câu chuyện có thật này cụ thể như thế nào, chúng ta cùng nhau khám phá văn bản.* | **1. Tác giả:**  - Nhật Văn.  **2. Tác phẩm:**  **2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **2.2. Xuất xứ:** báo điện tử Quảng Bình, ngày 21/7/2014  **2.3. Kiểu VB:** là VB thông tin.  **2.4. Phương thức biểu đạt:** Thuyết minh.  **2.5. Nhan đề:** nhân vật Hồ Khanh đã tạo nên một dấu ấn đặc biệt. -> Nhan đề của văn bản thông tin phải ngắn gọn, súc tích, thể hiện được nội dung của văn bản.  **2.6. Bố cục:** 3 phần  + P1: Từ đầu … “*phát hiện ra những hang động đẹp*.” -> Giới thiệu chung về Hồ Khanh.  + P2: Tiếp theo… “*chuyến thử nghiệm hang Sơn Đoòng…*”. ->Dấu ấn Hồ Khanh trong công việc khám phá hang động.  + P3: còn lại: -> Đam mê phiêu lưu, khám phá của Hồ Khanh. |

**Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết và phân tích được nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết thể hiện dấu ấn của Hồ Khanh trong VB.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm và cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**(Tìm hiểu chung về nhân vật Hồ Khanh)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quê quán:….. | **Nhân vật Hồ Khanh** | Nghề nghiệp:…. |
| Tính cách:…. | Thành tích:… |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Khám phá chi tiết văn bản** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm cặp đôi để hoàn thành Phiếu học tập số 2, gợi ý trả lời câu hỏi:  *? Tìm trong đoạn đầu của văn bản chi tiết thể hiện “Dấu ấn Hồ Khanh” trong công cuộc khám phá hang động ở Quảng Bình?*  *? Đoạn này có phải là sa-po của văn bản thông tin này không? Vậy chi tiết thể hiện “Dấu ấn Hồ Khanh” có thể hiện được nội dung văn bản không?*  (GV hướng dẫn các em đọc kĩ đoạn văn: “*Nói đến du lịch Quảng Bình… và rất nhiều hang động ấn tượng khác.*”)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc theo nhóm, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện các yêu cầu vào phiếu.  - HS quan sát những chi tiết trong SGK, đọc đoạn văn: “*Nói đến du lịch Quảng Bình… và rất nhiều hang động ấn tượng khác.*”  - GVhướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là chi tiết: *“Đó là Hồ Khanh, người phát hiện ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động ấn tượng khác."*.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - GV gọi đại diện HS trả lời.  - HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  - GV nhận xét, điều chỉnh sai sót, chuẩn kiến thức: *Câu “Đó là Hồ Khanh, người phát hiện ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động ấn tượng khác". Chính là sa-po của bài viết và đã cụ thể hoá nhan đề bài viết. Chi tiết này giúp người đọc biết được dấu ấn của Hồ Khanh chính là việc phát hiện ra hang động lớn nhất thế giới.*  - GV chuyển mục: *vậy dấu ấn của Hồ Khanh còn được tác giả giới thiệu cụ thể như thế nào trong quá trình tìm kiếm, khám phá ra hang động, chúng ta cùng tìm hiểu phần 2.* | **1. Giới thiệu chung về Hồ Khanh**  - Quê quán: thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.  - Nghề nghiệp: thợ sơn tràng chuyên nghiệp.  - Tính cách: thích tò mò, khám phá.  - Thành tích: phát hiện ra hang Sơn Đoòng, nhiều hang động khác. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS đọc thầm đoạn từ *Song ấn tượng nhất* đến *hang động cao và rộng nhất thế giới*và gợi ý cho HS tìm hiểu bằng những câu hỏi vấn đáp:  *1) Thời điểm và sự kiện quan trọng nào đã làm thay đổi cuộc đời Hồ Khanh?*  *2) Vì sao các nhà khoa học lại tìm đến Hồ Khanh với vai trò là người dẫn đường khám phá Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng?*  *3) Nguyên nhân nào đã khiến Hồ Khanh dẫn đoàn thám hiểm hang động của Hoàng gia Anh vào cái hang đá lớn và kì lạ năm xưa? Kết quả của sự việc này ra sao?*  *4) Hồ Khanh có vai trò như thế nào trong quá trình khám phá ra Sơn Đoòng?*  *5) Quá trình tiếp xúc với Hồ Khanh đã cho ông Hô-oát Lim-bơ, trưởng đoàn khám phá hang động Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh tình cảm gì với anh?*  *6) Em có nhận xét gì về trình tự thời gian khi giới thiệu quá trình khám Sơn Đoòng của Hồ Khanh?*  *7) Với dấu ấn Hồ Khanh trong hành trình phát hiện ra hang Sơn Đoòng, em có cảm nhận gì về câu chuyện của ông?*  (GV hướng dẫn HS chú ý vào nội dung câu chuyện có thật được hiện thực hóa bằng đam mê, khát vọng của nhân vật; tính cách, đam mê trong công việc dẫn đến kết quả tốt của Hồ Khanh).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận nhiệm vụ**  - GV nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - GV chốt kiến thức: *Từ một người thợ sơn tràng giỏi đi rừng, Hồ Khanh đã trở thành người dẫn đường số 1 với nhiều chiến tích, ghi dấu ấn vô cùng quan trọng trong quá trình khám phá hang động lớn nhất thế giới. Câu chuyện được tường thuật theo trình tự thời gian, giúp chúng ta hiểu rõ nội dung câu chuyện có thật về người đàn ông với đam mê khám phá, chinh phục thiên nhiên này.*  Chuyển dẫn sang nội dung sau: *Vậy điều gì đã giúp Hồ Khanh thành công như vậy? Chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu phần cuối của VB.* | **2. Dấu ấn Hồ Khanh trong việc khám phá hang động**  - Năm 1989, tình cờ phát hiện ra môt cái hang lớn với “*bầu không khí mát mẻ lạ thường*”.  - 2009, Hồ Khanh dẫn đoàn thám hiểm hang động của Hoàng gia Anh vào cái hang đá lớn và kì lạ năm xưa.  - Hồ Khanh đã trở thành người Việt Nam đầu tiên phát hiện ra hang Sơn Đoòng.  =>*Câu chuyện được tường thuật theo trình tự thời gian, giúp chúng ta hiểu rõ nội dung câu chuyện có thật.* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi vấn đáp cho HS tìm hiểu:  *1) Vì sao Hồ Khanh đi rừng tìm kiếm những hang động?*  *2) Hồ Khanh thường tìm kiếm như thế nào?*  *3) Theo em phẩm chất quan trọng nhất để trở thành một nhà thám hiểm là gì?*  *4) Em cảm nhận như thế nào về sự yêu thích, đam mê khám phá đã giúp Hồ Khanh tìm ra hang Sơn Đoòng?*  *5) Em có mong muốn được phiêu lưu, khám phá thế giới không? Nếu được, em muốn mình sẽ đi đến những nơi nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HSđọc VB và tìm chi tiết trong tác phẩm.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  - HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **Bước 4: Kết luận nhiệm vụ**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, và chốt kiến thức: *Với lòng yêu thích, đam mê đi rừng, Hồ Khanh đã chinh phục được thiên nhiên, tìm ra hang động lớn nhất thế giới, khiến cả thế giới sửng sốt về độ kỳ vĩ và vẻ đẹp tiềm ẩn của hang động tự nhiên này tại Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng. Từ thành công của Hồ Khanh – một con người bình dị có cảm hứng phiêu lưu và khám phá thế giới, chúng ta thấy rằng trong cuộc sống, khi có đam mê, có ý chí thì chúng ta sẽ biến ước mơ thành hiện thực. Với bản thân mỗi chúng ta cũng vậy, hãy cứ khát khao, cứ mơ ước, và để chính những khát vọng ấy nuôi dưỡng cho chúng ta động lực để vươn tới thành công.* | **3. Hồ Khanh với niềm đam mê khám phá**  - Hồ Khanh đi rừng vì yêu thích, đam mê.  - Anh thường vào rừng tìm kiếm, ghi nhớ thật chi tiết những nơi mình đã qua để dẫn đường cho các đoàn thám hiểm.  - Phẩm chất quan trọng của nhà thám hiểm chính là sự ham hiểu biết và say mê khám phá thế giới tự nhiên. |

**Hoạt động 2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa; kinh nghiệm đọc VBTT.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân:  ? *Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút.  - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - HS trình bày các nội dung tổng kết.  - HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **1. Nghệ thuật**  - Kể sự việc theo trình tự thời gian, kết hợp miêu tả chi tiết, cụ thể.  - Giới thiệu về nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Câu chuyện thật về Hồ Khanh phát hiện, khám phá ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động khác đã cho thấy được tầm quan trọng của đam mê, khát vọng: khi có ý chí, niềm đam mê và khát vọng sẽ biến ước mơ thành hiện thực. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức của bài học qua việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập GV giao.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\*GV giao bài tập cho HS:

*- Trong bài 7, VB3 “Dấu ấn Hồ Khanh” và các văn bản1,2: “Cuộc chạm trán trên đại dương” và “Đường vào trung tâm vũ trụ” có gì giống và khác nhau?*

- GV hướng dẫn và hỗ trợ HS so sánh các văn bản trong bài.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS liệt kê các chi tiết giống và khác nhau của các văn bản về thể loại, nội dung câu chuyện, chủ đề văn bản theo bảng mẫu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản**  **Nội dung**  **so sánh** | ***Dấu ấn Hồ Khanh*** | ***- Cuộc chạm trán trên đại dương***  ***- Đường vào trung tâm vũ trụ*** |
| *Chủ đề:* |  | |
| *Thể loại:* |  |  |
| *Nhân vật:* |  |  |

**\*Gợi ý đáp án:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản**  **Nội dung**  **so sánh** | ***Dấu ấn Hồ Khanh*** | ***- Cuộc chạm trán trên đại dương***  ***- Đường vào trung tâm vũ trụ*** |
| *Chủ đề:* | - Phiêu lưu, khám phá thế giới. | |
| *Thể loại:* | - Văn bản thông tin. | - Truyện khoa học viễn tưởng. |
| *Nhân vật:* | - Nhân vật và câu chuyện có thật. | - Nhân vật tưởng tượng, không có thật. |

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày,

**Bước 4:** **Đánh giá nhiệm vụ**

- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

**-** GV đánh giá HS, tuyên dương bài làm của HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức bài học vào viết đoạn và giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: HS viết đoạn; nêu suy nghĩ, chia sẻ.

**c. Sản phẩm**: Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*Theo em, phẩm chất quan trọng nhất để trở thành một nhà thám hiểm là gì?*

- HS viết bài ra giấy (có thể thực hiện ở nhà)theo gợi ý sau

*🡪 Một nhà thám hiểm tài ba phải là sự kết hợp của rất nhiều phẩm chất và tính cách khác nhau. Thế những phẩm chất được xem là quan trọng nhất đối với một nhà thám hiểm đó chính là sự hiểu biết và say mê khám phá thế giới tự nhiên. Khi bạn say sưa tìm tòi, khám phá thì bạn sẽ luôn thấy được những điều mới lạ trong thế giới này*

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

- HS trình bày.

**Bước 4: : Đánh giá nhiệm vụ**

**-** HS khác nhận xét, bổ sung.

**-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), tuyên dương những bài viết tốt.

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy****:*

**TIẾT 92 +93+94 :VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT**

**LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b.Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Năng lực tiếp thu các yêu cầu khi viết bài văn, đoạn văn.

**3. Phẩm chất:**

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.

**b. Nội dung**: GV nêu vấn đáp, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho học sinh xem video tư liệu về anh hùng Kim Đồng và đặt câu hỏi:

**+** Trong video, ai là nhân vật chính?

+ Video nói về sự kiện gì?

+ Nêu nhận xét của em về nhân vật chính?...

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

- HS trình bày.

**Bước 4: : Đánh giá nhiệm vụ**

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- Từ việc nhận biết được những đặc điểm của VB đọc, HS có thể hình dung thêm về kiểu bài cần viết. GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học: *Như vậy với lớp 6, các em được học bài tường thuật lại lễ hội Gióng, những sinh hoạt văn hoá như lễ hội dân gian, hội chợ xuân. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Trong bài học mới hôm nay, các em cũng là viết về một sự kiện/ sự việc, nhưng ở đây yêu cầu sự việc đó phải có thật và liên quan tới một nhân vật lịch sử.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

**b. Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi cho HS chia sẻ nhóm đôi tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Theo em, để viết được một **bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử** cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**  - Giới thiệu được nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.  - Kể lại được sự việc theo một trình tự hợp lí, có sử dụng các yếu tố miêu tả trong khi kể.  - Nêu được ý nghĩa của sự việc.  - Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể. |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *“****Thô-mát Ê-đi-xơn (Thomas Edison) và màn “trình diễn’' ánh sáng”***

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động CẶP ĐÔI CHIA SẺ  **+ YÊU CẦU: hoàn thiện phiếu học tập theo cặp đôi**  + **THỜI GIAN: 5 phút**   |  |  | | --- | --- | | Bài viết kể về sự việc gì? |  | | Sự việc đó có thật không và liên quan đến nhân vật nào? |  | | Diễn biến của sự việc như thế nào? |  | | Sự việc có ý nghĩa ra sao? |  | | Người viết bày tỏ suy nghĩ gì về sự việc được kể? |  | | Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả không? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  - Bài viết kể về màn trình diễn ánh sáng  - Sự việc đó có thật và liên quan đến nhà khoa học nổi tiếng Thô-mát Ê-đi-xơn  - Thô-mát Ê-đi-xơn đã cho treo hàng trăm bóng đèn điện quanh phòng phí nghiệm, quanh nhà và dọc đường nơi ông sinh sống.  - Màn “trình diễn” ánh sáng của Thô-mát Ê-đi-xơn mở đầu cho việc đưa ánh sáng đèn điện đến với cuộc sống con người.  - Màn “trình diễn” đó đã mở ra một kỉ nguyên ánh sáng mới, làm thay đổi thế giới.  - Những chiếc bóng đèn có vỏ ngoài được làm bằng thủy tịnh cách nhiệt, bên trong có chứa dây đốt, tỏa ánh sáng liên tục và dìu dịu. |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến sự việc lịch sử, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài.** Chọn một nhân vật lịch sử  - Nhà quân sự, nhà chính trị, nhà khoa học, nhà phát minh hoặc nhà văn hóa…có những đóng góp to lớn giúp ích cho đất nước, nhân loại.  - Người có tài năng xuất chúng, sáng tạo ra những sản phẩm có ích cho cộng đồng mà em biết và từng tiếp xúc.  - Chọn một sự việc liên quan đến cuộc sống hay thành tựu, chiến công của nhân vật mà em thấy thú vị.  Ví dụ: Kim Đồng- người anh hùng nhỏ tuổi  **b. Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | - Nhân vật lịch sử mà em lựa chọn định kể là ai?  Sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó mà em định kể là sự việc gì? |  | | - Sự việc diễn ra ở đâu, khi nào? Sự việc đó diễn ra như thế nào?  + Thời gian?  + Địa điểm?  + Diễn biến chính? |  | | - Sự việc đó có ý nghĩa như thế nào?  + Với riêng nhân vật lịch sử?  + Với cộng đồng, nhân loại?  Em có suy nghĩ gì về sự việc được kể? |  |   **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:**  + Giới thiệu đôi nét về nhân vật  + Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật.  **- Thân bài:**  + Kể diễn biến của sự việc. Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả.  + Nêu ý nghĩa/ tầm ảnh hưởng của sự việc.  +……  **- Kết bài:** Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.  **2. Viết bài**  - Bám sát dàn ý đã lập  - Lựa chọn các từ ngữ phù hợp (nếu viết về câu chuyện khoa học thì có thể tra cứu từ điển để hiểu những thuật ngữ chuyên môn khó)  - Lưu ý đến tính xác thực của các chi tiết có liên quan đến sự việc được kể.  - Các câu, các ý phải đảm bảo tính liên kết về hình thức và mạch lạc về nội dung.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Rà soát bài viết và chỉnh sửa theo phiếu sau: |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.  **b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.  **c. Sản phẩm:** HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** GV hướng dẫn HS viết văn theo yêu cầu, hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập.  **-** HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập.  \*GV cung cấp tư liệu cho HS dựa vào thông tin để kể lại.  **THÔNG TIN THAM KHẢO**  Dân tộc Việt Nam trong quá khứ và hiện tại luôn rất anh hùng, dũng cảm, kiên trung xây dựng và bảo vệ đất nước. Có rất nhiều những tấm gương người anh hùng đã không tiếc máu xương để bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc. Anh Kim Đồng là một người như vậy.  Kim Đồng là một người dân tộc Tày. Cha mất sớm, anh sống cùng mẹ - một người phụ nữ đảm đang nhưng ốm yếu. Từ nhỏ, Kim Đồng đã dũng cảm, quyết đoán, mạnh mẽ, có tinh thần yêu nước, căm thù giặc.Tuy tuổi còn nhỏ nhưng anh rất hăng hái làm nhiệm vụ giao liên, đưa đón Việt Minh và chuyển thư từ.  Anh được bầu làm đại đội trưởng đầu tiên của Đội Nhi đồng cứu quốc. Anh không ngại khó khăn, thử thách, nguy hiểm trên đường làm nhiệm vụ. Trong một lần làm nhiệm vụ, anh bị giặc Pháp bắn và hi sinh. Khi ấy, anh mới chỉ 14 tuổi. Đã có rất nhiều bài thơ, bài hát được sáng tác để ghi nhớ công ơn của anh.  Hình ảnh anh Kim Đồng sẽ luôn sáng mãi, là tấm gương cho thanh thiếu niên Việt Nam về tinh thần yêu nước sâu sắc, sự thông minh, gan dạ  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **-** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | |
| **4. Trả bài** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trả bài và cho HS nhắc lại yêu cầu chung về thể thức của kiểu bài và những lưu ý để viết được bài văn theo kiểu này.  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài để nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.  - GV trả bài cho HS, yêu cầu các em chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và theo những điều vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS ghi ra giấy và đánh giá chéo với bài của bạn.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. | **a. Yêu cầu của kiểu bài**  **b. Nhận xét**  - Ưu điểm:  - Nhược điểm:  **c. Chỉnh sửa và hoàn thiện** |

**BẢNG KIỂM**

Hoàn thiện và kiểm tra theo các yêu cầu trong bảng kiểm sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Không đạt** |
| *1. Giới thiệu được nhân vật và sự việc liên quan đến nhân vật.* |  |  |
| *2. Cung cấp được thông tin về sự việc mà bài viết nói tới.* |  |  |
| *3. Trình bày được diễn biến của sự việc. Có sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể.* |  |  |
| *4. Nêu được ý nghĩa của sự việc được nói tới.* |  |  |
| *5. Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và liên kết đoạn văn,...* |  |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**-** *Em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao, viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát “Tiến quân ca”.*

**Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết theo dàn ý đã lập.

**Bước 3:Báo cáo kết quả**

- Trao đổi bài với bạn để chỉnh sửa, bổ sung.

- HS nhận xét, bổ sung bài của bạn theo yêu cầu.

**-** Gv yêu cầu một vài em đọc bài viết của mình.

**Bước 4:Kết luận,nhận định**

- GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt.

- Phân tích những điểm tích cực, hạn chế trong bài làm để HS rút kinh nghiệm. Ghi điểm cho những bài viết tốt.

- Chốt lại kiến thức

***Ngày soạn:***

***Ngày dạy****:*

**Tiết 95. NÓI VÀ NGHE:**

**THẢO LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ**

**ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức :**

- HS nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống của con người, trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực.

**2. Năng lực**

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, biết đưa ra ý kiến của mình, biết cách xác định những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến, đồng thời biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến của người khác trên tinh thần tôn trọng.

- Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.

**3. Phẩm chất:**

- Biết lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, nhận thức đúng được những bài học từ cuộc sống công nghệ phá triển.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học.

**b. Nội dung:** HS xem tranh và suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

* *GV chiếu hình ảnh và đưa ra câu hỏi khởi động: chia sẻ hiểu biết của em về vai trò của ngành công nghệ đối với đời sống con người.*

**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ cá nhân và trao đổi nhóm

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

- HS trình bày

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- - HS khác nhận xét.

- GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

**-> GV kết nối vào bài học:** *Trong những thập niên gần đây, công nghệ đã có nhiều bước tiến vượt bậc. Thành tựu của công nghệ đã giúp con người có niềm tin và động lực, biến ước mơ thành hiện thực. Nhưng, phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển? Em hãy cùng các bạn thảo luận nhằm đưa ra cái nhìn toàn diện về vai trò của công nghệ trong đời sống của con người.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**: Xác định được mục đích nói và người nghe; biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói; trình bày được ý kiến của bản thân.

**b. Nội dung**: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Để thực hiện tốt bài thảo luận về vai trò của ngành công nghệ đối với đời sống con người, em cần chuẩn bị những gì cho bước trước khi nói?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Thảo luận về vấn đề chung như vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.  - Có thể lựa chọn một số khía cạnh của vấn đề như:  + Phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nói.  + Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển?  - Tìm kiếm thông tin liên quan từ các phương tiện như sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn.  - Tìm ý bằng cách cách tự đặt câu hỏi và trả lời.  - Sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý theo trật tự: nêu vấn đề 🡪 hai mặt tích cực, tiêu cực của vấn đề 🡪 nếu quan điểm cá nhân  **2. Luyện tập**  - Luyện nói 1 mình: trước gương hoặc máy quay.  - Luyện nói với nhóm: trước gia đình hoặc nhóm bạn bè.  - **Chú ý**: điều chỉnh thời gian sao cho phù hợp với quy định để không ảnh hưởng đến thời gian chung của cuộc thảo luận |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: ***“*** ***Thảo luận về vai trò của ngành công nghệ đối với đời sống của con người”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý (mở đầu, triển khai, kết luận)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Lời chào, nụ cười thiện cảm  - Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe trước khi kể  - Dẫn dắt vào vấn đề :*Vai trò của công nghệ đối với đời sống con người*  Ví dụ: Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, trẻ em được tiếp cận với các sản phẩm công nghệ từ rất sớm như: Ipad, Smartphone, tivi, máy tính, ...  Trên thực tế, chúng ta rất dễ dàng bắt gặp những trẻ nhỏ đã sử dụng thành thạo iphone, ipad, ... ngoan ngoãn ngồi chơi hàng tiếng đồng hồ không làm phiền bố mẹ. Nhiều câu hỏi được đặt ra đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều bậc phụ huynh: Công nghệ là gì?  Phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển?  Hãy cùng trao đổi với tôi để tìm hiểu và giải đáp thắc mắc trên nhé!  **2. Triển khai**  - Nêu được bản chất của vấn đề (công nghệ sẽ ngày càng phát triển và những tác động của nó đến đời sống….)  - Trình bày được sự ảnh hưởng hai mặt của công nghệ đối với cuộc sống con người và cách sử dụng công nghệ hiệu quả nhất.  - Khái quát lại nội dung vừa trình bày, nhấn mạnh ý nghĩa cá nhân.  **3. Kết luận:**  - Chốt lại vấn đề vừa trao đổi  - Lời cảm ơn  Cuối cùng, thông qua bài trao đổi này hy vọng các bậc phụ huynh cũng như tất cả mọi người sẽ có cái nhìn tổng quát hơn trong việc cho con sử dụng các sản phẩm công nghệ để từ đó đưa ra lựa chọn phù hợp trong quá trình giáo dục, phát triển thể chất, trí tuệ, tâm hồn của trẻ.  Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm. |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của bạn dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  + Nhận xét về ý kiến trình bày: nội dung, cách thức trình bày. Khi nhận xét về nội dung, cần hướng vào ý kiến trình bày, không sa đà vào những vấn đề không liên quan.  + Tranh luận để bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của người nói  + Bổ sung những thông tin em biết về vấn đề được nói tới.  **Người nói**  + Tiếp thu nếu thấy những ý kiến đó là xác đáng.  + Trao đổi lại với những ý kiến thống nhất cũng như ý kiến khác biệt với mình.  + Tranh luận, dùng những lí lẽ thuyết phục để bảo vệ những điểm hợp lí trong ý kiến trình bày của em.  + Tự rút kinh nghiệm sau quá trình thảo luận. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức của bài học thông qua việc trình bày lại bài nói theo góp ý đánh giá.

**b. Nội dung:** HS trình bày lại bài nói.

**c. Sản phẩm:** Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Đề: *Hãy sử dụng điện thoại thông minh một cách thông minh.*

GV yêu cầu HS lập ý ra vở nội dung cần trình bày

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành 4 nhóm

- GV chiếu phiếu học tập và phát phiếu học tập cho các nhóm.

- HS đọc, tìm hiểu và hoàn thành những nội dung trong phiếu học tập

- GV hướng dẫn HS:

+ hiểu thế nào là điện thoại thông minh;

+liệt kê các mặt tích cực, tiêu cực của điện thoại thông minh;

+ ý kiến của cá nhân: làm thế nào để *sử dụng điện thoại thông minh một cách thông minh.*

**B3: Báo cáo nhiệm vụ**

- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày dàn ý thảo luận trong phiếu học tập trước lớp

**B4: Đánh giá nhiệm vụ**

- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho dàn ý của nhóm bạn (nếu cần).

**-** GV nhận xét bài nói của HS.

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV đưa yêu cầu

*Trình bầy ngắn gọn lợi ích của việc sử dụng điện thoại thông minh một cách thông minh.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em các yêu cầu trước khi nói

- HS nghe và xác định yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bầy bài đã chuẩn bị trước lớp

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Đánh giá nhiệm vụ**

- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo góp ý của thầy cô, bạn bè;
* Chuẩn bị trước ở nhà nội dung các bài tập củng cố, mở rộng, thực hành đọc trong SGK, tr.50-53.

*Ngày soạn:*

***Ngày dạy***:

**TIẾT 96: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Giúp học sinh hệ thống hóa tri thức về thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

- giúp học sinh phát huy năng lực tưởng tượng, phỏng đoán sự việc dựa trên cơ sở hiện thực.

**2. Năng lực**

**a . Năng lực chung**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

**Năng lực riêng chuyên biệt:**

- Đọc-hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS: tự tin vào bản thân mình, có ý chí biến khát vọng thành hiện thực.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - GV đưa ra câu hỏi: hãy kể tên các văn bản em đã học trong bài 7: THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận**  - HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới |  |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**Hoạt động 1: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- HS nêu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản truyện khoa học viễn tưởng

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu học sinh làm bài tập 1,2  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. CỦNG CỐ- MỞ RỘNG**  **Bài tập 1**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản** | **Dấu hiệu của truyện khoa học viễn tưởng** | | **Cuộc chạm trán trên đại dương** | - Đề tài: phát triển khoa học tương lai  - Tình huống: li kì, gay cấn  - Không gian: đại dương và đáy đại dương | | **Đường vào trung tâm vũ trụ** | - Cốt truyện: tưởng tượng, dựa trên giả thuyết về công nghệ gen  - Sự việc: li kì  - Không gian: ngoài Trái Đất (tâm Vũ Trụ)  - Thời gian: dịch chuyển giữa hiện tại và cổ đại  - Nhân vật: có trí thông minh, ưa phiêu lưu, mạo hiểm; nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh,...) |   **Bài tập 2**  - Cốt truyện li kì, hấp dẫn, gay cấn.  - Sự kiện diễn ra trong không gian và thời gian kì lạ, được lí giải dựa trên những giả thuyết và dự báo khoa học. |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kĩ năng đọc qua văn bản 1,2,3 để thực hành đọc hiểu văn bản

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV gọi 1 bạn đọc to văn bản trước lớp  - GV chia lớp thành 3 nhóm tìm hiểu về (đề tài, không gian, nhân vật chinh, thông điệp của văn bản “Chiếc đũa thần”)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. THỰC HÀNH ĐỌC VĂN BẢN “CHIẾC ĐŨA THẦN”**  1. Đề tài du hành vũ trụ  2. Không gian ngoài vũ trụ  3. Nhân vật chính là một nhà khoa học  4. Thông điệp về khát vọng làm chủ vũ trụ của các nhà khoa học. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

***- GV giao nhiệm vụ:*** *Tìm hiểu thêm về hệ sinh quyển trên Trái Đất, từ đó liên hệ để dự đoán có hành tinh nào có sự sống nữa hay không. Viết đoạn văn (5-7 câu) về dự đoán của em.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS tiếp nhận nhiệm vụ và làm việc cá nhân

* GV gợi ý

***Đoạn văn tham khảo***

*Khi tìm hiểu về hệ sinh quyển trên Trái Đất ta có thể nhận thấy những đặc điểm tương tự. Một trong số những hành tinh mà chúng ta có thể kể đến như Kepler-442b. Hành tinh lớn hơn Trái Đất 33% này là một trong những ứng cử viên hiếm hoi được giới khoa học khẳng định là “đủ ánh sáng để duy trì một sinh quyển lớn”. Trên hành tinh này có thể có sự quang hợp của sự sống diễn ra, phục*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét ,cho điểm

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

- Trao đổi với bạn về không gian, thời gian cốt truyện, nhân vật, tình huống trong văn bản khoa học viễn tưởng em sưu tập được.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**-** GV nhận xét ý thức chuẩn bị bài của HS.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

***Ngày soạn: 25/02/2025***

***Ngày giảng: /2025***

**BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

**(12 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành*, học sinh (HS) có thể:

***1.Kiến thức***

- Xác định được mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Nhận biết được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

***2.Về năng lực***

***a.Năng lực chung*** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

***b.Năng lực đặc thù*** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn để đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận vê' một vấn đề trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đế đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

***3. Về phẩm chất***

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**-** Có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời minh.

- Ham tìm hiểu văn học, tìm hiểu đời sống để nâng cao hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 97+98**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN 1: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

- Khắc sâu được những kiến thức cơ bản về định nghĩa, đặc điểm của văn nghị luận.

- HS thấy sự khác nhau giữa VB nghị luận và VB văn học

**b. Nội dung**:

HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

**d.Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò**  **1. Tìm hiểu: *Giới thiệu bài học***  **B1.Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học*, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.  **B2.Thực hiện nhiệm vụ:**  HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần *Giới thiệu bài học* ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.  **B3.Báo cáo nhiệm vụ:**  HS chia sẻ kết quả trước lớp.  **B4.** **Đánh giá nhiệm vụ:**  GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học. | **Dự kiến sản phẩm**  **A.GIỚI THIỆU BÀI HỌC. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. *Giới thiệu bài học***  **Chủ đề**: Trải nghiệm để trưởng thành.  - **Thể loại đọc chính:** nghị luận |
| **2. Khám phá *Tri thức ngữ văn***  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Nêu các vấn đề trong văn bản nghị luận?*  *+ Mối liên hệ giữa các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận?*  *+ Biện pháp liên kết, thuật ngữ là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **2.Tri thức đọc hiểu về văn nghị luận.**  **a. Khái niệm:**  - Văn bản nghị luận là loại văn bản chú yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  - Để văn bản thực sự có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của minh.  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực té đới sống hoặc †ử các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.  **b.**[**Các vấn để dược bàn trong văn bản ngh**](https://blogtailieu.com/)**ị luận**  Mọi vấn dé của dời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, đều có thể được nêu ra để bàn trong văn bản nghị luận. Trước một vấn đề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.  **c. Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**  Văn bản nghị luận bao giờ cũng thể hiện ỷ kién của người viết. Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiễn thường được làm rô bằng một số lí lẽ, mỏi li lẽ dược cùng cố bởi một số bảng chứng. Ý kiển cấn mới mẻ, li lẻ cán sắc bén, bằng chửng cán xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hộ thống chật chẻ.  **d.Biện pháp liên kết**  Sự gắn két giữa các câu trong đoạn vàn hoặc giữa các đoạn trong vãn bản dược thể hiện bằng nhiều biện pháp (phép) liên két, gắn vái những phương tiện (từ ngữ) liẻn kết cụ thể, chẳng hạn: *phép nối* (từ ngữ nối), *phép thế* (đại từ. từ ngữ đồng nghĩa), *phép lặp* (lặp lại từ ngữ đã có trong câu trước, đoạn trước),...  **e.Thuật ngữ**  Thuật ngữ là từ ngữ dùng để nêu các khái niệm cùa một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học.  Nghĩa của thuật ngữ là nghĩa quy ước trong phạm vi hẹp của lĩnh vực chuyên mốn hoặc khoa học chuyên ngành. |

**B. VĂN BẢN 1: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

**(Đa – ni en Gót – li - ép)**

**1. Hoạt động 1. Xác định vấn đề:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1.Giao nhiệm vụ:**  GV nêu nhiệm vụ:    Các em quan sát bản đồ vàvai trò của nó đối với du khách lẩn đầu tiên đến một nơi xa lạ (thành phố).  Vỉ *sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?*  *Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một “con đường' hay đã có “con đường" do ai đó vạch sẵn?*  **B2.Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  – Lưu ý, có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua.  **B3.Báo cáo nhiệm vụ:**  Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Khi lần đầu tiên có mặt ở một miến đất lạ, tấm bản đổ có tác dụng chỉ đường, giúp ta đến được nơi cần đến.  Liên hệ thêm: Hiện nay, nhờ ứng dụng công nghệ, chúng ta có thể tìm đường đi trên Google map - một ững dụng tìm địa chỉ trên điện thoại thông minh.  Con đường được nói đến ở đầy không còn mang nghĩa gốc, mà là nghĩa bóng, nghĩa chuyển.  GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân). |

**2. Hoạt động 2** **Hình thành kiến thức mới:**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng: Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định..

- Học sinh hiểu được đặc điểm của một văn bản nghị luận, các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. Mối quan hệ giữa các yếu tố này.

- HS nắm được cách tổ chức một văn bản nghị luận;.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | |
| **a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Bản đồ dẫn đường* ”.  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d.Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về TG Đa – ni -en Gót – li -ép. (HS đã chuẩn bị ở nhà).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  **B3. Báo cáo nhiệm vụ**  -Học sinh trình bày  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục tiếp theo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Trải nghiệm cùng văn bản  **Nhiệm vụ 2: Tác phẩm**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *? Bài viết là lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể*  *? GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận theo kĩ tuật khăn trải bàn và trả lời từng câu hỏi  Kĩ thuật "Khăn trải bàn"  Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.  - Thể loại: bức thư  - PTBĐ: nghị luận  **Bước 3:. Báo cáo nhiệm vụ**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV nhấn mạnh: Văn bản kể lại câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Như vậy, câu chuyện trở nên chân thực, thể hiện những trải nghiệm của tác giả khi nhìn nhận và rút ra bài học cho mình. | | **1. Tác giả**  - Đa – ni en Gót – li – ép sinh năm 1946. Người Mĩ.  - Nhà tâm lí học thực hành, Bác sĩ điều trị tâm lí đồng thời là chuyên gia sức khỏe tâm thần.  - Một số TP tiêu biểu: Tiếng nói của xung đột (2001), Những bức thư gửi cháu Sam (2008), Học từ trái tim (2008)  **2. Tác phẩm.**  -Văn bản trích Bản đồ dẫn đường trích từ cuốn sách “Những bức thư gửi cháu Sam”.  - Thể loại: bức thư  - PTBĐ: nghị luận  **Bố cục:** 3 phần  **\*Phần 1: Giới thiệu vấn đề** *"Chúng ta cần phải bước vào bóng tối")*  => Nêu vấn đề nghị luận( kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn).  **\*Phần 2: Giải quyết vấn đề:**  (Tiếp … đến “*chính kinh nghiệm của mình”*):  **=>** Chính tấm bản đồ quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống với mọi người và chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với thành bại của chúng ta trong cuộc sống .  **\*Phần 3: Kết thúc vấn đề:** Đoạn còn lại **=>** Nhắc lại thông điệp mỗi người cần có riêng cho mình một “tấm bản đồ”.  **\* Vấn đề:** bàn luận về trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định. | |
| **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VĂN BẢN** | | | |
| **a.Mục tiêu:**  - HS nhận biết được vấn đề nghị luận và cách nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn  - Nhận thức được trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.  b.**Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.  **c.Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thành ở nhà.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **NV1 Tìm hiểu phần giới thiệu vấn đề.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc thầm VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01,02** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì?*  *2.* [*Nêu tác dụng của cách mở đầu vă*](https://blogtailieu.com/)*n bản bằng việc kể lại câu chuyện có tính chất ngụ ngôn.*  *3. Mục đích kể chuyện của người viết?*  *Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?*  *Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta?*  *4. Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** HS trình bày cá nhân.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các HS khác nhận xét.  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **1.Giới thiệu vấn đề**  \*Bàn luận về trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  **-** Dẫn dắt vấn đề bằng câu chuyện ngụ ngôn  => Cách giới thiệu vấn đề như vậy khiến người đọc chú ý hơn.   * Nếu cái “bản đồ” (tức là quan niệm, cách thức hành động mà người ta vạch ra trong đầu) không phù hợp với thực tế đời sống thì sẽ thất bại. | | |
| **NV2 Tìm hiểu phần giải quyết vấn đề.**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết hệ thống lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả dùng để lập luận làm nổi bật ý nghĩa phong phú của hình ảnh “bản đồ”  - Rút ra được bài học về cách dùng dẫn chứng trong văn nghị luận  - Hiểu được tình cảm của tác giả trước vấn đề được bàn bạc, trao đổi.  **b.** **Nội dung hoạt động**: HS hoạt động nhôm.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 03** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *Tìm và ghi lại các câu văn nêu ý kiến chính trong văn bản?*  *Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và* bằng *chứng?*  *“Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc ấyy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy. Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của [riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"](https://blogtailieu.com/) có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** HS trình bày cá nhân.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các HS khác nhận xét.  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2.Giải quyết vấn đề**  **\*Các ý kiến:**  **-Tấm bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người:**  **+ Lí lẽ:**   * Cách nhìn nhận cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân. * Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau.   **+ Bằng chứng:** Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và bản thân “ông” dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau.  -**Tấm bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân.**  **- Lí lẽ:**  **+** Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý “ nhìn nhận về bản thân”: *Tôi có phải là loại người đáng yêu?Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khan tôi sẽ ngã gục hay chiến đấu một cách ngoan cường?*  **+** *Người viết lí giải:* Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.  **+ Bằng chứng:** Câu chuyện về chính cuộc đời ông. Sau vụ tai nạn, ông có thay đổi đáng kể từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì?  **-** *> Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.*  **\* Bài học:**  - Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quí, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc.  - Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình đối với người khác và đối với bản thân – đó mới là yếu tố quyết định. | | |
| **NV3. Thảo luận:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thảo luận.  - HS trao đổi theo nhóm **Phiếu học tập số 4. Chia lớp thành 4 nhóm.**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nội dung câu hỏi, đại diện nhóm lên trình bày  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** Đại diệnHS lên trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **\***Cuộc sống dù không hiếm những buồn khổ, lo âu, nhưng vô cùng đáng quý. Hai mặt này không loại trừ nhau. | | | |
| **NV4 Tìm hiểu phần kết thúc vấn đề.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi các nhân.  *Trong lời khuyên“ông“ muốn“ cháu“ phải làm những điều gì?*  *Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?*  *Chúng ta có cần phải thực hiện những điều“ông“ muốn Sam làm không?Vì sao?*  *Nhận xét gì về phần kết thúc vấn đề?*  *Qua văn bản này, em học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, nhất là dạng bài trình bày ý kiên sphanr đối?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nội dung câu hỏi, các nhân lên trình bày  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** HS lên trình bày.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các HS khác nhận xét  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3.Kết thúc vấn đề.**   * Trong lời khuyên của “ông“ muốn “ cháu“ làm hai điều:   + Thứ nhất: phải kiếm tìm bản đồ cho chính mình.  + Thứ hai: tấm bản đồ đó“cháu“ phải tự vẽ ra bằng chính kinh nghiệm của mình.   * Việc làm của cháu sẽ giúp cháu biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình. * *Kết thúc vấn đề ngắn gọn, súc tích.* | | |
| **III. TỔNG KẾT** | | | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  *Theo em chúng ta cần những điều kiện nào để tìm ra bản đồ cho chính mình?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS khác bổ sung.  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | | | **1.Nghệ thuật**:  - Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu …  - Cách đan xen phương thức tự sự, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  **2. Nội dung, ý nghĩa:**  - Chúng ta cần phải tìm kiếm cho mình tấm bản đồ. Mỗi người có hành trình riêng, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, không thể vay mượn hay bắt chước bất kì ai. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập :**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:

**Câu 2:** *Trên “con dường" đi tới tưong lai của bản thân, “tấm bản đó’ có vai trò như thế nào?* Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**B 3: Báo cáo nhiệm vụ**

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:  
  
- ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*

- **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

**Câu 2: Đoạn văn cần đáp ứng những yêu cầu sau:**

**-Về nội dung:**

**+** Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một “Tấm bản đồ”.

+ “Tấm bản đồ” giúp con người chủ động, tự tin vào hướng mình lựa chọn: nó có thể giúp con người vượt qua những khó khan thử thách trên từng bước đường đời….

* **Về hình thức:**

+ Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng.

+ các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp.

+ Hạn chế lỗi về chính tả và diễn đạt.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Câu 1:Từ việc đọc hiểu văn bản "Bản đồ dẫn đường ", em hãy rút ra mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong một bài văn nghị luận.  Câu 2: Tưởng tượng mình là Sam, em hãy viết bức thư ngắn(khoảng 10 câu) để hồi đáp những lời nhắn nhủ, dặn dò của ông ngoại, trong thư trả lười câu hỏi của ông “ Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?” **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - HS bày tỏ quan điểm .  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa (nếu cần). | **\*Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:**  - ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.  - ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*  - **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.  => Ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản trở nên rành mạch, chặt chẽ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| Hình ảnh | Ý nghĩa |
| *Tấm bản đồ dẫn dường* | …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |
| Nơi sáng sủa | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| Bóng tối | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| Con đường | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | |
| 1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì? | …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |
| 2. Mục đích kể chuyện của người viết?  Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?  Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta? | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| 3 Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu? | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.Tấm bản đồ** | **Cách nhìn về cuộc đời,**  **con người** | Lí lẽ:…………………………………  ……………………………………………………………………………… |
| Bằng chứng:…………………………  ……………………………………….  ………………………………………. |
| **Cách nhìn nhận về bản thân** | Lí lẽ:…………………………………  ……………………………………………………………………………… |
| Bằng chứng:…………………………  ……………………………………….  ………………………………………. |
| Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng? | | ……………………………………….  ………………………………………. |
| *2.“Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc áy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy. Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của [riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"](https://blogtailieu.com/) có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì? | | ……………………………………….   1. ……………………………………. 2. ………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4** | |
| 1. Có phải cuộc sống chỉ toàn lo âu, đau khổ? | …………………………………………………  ………………………………………………… |
| 2. Có phải cuộc sống thực sự là một món quà quý? | ………………………………………………  ………………………………………………  ……………………………………………… |
| 3. Hai cách nhìn đó khác nhau như thế nào? Có loại trừ nhau không? | ………………………………………………  ………………………………………………  ………………………………………………. |
| 4. Điều gì dẫn đến sự khác biệt ở hai cách nhìn cuộc sống như vậy?  -Liệu có thể có một cách nhìn trung gian giữa hai cách nhìn kia? | ………………………………………………  ………………………………………………  ……………………………………………… |

***Ngày soạn: 25/02/2025***

***Ngày dạy:***

**TIẾT 99+100:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT**

**(BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Củng cố lại kiến thức về mạch lạc và liên kết

- Nắm được các biện pháp liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản

***2. Về năng lực***

***a.Năng lực chung***

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

***3. Về phẩm chất***

- Có ý thức sử dụng các phương tiện liên kết trong bài viết

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.,pphiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu**:

- Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

- Cùng cố hai khái niệm liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phwuong tiện kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong văn bản.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò Dự kiến sản phẩm** | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nhắc lại thế nào là mạch lạc? Phân tích tính mạch lạc trong đoạn văn sau:  *Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng - những màu vàng rất khác nhau. Màu lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm không trông thấy cuống, như những chuỗi tràng hạt bồ đề treo lơ lửng. Từng chiếc lá mít vàng sẫm. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi. Dưới sân, rơm và thóc vàng giòn. Quanh đóm con gà, con chó cũng vàng mượt. Tất cả nhuộm một màu vàng trù phú, đầm ấm lạ lùng.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4:* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS khác nhận xét,bổ sung  GV chốt và dẫn vào bài: Để văn bản có tính mạch lạc cần sử dụng các biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết như thế nào? Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay. | - Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản, thể hiện qua:  + Thống nhất về đề tài  + Tiếp nối trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn, giữa các đoạn trong văn bản  - Đề tài: Vẽ lên một bức tranh quang cảnh ngày mùa trù phú, đầm ấm, tươi sáng => Quang cảnh ngày mùa tươi sáng  - Trình tự: không gian: cao -> thấp, gần -> xa |

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng:

+ Phép nối sử dụng từ ngữ nối.

+ Phép thế sử dụng từ ngữ ở câu sau thay thế cho từ ngữ ở câu trước.

+ Phép lặp được tạo nên bằng cách để câu sau lặp lại một số từ ngữ ở câu trước.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nhắc lại thế nào liên kết? Mối liên hệ giữa liên kết và mạch lạc?  - Khi liên kết thường sử dụng phương tiện gì?  - Có mấy biện pháp (phép) liên kết, đó là những biện pháp nào?  - Nhận diện các phép liên kết và phương tiện liên kết qua các ngữ liệu sau:  a) *Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  b) *Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng, để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  c) *Cháu biết không, tấm bản đồ đó của ông lúc ấy thật sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. […] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và ông bền vững.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4: Đánh giá nhi*ệm vụ**   * HS khác nhận xét, bổ sung   GV chốt và mở rộng kiến thức. | **I.Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết**   1. **Ví dụ** 2. **Nhận xét**   - Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn hoặc giữa các đoạn trong văn bản.  - Phương tiện liên kết: Từ ngữ  - Các phép liên kết:   * Phép nối (đoạn a – “Nhưng” * Phép thế (đoạn b – “mẹ ông” -> “Bà”) * Phép lặp (đoạn c – “ông”) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập.**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết vận dụng kiến thức giải quyết các bài tập Tiếng Việt giải quyết các bài tập Tiếng Việt về các phép liên kết và từ liên kết

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Yêu cầu SGK, tr.59.60  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4: Đánh giá nhi*ệm vụ**  HS khác nhận xét, bổ sung  GV chốt và mở rộng kiến thức  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Chỉ ra phép liên kết, từ liên kết trong các ngữ liệu sau:  a)  Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, … Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến.  Muốn như thế thì thầy giáo, học trò, cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa.  b)  Từ đó, dân ta càng khổ cực, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói.  c)  Lan đã học hành chăm chỉ. Vì vậy, bạn ấy đã đạt thành tích cao trong kì thi cuối cấp.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4: Đánh giá nhi*ệm vụ**  HS khác nhận xét, bổ sung  GV nhận xét , chốt kiến thức | **Bài 1 (59)**  **Câu 1:**  + Đoạn 1: Ông nhớ lại cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố  + Đoạn 2: Ông luôn tin tưởng vào mọi người, ngược lại mẹ ông luôn hoài nghi  + Các câu đều tập trung thể hiện chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức.  **Câu 2:**  + Đoạn 1:  Câu 2-1: Lặp từ ngữ: *bản đồ dẫn đường của cháu – tấm bản đồ của ông*  Câu 3-2: Lặp từ: “ông”  Câu 4-3: Đại từ thay thế: *mẹ ông – Bà*  Lặp từ: “ông”  Câu 5-4: Từ ngữ thay thế: *quan điểm đó*...  Lặp từ: “ông”  + Đoạn 2: Lặp từ: “ông”  **Câu 3:**  - Phương tiện liên kết đoạn:  Câu 1 (đoạn 2)– từ liên kết: “Nhưng”  Lặp từ “quan điểm”  **Câu 4:**  Tập hợp 1: 2,4,1,5,3 -> không còn phương tiện liên kết, không có mối quan hệ về nội dung  Tập hợp 2: 7,3,4,6,1,5,2 -> phương tiện liên kết vẫn tồn tại, không có sự liên hệ về nội dung  => Hỗn độn, không toát ra chủ đề  **Câu 5:**  - Không thay đổi nội dung, ý nghĩa ở mỗi đoạn  - Không có quan hệ logic, không phù hợp với thực tế giao tiếp (Câu chuyện về sự trái ngược trong cách nhìn người – ông sẽ kể câu chuyện)  **Bài 2**  a) Câu 1, 2: lặp “trường học” -> Phép lặp  Đoạn 1, 2: thay thế: “trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến” -> “như thế” -> Phép thế  b) Câu 1, 2 liên kết bằng “Kết quả” -> Phép nối  c) Phép nối: “Vì vậy” |

**4. Hoạt động 4. Vận dụng.**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Viết một đoạn văn ngắn (10 – 12 câu) nêu suy nghĩ của em về tác hại của bạo lực học đường. Trong đoạn văn có sử dụng các phép liên kết  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, viết bài.  ***Bước 4: Đánh giá nhi*ệm vụ**  HS khác nhận xét, bổ sung  GV nhận xét , đánh giá | - Hình thức: Viết nối tiếp 10 – 12 câu  - Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về tác hại của bạo lực học đường  - Sử dụng ít nhất một phép liên kết |

***Ngày soạn: 25/02/2024***

***Ngày dạy:***

**TIẾT 101 +102:**

**Văn bản 2: HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC**

**(Huỳnh Như phương)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

* HS nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc,...). Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.
* HS hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung:***

Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

***\* Năng lực đặc thù:***

*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết *); năng lực văn học.*

- **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản nghị luận.

+ Nêu được ấn tượng về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

+ Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, vấn đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng trong 1 VB nghị luận.

- **HS hiểu được** ý nghĩa của việc dùng thuật ngữ trong văn bản.

***3. Về phẩm chất:***

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a.Mục tiêu**:

Mục đích là để kết' nối những trải nghiệm về việc đọc sách của cá nhân với những nội dung được bàn luận trong VB, đồng thời tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi tiến hành các hoạt động của giờ học.

**b.Nội dung**:

Trao đổi, chia sẻ trong nhóm và trước lớp những suy nghĩ, nhận thức của bản thân.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d.Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

1. *Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.?*

*2. Em thich đọc loại sách nào? Em đã từng thu được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, suy nghĩ, viết câu trả lời.

**B3: *Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**

HS báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

**B4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**

GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (…’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ**  **VĂN BẢN** | |
| **a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Hãy cầm lấy và đọc* ”.  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **Hoạt động của GV và HS**  **NV1: Tìm hiểu về tác giả Huỳnh Như Phương.**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: *Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  - HS trả lời nhanh.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **Dự kiến sản phẩm.**  https://vanhocsaigon.com/wp-content/uploads/2019/10/Huynh-Nhu-Phuong-vcpn-300x207.jpg  **. Tác giả:**   * Huỳnh Như Phươngng sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi * à giảng viên đai hoc. nhà nghiên cứu phê binh văn hoc. * Tác phẩm chính: *Din vào tác phẩm văn chuông* (1986); *Trường phài Hmh thúc Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn hoc* (2008);  *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019);.. |
| **NV2: Tìm hiểu chung về VB “ Hãy cầm lấy và đọc”**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  \*GV yêu cầu HS nêu hoàn cảnh ra đời:  \*GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng; chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nói của nhân vật.  **\*GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi:**  1. Chỉ ra PTBĐ chính của VB?Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?  2.Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  **Bước 3: *Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  **Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | Soạn bài Hãy cầm lấy và đọc | Ngắn nhất Soạn văn 7 Kết nối tri thứchttps://readvii.com/wp-content/uploads/2020/07/sach-hay-cam-lay-va-doc-191x300.png  **2. Tác phẩm.**  - Viết năm 2**- Thể loại:** Văn bản nghị luận  **- Xuất xứ:** Trích từ cuốn «Hãy nhìn lấy và đọc»  **- PTBĐ:** Nghị luận kết hợp tự sự  **- Bố cục**:  + **Phần 1**: từ đầu -> thời trung đại: Câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gu-xtinh.  + **Phần 2**: tiếp -> là vô ích: Những vấn đề của việc đọc sách.  + **Phần 3**: còn lại -> Nhắc lại về thông điệp của sách  - **Tóm tắt:** Có một lần Thánh Au-gu-xtinh do nghe giọng nói thì thầm của một em bé: “Hãy cầm lấy mà đọc” mà được thúc đẩy đi sâu vào nghiên cứu triết học và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại. Vượt qua tính chất huyền bí của câu chuyện, lời mời gọi trân trọng người ta đọc một cuốn sách. Con người không ăn có thể chết nhưng người không đọc cũng có thể “chết” dần. Không phủ nhận vai trò của sách trong bối cảnh ngày càng tăng của các phương tiện hiện đại. Chữ nghĩa mang lại kiến thức, văn hóa cho con ngườ, chứa đựng nhiều điều kì diệu của nhân loại. Nền giáo dục không khuyến khích con người đọc sách là nền giáo dục phiến diện. Lâu nay chúng ta thường nghe những báo động về sự sa sút văn hóa đọc. Sách sinh ra là dùng để đọc, không phải để trưng bày. Hãy cầm sách lên và đọc |
| **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VB.**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.  **b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  1. Vấn đề được bàn trong tác phẩm là gì?  2. [Nêu tác dụng của cách mở đầu vă](https://blogtailieu.com/)n bản bằng việc kể lại câu chuyện?  3. Mục đích kể chuyện của người viết?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Vấn đề nghị luận**  - Câu chuyện huyền bí về động lực đọc sách của thánh Au-gu-xtinh  **- Vấn đề**: bàn về việc đọc sách -> Vấn đề quan trọng, có ý nghĩa với nhiều người.  **- Thông điệp: «Hãy cầm lấy và đọc»**  **->** hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.  **- Tác dụng của cách gợi dẫn vấn đề**  + Tạo ấn tượng, khơi gợi sự tò mò của người đọc về vấn đề được bàn tới  + Từ câu chuyện của Thánh, tác giả khéo léo kết nối với vấn đề mình muốn đề cập tới.  + Câu chuyện mở đầu văn bản tạo nên sự hấp dẫn, như là một dẫn chứng quan trọng cho văn bản | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu học sinh chia nhóm và hoàn thành nhiệm vụ sau  + **Nhóm 1:** a. Cách lí giải về thông điệp «Hãy cầm lấy và đọc»  + **Nhóm 2:** b. Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống con người  + **Nhóm 3**: c. Điều kiện để giải quyết tình trạng sa sút trong văn hóa đọc  + **Nhóm 4:** d, Đọc sách là một kiểu trải nghiệm  - Thời gian: 10 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm và hoàn thành nhiệm vụ được phân công.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Bàn luận về vấn đề**  **Vấn đề**: bàn về việc đọc sách -> Vấn đề quan trọng, có ý nghĩa với nhiều người.  **a. Cách lí giải về thông điệp «Hãy cầm lấy và đọc»**  - Được coi như một thông điệp của văn bản để kêu gọi mọi người  + Hãy tiếp xúc trực tiếp với cuốn sách, tự trải nghiệm mà không qua một trung gian nào.  + Việc tự tiếp xúc với sách sẽ khác với việc nghe người khác nói lại (được trực tiếp có cảm xúc và tiếp xúc với ngôn từ)  + Việc đọc sách sẽ là một trải nghiệm cho bản thân  **b. Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống con người**  ***- Lí lẽ***: Đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người.  ***- Bằng chứng***: Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hóa trong một khuôn khổ, hình thể nào.  ***- Lí lẽ***: Một nền giáo dục không khuyến khích con người đọc sách là một nền giáo dục phiến diện  ***- Bằng chứng***: Tạo ra còn người nông cạn về tinh thần, những con người một chiều kích. Đọc sách là cả một cuộc khám phá, chinh phục...  ***- Lí lẽ***: Đánh thức những giá trị tinh thần  ***- Bằng chứng***: sự xuất hiện của sách điện tử, internet, chữ in nổi -> sự phát triển của nhân loại...; Trí tuệ và tâm tư gắn liền với ngôn ngữ, tiếng nói và chữ viết...  **-** NT: Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.  **c. Điều kiện để giải quyết tình trạng sa sút trong văn hóa đọc**  **- Chủ thể đọc** (con người): Phải ham đọc  **- Đối tượng đọc** (sách): Phải có sách hay, thu hút  - Tác động qua lại với nhau. Thiếu một trong hai, tình trạng sa sút trong văn hóa đọc sẽ khó cải thiện được  ***- NT: Phân tích tỉ mỉ, chi tiết.***  **d, Đọc sách là một kiểu trải nghiệm**  **\* Có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm vì**:  - Trải nghiệm về cách đọc sách, người đọc sẽ tìm ra một cách đọc phù hợp với bản thân mình.  - Trải nghiệm cùng nội dung của cuốn sách, người đọc sẽ có thêm những hiểu biết mới dựa vào nội dung của sách, đó chính là một sự trải nghiệm.  ***- Liên hệ thực tiễn.*** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi: Em hãy nhận xét về cách kết thúc vấn đề của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **3. Kết thúc vấn đề**  **- Nhắc lại thông điệp về đọc sách:** **Kết thúc đầu cuối tương ứng**  - Tạo tính liên kết chặt chẽ cho văn bản, khẳng định tính thuyết phục của ý kiến được đưa ra để bàn luận | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ bằng cách đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục…  **2. Nội dung**  Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về cách nhìn nhận của mình về tầm quan trọng của việc đọc sách và tính cấp thiết của việc khắc phụ sự sa sút băn hóa đọc. Bên cạnh đó, bài viết còn truyền cảm hứng, kêu gọi mọi người yêu sách hơn, đọc sách để giữ vững văn hóa, mở mang tri thức. |   **. Hoạt động 3: Luyện tập :**  **a. Mục tiêu**:  - HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.  - Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập.  **b. Nội dung**:  - HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm để nhận diện thuật ngữ trong ngữ cảnh.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  [Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với chủ](https://blogtailieu.com/) đề: *Sách là để đọc ,ko phải để trưng bày*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.  **-** Các HS khác lắng nghe,.  **Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  Các HS khác nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.  - GVnhận xét , cho điểm  **Hoạt động 4: Vận dụng**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- GV cho học sinh xem video và tổ chức hoạt động GÓC CHIA SẺ*  - Em có thói quen đọc sách không?  - Em thấy mình đã đọc sách đúng cách hay chưa?  - (Nếu chưa) Cách khắc phục?  - Theo em, sách mang lại điều gì cho bản thân?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.  **-** Các HS khác lắng nghe,.  **Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  Các HS khác nhận xét   * GV nhận xét và chốt kt | |

***Ngày soạn :25/02/2025***

***Ngày dạy:***

**TIẾT 103,104:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THUẬT NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- HS hiểu được thế nào là thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.

- HS vận dụng hiểu biết về thuật ngữ để tiếp nhận văn bản khoa học trong các bài học; biết sử dụng thuật ngữ trong việc tạo lập văn bản theo yêu cầu.

***2. Năng lực***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có ý thức tìm hiểu, sử dụng thuật ngữ trong nói, viết một cách có hiệu quả. Chủ động tiếp nhận, hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách tích cực.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh, học tập tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến. Trình bày một cách tự tin ý kiến của mình.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ và đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ: HS sử dụng được thuật ngữ một cách có hiệu quả trong khi nói và viết (đặt câu, viết đoạn văn).

- Năng lực văn học: HS cảm nhận được cái hay về nội dung và nghệ thuật khi sử dụng thuật ngữ một cách chính xác và đúng mục đích.

***3. Phẩm chất:***

- Trách nhiệm: Học sinh có ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vận dụng kiến thức về thuật ngữ vào các văn bản được học và trong cuộc sống.

- Chăm chỉ: Học sinh chăm chỉ học tập, rèn luyện để sử dụng thuật ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Tìm hiểu, khám phá nghĩa của các từ (thuật ngữ) để mở rộng vốn hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề - 5 phút**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, tạo cơ sở để HS tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Hiểu ý đồng đội”. HS thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức hoạt động: **30s TƯ DUY**

- Các thuật ngữ quen thuộc sẽ lần lượt xuất hiện trên màn hình, HS suy nghĩ nhanh để giải nghĩa những thuật ngữ đó: Thế nào là hình tam giác? Thế nào là hình vuông? Truyện ngụ ngôn là gì? Tục ngữ là gì?

- Thời gian cho mỗi khái niệm: 30 giây

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tiếp nhận và tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**

**-** GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**

* GV nhận xét ,cho điểm và chốt kt
* ***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Những khái niệm chúng ta vừa giải thích trong hoạt động vừa rồi được gọi là thuật ngữ. Vậy thuật ngữ là gì và đặc điểm của thuật ngữ như thế nào, chúng ta cùng đi tìm hiểu bài hôm nay nhé!*

|  |  |
| --- | --- |
| **2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức - 10 phút**  **a. Mục tiêu:**  - Hình thành cho HS kiến thức về khái niệm, đặc điểm và cách xác định thuật ngữ. **b. Nội dung:**  - GV tổ chức các hoạt động nhóm và hướng dẫn học sinh ôn tập lại những kiến thức về thuật ngữ.  **c. Sản phẩm:**  - Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
|  | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm thuật ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Câu 1:**  Trong hai cách giải thích sau về nghiã của từ "nước", cách giải thích nào thông dụng ai cũng có thể hiểu đựơc? Cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức về hoá học?  - Cách 1: Nước là chất lỏng không màu, không mùi, có trong sông, hồ, biển...  - Cách 2: Nước là hợp chất của các nguyên tố hi-đrô và ô-xi, có công thức là H2O  **Câu 2:**  Em hãy đọc các định nghĩa sau, cho biết các định nghĩa này ở những bộ môn nào? Các từ in đậm chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào?  - **Thụ phấn** là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.  - **So Sánh** là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **- Thủy triều** là hiện tượng dao động, thường xuyên có chu kỳ của các khối nước trong các biển và đại dương.  ? Từ việc tìm hiểu các ví dụ trên em hiểu thuật ngữ là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và thảo luận  **Bước 3: Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **-** GV nhận xét, bổ sung  ***Câu 1:***  ***- Cách 1****: Giải thích đặc điểm bên ngoài của sự vật (dạng lỏng hay rắn? Màu sắc, mùi vị thế nào? Từ đâu hay từ đâu mà có) hình thành trên cơ sở kinh nghiệm, có tính chất cảm tính, ai cũng có thể hiểu được.*  *-> Cách giải thích thông thường.*  ***- Cách 2:*** *Giải thích các đặc tính bên trong của sự vật, được cấu tạo từ yếu tố nào, mối quan hệ giữa các yếu tố đó ? -> Giải thích qua việc nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp khoa học, qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ những đặc tính của nó*  *->Người nghe muốn hiểu phải có kiến thức chuyên ngành hóa học.*  ***Câu 2:***  *- Các định nghĩa thuộc bộ môn: Sinh học, văn học, địa lý.*  *- Sử dụng trong các văn bản khoa học, công nghệ.*  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ - cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc thông tin trong hộp *Nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.*  **GV đưa ra ví dụ 1:**  a. **Muối** là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.  b. Canh còn hơi nhạt, con thêm tí **muối** nữa đi.  **? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “muối” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?**  **GV đưa ra ví dụ 2:**  a. Liệu con vi-rút này có biến thể nào khác hay không vẫn còn là một **ẩn số**.  b. **Ẩn số** của phương trình này là một số thập phân.  ? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “ẩn số” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?  ? Từ hai ví dụ trên em hãy nêu chức năng của thuật ngữ?  ? Từ đó nêu cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **-** GV nhận xét, bổ sung  **- Ví dụ 1:**  *+ Muối (a) là thuật ngữ, chỉ một loại hợp chất hóa học.*  *+ Muối (b) là một từ thông dụng, chỉ một loại gia vị trong thực phẩm.*  **- Ví dụ 2:**  *+ Ẩn số (a) là từ thông dụng, có nghĩa là “điều chưa ai biết rõ”.*  *+ Ẩn số (b) là một thuật ngữ toán học, có nghĩa là “số chưa biết”.*  **- Cách xác định thuật ngữ:** dựa vào ngữ cảnh  **- Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:**  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ. (cuối SGK Ngữ văn 7)  + Đọc các từ điển chuyên ngành.(Từ điển tiếng Việt - Hoàng Phê chủ biên) | **I. Thuật ngữ:**  **1. VD**  **2.Nhận xét**  **- Khái niệm:** Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định.  **- Chức năng:**  + Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường.  + Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường.  **- Cách xác định thuật ngữ:** dựa vào ngữ cảnh  **- Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:**  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ.  + Đọc các từ điển chuyên ngành. |
| **3.Hoạt động 3. Luyện tập - 20 phút**  **a. Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức về thuật ngữ: nhận diện được thuật ngữ, căn cứ để xác định thuật ngữ, tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ.  **b. Nội dung:**  - GV tổ chức các hoạt động nhóm, làm việc cá nhân.  **c. Sản phẩm:**  - Kết quả bài làm nhóm, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập (SGK- 64)  **? Chỉ ra thuật ngữ trong các câu văn và cho biết dựa vào đâu em xác định được như vậy?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **-** GV nhận xét, bổ sung  **\* GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 (SGK-64)  ? Hãy tra từ điển hoặc các loại tài liệu thích hợp để tìm hiểu nghĩa của các thuật ngữ đã tìm được ở bài tập 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 (SGK-64,65)  - GV chia lớp làm 3 nhóm thảo luận (5 phút)  + Nhóm 1: cặp câu thứ nhất  + Nhóm 2: cặp câu thứ hai  + Nhóm 3: cặp câu thứ ba  ? Trong các từ ngữ in đậm ở những cặp câu trường hợp nào là thuật ngữ, trường hợp nào là từ ngữ thông thường? Cho biết căn cứ để xác định?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi các nhóm nhận xét, bổ sung.  , chốt kiến thức, tuyên dương nhóm tích cực hoạt động, có thể cho điểm. | **II. Luyện tập**  **Bài 1 (SGK-64)**  a. ngụ ngôn  b. triết học  c. văn hóa  d. in-tơ-nét  **- Căn cứ:** các từ trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể:  + Ngụ ngôn – thể loại văn học  + Triết học – ngành khoa học  + Văn hóa – giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra  + In-tơ-nét – một lĩnh vực của công nghệ thông tin.  **Bài 2 (SGK-64)**  - Ngụ ngôn: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lý, kinh nghiệm sống.  - Triết học: khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.  - Văn hóa: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.  - In-tơ-nét: hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.  **Bài 3 (SGK-64,65)t** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thuật ngữ** | **Từ ngữ thông thường** | | **a. Cặp câu thứ nhất** | - Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là điệp khúc. | - Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. | | **b. Cặp câu thứ hai** | - Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn năng lượng | - Đọc sách là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần. | | **c. Cặp câu thứ ba** | - Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lý được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ. | - Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc. | | **Căn cứ xác định:** | - Dựa vào các câu có sử dụng các từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn. | - Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ đề được dùng theo nghĩa chuyển.  + Điệp khúc: sự lặp đi lặp lại trong lời nói.  + Năng lượng: nguồn sống cho cơ thể  + Bản đồ: sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời. | | |
| **4.Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút)**  **a. Mục tiêu**  - Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu).  **b. Nội dung**  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân: Sử dụng kiến thức đã học về trạng để viết đoạn văn.  **c. Sản phẩm**  - Đoạn văn của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (6-8 câu) chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn có sử dụng thuật ngữ.  - GV gợi ý:  **\* Về hình thức:**  - Đảm bảo dung lượng đoạn văn.  - Đặt câu đúng câu trúc ngữ pháp.  - Trình bày sạch đẹp.  **\* Về nội dung:**  - Chủ đề tự chọn  - Sử dụng ít nhất một thuật ngữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - HS đọc đoạn văn  **Bước 4: : *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi HS nhận xét.  - HS nhận xét, đánh giá đoạn văn của bạn bằng Rubrics.  - GV nhận xét, đánh giá bằng Rubrics.  - GV chiếu đoạn văn mẫu:  ***Nước*** *là hợp chất của các nguyên tố hiđrô và ôxi, có công thức là H2O.* ***Nước*** *rất quan trọng với mọi sự sống trên trái đất. Khi cơ thể người với 70% là nước. Khi thiếu nước chỉ ba ngày là người đó có thể chết, trong khi đó, nếu thiếu thức ăn mà vẫn có nước ta có thể sống đến một tuần hoặc hai tuần. Quá trình hút chất dinh dưỡng của thực vật cũng là hút nước và muối khoáng. Nước có mặt trong toàn bộ các hoạt đông sống. Nhưng hiện nay, nguồn nước đang bị ô nhiễm nặng mà* ***tác nhân*** *chính đó chính là con người. Vậy nên mỗi người chúng ta hãy cố gắng giữ gìn môi trường sạch sẽ để bảo vệ chính chúng ta và tất cả sinh vật xung quanh.* | |

***Ngày soạn:28 /02 /2025***

***Ngày dạy: /03/2025***

**TIẾT 105:**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II.**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về các thể loại hoặc loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở giữa học kì II.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết các bài văn kể chuyện tưởng tượng, viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi, nói và nghe.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện, vận dụng kiến thức trong văn bản để đánh giá được các vấn đề trong cuộc sống.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn , soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+* GV chơi trò chơi ***Ai nhanh hơn****Trong giữa học kì II, em đã học những VB nào, nêu tên văn bản và tên tác giả ?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá.  GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập lại các thể loạ văn bản và các kiến thức tiếng Việt đã được học trong HK II. | - HS kể nhanh các thể loại, loại VB đã học: truyện nước ngoài, truyện cổ tích, VB nghị luận, VB thông tin. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập các thể loại văn bản đã học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm thể loại văn bản, tên các tác giả và tác phẩm đã học.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thể loại văn bản đã học bằng cách lập bảng thống kê.  *+ Văn bản đó thuộc thể loại gì?*  *+ Phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản là gì?*  ? Em hiểu thế nào là tiểu thuyết?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Các thể loại VB**  **1.văn bản:**  **+VB** “Cuộc trạm trán trên đại dương”   * Tác giả: Giuyn- Vec- Nơ. * Thể loại: Tiểu thuyết. * PTBĐ:Tự sự kết hợp miêu tả.   **+VB**:Đường vào trung tâm vũ trụ.   * Tác giả :Hà Thuỷ Nguyên. * Thể loại: Tiểu thuyết. * PTBĐ: Nghị luận+ MT.   +VB: Dấu ấn Hồ Khanh.   * Tác giả:Hồ Khanh. * Thể loại:phóng sự, bút kí. * PTBĐ:MT+BC.   **2.Thể loại tiểu thuyết.**  **-** *Tiểu thuyết là một thể loại văn xuôi có hư cấu, thông qua nhân vật, hoàn cảnh, sự việc để phản ánh bức tranh xã hội rộng lớn và những vấn đề của cuộc sống con người, biểu hiện tính chất tương thuật, tính chất kể chuyện bằng ngôn ngữ văn xuôi theo những chủ đề xác đinh.*  *-* **Đặc điểm của tiểu thuyết:**  **+** Tiểu thuyết tái hiện con người và cuộc sống bằng cái nhìn giàu chất văn xuôi.  +Tiểu thuyết nhìn đời sống từ góc độ đời tư.  +Nhân vật trong tiểu thuyết là con người nếm trải.  +Tiểu thuyết xoá khoảng cách trần thuật và nội dung trần thuật.  + Tiểu thuyêt chứa nhiều yếu tố thừa. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kiểu văn bản/Ví dụ một văn bản được học** | | **Đặc điểm cơ bản của kiểu văn bản, thể loại qua văn bản ví dụ** | **Điều em tâm đắc với các văn bản** | |
| *? Điểm nổi bật của 3 văn bản:*  *-****cuộc trạm trán trên đại dươn***  ***-Đường vào trung tâm vũ trụ.***  ***?*** *Họ khám phá vũ trụ ở không gian nào.*  *?Truyện kể về nhân vật nào?*  *? Nội dung của truyện là gì?*  *? Nội dung đó có ý nghĩa gì với nhân loại.*  *-* ***Dấu ấn Hồ Khanh.***  ***Là gì?***  ? Nhận xét gì về tiêu đề của văn bản.  -?Qua VB, em biết được điều gì.  ? Tác giả muốn gửi gắm điều gì qua VB. | | -PTBĐ:TS+MT  -PTBĐ:NL+MT.  -PTBĐ:NL+TS. | \***Truyện có 3 nhân vật**:pie a-ron-nac, cong xây và Nét Len  **Họước mơ chinh phục được những điều bíẩn dưới đáy đại dương.Hình ảnh chiếc tàu ngầm được nhà văn liên tưởng độc đáo bằng hình ảnh chú cá , tạo nên nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả.**  **-Tác giả kể câu chuyện về những nhà thám hiểm trái đất. Tâm trái đất và tâm vũ trụ đồng nhất nhưng tâm trái đất chỉ có khoáng chất, tâm vũ trụ có sinh vật sống, thực vật kì lạ. Câu chuyện diễn ra trong hai không gian:**  **+**Không gian thánh địa HyLap, nơi thờ các vị thần Hylap.  **+**Không gian tâm vũ trụ, nơi có sự sống**.**  **-**Truyện kể hai nhân vật chính: Cô bé ( người kể chuyện) và cậu bé thần đồng**.**  **Nội Dung:**Cung cấp thông tin về tác giả Hồ Khanh, đó cũng là tác giả đã phát hiện ra hang Sơn Đoong, hang rất ấn tượng có chiều cao và rộng nhất thế giới, nằm trong quần thể hang động thuộc khu du lịch của tỉnh Quảng Bình.  -Phẩm chất cao quý nhất của một nhà thám hiểm là sự hiểu biết và say mê khám phá thế giới tự nhiên. | |
| **Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức về tiếng việt.**  **a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm , đặc điểm của các kiến thức tiếng việt có liên quan đến các VB được học:Liên kết, thuật ngữ  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Em hiểu thế nào là dấu chấm lửng.  GV cho HS tìm các câu văn có dấu …, nêu tác dụng của dấu câu trong câu văn đó. | **\*Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân .thảo luận câu văn theo yêu cầu của GV**.**  **\*Báo cáo nhiệm vụ**  - HS trả lời  **\* Đánh giá nhiệm vụ**  - HS khác nhận xét.bổ sung  - GV nhận xét và chốt KT | | | **II.THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.**  **1.Dấu chấm lửng:**  **\***khái niệm:Dấu chấm lửng, còn gọi là dấu … là dấu câu ,được sử dụng rộng rãi trong các câu văn trên toàn thế giới. bày tỏ ý còn nhiều sự vật , hiện tượng chưa liệt kê hết. thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. |
| ? Em hiểu thế nào là mạch lạc.  ? Trong khi giao tiếp, có cần rõ ràng, mạch lạc không?  ? yếu tố nào giúp nội dung văn bản liền mạch và không tách rời nội dung đang diễn đạt.  ? Em hiểu thế nào là thuật ngữ.  ? Các em được học về những kiểu bài ( viết bài văn )nào. | HS nhìn sgk để có câu trả lời.  - Rất cần diễn đạt ND rõ ràng để người nghe hiểu và tiếp nhận chính xác thông tin.  - Liên kết bằng từ, ngữ, câu văn ngắn.  **Bài tập 1**  Đoạn văn viết về việc những người trên tàu chiến quan sát để tiếp cận “con cá thiết kình”. Sự việc diễn ra trong một giờ đồng hổ, được sắp xếp theo trật tự thời gian tuyến tính: từ sáu giờ đến bảy giờ sáng. Sự thống nhất về đề tài được nói đến và trình tự sắp xếp hợp lí các sự việc theo nguyên tắc nhân quả làm cho đoạn văn mạch lạc và người đọc có thể hiểu rõ nghĩa cua đoạn văn: diễn biến của sự việc quan sát và tiếp cận “con cá thiết kình”.  -Trong quá trình học tập, HS đã tiếp xúc với nhiếu thuật ngữ ở các môn học khác nhau.  - Muốn phân biệt chính xác, cẩn dựa vào câu và loại VB. Các khía cạnh trên đầy về thuật ngữ đã được làm sáng tỏ bằng những ví dụ cụ thể.  GV lấy vd cụ thể cm cho hs hiểu.  **Bài tập 1**  GV cho HS suy nghĩ và xác định thuật ngữ theo khả năng nhận biết của mình. HS trả lời, dù chính xác hay không, GV đều yêu cầu HS nêu căn cứ xác định. GV điều chỉnh, bổ sung.  Gợi ý:  Câu a: *ngụ ngôn-,* cần b: *triết học;* cầu c: *văn hoá;* câu d: *in-tơ-nét.*  Căn cứ: các đơn vị trên đều thuộc vẽ một lĩnh vực, một ngành cụ thể. *Ngụ ngôn* dùng để chỉ một thể loại văn học; *triết học:* chỉ một ngành khoa học; *văn hoá:* chỉ những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra.  **Hoạt động 3: Ôn tập kiến thức TLV.**  **a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm , đặc điểm của các kiểu bài có liên quan đến các VB được học: Viết bài văn kể chuyện, viết bài văn nêu ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay 1 h/đ.  Sau khi HS thảo luận nhóm xong, GV yêu cầu đại diện các nhóm trả lời. GV tổng hợp ý kiến của HS và chốt lại vấn đề.  -HS luyện viết từng đoạn văn. | | | **2.liên kết mạch lạc trong văn bản.**  - Mạch lạc là tính hợp lí, thống nhất và không mâu thuẫn giữa các cầu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong VB. Các câu (trong đoạn), các đoạn (trong VB) phải hướng đến chủ đề chung và được sắp xếp theo trình tự hợp lí nhằm thể hiện rõ chủ đề của VB.  - Các bộ phận trong VB (cầu, đoạn) được gắn kết chặt chẽ với nhau  - Liên kết góp phẩn tạo nên tính mạch lạc cua VB.  **3.Thuật ngữ.**  - Về cấu tạo, thuật ngữ có thể là một từ hoặc một cụm từ.  - Về chức năng và phạm vi sử dụng, thuật ngữ được sử dụng trong các ngành khoa học hoặc các lĩnh vực chuyên môn.  - Về mối quan hệ giữa thuật ngữ và từ ngữ thông thường: có những đơn vị khi thì được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi thì được dùng như từ ngữ thông thường.  **III. Tập làm văn.**  1.***Viết bài văn kể chuyện, kể lại sự việc có thật hoặc sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.***  Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử cần đáp ứng các yêu cầu sau:  -Nhân vật được lựa chọn phải có vai trò (dù ít hay nhiều) trong bối cảnh lịch sử đương thời.  -Sự việc được kể liên quan đến nhân vật đó phải có thật.  -Sự việc đó phải có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử nhất định.  -Kể được sự việc theo trình tự hợp lí.  -Bài viết nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết và có sử dụng yếu tố miêu tả.  2.***Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.***  ***a.việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe***.  ***b.Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện***  - Nêu được sự phát triển công nghệ và tác động của nó đến đời sống con người; nêu lên nhiều quan điểm khác nhau để thấy đây là một vấn để còn gầy tranh cãi.  -Đánh giá được một cách khách quan, cân bằng hai mặt tích cực và tiêu cực |

**Hoạt động 3: Vận dụng**  **( cho HS viết đoạn văn).**

**a. Mục tiêu:** Nắm được mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện bài viết đã học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập trong sgk.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết được đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **IV. Thực hành viết.**  **-** Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích.  **-** Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm.  **-** Viết ý kiến một cuộc họp, cuộc thảo luận. |

***Ngày soạn: 01 /03./2025***

***Ngày dạy: ./03 /2025***

**TIẾT106-107 : KI** **ỂM TRA GI ỮA K Ì II( Ktra theo đề của pgd)**

**A.Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- HS có định hướng trong việc tự giá ôn tập, kiểm tra để nắm vững các kiến thức trọng tâm của chương đã học từ đầu KHII trong cả 3 phân môn Ngữ văn

- Giúp HS củng cố, khái quát đơn vị kiến thức đã học vận dụng vào làm bài kiểm tra đạt hiệu quả cao nhất

***2. N¨ng lùc***

- N¨ng lùc chung : gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, n¨ng lùc s¸ng t¹o, sö dông ng«n ng÷, hîp t¸c.

-N¨ng lùc chuyªn biÖt : nghe, nãi,®äc, viÕt, t¹o lËp v¨n b¶n.

**-** §¸nh gi¸ kh¶ n¨ng n¾m kiÕn thøc vµ kÜ n¨ng lµm bµi cña hs.

- RÌn kü n¨ng vËn dông kiÕn thøc ®· häc vµo bµi kiÓm tra.

- Gi¸o dôc ý thøc tự giác. nghiªm tóc khi lµm bµi tæng hîp giữa kì

**B- ChuÈn bÞ**

* Gv: LËp kÕ ho¹ch dạy häc, ®Ò kiÓm tra

- HS: Học bài cũ, chuẩn bị giấy, bút... kiểm tra.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

* GV phát đề KT choHS
* HS nhận đề và làm bài

**I.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II.BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin. (Câu 1,2)  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu tác hại của bao bì ni lông. (Câu 3)  **Thông hiểu**:  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản. (Câu 4)  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.(Câu 5,6)  - Hiểu được chức năng của phương tiện liên kết và mạch lạc trong văn bản.(Câu 8)  **Vận dụng:**  Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. (Câu 9,10) | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự; Xác định đúng yêu cầu của đề  **Thông hiểu:** Sắp xếp các luận điểm theo một trình tự hợp lí.  **Vận dụng:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.  **Vận dụng cao:** Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng | 1\*TL | 1\* TL | 1\* TL | 1\* TL |

**III.ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau à trả lời câu hỏi :**

Ngày 22 tháng 4 hằng năm được gọi là Ngày Trái Đất do một tổ chức bảo vệ môi trường của Mĩ khởi xướng từ năm 1970. Từ đó đến nay dã có 141 nước trên thế giới tham gia tổ chức này, với quy mô với nội dung thiết thực về bảo vệ môi trường.  
Ngày Trái Đất hằng năm được tổ chức theo những chủ đề liên quan đến những vấn đề môi trường nóng bỏng nhất của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất với chủ đề “Một ngày không dùng bao bì ni lông”.

Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân huỷcủa pla-xtíc. Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi.

Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

Vì vậy, chúng ta cần phải:  
- Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông, cùng nhau giảm thiểuchất thải ni lông bằng cách giặt phơi khô để dùng lại.  
- Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.  
- Sử dụng các túi đựng không phải bằng ni lông mà bằng giấy, lá, nhất là khi dùng để gọi thực phẩm.  
- Nói những hiểu biết của mình về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông cho gia đình, bè bạn, và mọi người trong cộng đồng để cùng nhau tìm ra giải pháp cho vấn đề sử dụng bảo vệ trước khi thải bỏ bao bì ni lông bởi mức gây ô nhiễm nghiêm trọng đối với môi trường.

Mọi người hãy cùng nhau quan tâm tới Trái Đất hơn nữa!

Hãy bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta trước những nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đang gia tăng.

Hãy cùng nhau hành động: “MỘT NGÀY KHÔNG DÙNG BAO BÌ NI LÔNG”.

(Theo tài liệu của Sở Khoa học – công nghệ Hà Nội)

**Câu 1: Văn bản “*Thông tin về* *Ngày Trái Đất năm 2000”* chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào?**

A. Tự sự

B. Nghị luận

C. Thuyết minh

D. Biểu cảm

**Câu 2:** **Một ngày không sử dụng bao bì ni lông là chủ đề của Ngày Trái Đất của quốc gia hay của khu vực nào?**

A. Toàn thế giới

B. Nước Việt Nam

C. Các nước đang phát triển

D. Khu vực châu Á

**Câu 3:** **Trong văn bản “*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000”,* bao bì ni lông được coi là gì?**

A. Một loại rác thải công nghiệp

B. Một loại chất gây độc hại

C. Một loại rác thải sinh hoạt

D. Một loại vật liệu kém chất lượng

**Câu 4:** **Ý nào nói lên mục đích lớn nhất của tác giả khi viết văn bản “*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000”?***

A. Để mọi người không sử dụng bao bì ni lông nữa.

B. Để mọi người thấy Trái Đất đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.

C. Để góp phần vào việc tuyên truyền và bảo vệ môi trường của Trái Đất.

D. Để góp phần vào việc thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông của mọi người.

**Câu 5:** **Vì sao việc dùng bao bì ni lông gây nguy hại với môi trường?**

A. Tính không phân hủy của pla – xtic

B. Trong ni lông màu có nhiều chất độc hại

C. Khi đối bao bì ni lông, trong khói có nhiều khí độc

D. Chưa có phương pháp xử lí rác thải ni lông

**Câu 6: Nhận định nào là đúng nhất về các giải pháp hạn chế việc dùng bao bì ni lông mà người viết đưa ra trong bài?**

A. Chưa phù hợp với trình độ phát triển của con người

B. Vượt quá khả năng của con người

C. Không có tính thuyết phục và khả thi

D. Có tính thuyết phục và khả thi

**Câu 7: Chủ đề của văn bản “*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000”*?**

A. Một ngày không dùng bao bì ni lông.

B. Ích lợi của việc sử dụng bao bì ni lông.

C. Hiện trạng của môi trường ở Việt Nam.

D. Một số giải pháp cho vấn đề sử dụng bao bì ni lông.

**Câu 8:** **Trong đoạn văn: *“Theo các nhà khoa học…ô nhiễm môi trường”* từ nào được coi là phương tiện để liên kết?**

A. Hãy

B. Vì vậy

C. Như chúng ta đã biết

D. Nói chung

**Câu 9: Em có suy nghĩ gì về hiện trạng sử dụng bao bì ni lông ở trường em?**

**Câu 10: Em rút ra được bài học gì về việc sử dụng bao bì ni lông?**

**PHẦN II: VIẾT (4,0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

**IV.ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM CHẤM.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn: Ngữ văn lớp 7**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | | **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** | |  | **1** | B | 0,5 | | **2** | A | 0,5 | | **3** | C | 0,5 | | **4** | C | 0,5 | | **5** | A | 0,5 | | **6** | D | 0,5 | | **7** | A | 0,5 | | **8** | B | 0,5 | |  | **9** | - HS nêu được hiện trạng sử dụng bao bì ni lông ở trường em.  + Vứt bừa bãi trong ngăn bàn ,sân trường, lớp học  + Dụng để gói đồ ăn sángmang đến trương  …….. | 1,0 | |  | **10** | - HS rút ra được bài học gì về việc sử dụng bao bì ni lông.  - Hạn chế sử dụng tíu nilong  + Sử dụng vật liệu thay thế  ……. | 1,0 |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **II** |  | **VIẾT** | **4.0** | |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận..*  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.  *Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.  *Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,25 | |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  *Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.* | 0,25 | |  | c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  Học sinh có thể nghị luận theo nhiều các khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  | |  | * Nêu vấn đề cần nghị luận: *Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.* * Người viết tán thành ý kiến đã nêu.   - Sử dụng lí lẽ.  + Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là việc làm rất đúng đắn vì……….  - Nêu bằng chứng : xác thực (số liệu….)  - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng   * Khẳng định lại sự tán thành ý kiến. | 3.5 |   ***D. Củng cố - Dặn dò: :***  - Giáo viên thu bài và nhận xét giờ |

***Ngày soạn: .01/03./2025***

***Ngày dạy: /03 /.2025***

**TIẾT108 : VĂN BẢN 3:NÓI VỚI CON**

***- Y Phương-***

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được rằng, chủ đề Trái nghiệm để trưởng thành được thể hiện ở những VB thuộc các thể loại khác nhau. Khác với hai VB Bản đồ dẫn đường và Hãy cầm lấy và đọc, Nói với con là một bài thơ. Đọc bài thơ, HS không những cần biết cảm thụ nội dung trữ tình, nghệ thuật biểu đạt, mà còn biết đối sánh để thấy các yếu tố của VB, phương thức thể hiện, cấu trúc, ngôn ngữ có sự khác biệt như thế nào so với các VB nghị luận đã học. Nhờ sự đối sánh đó, HS nhận thức được rõ hơn đặc điểm của VB nghị luận.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nói với con.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Nói với con.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS có trách nghiệm với bản thân và với cộng đồng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\***GV trình chiếu video bài hát *Chín bậc tình yêu* của nhạc sĩ An Thuyên, do ca sĩ Sèn Hoàng Mỹ Lam thể hiện:

\*GV nêu câu hỏi:

1. *Chia sẻ cảm xúc của em về nội dung của bài hát? (Em đã bao giờ lên miền núi chưa?) Nêu ấn tượng của em về thiên nhiên, cuộc sống, con người ở đó.*
2. *Em đã được nghe những lời căn dặn như thế nào của những người thân yêu trong gia đình? Trong những lời căn dặn đó, những người thân hi vọng gì ở em? Có bao giờ quê hương trở thành một chủ đề trong câu chuyện của gia đình em? Em hãy nhớ lại những bài thơ viết về tình cảm cha con, mẹ con đã được học hoặc đọc thêm.*

\*HS xem video, quan sát và suy nghĩ, bày tỏ cảm xúc cá nhân về nội dung của video.

-> GVnhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào bài mới:

*Các em ạ, tình yêu thương con cái, mong ước thế hệ sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, quê hương vốn là tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam ta suốt bao đời nay. Bài thơ "Nói với con" của nhà thơ Y Phương cũng nằm trong cảm hứng rộng lớn và phổ biến ấy. Nhưng Y Phương lại có một cách nói hết sức xúc động của riêng mình. Mượn hình thức tâm tình, dặn dò của người cha đối với con, nhà thơ đã đem đến cho bài thơ một giọng điệu thiết tha, trìu mến, ấm áp và tin cậy.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về VB.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về VB.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**(Tìm hiểu chung văn bản)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu chung VB:** | **Trả lời** |
| *1. Xuất xứ:* | ... |
| *2. Thể thơ:* | ... |
| *3. Phương thức biểu đạt:* | ... |
| *4. Bố cục:* | ... |
| *5. Chủ thể trữ tình và đối tượng trữ tình:* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Khám phá chung văn bản** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  1) GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn những hiểu biết về tác giả.  2) GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu chú thích:  - GV gọi khoảng 2 HS đọc bài thơ. Chú ý cách đọc diễn cảm, thể hiện được giọng điệu và sắc thái trữ tình của bài thơ. GV đọc mẫu vài đoạn để minh hoạ cho yêu cầu đọc bài thơ tự do. Lưu ý HS một vài từ ngữ được nhà thơ sử dụng sáng tạo, chẳng hạn: *ken, người đồng mình, thung,...*  2) GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành **Phiếu học tập số 01.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  - Các nhóm hoàn thành phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức: *Thơ là tiếng nói bộc lộ tình cảm, đồng thời là một hình thức giao tiếp nghệ thuật. "Nói với con", đương nhiên chủ thể của lời nói là “cha”, và đối tượng tâm tình trước hết là “con”. Nhưng là một tác phẩm nghệ thuật, bài thơ còn là lời trò chuyện với người đọc rộng rãi - những người có thể đồng cảm sâu sắc với chủ thể trữ tình về những vấn đề được nói tới.*  - GV chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản: | **1. Tác giả:**  Y Phương  - Y Phương (1948 – 2022) là nhà thơ dân tộc Tày, quê ở Cao Bằng.  - Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ, trong sáng, phóng khoáng, mang đậm màu sắc văn hoá vùng đất quê ông.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Nói với con* (1980); *Người núi Hoa* (1982); *Tiếng hát tháng Giêng* (1986), *Đàn then* (1996), *Vũ khúc Tày* (2015),…  Vĩnh biệt nhà thơ Y Phương: 'Tiếng hát tháng Giêng' đã cất vào 'ruột đá' |  thethaovanhoa.vn  **2. Tác phẩm:**  **2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Từ khó: *ken, người đồng mình, thung,...*  **2.2. Xuất xứ:** Viết năm 1980, in trong tập *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*, NXB Giáo dục, 1987)  **2.3. Thể thơ:** Tự do.  **2.4. Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.  **2.5. Bố cục:** 2 phần  + P1: Đoạn 1: *Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người.*  + P2: Đoạn 2: *Vẻ đẹp phẩm chất của "người đồng mình" và lời dặn dò của người cha với con.*  **2.6. Chủ thể trữ tình và đối tượng trữ tình:**  - Chủ thể trữ tình: Người cha-> thế hệ đi trước.  - Đối tượng trữ tình: người con-> thế hệ đi sau, những người có thể đồng cảm sâu sắc với chủ thể trữ tình. |

**Hoạt động II. Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết và phân tích được nội dung cơ bản được thể hiện trong VB.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm và cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Em hãy khái quát nội dung mà người cha muốn nói với con về cội nguồn sinh dưỡng? Người cha nói với con về những cội nguồn sinh dưỡng nào, vì sao?  + Ở bốn câu thơ đầu tiên đã gợi ra khung cảnh gì, nghệ thuật nào đã được tác giả sử dụng trong bài?  + Em hiểu thế nào về câu thơ  *Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*  *Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời*  + Câu thơ  Rừng cho hoa  Con đường cho những tấm lòng  Có gì đặc biệt? Em hiểu như thế nào về hai câu thơ này?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng**  ***a, Cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng đầu tiên “Gia đình”***  *Chân phải bước tới cha*  *Chân trái bước tới mẹ*  *Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười*  *- Đoạn thơ gợi ra 1 khung cảnh gia đình đầm ấm, hạnh phúc, tràn đầy tiếng cười, tiếng nói*  *-> Gợi cho chúng ta liên tưởng đến những bước chân chập chững đầu tiên của một em bé trong sự vui mừng của cha mẹ.*  *-* ***Nghệ thuật****: Hoán dụ + Điệp ngữ + Điệp cấu trúc + Nhịp thơ 2/3 + Kết cấu sóng đôi nhịp nhàng + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác*  ***-> Hình ảnh mộc mạc, cách diễn dạt chất phác***  *Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*  *Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*  *-> Là nhớ về kỷ niệm cho sự khởi đầu của một gia đình. Nó là minh chứng cho tình yêu và con chính là kết tinh của tình yêu ấy. ( Là ngày cưới của cha mẹ/ Ngày con chào đời)*  -> Y Phương đã nói với con, gia đình chính là cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con. Vì thế, trên hành trình vạn dặm của cuộc đời, con không được phép quên.  ***b. Cội nguồn nuôi dưỡng “Quê hương”***  *Người đồng mình yêu lắm con ơi*  *Đan lờ cài nan hoa*  *Vách nhà ken câu hát*  *Rừng cho hoa*  *Con đường cho những tấm lòng*  **- Người đồng mình**  + Đoàn kết, gắn bó  + Cần cù, chăm chỉ  + Khéo léo, tài hoa  + Lạc quan, yêu đời  - BPNT liệt kê, động từ “cài, ken” , cách xưng hô “người đồng mình” -> Cuộc sống lao động tươi vui, ấm áp + Bản sắc văn hóa độc đáo  **- Thủ pháp nhân hóa:** “Rừng cho hoa”  *-> Tả thực vẻ đẹp của* ***những rừng hoa mà thiên nhiên****, quê hương ban tặng; gợi sự giàu có và* ***hào phóng của thiên nhiên, quê hương.***  ***“Con đường cho những tấm lòng”***  -> Tấm lòng bao dung, ân tình ân nghĩa của quê hương  -> Quê hương nuôi dưỡng con về tâm hồn và lẽ sống  -> Nếu như gia đình là cội nguồn sinh thành và dưỡng dục con, thì quê hương bằng văn hóa, lao động đã nuôi dưỡng và che chở cho con thêm khôn lớn, trưởng thành. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - **Hình thức**: Gv chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập  - **Thời gian**: 10 phút    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm và hoàn thành nhiệm vụ được phân công.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Những đức tính tốt đẹp của người đồng mình**  *Người đồng mình thương lắm con ơi*  *Cao đo nỗi buồn*  *Xa nuôi chí lớn*  **\* Nội dung**  - Cách gọi thân mật, yêu thương, cũng là cảm xúc chủ đạo của bài thơ  - Tâm hồn phóng khoáng, rộng mở  - Ý chí lớn lao  **\* Nghệ thuật**  - Điệp cấu trúc “Người đồng mình..”  - Tính từ  - Cách diễn đạt độc đáo, lấy không gian để đo tâm hồn  *Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*  *Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*  *Sống trong thung không chê thung nghèo đói*  *Sống như sông như suối*  *Lên thác xuống ghềnh*  *Không lo cực nhọc*  \* Nội dung  - Mong muốn của người cha:  + Tấm lòng thủy chung, gắn bó  + Dù cuộc sống khó khăn, vẫn phải vươn lên, vượt qua bằng nghị lực, niềm tin  \* Nghệ thuật  - Điệp ngữ, so sánh, từ phủ định  - Thành “lên thác xuống ghềnh”  - Giọng thơ rắn rỏi, ngôn ngữ giàu hình ảnh  *Người đồng mình thô sơ da thịt*  *Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*  \* Nội dung: Người đồng mình giản dị, mộc mạc, chất phát nhưng không nhỏ bé về ý chí, tinh thần  \* Nghệ thuật  - Điệp ngữ  - Hình ảnh tương phản:  Thô sơ da thịt > < chẳng nhỏ bé  *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương* *Còn quê hương thì làm phong tục*  \* Nội dung  - Lòng tự hào về quê hương  - Tự lực, tự cường xây dựng quê hương với phong tục và truyền thống tốt đẹp  \* Nghệ thuật  - Điệp ngữ  - Hình ảnh thơ nhiều sức gợi  ***-> Vẻ đẹp của người đồng mình***  Tâm hồn phóng khoáng, rộng mở, yêu quê hương  + Ý chí kiên cường, mạnh mẽ  + Lối sống mộc mạc, ân nghĩa, thủy chung  + Sức sống bền bỉ  + Tự lực, tự cường xây dựng quê hương  **-> Truyền cho con niềm tự hào về truyền thống và sức sống bền bỉ của quê hương. Mong con sống thủy chung, ân nghĩa với quê** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi: theo em, người cha muốn nói với con những điều gì? Điều đó có những ý nghĩa gì?  + Trong 4 câu thơ cuối, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **3. Lời dặn dò của cha**  **- Giọng điệu thiết tha, trìu mến, chất chứa tin yêu**  **- Kết cấu đối lập tương phản:**  *+ thô sơ da thịt >< Không bao giờ nhỏ bé được*  + Điều kiện hoàn cảnh >< Lẽ sống cao đẹp  **- Nội dung lời dặn dò:** Hãy sống tự lập, đường hoàng, bản lĩnh, tự tin  **- Ý nghĩa lời dặn dò:**  + Là lời nhà thơ nói với con, gửi tới con niềm yêu thương, tin tưởng, mong muốn con trưởng thành  + Là lời nhà thơ nói với chính mình: bộc bạch tình yêu với gia đình, quê hương, tự dặn lòng bền gan vững chí giữa lúc khó khăn  + Là lời chuyển giao thế hệ |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Giọng điệu tha thiết, trìu mến  - Ngôn ngữ cụ thể  - Hình ảnh mới lạ, độc đáo  - Sử dụng kết hợp nhiều biện pháp nghệ thuật  **2. Nội dung**  - Thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc  - Gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức của bài học qua việc vẽ sơ đồ tư duy.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cặp đôi làm bài tập GV giao.

**c. Sản phẩm:** Đáp án sơ đồ thể hiện đúng, đủ nội dung VB.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\*GV giao bài tập cho HS:

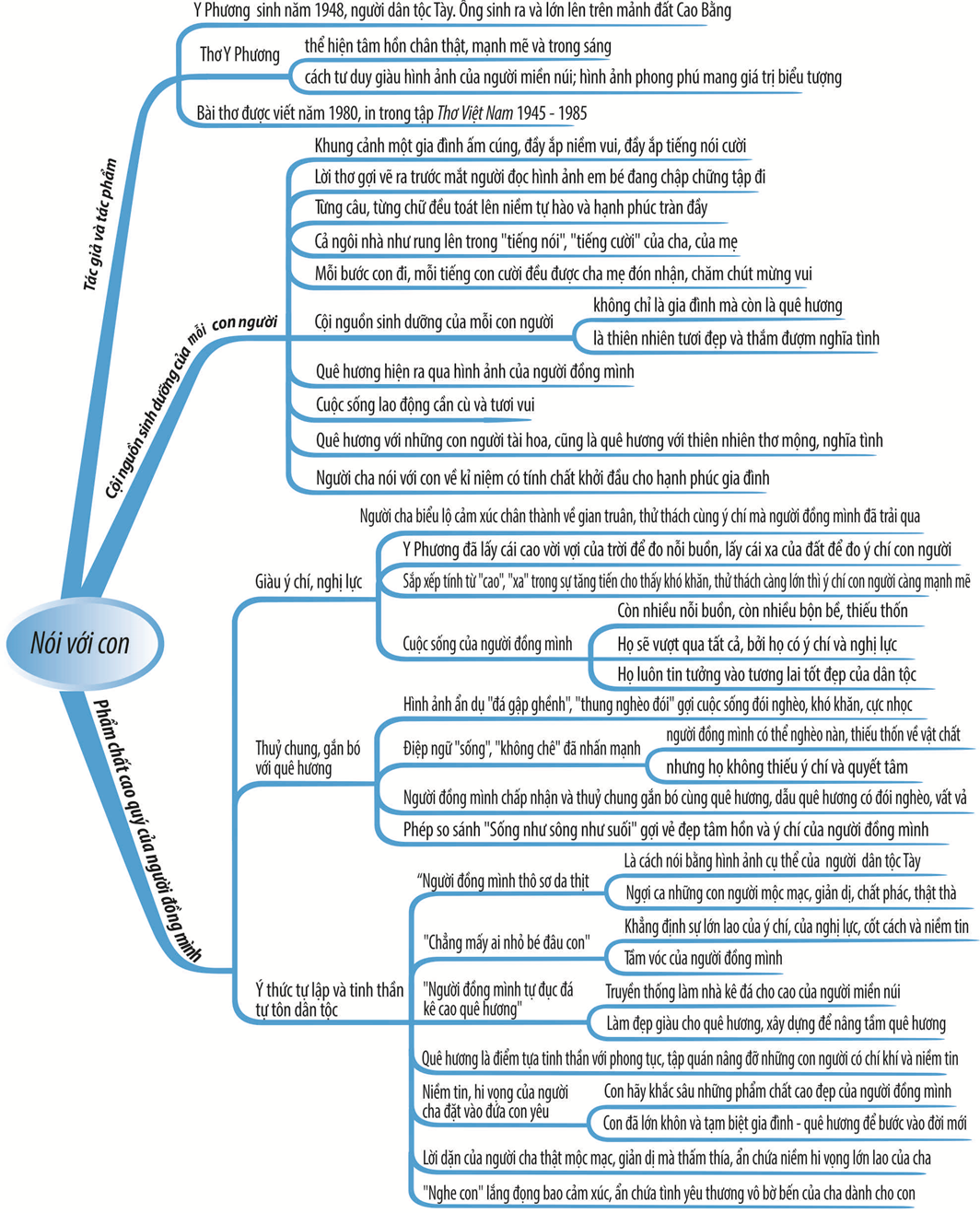
**Vẽ sơ đồ thể hiện nội dung VB.**

- GV hướng dẫn và hỗ trợ HS.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS tìm những ý chính và thể hiện thành sơ đồ ra giấy A0.

**\*Gợi ý đáp án:**



**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của mình.

- Nhóm HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-** GV đánh giá HS, tuyên dương bài làm của các nhóm HS.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức bài học vào viết đoạn và giải quyết tình huống.

**b. Nội dung**: HS viết đoạn; nêu suy nghĩ, chia sẻ.

**c. Sản phẩm**: Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập vận dụng (có thể về nhà làm):

**Bài tập 1.** Đặt mình là nhân vật ng­ười con trong bài thơ, hãy viết một bức thư ngắn *(từ 5 – 7 câu)* để gửicho ng­ười cha thân yêu.

**Bài tập 2.**Sưu tầm một số câu ca dao, câu thơ là lời dặn dò của người cha, người mẹ đối với con cái.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết bài ra giấy (có thể thực hiện ở nhà).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày.

**-** HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), tuyên dương những bài viết tốt.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Cha kính yêu!

Cảm ơn cha vì tất cả. Nhận được lời tâm tình cha trao gửi con càng thấm thía và hiểu ra rằng cha thương yêu con nhường nào. Tình yêu thương mà cha và cả gia đình dành cho con tựa như lá của cây trong rừng, trong lành như con suối trong thung. Con lớn lên, khôn lớn trưởng thành như thế này là nhờ bàn tay nuôi nấng chăm sóc, quan tâm của cha mẹ, của núi rừng quê hương mà thành. Cha dạy dỗ con những điều mà con người ta nên làm. Con sẽ sống như lời cha dặn, sẽ cố gắng cống hiến sức mình cho quê hương, cho đất nước mình ngày càng tươi đẹp. Cha là người luôn bên cạnh, vỗ về con trên suốt chặng đường mà con bước. Ngày thơ bé cha và mẹ bên con, nhìn con những bước đi chập chững vào đời, rồi dần con trưởng thành, cha bên cạnh dặn dò chỉ bảo con thành người. Con luôn hiểu được rằng quê hương mình thật ân nghĩa, ân tình: "rừng cho hoa”, "con đường cho những tấm lòng”. Cho dù đường đời có chông gai thế nào, con phải " lên thác xuống gềnh" ra sao thì con vẫn sẽ luôn cố gắng làm mọi điều có thể, con sẽ không giục ngã trước thất bại. Cha, con nhất định sẽ làm được, con sẽ cố gắng hết mình để xây dựng, vun đắp cho quê hương mình ngày một giàu đẹp.

Con yêu cha!

***Ngày soạn:01/03/2025***

***Ngày dạy: /03/2025***

**Tiết 109+ 1110 +111**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG  
(TRÌNH BÀY Ý KIẾN PHẢN ĐỐI)**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nắm được đặc điểm thể loại văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

**2.Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được thực chất của vấn đề đời sống cần bàn luận trong bài viết.

- Thể hiện được ý kiến phản đối về vấn đề một cách thuyết phục với lí lẽ chắc chắn và bằng chứng cụ thể.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Yêu mến, trân trọng những nhân vật được kể.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.

**b. Nội dung**: GV nêu vấn đáp, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

- GV có thể tổ chức hoạt động giới thiệu kiểu bài cho HS bằng cách đưa hình ảnh và nêu ra các tình huống cho HS chia sẻ quan điểm:

***Hãy quan sát 4 tình huống sau, quan điểm, ý kiến của em như thế nào trước mỗi vấn đề chứa trong tình huống?***

**Tình huống 1:** Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.

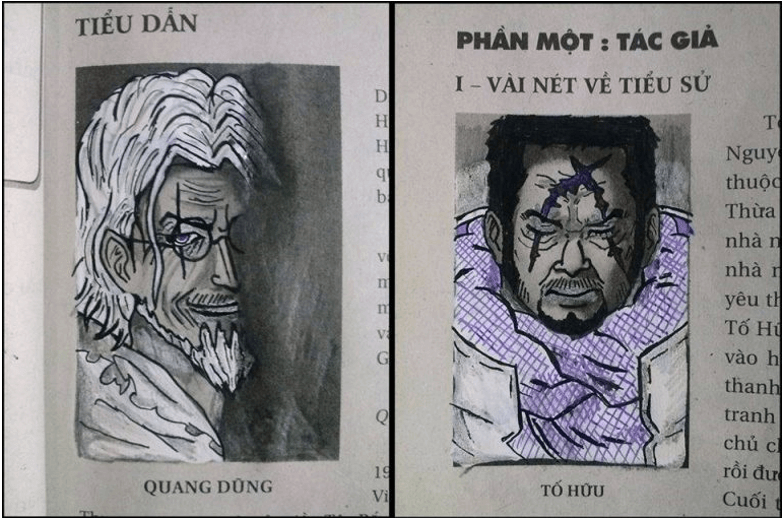
**Tình huống 2:** Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.

**Tình huống 3:** Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.



**Tình huống 4:** Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.



- HS suy nghĩ cá nhân để phát biểu ý kiến (theo hướng phản đối).

- Từ việc bày tỏ ý kiến trong mỗi tình huống, HS có thể hình dung có hình dung ban đầu về kiểu bài cần viết. GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học: *Như vậy, trong đời sống, trước một vấn đề, thường có những ý kiến khác nhau, trong đó có thể có ý kiến khiến ta không thể đồng tình. Biết tán thành với ý kiến đúng thì cũng cần biết phản đối ý kiến sai. Vậy muốn phản đối một ý kiến sai sao cho có sức thuyết phục ta phải làm gì, bài hôm nay chúng ta sẽ học cách viết kiểu bài nghị luận đó.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Ngày dạy**

**Tiết 109**

**a. Mục tiêu**: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

**b. Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi cho HS chia sẻ nhóm đôi tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**(Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài)**

*Hoàn thiện bảng sau bằng cách ghi câu trả lời vào cột bên phải tương đương với câu hỏi ở cột trái:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| *Vấn đề gì của đời sống được nêu lên để bàn luận?* | *…* |
| *Người viết thể hiện ý kiến như thế nào trước quan niệm, cách hiểu khác về vấn đề?* | *…* |
| *Ý kiến phản đối có sức thuyết phục không?* | *…* |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**(Phân tích bài viết tham khảo)**

*Hoàn thiện bảng sau bằng cách ghi câu trả lời vào cột bên phải tương đương với câu hỏi ở cột trái:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| 1) *Bài viết nêu vấn đề gì để bàn luận? Vấn đề được nêu nằm ở phần nào của bài?* | … |
| 2) *Người viết thể hiện thái độ gì đối với quan điểm về vấn đề đời sốngđược nêu?* | … |
| 3) *Những lí lẽ và bằng chứng nào được nêu ra để chứng tỏ sự phản đối là có căn cứ?* | … |
| 4) *Đoạn cuối trình bày vấn đề gì?* | … |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**(Phiếu tìm ý)**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:………. Lớp:…….  **Nhiệm vụ:** Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).  Gợi ý: HS suy nghĩ kĩ để chọn các thông tin phù hợp điền vào các ô trong bảng. | |
| Quan niệm về vấn đề đời sống được nêu để bàn luận: | … |
| Ý kiến phản đối của bản thân về quan niệm đó: | … |
| Những lí lẽ đưa ra để chứng tỏ sự phản đối có cơ sở: | … |
| Những bằng chứng cần nêu để củng cố cho lí lẽ: | … |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối):** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV cho HS đọc thầm lại phần *Yêu cầu đối với kiểu bài* trong SGK, tr.67, để nắm chắc được những yêu cầu đối với kiểu bài này.  \*GV nêu câu hỏi cho HS tìm hiểu bằng cách điền vào ***Phiếu HT số 1:***  *1) Vấn đề gì của đời sống được nêu lên để bàn luận?*  *2) Người viết thể hiện ý kiến như thế nào trước quan niệm, cách hiểu khác về vấn đề?*  *3) Ý kiến phản đối có sức thuyết phục không?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào SHS, trang 67 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày và nêu những điều chưa rõ (nếu có).  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức: **Các em cần lưu ý về kiểu bài:**  + Vấn đề nêu ra đã tồn tại những quan niệm, cách hiểu khác nhau, trong đó, có quan niệm khiến bản thân người viết cảm thấy không thoả đáng hoặc chưa đúng đắn, cần phải bày tỏ sự phản đối bằng bài nghị luận.  + Việc phản đối một quan niệm, một cách hiểu nào đó về vấn đề không phải chỉ nhằm thể hiện chủ kiến của người viết, mà quan trọng hơn, phải hướng tới mục đích khẳng định chân lí, lẽ phải để ý kiến của mình đưa ra trở nên có ý nghĩa.  + Phần *Viết* của bài học này đặt ra yêu cầu cao hơn: các em phải biết trình bày ý kiến phản đối quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề đời sống. Nghĩa là, bài viết đòi hỏi ở HS khả năng nắm bắt và đánh giá vấn đề, kĩ năng sử dụng lí lẽ và bằng chứng phục vụ cho một hướng lập luận (phản đối).  ->chuyển dẫn sang mục 2. | - Bài văn cần nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề.  - Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác.  - Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở. |
| **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV cho HS đọc kĩ bài viết tham khảo để nắm được cách triển khai, yêu cầu HS thảo luận nhóm theo những câu hỏi trong ***Phiếu HT số 2.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát những chi tiết trong SGK.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu cách triển khai văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu, hướng dẫn HS trình bày.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt kiến thức, chuyển sang thực hành. | **1) Mở bài:**Nêu quan điểm: "*chỉ làm việc lớn, không thích làm việc nhỏ, vì việc nhỏ là việc vô nghĩa*" ->nảy sinh ý kiến bàn luận.  **2) Thân bài:**  - Bày tỏ thái độ của người viết: Phản đối quan điểm đã nêu ở mở bài: *"Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận".*  - Đưa ra những lí lẽ và bằng chứng có căn cứ để phản đối:  + Lí lẽ: "*ai cũng phải làm những việc lớn của đời mình, cho nên không vì phải giải quyết việc lớn mà trốn tránh những việc nhỏ thuộc trách nhiệm của bản thân; nếu mình không làm thì đùn đẩy việc nhỏ cho ai?; việc nhỏ không đồng nghĩa với việc vô nghĩa, có những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa rầt lớn lao;..."*  + Bằng chứng: Ông Ni-nô-mi-gia, một doanh nhân người Nhật, đã đến Hồ Gươm nhặt rác vào mỗi sáng Chủ nhật. Việc làm đầy ý nghĩa của ông đã có sức lan toả rất lớn, tác động đến nhận thức của nhiều người.  **3) Kết bài:**Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối: *cần phản đối để phân biệt đúng sai, lựa chọn hành vi,…* |
| **Ngày dạy**  **Tiết 110**  **III. Thực hành viết theo các bước** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Bước 1: GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.69 để xác định mục đích viết, người đọc và lựa chọn đề tài.**  *1) Trước khi viết ,em cần xác định mục đích viết và người đọc sẽ là ai?*  *2) Đề tài được chọn cần thoả mãn các yêu cầu nào? Tham khảo gợi ý trong SGK hoặc tự mình lựa chọn đề tài thích hợp.*  (Gợi ý: *Trong đời sống hàng ngày, em từng phản đối những quan niệm, ý kiến gì? Em hiểu như thế nào về quan niệm, ý kiến đó? Quan niệm, ý kiến về vấn đề đó có ảnh hưởng đến cuộc sống của những ai? Có cần thiết phải bày tỏ sự phản đối không? Nếu cần viết một bài nghị luận trình bày ý kiến phản đối, em thấy có những thuận lợi và khó khăn gì?*  **\*Bước 2: GV hướng dẫn HS tìm ý:** GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu kĩ về đề tài, nhận biết thực chất của vấn đề và những mặt tiêu cực có thể có của nó trong đời sống; phân tích các khía cạnh; phát hiện những chỗ bất ổn, cần thể hiện thái độ phản đối. Cho HS tìm ý bằng cách điền các thông tin cần thiết vào ***Phiếu học tập số 3*** theo mẫu:  **\*Bước 3: GV hướng dẫn HS lập dàn ý:**  - Sau khi HS hoàn thành phiếu tìm ý, GV yêu cầu HS đọc lại và sắp xếp các ý vào từng phần của bài theo thứ tự hợp lí. Chẳng hạn, phần Mở bài nêu vấn đề cần bàn luận và khẳng định ý kiến phản đối của người viết; phần Thân bài trình bày lần lượt từng ý, nêu các lí do của việc phản đối, mỗi ý đều gắn với lí lẽ và bằng chứng; phần Kết bài khẳng định lại ý kiến và rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. | **1. Trước khi viết**  **\*Xác định mục đích viết và người đọc: (SGK tr.69)**  **a. Lựa chọn đề tài:**  **- Yêu cầu:** Đề tài phải chứa đựng những quan niệm chưa đúng đắn, tác động không tốt đến đời sống cộng đồng.  **- Gợi ý đề tài:**  ***+*** *Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.*  *+ Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.*  *+ Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.*  + *Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.*  **\*Chọn đề bài thực hành:**Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.  **b. Tìm ý:**  - Quan niệm về vấn đề đời sống được nêu để bàn luận: *học lệch của học sinh hiện nay bỏ qua một số môn, chỉ học những môn mình yêu thích.*  - Ý kiến phản đối: *là hiện tượng không tốt với người học.*  - Những lí lẽ:  *+ Hổng kiến thức cơ bản;*  *+ Kết quả học tập thấp, gây chán nản, ảnh hưởng đến giáo dục toàn diện;*  *+ Kìm hãm vốn hiểu biết sâu rộng;*  *+ Không phát triển được tư duy sáng tạo;*  *+ Nhìn nhận cuộc sống phiến diện;*  *+ Không đủ năng lực để sau này làm việc, ứng xử,…*  - Những bằng chứng:  + Coi nhẹ môn toán thì sẽ không biết tính toán, hoặc tính toán chậm, lúng túng;  + Cọi nhẹ môn Văn, viết câu sai ngữ pháp hoặc kém về giao tiếp, không chuyển tải được điều mình nghĩ,…  + Coi nhẹ môn địa, không nắm được vị trí địa danh, tình hình kinh tế xã hội,…  +…  **c. Lập dàn ý:**  **A. Mở bài:** **Nêu vấn đề cần bàn luận và khẳng định ý kiến phản đối của người viết.**  *+ Hiện nay, có một số bạn cho rằng chỉ cần học những môn mình yêu thích, có thể bỏ qua một số môn học khác.*  + *Đây* *là hiện tượng nhận thức lệch lạc, không tốt với người học.*  **B. Thân bài:**  \**Trình bày lần lượt từng ý, nêu các lí do của việc phản đối, mỗi ý đều gắn với lí lẽ và bằng chứng.*  - Những lí lẽ:  *+ Hổng kiến thức cơ bản;*  *+ Kết quả học tập thấp, gây chán nản, ảnh hưởng đến giáo dục toàn diện;*  *+ Kìm hãm vốn hiểu biết sâu rộng;*  *+ Không phát triển được tư duy sáng tạo;*  *+ Nhìn nhận cuộc sống phiến diện;*  *+ Không đủ năng lực để sau này làm việc, ứng xử,…*  - Những bằng chứng:  + Coi nhẹ môn toán thì sẽ không biết tính toán, hoặc tính toán chậm, lúng túng;  + Coi nhẹ môn Văn, viết câu sai ngữ pháp hoặc kém về giao tiếp, không chuyển tải được điều mình nghĩ,…  + Coi nhẹ môn địa, không nắm được vị trí địa danh, tình hình kinh tế xã hội,…  + Khi làm việc gì cũng lúng túng, không thành công….bị mất việc do không đáp ứng yêu cầu của chủ.  *\*Nhận xét những tác động tiêu cực:* Ảnh hưởng lâu dài đến chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, không xây dựng và phát triển được đất nước nếu con người đào tạo ra lại bị hổng kiến thức…  **C. Kết bài:** *Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.*  - Giúp nhận thức đúng vấn đề để điều chỉnh nhận thức và hành vi;  - Cần cân đối, hài hoà để học tập toàn diện, có đủ kiến thức năng lực để lao động và cống hiến,… |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc yêu cầu viết từng phần trong SGK tr.70, sau đó lưu ý HS mấy điểm:  *+ Thứ nhất,* cần bám sát dàn ý để viết. Mở bài, mỗi ý của Thân bài và phần Kết bài đều phải triển khai thành từng đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, có thể đảo ý nào đó so với dàn ý nếu thấy cần thiết. Cần dùng từ ngữ liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài để đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc của bài viết.  *+ Thứ hai,* nên chọn giọng văn phù hợp với yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). Lời văn mạnh mẽ, dứt khoát, nhưng có lí, có tình; tránh lối viết gay gắt, gây cảm giác căng thẳng.  *+ Thứ ba,* nếu viết ở lớp, chỉ nên viết nháp phần Mở bài, các phần sau viết theo mạch nghĩ vì không đủ thời gian chép lại sau khi nháp toàn bài. Viết ở nhà, HS có thể viết nháp hết bài, đọc lại, chỉnh sửa bằng bút mực đỏ, sau đó viết lại thành bản sạch để nộp cho GV.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát đọc hướng dẫn viết từng phần trong SGK.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | **2. Viết bài**  **\*Lưu ý:**  *+ Thứ nhất,* cần bám sát dàn ý để viết. Mở bài, mỗi ý của Thân bài và phần Kết bài đều phải triển khai thành từng đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, có thể đảo ý nào đó so với dàn ý nếu thấy cần thiết. Cần dùng từ ngữ liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài để đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc của bài viết.  *+ Thứ hai,* nên chọn giọng văn phù hợp với yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). Lời văn mạnh mẽ, dứt khoát, nhưng có lí, có tình; tránh lối viết gay gắt, gây cảm giác căng thẳng.  *+ Thứ ba,* viết nháp cả bài, đọc lại, chỉnh sửa bằng bút mực đỏ, sau đó viết lại thành bản sạch để nộp cho thầy cô. |
| lưu ý. |  |
|  | |
| **Ngày dạy**  **Tiết 111**  **IV. Chỉnh sửa bài viết** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**  - GV cho HS cả lớp viết bài theo một đề tài chung, hoặc mỗi em viết về một đề tài tự chọn. Sau đó, GV giúp các em củng cố, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).  - GV dựa vào mục *Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)* để nêu ra một khung đánh giá chung, cho HS đọc, rà soát bài viết của mình, tự rút ra ưu điểm và hạn chế trên từng yêu cầu cụ thể theo bảng kiểm.  **Nhiệm vụ 2. Nhận xét về kết quả và chỉnh sửa bài viết**  - Từ thực tế chấm và đánh giá bài của HS, GV nhận xét chung về tình hình làm bài, việc đáp ứng yêu cầu, cách triển khai bài viết, diễn đạt,...;nhắc HS đối chiếu với những yêu cầu, đòi hỏi của kiểu bài với bài làm của bản thân, nhận ra những ưu điểm, nhược điểm.  - GV trả bài cho HS, đồng thời nhắc HS sử dụng bảng gợi ý cách chỉnh sửa bài viết đã nêu ở phần *Viết* của SHS, tr.71, kết hợp với những đánh dấu vào Bảng kiểm và lời nhận xét của GV để tự chỉnh sửa bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS ghi ra giấy và đánh giá chéo với bài của bạn.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. | **a. Yêu cầu của kiểu bài**  **b. Nhận xét**  - Ưu điểm:  - Nhược điểm:  **c. Chỉnh sửa và hoàn thiện** |

**BẢNG KIỂM**

Hoàn thiện và kiểm tra theo các yêu cầu trong bảng kiểm sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Không đạt** |
| *1) Bài văn cần nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề.* |  |  |
| *2) Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác.* |  |  |
| *3) Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở.* |  |  |
| *4) Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và liên kết đoạn văn,...* |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP -VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** Giáo viên giao nhiệm vụ và yêu cầu bài tập cho HS: Lập dàn ý cho 1 trong các đề tài sau:

**Đề 1.***Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.*

**Đề 2.** *Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.*

**Đề 3.** *Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV

**-** GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu, hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập.

**-** HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập.

\*GV cung cấp tư liệu cho HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày bài viết.

- HS khác nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo.

**THAM KHẢO**

Học lệch là một vấn đề không còn xa lạ đối với nhiều bạn học sinh thời nay. Vấn đề này tuy đã được thầy cô giáo lên tiếng nhưng hiện nay tình trạng này vẫn đang diễn ra, chưa có xu hướng thuyên giảm. Nhiều bạn chưa xác định đúng đắn được mục đích và động cơ học tập nên vẫn còn tình trạng bỏ qua một số môn học, chỉ học môn mình yêu thích. Đây là một nhận thức lệch lạc, không tốt với người học.

Tác hại của việc học lệch khá rõ ràng. Đó là kiến thức cơ bản sẽ bị hổng; kết quả học tập thấp, gây chán nản, ảnh hưởng đến giáo dục toàn diện. Bên cạnh đó nó còn kìm hãm vốn hiểu biết sâu rộng của mỗi người, không phát triển được tư duy sáng tạo. Hơn nữa, nếu chỉ chú trọng học môn mình yêu thích thì nhìn nhận cuộc sống sẽ phiến diện, sau này không đủ năng lực để làm việc, để ứng xử,…Chẳng hạn như nếu bạn coi nhẹ môn Toán thì sẽ không biết tính toán, hoặc tính toán chậm, lúng túng, bạn coi nhẹ môn Văn, viết câu sai ngữ pháp hoặc kém về giao tiếp, không chuyển tải được điều mình nghĩ,…, coi nhẹ môn Địa sẽ không nắm được vị trí địa danh, tình hình kinh tế xã hội của đất nước và thế giới,… Và cuối cùng, kết quả là khi làm việc gì cũng lúng túng, không thành công….Bạn bị mất việc do không đáp ứng yêu cầu của chủ sẽ dễ xảy ra. Thực tế, nhiều bạn mải học các môn tự nhiên mà không để ý đến các môn xã hội. Sau này các bạn trở thành những nhà khoa học giỏi nhưng lại thiếu kinh nghiệm sống, có những bạn tốt nghiệp bằng giỏi trường quản trị kinh doanh, nhưng do giao tiếp kém nên không xin được một công việc tốt.

Học đều các môn là cách hiệu quả nhất để trở thành một con người toàn diện. Các bạn có thể chú trọng hơn về các môn tự nhiên, nhưng cần dành thời gian xứng đáng cho các môn xã hội. Những giá trị văn hoá, tinh thần, những vẻ đẹp của quê hương đất nước sẽ được khám phá qua việc học tập các môn xã hội. Một tâm hồn phong phú sẽ giúp bạn học tốt hơn, nạp kiến thức tốt hơn, và những kiến thức xã hội đến lượt mình sẽ giúp các bạn học tốt hơn các môn tự nhiên.

Nói tóm lại nếu chỉ chú trọng học môn mình yêu thích sẽ ảnh hưởng lâu dài đến chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, không xây dựng và phát triển được đất nước nếu con người đào tạo ra lại bị hổng kiến thức có được từ các môn học…

Các bạn cần hiểu được tác hại của việc học lệch như trên sẽ giúp mỗi người nhận thức đúng vấn đề để điều chỉnh nhận thức và hành vi, cần học tập toàn diện để có đủ kiến thức năng lực để lao động và cống hiến,… Các bạn học sinh nên coi những giờ học tập môn xã hội chính là những giờ thư giãn, giúp bạn lấy lại tinh thần để học những môn tự nhiên. Có như vậy các bạn sẽ không thấy nhàm chán, dẫn đến học lệch.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

+ Học bài, nắm chắc cách viết của kiểu bài.

+ Lưu trữ lại Phiếu học tập vào hồ sơ cá nhân.

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: **Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.**

***Ngày soạn 01/03/2025***

***Ngày dạy /2025***

**Tiết 112 : NÓI và NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

HS biết trình bày bằng miệng vấn đề đời sống bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

- Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải trình, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.

**b Năng lực chung**

- Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.

**3.Phẩm chất:**

- Biết lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, nhận thức đúng được những bài học rút ra từ cuộc sống.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**Ngày dạy**

**Tiết 112**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học.

**b. Nội dung:** HS xem tranh và suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV cho HS quan sát các bức ảnh mang tính đối lập để gợi dãn HS chia sẻ:

*? Em có thể mô tả và nêu nhận xét của mình về những bức ảnh trên. Quan điểm của em khi đứng trước từng vấn đề đặt ra trong từng bức ảnh là gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày .

- HS khác nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

**-> GV kết nối vào bài học:** *Mỗi bức ảnh đều gợi ra những bức tranh đối lập thuộc về một mảng nào đó đang tồn tại xung quanh đời sống của chúng ta. Chúng ta hoàn toàn có thể tán thành nếu vấn đề đó đúng vì nó giúp bản thân và xã hội trở nên tốt đẹp; chúng ta cũng có thể phản đối nếu vấn đề đó sai, hoặc không phù hợp, đem lại hậu quả xấu. Nhưng dù tán thành hay phản đối thì chúng ta cần đưa ra được ý kiến của bản thân, kèm theo lí lẽ và bằng chứng xác thực, thuyết phục được người nghe.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**: Xác định được mục đích nói và người nghe; biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói; trình bày được ý kiến của bản thân.

**b. Nội dung**: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Trước khi nói** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Trước khi nói:** GV nêu vấn đề, yêu cầu cho HS:  - Chúng ta cần xác định mục đích nói và người nghe như thế nào?  - GV nhấn mạnh: Trước khi nói, ta cần xác định mục đích nói và đối tượng nghe. Điều này là cần thiết, đóng vai trò quan trọng, góp phần làm cho hoạt động nói và nghe thành công.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói:  + Từ đề tài đã chọn, người nói xây dựng dàn ý chi tiết, gồm đầy đủ các phần, ghi chú cách trình bày từng phần, các ý cụ thể, những lí lẽ và bằng chứng cần sử dụng,...  + Nếu phần *Nói* thực hiện trên một bài viết đã có, GV hướng dẫn HS rút gọn bài viết thành dàn ý bài nói. Chú ý: Cách mở đầu bài nói có những điểm khác với bài viết. Phần triển khai, các ý cần rõ ràng, có ghi chú các số liệu, bằng chứng cụ thể để tiện sử dụng khi trình bày.  + Lựa chọn từ ngữ: Căn cứ vào đề tài và nội dung nói, ghi lại một số từ ngữ cần sử dụng, nhất là những từ ngữ thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến, chẳng hạn: *theo quan điểm của tôi, cần phải thấy được rằng, có thể khẳng định, chắc chắn là, không thể quan niệm rằng, điều khó chấp nhận ở đây là,...*  **\*Tập luyện:**  - Hình thức phù hợp nhất là tập luyện theo nhóm. GV hướng dẫn HS luân phiên cả hai tư cách người nói và người nghe để phát triển kĩ năng nói và nghe hài hoà.  + Khi ở vị trí người nói, chú ý tập luyện cách trình bày, cách bảo vệ ý kiến của mình;  + Khi ở vị trí người nghe, cần biết cách theo dõi, có thể phản bác hay nêu thắc mắc nếu thấy lí lẽ của người nói chưa chắc chắn, bằng chứng chưa phù hợp. - Sau tập luyện, phải trao đổi nhóm để rút kinh nghiệm về nội dung và cách trình bày, kinh nghiệm về sự tương tác nói - nghe.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV.  - HS khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1.1. Chuẩn bị**  **a. Xác định mục đích nói và nghe**  - **Mục đích nói:** trình bày để người nghe hiểu đúng bản chất, thấy được ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống, từ đó lựa chọn thái độ, cách ứng xử phù hợp.  **- Người nghe:** Khi bài nói được trình bày trong giờ học, người nghe là bạn bè, thầy cô. Với tình huống khác, người nghe có thể là các bạn trong lớp, trong trường và những ai quan tâm đến vấn đề.  **b. Định hướng lựa chọn đề tài:**  **- Đề tài:** Hiện tượng vứt rác bừa bãi hiện nay.  **c. Tìm ý, lập ý cho bài nói;**  - Nêu vấn đề;  - Chỉ ra các biểu hiện và khía cạnh của vấn đề (lí lẽ và bằng chứng);  - Bày tỏ suy nghĩ của bản thân.  **\*Gợi ý**:  **Đề tài:** Hiện tượng vứt rác bừa bãi hiện nay.  **A. Nêu vấn đề “vứt rác bừa bãi”**  Thế giới đang nhiều vấn đề như ô nhiễm môi trường, thủng tầng ôzôn, bức xạ tia cực tím, đó là những vấn đề vô cùng bức thiết của xã hội. Một trong những nguyên nhân gây nên những vấn đề đó là do ý thức của con người, họ đã vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Để tìm hiểu rõ vấn đề này, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu vấn đề “vứt rác bừa bãi” hiện nay.  **B. Chỉ ra các biểu hiện, khía cạnh của vấn đề:**  **1. Bản chất**  - Vứt rác bừa bãi là vứt rác không đúng nơi quy định, không đúng chỗ. Gây nên ô nhiễm môi trường.  - Bất cứ lúc nào có rác là vứt, mọi nơi mọi lúc.  - Vứt theo thói quen, tiện đâu vứt đó, không cần biết chỗ mình là ở đâu, thùng rác nằm ở chỗ nào.  **2. Biểu hiện**  - Vứt rác bừa bãi vào cầu, cống, đường xá….  - Những khu du lịch, du khách tiện đâu vứt đó, không quan tâm đến địa điểm hay mức độ của nó.  - Ngay cả trên xe buýt, thùng rác ngay bên cạnh cũng không thèm vứt vào.  **3. Nguyên nhân**  - Do sự thiếu ý thức của mỗi người trong cuộc sống.  - Thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.  - Việc xử lí vi phạm còn nhẹ, chưa thường xuyên.  **4. Tác hại**  - Hành động này sẽ gây ô nhiễm môi trường, bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.  - Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.  - Gây tổn hại tiền của cho nhà nước.  - Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại.  **5. Biện pháp khắc phục**  - Tuyên truyền giáo dục và nâng cao ý thức người dân trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.  - Tổ chức các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh,...  - Có biện pháp xử lí nghiêm khắc đối với những trường hợp xả rác bừa bãi.  **C. Bày tỏ suy nghĩ của bản thân**  - Cùng chung tay bảo vệ môi trường, ngăn chặn tình trạng vứt rác bừa bãi; tuyên truyền và động viên mọi người tham gia bảo vệ môi trường….  **1.2.** **Tập luyện**  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.  - Tự điều chỉnh cho phù hợp. |
| **2. Trình bày bài nói** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoạt động nói và nghe diễn ra đồng thời. Khi người nói trình bày cũng là lúc người nghe theo dõi và chuẩn bị cho việc trao đổi. Vì thế GV hướng dẫn và kiểm soát hai hoạt động cùng lúc.  **\*Yêu cầu người nói:**   * *Người trình bày bài nói:* Dựa vào việc kiểm soát khâu chuẩn bị của HS mà GV có thể giao việc trình bày cho nhóm hoặc cho cá nhân. Nếu giao cho nhóm, nhóm phải cử đại diện trình bày. Có thể một người chịu trách nhiệm về bài nói, có thể hai người phối hợp trình bày cho thêm sinh động. Nếu giao cho cá nhân, có thể lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định trước. * *Nội dung nói:* Người nói phải bám sát dàn ý đã chuẩn bị, các ý trong dàn ý cần được triển khai đầy đủ, có lí lẽ và bằng chứng. Đặc biệt, sự tán thành hay phản đối ý kiến về vấn đề phải được trình bày rõ ràng. * *Cách thức nói:* Để trình bày được ý kiến tán thành hay phản đối về một vấn đề đời sống, ngôn ngữ nói phải rõ ràng, rành mạch, thái độ phải dứt khoát, được đảm bảo bằng những lí lẽ có sức thuyết phục và bằng chứng cụ thể, xác thực.   **\*Yêu cầu người nghe:**   * *Người nghe:* có trách nhiệm lắng nghe, tương tác với người nói. * *Các công việc của hoạt động nghe:*   + Tập trung theo dõi nắm bắt nội dung cơ bản của bài nói.  + Đánh dấu những ý tán thành và những chỗ có thể trao đổi.  + Ghi nhanh những ý nảy sinh trong quá trình theo dõi để xây dựng thành ý kiến trao đổi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Cá nhân hoặc nhóm cử đại diện HS lên trình bày trước lớp.  - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trình bày bài nói;  - HS khác nêu vấn đề cần trao đổi.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **\*Yêu cầu người nói:**   * *Người trình bày bài nói:* chịu trách nhiệm về bài nói sao cho sinh động. * *Nội dung nói:* cần bám sát dàn ý đã chuẩn bị, có lí lẽ và bằng chứng rõ ràng. * *Cách thức nói:* ngôn ngữ nói phải rõ ràng, rành mạch, thái độ phải dứt khoát, được đảm bảo bằng những lí lẽ có sức thuyết phục và bằng chứng cụ thể, xác thực.   **\*Yêu cầu người nghe:**   * *Người nghe:* có trách nhiệm lắng nghe, tương tác với người nói. * *Các công việc của hoạt động nghe:*   + Tập trung theo dõi nắm bắt nội dung cơ bản của bài nói.  + Đánh dấu những ý tán thành và những chỗ có thể trao đổi.  + Ghi nhanh những ý nảy sinh trong quá trình theo dõi để xây dựng thành ý kiến trao đổi. |
| **3. Sau khi nói** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV tổ chức cho HS trao đổi. Việc trao đổi tập trung vào ba khía cạnh: *nội dung bài nói, cách thức trình bày, sự tương tác giữa người nói với người nghe.* GV định hướng trao đổi bằng **PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá tiêu chí.  - HS quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy.  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  - HSthực hiện HĐ nói trình bày ý kiến của mình trước những ý kiến phản bác (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS, tuyên dương và khích lệ HS và kết nối sang hoạt động sau. | **-** Trao đổi về bài nói theo **PHIẾU**  **NHẬN XÉT BÀI NÓI** |

**PHIẾU**

**NHẬN XÉT BÀI NÓI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các phương diện** | **Nhận xét** |
| *1. Người nói đã nêu lên và bàn luận về một vấn đề đời sống chưa?* | **…** |
| *2. Ý kiến của người nói về vấn đề đã rõ ràng chưa?* | **…** |
| *3. Bài nói đã thể hiện rõ sự tán thành hay phản đối chưa?* | **…** |
| *4. Có nêu được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối có cơ sở không?* | **…** |
| *5. Ngôn ngữ nói được sử dụng như thế nào?* | **…** |
| *6. Đã biết phối hợp giữa lời nói và ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, nét mặt, cử chỉ,...) chưa?* | **…** |
| *7. Mức độ tương tác giữa người nói và người nghe thế nào?* | **…** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức của bài học thông qua việc trình bày lại bài nói theo góp ý đánh giá.

**b. Nội dung:** HS trình bày lại bài nói.

**c. Sản phẩm:** Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trình bày lại bài nói dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS tiếp nhận nhiệm vụ,

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**

HS trình bày, theo dõi bài trình bày của bạn

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- HS nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**-** GV nhận xét bài làm, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Rút ra được bài học về kiến thức kĩ năng của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao bài tập về nhà:

**Bài tập:** *Điều quan trọng nhất sau tiết học nói mà em rút ra được hôm nay là gì?* (Hãy ghi ra giấy, bổ sung vào hồ sơ học tập).

- HS suy nghĩ và viết ra giấy. Các câu hỏi của HS có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau

GV đánh giá sản phẩm của HS vào tiết học sau

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo góp ý của thầy cô, bạn bè;
* Chuẩn bị trước ở nhà nội dung các bài tập củng cố, mở rộng, thực hành đọc trong SGK, tr.73-75.

*KÝ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN*

*Ngày tháng năm 2025*

***Ngày soạn: 15/03/2025***

**Bài 9. CHỦ ĐỀ : HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

***(Thời gian thực hiện: 14 tiết)***

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Văn bản đọc:

+ Nhận biết được thông tin cơ bản của VB thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn VB.

+ Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mỗi quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

- Thực hành TV: Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong VB thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của các từ có yếu tố Hán Việt đó.

- Viết: Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi

- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hoà với tự nhiên.

**2. Về năng lực**

**- *Năng lực chung:***

**+** Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

+ Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***-Năng lực riêng:***

***+*** Biết các thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

***+*** Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

***+*** Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**3. Về phẩm chất:** Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm: biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Đối với giáo viên**

* SGK, KHBD.
* Tranh ảnh, video liên quan đến bài học
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2.Đối với học sinh**

* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

**III. Tiến trình dạy học**

**III. Tiến trình dạy học**

***Ngày dạy:***

**Ngày dạy**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN l . Tiết 114+ 115: THUỶ TIÊN THÁNG MỘT** (Thô-mát L. Phrít-man)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

* HS nhận biết và phân tích được cách triển khai VB thông tin vừa theo quan hệ nhân quả, vừa theo các tầng bậc khác nhau cửa chuỗi vấn đề được nói tới
* HS nhận biết được ý nghĩa của các chi tiết, số liệu, cước chú và độ tin cậy của các tài liệu có trích dẫn trong VB thông tin.
* HS thấy được nhĩíng tác động tai hại của hiện tượng biến đổi khí hậu đối với sự sống trên Trái Đất.

1. **Về năng lực**

**- *Năng lực chung:***

**+** Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

+ Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* ***Năng lực riêng:***

Biết các thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

***+*** Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

**3 . Phẩm chất**

Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, yêu con người. trách nhiệm: biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên

**II. Thiết bị và học liệu**

1. **Đối với giáo viên**

Kế hoạch bài dạy.

* Tranh ảnh, video liên quan đến bài học
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

1. **Đối với học sinh**

* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

**III. Tiến trình**

**1. Hđ1: Mở đầu**

***Chuyển giao nhiệm vụ***

**GV cho HS**  xem một số hình ảnh băng tan ở Bắc cực hay các trận lũ lụt xảy ra ở Trung Quốc, Ấn Độ , Việt Nam….

**Câu hỏi 1:** "Thời tiết bây giờ khó lường thật!" - Đó là lời nhận xét ta vẫn thường nghe. Em có cảm nhận gì về những lo lắng ẩn chứa trong đó?

**Câu hỏi 2:** Qua quan sát trực tiếp hoặc qua tìm hiểu các nguồn thông tin, em đã biết được những thay đổi bất thường nào trong nhịp sinh trưởng và tập tính của một số loài sinh vật? Những thay đổi bất thường ấy đã gợi lên trong em cảm nhận, suy nghĩ gì?

**Thực hiện nhiệm vụ:**

* **HS** làm việc cá nhân 2’.
* **GV** theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cá nhân.
* Dự kiến sản phẩm

Câu trả lời 1:

* "Thời tiết bây giờ khó lường thật!" - Đó là lời nhận xét ta vẫn thường nghe.

Em cảm nhận khi người khác nói câu đó, họ đang cảm thấy bất an, lo lắng về thời tiết sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống, đến sức khỏe và cả công việc của họ.

Câu trả lời 2:

* Qua tìm hiểu các nguồn thông tin, em đã biết được những thay đổi bất thường trong nhịp sinh trưởng và tập tính của một số loài sinh vật. Các loài động vật đang đối phó với tình trạng nóng lên toàn câu theo nhiều cách khác nhau. Một số di chuyển đến những khu vực mát mẻ hơn, chẳng hạn như gần các vùng Cực hoặc nơi có độ cao lớn hơn. Một số thay đổi thời gian diễn ra các sự kiện quan trọng trong cuộc sống như thời điểm sinh sản và di cư. Ví dụ loài voi châu Phi bơm máu ấm lên đoi tai lớn của chúng, sau đó vỗ nhẹ để phân tán nhiệt. Mỏ của các loài chim cũng thực hiện một chức năng tương tự - lưu lượng máu được vận chuyển đến mỏ nhiều hơn khi chim cảm thấy nóng. Đó là nguyên nhân khiến mỏ chim ấm hơn phần còn lại của cơ thể

**Báo cáo, thảo luận:**

**GV:**- Yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS:** Báo cáo sản phẩm , theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn:

* Con người đang đứng trưác những thư thách khốc liệt do tình trạng biến đổi khí hậu đưa lại tầm quan trọng của những hiểu biết vẽ môi trường và quy luật tự nhiên, của việc lựa chọn thái độ ứng xử phù hợp, hài hoà với tự nhiên.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Hoạt động 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| I**. Giới thiệu bài học** | |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr.76) và tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện câu trả lời vào Phiếu HT số 1, với các câu hỏi gợi ý:  *1) Đoạn văn thứ nhất giúp em nhận biết được gì về chủ đề của bài học?*  *2) Đoạn văn thứ hai cho biết điều gì về loại, thể loại VB sẽ học và những nội dung cần thực hành?*  *3) Hãy phát biểu suy luận của em về mối liên hệ giữa chủ đề bài học và loại VB chính cần phải đọc (Gợi ý: Loại, thể loại VB nào thích hợp nhất với việc thể hiện chủ đề này?).*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học. | - Chủ đề bài học: tầm quan trọng của những hiểu biết về môi trường,quy luật tự nhiên và việc lựa chọn thái độ ứng xử phù hợp, hài hoà với tự nhiên.  - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin.  - Thể loại văn bản: Thuyết minh.  - VB đọc chính: ->Thuyết minh  + VB1: *Thuỷ tiên tháng Một* (Thô-mát L.Phrít-man).  + VB2: *Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung).  - VB đọc kết nối chủ đề: VB3: *Bản tin về hoa anh đào* (Nguyễn Vinh Nguyên)-> Tản văn.  - VB thực hành đọc: VB4: "*Thân thiện với môi trường"* (Nguyễn Hữu Quỳnh Hương). |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Khám phá tri thức ngữ văn** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nhớ lại một số khái niệm cơ bản đã học ở lớp 6;  - Đọc kĩ 3 văn bản để nhận diện đặc điểm và chức năng (GV chiếu lên tivi cho HS theo dõi);  - Kết hợp SGK tr.77 để đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn;*  *-* Sau đó trình bày các thông tin đã chuẩn bị.  - GV gợi ý bằng các câu hỏi để khơi sâu vấn đề cho HS hoàn thành tốt phiếu HT:  *+ VB thông tin thường sử dụng nhiều cách triển khai ý tưởng. Em hãy nêu những cách triển khai đã từng học và nói ngắn gọn về đặc điểm của chúng.*  *+ Em thường được tiếp xúc với những VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động trong trường hợp nào? Theo em ý nghĩa của loại VB này là gì?*  *+ Khi đọc một VB, em có thường quan tâm đến cước chú không? Những cước chú đã hỗ trợ cho em như thế nào trong việc nắm bắt nghĩa của các từ ngữ và nội dung của VB?*  *+ Khi viết một bài văn, việc tìm đọc tài liệu tham khảo có ý nghĩa ra sao? Em đã tiếp thu được điều gì bổ ích từ cách sử dụng tài liệu tham khảo ở một số VB đã đọc?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | 1. Văn bản thông tin:  \*Khái niệm: *là văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức. Loại văn bản này rất phổ biến, hữu dụng trong đời sống. Nó bao gồm nhiều thể loại: thông báo, chỉ dẫn, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, các văn bản hành chính, từ điển, bản tin…*  \*Cách triển khai ý tưởng và thông tin:  - *Triển khai theo trật tự thời gian;*  *- Theo quan hệ nhân quả;*  *- Theo góc nhìn khác nhau về sự vật hiện tượng;*  *- Theo từng bộ phận của đối tượng.*  \*Căn cứ để lựa chọn cách triển khai: *phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng, vào mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc.*  2. Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:  \*Khái niệm: *Là loại văn bản thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động.*  \*Đặc điểm:  *- Thường trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo…);*  *- Hình thức: trình bày bằng câu văn ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ hay bức ảnh mang tính minh hoạ.*  \*Chức năng: *giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi.*  3. Cước chú:  \*Khái niệm: *là loại chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay nội dung chưa quen với phần lớn độc giả…Loại chú thích cho biết văn bản hay một số yếu tố của văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú.*  \*Đặc điểm:  *- Xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận và văn bản văn học cổ được đời sau in lại.*  \*Chức năng: *Giúp người đọc nắm bắt chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa của văn bản.*  4. Tài liệu tham khảo:  \*Khái niệm: *là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản.*  \*Đặc điểm:  *- Ghi sau phần kết thúc của văn bản, có thể được đánh số và sắp xếp theo một quy ước thống nhất.*  \*Chức năng: *Qua danh mục tài liệu tham khảo, giúp người đọc có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản.* |

**HĐ 2 Văn bản 1. THUỶ TIÊN THÁNG MỘT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv- HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **Bước 1- Giao nhiệm vụ học tập**:  GV hướng dẫn đọc và phần công HS đọc (các em chú ý những chỉ dẫn về chiến lược đọc trong các thẻ đặt bên phải VB. Hai chiến lược đọc chủ yếu cần vận dụng là *theo dõi* và *liên hệ.* Đối với một VB thông tin đề cập những vấn để mang tính thời sự, đây là hai chiến lược đọc phù hợp nhất.)  *? Hãy nhận xét cách đọc của bạn?*  *?Trong văn bản có những từ ngữ nào các em cần chú ý?*  - GV y/c HS: *Đọc và giải nghĩa của một số từ khó.*  **Bước 2: - Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3- Báo cáo, thảo luận**  GV mời đại diện HS trả lời.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.  **Hoạt động: Tìm hiểu chung văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  *- Giới thiệu vài nét về tác giả và xuất xứ của văn bản? Thể loại?*  *? Nêu bố cục của văn bản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọcphần **Kiến thức Ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  Gv đưa ra câu hỏi? *Em hiểu thế nào là văn bản thông tin?*  *VB tông tin là Vb được viết ra nhằm cung cấp thông tin về một đối tượng nào đó( sự vật, sự việc...) phục vụ cho việc thông báo, giao dịch... trong hoạt động giao tiếp*  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức  **NV1: Tìm hiểu về tình trạng biến đổi khí hậu**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - GV yêu cầu HS đọc phần **1** trong SGK, tr.78.  - HS trao đổi theo nhóm bàn với **Phiếu học tập 02**  *? Tìm những cụm từ có những cách gọi khác nhau đối với sự biến đổi khí hậu trên Trái Đất?*  *? Tại sao có thể cho rằng người ta đã nhầm lẫn khi dùng thuật ngữ "sự nóng lên của Trái Đất"?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọcphần **Kiến thức Ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  - Dự kiến sản phẩm: những. cụm từ được HS phát hiện): *biến đổi khí hậu, sự nóng lên của Trái Đất, sự bất thường của Trái Đất,*  - Có thể cho rằng người ta đã nhầm lẫn khi dùng thuật ngữ "sự nóng lên của Trái Đất" vì nó gợi lên một cái gì đó đồng nhất, xảy ra từ từ, chủ yếu muốn nhắc đến nhiệt độ và hiện tượng đó hoàn toàn có thể không gây ra vấn đề gì. Nhưng thực tế khí hậu Trái Đất đang diễn ra khác hẳn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức  **NV2: Tìm hiểu về biến đổi khí hậu cũng như những tác động liên hoàn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Gv yêu cầu HS quan sát vào đoạn văn 2-5  GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân , hoạt động thảo luận theo nhóm trong 5 phút với **phiếu học tập số 3** qua các câu hỏi:  **Nhóm 1,2** ? *Nhan đề của văn bản đã gợi cho em những ấn tượng, suy nghĩ gì? Chi tiết hoa thủy tiên nở đầu tháng Một có thể được xem là một chi tiết "đắt" hay không? Vì sao?*  ***Nhóm 3,4*** *, Sự bất thường của Trái Đất" đã được tác giả làm sáng tỏ qua những bằng chứng nào?Nhận xét về các bằng chứng được đưa ra cũng như các ngôn ngữ được sử dụng trong các đoạn văn?*  *? Dựa vào trải nghiệm riêng của em, hãy bổ sung bằng chứng cho vấn đề này.*  ***Nhóm 5,6****:* *Theo em, trong các đoạn văn trên thì đoạn văn nào thể hiện rõ mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện thuộc loại "sự biến đổi cực đoan của thời tiết"? Cho biết vì sao em xác định như vậy.?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọcphần **Kiến thức Ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  - HS thảo luận theo nhóm trong **phiếu học tập số 3** nội dung câu hỏi  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  - Dự kiến sản phẩm:  **Nhóm 1,2**  + Nhan đề của văn bản gợi cho em ấn tượng đây sẽ là một văn bản tản văn, giống kiểu những văn bản trong Thương nhớ mười hai của Vũ Bằng.  + Chi tiết hoa thủy tiên nở đầu tháng Một có thể được xem là một chi tiết "đắt". Vì nó cho thấy cái nhìn tinh tế của tác giả.  **Nhóm 3,4**  Sự bất thường của Trái Đất" đã được tác giả làm sáng tỏ qua những bằng chứng:  + Các hiện tượng được nêu trong bài báo mà tác giả tự đặt tên cho nó là "Sự bất thường của Trái Đất năm 2007".  - Dựa vào trải nghiệm riêng của em, em bổ sung bằng chứng cho vấn đề này: hiện tượng thời tiết cực đoan đang diễn ra ở Việt Nam: hiện tượng khô hạn và mưa cực đoan ở miền Trung; rét đậm và rét hại ở miền núi phía Bắc; hạn hán và xâm nhập mặn ở miền Nam.  **Nhóm 5,6:** Theo em, trong văn bản, đoạn văn thể hiện rõ mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện thuộc loại "sự biến đổi cực đoan của thời tiết" là đoạn từ "Tại sao chúng ta lại đồng thời... đe dọa lớn lao tiềm ẩn."  - Em xác định như vậy vì ở đoạn văn này vừa nói đến "sự biến đổi cực đoan của thời tiết", vừa cho thấy nhân quả của nó.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2.3  **NV3: Xu hướng hiện tượng cực đoan hiện nay**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - GV yêu cầu HS đọc phần **Tri thức ngữ văn** trong SGK, tr.81.  ? *Tìm những bằng chứng nói về hiện tượng thời tiết cực đoan trong thời điểm hiện nay? Em có suy nghĩ gì về những hiện tượng thời tiết cực đoan đó?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọcphần **Kiến thức Ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  - HS hoạt động cá nhân với nội dung câu hỏi  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  Dự kiến sản phẩm:- những cơn mưa lớn, mực nước sông dâng cao  + Xu hướng các hiện tượng cực đoan ngày càng cực đoan hơn vẫn tiếp tục cho đến tận mùa hè năm 2008.  + Câu nói của Jeff Zogg - nhà thủy văn học đang làm việc cho Trung tâm thời tiết ở Davenport.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **NV4 Tìm hiểu nd và nt của văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Yêu cầu HS làm việc cá nhân  *Tác giả đã đưa vào văn bản rất nhiều số liệu. Đó là những số liệu nào? Việc dẫn số liệu như vậy có ý nghĩa gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động cá nhân với nội dung câu hỏi  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  Dự kiến sản phẩm:  Trong một báo cáo do Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) của Liên hợp quốc công bố, nội dung về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm 2007 mà trước kia chưa từng xảy ra.  + Thể hiện sự cực đoan cho đến tận mùa hè 2008.  - Việc dẫn số liệu như vậy giúp củng cố, khẳng định lại các lí lẽ đã nêu trong văn bản. Từ đó, người đọc  hình dung được cụ thể về sự rối loạn khí hậu toàn cầu, thấy được sự cấp bách của việc bảo vệ môi trường.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV tiếp tục đưa câu hỏi thảo luận:  *?VBgiúp em hiểu như thế nào vế vấn đề biến đổi khí hậu trên Trái Đất hiện nay?;*  *2. Đọc VB “Thuỷ tiên tháng Một”, em có thêm kiến thức gì vê' VB thông tin nói chung (cách triển khai ý tưởng, sử dụng cước chú, tài liệu tham khảo, các số liệu,...)?*  - Các HS khác trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **A. Đọc, tìm hiểu chú thích**  **B. Tìm hiểu chung văn bản:**  **I. tác giả, văn bản**  *1. Tác giả*  Thô-mát L.Phrít man là một nhà báo có uy tín, chuyên theo dõi những vấn đề mang tín' toàn cầu, trong đó có vấn đề môi trường. Vì vậy, những thông tin mà ông đưa ra rất đáhg^ được lắng nghe, suy nghĩ.  2. Văn bản  - Thể loại: Văn bản thông tin  . VB có 7 đoạn, có thể chia thành 3 phẩn:  + phần 1 (đoạn 1); nêu vấn đế cần thông tin (có thể đặt tiêu đề: *Cẩn hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu*  + phẩn 2 (từ đoạn 2 đến đoạn 5): đưa thông tin khái quát về “sự bất thường của Trái Đất” ở tình trạng biến đổi khí hậu gây nên (có thể đặt tiêu đề: *Biến đổi khí hậu và những tác động liên hoàn);*  + phẩn 3 (2 đoạn cuối): cung cấp bằng chứng xác thực về “sự bất thường của Trái Đất” (có thể đặt tiêu đề: *Những báo cáo và con số đầy ám ảnh*  **II Tìm hiểu chi tiết**  **1: *Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu***  *- biến đổi khí hậu, sự nóng lên của Trái Đất, sự bất thường của Trái Đất,*  -> - Cụm từ *sự nóng lên của Trái Đất* bị chính tác giả cho là không chính xác khi ông tán đồng (đoạn 5) những phân tích của nhà nghiên cứu Giôn Hô-đơ-rơn.  **2  *Biến đổi khí hậu và những tác động liên hoàn***  Bằng chứng cụ thể, sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ  - Thời tiết thay đổi bất thường và diễn ra với tốc độ nhanh chóng, quy mô ngày càng lớn  - Thời tiết đồng thời tổn tại ở hai thái cực: nắng hạn, mưa bão, lụt lội  -> Biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động trái quy luật trong đời sống của muôn loài.    **3  *Những báo cáo và con số đầy ám ảnh***  - Bằng chứng cụ thể, số liệu xác thực  -> Những tác động tai hại của hiện tượng biến đổi khí hậu đối với sự sống trên Trái Đất  **III. Tổng kết:**  ***1. Nghệ thuật:***  - Nghệ thuật trình bày vấn đề theo quan hệ nhân quả giữa các phần trong văn bản. Đưa ra những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục.  **2. Nội dung**  Văn bản đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu trên TĐ với những hiện tượng thời tiết cực đoan.  **3. Ý nghĩa nhan đề.**  - Nhan đế ấn tượng, làm nảy sinh nhiều suy đoán, thể hiện sự quan sát thực tế của tác giả.  - Sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài.  - Từ đó kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ Trái Đất, giảm thiểu và khắc phục hiện tượng biến đổi khí hậu để cuộc sống chúng ta ít bị đe dọa, tác động |

**3. Hoạt động : Luyện tập**

a) Mục tiêu**:** HS- Viết được đoạn văn về biến đổi khí hậu trong thời điểm hiện nay

b) Nội dung:HS viết đoạn văn

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày hiểu biết và suy nghĩ của em về tác động của biến đổi khí hậu ở vùng miền em đang sống.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

* GV gợi ý bằng các cầu hỏi: Vỉ *sao hiện tượng biến đổi khí hậu khiến cả loài người quan tâm? Những tác hại mà nó gây ra cho sự sống trên Trái Đât là gì? lỉãy chỉ ra những biểu hiện cụ thể của hiện tượng biến đổi khí hậu ở địa phương em.*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

-HS đọc đoạn văn

- HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

GV có thể chọn ngẫu nhiên một số đoạn văn được HS hoàn thành sớm để nhận xét

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*? Em hãy trình bày một số giải pháp để hạn chế sự tác động của biến đổi khí hậu?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

***Ngày dạy***

**TIẾT 116 +117 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

CƯỚC CHÚ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

( Thời lượng: 1 tiết)

**I.Mục tiêu cần đạt**

**1.Ki**ến **thức :**

   - HS nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và vị trí đặt cước chú.

   - HS nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.

**2.Năng lực**

**a.Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b.Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định cước chú và tài liệu tham khảo.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3.Phẩm chất:**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2.Chuẩn bị của học sinh:**

**-**SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HĐ KHỞI ĐỘNG**

**1.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học về cách ghi cước chú và thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo.

2.**Nội dung:** GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ trả lời.

**3.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**4.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc lại bài Thủy tiên tháng Một, trao đổi với bạn bên cạnh:

   + Xác định kí hiệu và tên đối tượng được chú thích ở cuối chân trang

   + Cách trình bày đoạn trích dẫn lấy từ nguồn tài liệu nào trong văn bản?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một số HS trả lời câu hỏi, HS khác lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp ý kiến và chốt kiến thức:

     + Một số kí hiệu và tên đói tượng được chú thích trong bài: (1) đồng nhất: cùng một loại, (2) Hải lưu: dòng chảy tạo nên do sự chuyển dịch…

     + Trích dẫn lấy từ trang CNN.com (ngày 07/08/2007) giới thiệu một báo cáo do WMO của Liên hợp quốc.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

    Trong một văn bản bất kì, việc sử dụng cước chú để đánh dấu cho những chú thích được đặt ở dưới chân trang là vô cùng cần thiết, bên cạnh việc giải thích và cung cấp thông tin về nghĩa của từ, cước chú còn miêu tả và giải thích sự vật, hiện tương rõ hơn. Một điều nữa, để giúp cho văn bản tăng sức thuyết phục và bằng chứng xác thực, chúng ta cũng cần tìm đến nguồn tài liệu tham khảo uy tín, chất lượng. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi vào tìm hiểu kĩ hơn về ***Cước chú và tài liệu tham khảo.***

***2.* HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- HS nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và vị trí đặt cước chú.

* HS nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.

**b. Nội dung:**

- GV yêu cầu HS làm phiếu học tập, chia nhóm đôi hoặc chia nhóm lớn cho HS trao đổi, thảo luận.

- HS làm việc cá nhân trên phiếu học tập và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** phiếu học tập câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Y/c**  Học sinh xem lại văn bản: Thủy tiên tháng một  **Gv** yêu cầu học sinh thảo luận nhóm với các câu hỏi sau trong 5-7 phút theo **phiếu học tập số 1**  **Nhóm: 1,3,5**  *? Trong văn bản trên có những từ ngữ khó nào cần chú ý, nghĩa của những từ ngữ đó là gì?*  *? Dựa vào đâu để ta xác định được đặc điểm ,chức năng cũng như vị trí của các từ ngữ đó?*  ***Nhóm 2,4,6***  *?Hãy chỉ ra những dấu hiệu chứng tỏ khi viết văn bản : Thủy tiên tháng một, tác giả đã sử dụng nhiều tài liệu tham khảo cần thiết.?*  *? Tác giả đã đưa vào văn bản rất nhiều số liệu. Đó là những số liệu nào? Việc dẫn số liệu như vậy có ý nghĩa gì?*  *? Nêu đặc điểm nhận biết của tài liệu tham khảo?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - HS thảo luận nhóm bằng  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  Các nhóm nhận xét chéo  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  **HĐ: Luyện tập**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 1,2,3 (SGK tr.,83).  Gv y/c học sinh thảo luận cặp đôi với câu hỏi ở BT1:  *Kẻ bảng sau vào vở. Ghi những từ ngữ, nội dung có cước chú trong văn bản Thủy tiên tháng Một vào các cột phù hợp.trong* ***phiếu học tập số 1***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ ngữ được giải thích nghĩa | Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ | Sự việc, hiện tượng được miêu tả, giải thích | | - Thái cực  ... | - Ảnh của Quốc Trung  ... | - Min-nét-xô-ta  ... |   **Bài tập 2**: Gv y/c HS hoạt động cá nhân với câu hỏi  *Dựa trên quan sát của em về những cước chú trong văn bản Thủy tiên tháng Một, hãy kẻ bảng sau vào vở và điền nội dung cần thiết vào ô trống.*  **Bài tập 3,4**  Gv y/c học sinh thảo luận theo nhóm bàn với câu hỏi trong **phiếu học tập số 2**  *?Theo em, cần có thêm cước chú cho từ ngữ, nội dung nào có trong văn bản đã đọc ở trên? Vì sao?*  *? Hãy trình bày về cách ghi cước chú cho một trong những từ ngữ, nội dung được đề nghị*  **Bài tập 5,6,7**  Gv chia lớp làm 6 nhóm, hai nhóm thực hiện một nhiệm vụ  **Nhóm 1,2**: *Việc cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo được Thô-mát L. Phrít-man thực hiện như thế nào trong Thủy tiên tháng Một?*  **Nhóm 3,4**: *Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai cách ghi nguồn tài liệu tham khảo nêu trên. Theo tìm hiểu của em, trong hai cách ghi đó, cách nào được sử dụng phổ biến hơn trên sách báo hiện nay?*  **Nhóm 5,6**: *Lập bảng theo mẫu sau để đánh giá tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo trong Thủy tiên tháng Một:*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS hoạt động cá nhân và thống nhất ý kiến trong cặp, trong nhóm  Gv quan sát, hỗ trợ học sinh khi cần  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu HS trình bày theo cặp, nhóm  Các cặp, nhóm nhận xét chéo  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | **I. Nhận diện cước chú và tài liệu tham khảo**   1. Ví dụ 2. Nhận xét   - Các từ:  thái cực, đồng nhất, hải lưu, cực đoan, Ảnh của Quốc Trung; Thoai-lai Dôn, (Thô-mát L. Phrít-man, Min-ne-xô-ta, hiện tượng “nước trồi”.  - Vị trí: xuất hiện ở chân trang hay cuổi VB  - Đặc điểm: chữ số hoặc dấu hoa thị (\*),...).  -> Cước chú  - Cụm từ:  + tác giả nhắc đến tên người đã đề xuất thuật ngữ, như Hân-tơ Lo-vin với thuật ngữ *sự bất thường của Trái Đất*  + nêu tên người có ý kiến được trích dẫn như Giôn Hô-đơ-rơn (ở đầu đoạn 5).  + ghi rõ các đoạn trích được lấy từ VB nào, của ai và xuất bản vào thời gian nào  ->Ghi rõ thông tin về tài liệu tham khảo đã cho thấy được sự cấp bách của việc bảo vệ môi trường.  Đặc điểm:  + Đặt trong dấu ngoặc kép….  + Nêu thông tin đầy đủ về họ, tên tác giả…  + Ghi tên đầy đủ thông tin được trích dẫn…  =>Tài liệu tham khảo  **II. Thực hành Tiếng Việt**  **Bài tập 1:** Hoàn thiện phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ ngữ được giải thích nghĩa | Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ | Sự việc, hiện tượng được miêu tả, giải thích | | - Thái cực  - Đồng loại  - Hải lưu  - Cực đoan | - Ảnh của Quốc Trung | - Min-nét-xô-ta  - Thoai-lai Dôn (Twilight Zone)  - Hiện tượng “nước trồi” |   **Bài tập 2:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Các thành phần của cước chú | Vị trí đặt cước chú | Nội dung cước chú | Ngôn ngữ của cước chú | | - Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích  - Tên đối tượng được chú thích  - Dấu hai chấm  - Nội dung cước chú | - Chân trang  - Đánh dấu hoa thị, hoặc số, chữ cái ở tên đối tượng cần chú thích ngay trong văn bản | - Giải thích nghĩa của từ ngữ  - Cung cấp thông tin về xuất xứ của đối tượng  - Miêu tả, giải thích sự vật, hiện tượng | - Ngắn gọn**:** Bao quát |   **Bài tập 3:**  - Theo em, cần có thêm cước chú cho tên của những người được tác giả đề cập đến trong bài: Hân-tơ Lo-vin (Hunter Lovins), Giôn Hô-đơ-rơn (John Holdren).  - Vì không phải bất cứ người đọc nào cũng biết những người được nhắc đến đó là ai.  **Bài tập 4:**  Trình bày về cách ghi cước chú cho một trong những từ ngữ, nội dung được đề nghị ở bài tập 3:  - Đánh số bên cạnh các từ chỉ tên người đã được nhắc đến ở câu 3.  - Ghi cước chú ở chân trang lần lượt như sau:  + Hunter Lovins: nhà môi trường Mỹ, là chủ tịch và người sáng lập của tổ chức Những giải pháp chủ nghĩa tư bản tự nhiên (Natural Capitalism Solutions), là tác giả hàng đầu về phát triển bền vững.  + John Holdren: giáo sư người Mỹ nghiên cứu Khoa học Môi trường và Chính sách tại Trường Chính phủ Kennedy thuộc Đại học Harvad, từng là cố vấn cấp cao của Tổng thống Mỹ Barack Obama về các vấn đề khoa học và công nghệ.  **Bài tập 5**  - Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích dẫn nguyên văn một ý kiến, nhận định nào đó:  + Tác giả đã dẫn lại cụm từ "Sự bất thường của Trái Đất"  + Tác giả dẫn lại nhận định: "Thuật ngữ quen thuộc "sự nóng lên của Trái Đất" là một sự nhầm lẫn. Nó gợi lên một cái gì đó đồng nhất, từ từ xảy ra, chủ yếu muốn nhắc đến nhiệt độ, và hiện tượng đó hoàn toàn có thể không gây ra vấn đề gì [...] đó là "sự rối loạn khí hậu toàn cầu"".  - Nêu thông tin về họ, tên tác giả của ý kiến, nhận định được trích dẫn (đặt trước đoạn trích dẫn):  + Hunter Lovins  + John Holdren  - Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn cùng nơi xuất bản, thời gian xuất bản vào vị trí thích hợp:  + "Trang CNN.com (ngày 07/8/2007) giới thiệu một báo cáo do Tổ chức Khí tượng thế giới (WHO) của Liên hợp quốc công bố, nội dung về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm mà trước kia chưa từng xảy ra.".  + "Báo Niu-I-oóc Thai-mơ (New York Times) (ngày 13/6/2008) có một câu mô tả chính xác tình trạng bất thường của Trái Đất mà người Ai-o-oa hẳn đang cảm thấy [...]".  **Bài tập 6:**  Sự khác biệt giữa hai cách ghi nguồn tài liệu tham khảo đã nêu:  + Một cách là ghi ngay ở các đoạn có thông tin được trích dẫn.  + Một cách là ghi ở một phần riêng cuối văn bản.  - Theo tìm hiểu của em, trong hai cách ghi đó, cách thứ hai được sử dụng phổ biến hơn trên sách báo hiện nay.  **Bài tập 7**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thông tin được viện dẫn và tài liệu tham khảo đã sử dụng | Tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo | | 1 | Thông tin về thuật ngữ "sự nóng lên của Trái Đất" đã khiến người ta nhầm lẫn. | Cho thấy một quan điểm khách quan từ một người có uy tín, từ đó làm tăng sức thuyết phục cho nội dung bài viết. | | 2 | Thông tin về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm mà trước kia chưa từng xảy ra. | - Cho thấy nguồn thông tin là đáng tin cậy, có sức thuyết phục.  - Thể hiện sự tôn trọng, chuyên nghiệp của người viết khi sử dụng thông tin trong bài viết của mình. | | 3 | Câu nói mô tả chính xác tình trạng bất thường của Trái Đất mà người Ai-o-oa hẳn là cảm thấy. | - Cho thấy nguồn thông tin là đáng tin cây, có sức thuyết phục.  - Thể hiện sự tôn trọng, chuyên nghiệp của người viết | |

**3. Hoạt động : Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong văn bản“Thủy tiên tháng một” để giải quyết một nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống.

**b) Nội dung:** *Hãy ghi cước chú cho một hoặc một số từ ngữ, đối tượng có trong VB theo lựa chọn của em*

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn khoảng 5-7 câu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

* *Hãy ghi cước chú cho một hoặc một số từ ngữ, đối tượng có trong VB theo lựa chọn của em (không thực hiện điều này với những từ ngữ, đổi tượng đã được giải thích trong sách).* GV có thể cho các em thảo luận theo nhóm và mỗi nhóm hoàn thành **phiếu học tập số 3** có mẫu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Từ ngữ, đối tượng cần ghi cước chú** | **Nội dung của cước chú** |
|  |  |  |
|  |  |  |

GV có thể giới thiệu cho HS một VB thông tin khác (bản phô-tô hay bản trình chiếu) và yêu cầu các em nhận xét về quy cách sử dụng tai liệu tham khảo được thể hiện trong VB đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- **HS** thực hiện **NV** ở nhà.

- **GV** nhận xét, đánh về bài trình bày của **HS**, bình luận về bài học và kết luận.

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân, nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV

**B4: Kết luận, nhận định**

- **GV** nhận xét, đánh về bài trình bày của **HS**, bình luận về bài học và kết luận

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.

***Ngày dạy /04/2025***

**TIẾT 118+119**. **VĂN BẢN 2:**

**LỄ RỬA LÀNG CỦA NGƯỜI LÔ LÔ**

**(Phạm Thùy Dung)**

**I.Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

-HS nhận biết được đặc điểm của VB giới thiệu vê' một lễ tục với nhiều hoạt động cụ thể được thực hiện theo những quy định chặt chẽ.

-HS nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong VBin.

HS nêu được những thu hoạch bổ ích về lối sống tôn trọng tự nhiên, hoà điệu với tự nhiên

**2. Về năng lực:**

**-** Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu văn bản hơn.

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo văn bản thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**-** Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm: biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài .

- Đọc kĩ văn bản và hoàn thành các phiếu học tập mà GV giao chuẩn bị ở nhà

**\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

? Em hãy kể ngắn gọn một phong tục thể hiện nếp sống gắn bó với thiên nhiên của người VIệt Nam ( xưa hoặc nay) mà em được biết?

**\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**

? Hẳn em đã từng được nghe giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động nào đó . Hãy nêu một vài ấn tượng của em xung quanh việc giới thiệu này?

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG 5’**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b) Nội dung:** GV sử dụng ở phần trước khi đọc để dẫn dắt hs vào nội dung bài học. : trong 3p hs nhớ tên một số vị thần được người Việt xưa thờ cúng, biểu thị sự tôn trọng . Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Em hãy kể ngắn gọn một phong tục thể hiện nếp sống gắn bó với thiên nhiên của người VIệt Nam ( xưa hoặc nay) mà em được biết?  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  -Hs nghe và tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: HS trưng bày sản phẩm.**  -Hs kể một số phong tục thể hiện nếp sống gắn bó với thiên nhiên của người VIệt Nam ( xưa hoặc nay)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV gọi hs nhận xét kq  + GV đánh giá kq của các nhóm.  ***-> GV dẫn dắt vào bài Lễ rửa làng của người Lô Lô:***Người Việt Nam có rất nhiều phong tục thể hiện nếp sống gắn bó với thiên nhiên. Tiêu biểu như phong tục thờ Thần Nông. Em xin kể ngắn gọn về phong tục thờ Thần Nông trong lễ hội làng Tòng Lệnh.Trong tâm thức của cư dân nông nghiệp, Thần Nông là vị thần ban cho mùa màng tươi tốt nên việc thờ cúng Thần Nông trở thành một nét văn hóa đặc sắc từ bao đời nay. Đậm nét trong tục thờ này phải thấy ở lễ hội Tòng Lệnh xã Trường Giang (huyện Lục Nam – tỉnh Bắc Giang), dân làng dựng một sàn tế cao tới đầu người, trên bắc sạp, dưới cho trẻ con đóng giả làm ếch nhái đợi mưa. Tế xong, chủ tế lấy nước vẩy xuống đàn ếch nhái, ếch nhái kêu ộp ộp báo hiệu mưa về. Một người đàn ông đóng giả làm trâu, một người phía sau đóng làm người đi bừa, một người phụ nữ giả làm người đi cấy đi quanh sàn tế... nghi lễ mang ý nghĩa cầu mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu.  **Câu 2.**Hẳn em đã từng dược nghe giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động nào đó. Hãy nêu một vài ấn tượng của em xung quanh việc giới thiệu này.  Em đã được nghe giới thiệu về quy tắc trò chơi ném còn. Các đội sẽ tiến hành ném còn qua một chiếc vòng còn nhỏ có đường kính khoảng 50cm và cao từ 15 - 20m. Người chơi cầm gần cuối đoạn dây vải quay quả còn vài vòng theo chiều kim đồng hồ rồi mới tung lên để quả còn bay lọt qua thì được tính là một điểm. Đội chơi kết thúc lượt chơi với thời gian quy định mà có điểm cao hơn là đội chiến thắng.Qua cách nghe giới thiệu về trò chơi, quy tắc chơi em ấn tượng với việc chuẩn bị các dụng cụ để bắt đầu trò chơi. Mặc dù nghe đơn giản nhưng thực tế lại rất công phu. Đơn giản ở chỗ chỉ cần ném còn qua lỗ sẽ ghi được điểm. Nhưng làm sao để ném còn vào một vòng tròn nhỏ ở độ cao khoảng đến 15 – 20m là điều không dễ dàng nên em cảm thấy rất hứng thú. |  |

**B .HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, xuất xứ, thể loại, giải nghĩa từ khó, cốt truyện, nhân vật trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chuẩn bị ở nhà , chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS làm việc cá nhân với câu hỏi sau:**  + Em hãy giới thiệu cách đọc văn bản ***“Lễ rửa làng của người Lô Lô”***  *?*  -GV yêu cầu một số HS đọc VB trước lớp. Qua việc giao cho mỗi em đọc một phần, GV giúp các em bước đầu nhận ra mạch triển khai của VB, bắt đầu từ những gợi mở của nhan đề.  -GV lưu ý về cách đọc: nhấn mạnh những cầu in nghiêng ở phần mở đầu VB; bộc lộ thái độ thích thú, ngạc nhién trước phần dẵn giải về lề tục; sử dụng giọng rành rẽ, khúc chiết khi thể hiện các đoạn miêu tả tùng bước thực hanh lễ tục;... Nhắc HS không bỏ qua các thẻ gợi ý về chiến lược đọc đặt bên phải của VB để có thổ lĩnh hội thông tin một cách chủ động, hiệu quả.  + GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó:  - HS lắng nghe  - **HS thảo luận cặp đôi với :**  **\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  + Em hãy cho biết ai là tác giả? Giới thiệu những nét chính về tác giả?  + Nêu xuất xứ của truyện***“ Lễ rửa làng của người Lô Lô”***  *?*  *+* ***Văn bản “ Lễ rửa làng của người Lô Lô”*** *thuộc thể loại nào?Kiểu văn bản nào?Phương thức biểu đạt chính?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Tóm tắ**t:Mỗi năm khi xong mùa vụ, người làng Lô Lô thường tổ chức nghi lễ rửa làng. Người Lô Lô là dân tộc thiểu số cư trú tại tỉnh Hà Giang và Cao Bằng. Người dân ở đây thường sống tập trung nên có tính cộng đồng rõ nét, họ thường cùng nhau thực hiện những nghi thức cổ truyền hướng về cội nguồn và cùng nhau ước vọng đời sống ấm no. Lễ rửa làng còn có tên gọi là lễ mừng ngô mới, bắt nguồn từ nhận thức rằng không gian của họ cần được tẩy rửa định kì. Một ngày trước khi lễ người dân cần cuẩn bị thẻ hương, chén nước, giấy trúc và con gà trống. Khi thầy cúng bọc tờ giấy trúc lên chén nước mà nước trong chén không bị thấm hoặc đổ ra ngoài thì lễ xin rửa làng đã linh nghiệm, báo hiệu việc cúng lễ sẽ thành công. Đoàn người thực hiện lễ cúng bao gồm thầy cúng chính, thầy cúng phụ và nam giới theo sau hỗ trợ. Họ vừa đi vừa gõ chiêng trống nhằm đánh thức những điều đẹp đẽ và xua tan rủi ro. Cây tre dài trước đó đã được đục miệng ở đoạn giữa và đổ đầy đất, sau đó cắm hình nhân bằng giấy màu rồi cắm hương theo từng hàng dọc ở giữa cây tre giả làm con ngựa. Xong phần lễ mọi người nhẹ nhõm hơn và tin vào tương lai tươi sáng phía trước. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-**Phạm Thuỳ Dung là một cầy bút có bài viết xuất hiện đều đặn trên tạp chí *Di sản (Heritage)* của Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines).  - Các bài viết của chị đã đưa đến cho người đọc nhiều thông tin thú vị về cuộc sống muôn màu trên mọi miền của Tổ quốc.    ***2. Văn bản***  ***a. Xuất xứ:***  ***-***Trích trong tạp trí “Di sản”, tháng 12/2019.  - ***Thể loại***: Thuyết minh  - **Kiểu văn bản** : Văn bản thông tin  - Ptbđ chính: Thuyết minh  **b. Đọc, chú thích, bố cục**  \* 3 phần:  Phần1: Từ đầu đến “độc đáo, thú vị”: Giới thiệu lễ rửa làng của người Lô Lô.  Phần2: Tiếp theo đến “làm mất thiêng”: Quá trình chuẩn bị và hành lễ rửa làng  Phần cuối: Còn lại: Ý nghĩa của phong tục |

**II. Tìm hiểu chi tiết** **văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung bài học và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Nhiệm vụ 1**   **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS thảo luận nhóm với nhau**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **?.**Nêu những thông tin chính về lễ rửa làng mà em tiếp nhận được từ văn bản (có thể trình bày dưới hình thức một sơ đồ với các phần: thời điểm diễn ra hoạt động; sự chuẩn bị và diễn biến của hoạt động; ý nghĩa của hoạt động;…).  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV mở rộng và chuyển ý: Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS thảo luận nhóm với**:  ? Nêu sự chuẩn bị và diễn biến của lễ tổ chức rửa làng?  **\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  ? Qua câu chuyện em rút ra được ý nghĩa nào về hoạt động của lễ rửa làng Lô Lô?  **?**Tính cộng đồng của các hoạt động diễn ra trong ngày lễ đã được tô đậm qua những thông tin cụ thể nào?  Tính cộng đồng của các hoạt động diễn ra trong ngày lễ đã được tô đậm qua những thông tin:  - Cứ ba năm một, vào thời điểm tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch, người Lô Lô ngồi lại cùng nhau chọn ngày tổ chức lễ rửa làng, thống nhất việc mời thầy cúng và phân công mọi người sắm sanh đồ lễ.  - Trước ngày lễ rửa làng 1 ngày, người dân chuẩn bị lễ vật gồm thẻ hương, chén nước, giấy trúc và con gà trống để thầy cúng thắp hương xin tổ tiên đồng ý cho tổ chức lễ rửa làng.  - Thầy cúng và đoàn người sẽ mang lễ vật đi khắp các ngõ ngách quanh làng để xua đuổi tà ma và đánh thức những điều đẹp đẽ.  - Xong phần lễ, mọi người hoan hỉ ăn tiệc, uống rượu mừng, bắt đầu 3 năm yên ổn làm ăn.  **\*Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Gv hd hs hoạt động cá nhân  Nêu nội dung chính của truyện?  Chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc của truyện?  Văn bản đã có ý nghĩa như nào đối với em và mọi người?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | 1. **Giới thiệu về lễ rửa làng của người Lô Lô.**   - Lễ rửa làng hay còn gọi là lễ mừng ngô mới.  - Thời điểm:  + 3 năm tổ chức một lần  + Diễn ra vào tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch  - Cách thức:  + Cả làng ngồi lại với nhau thống nhất cách mời thầy cúng và phân công mọi nguowid sắm đồ lễ.  **2.Quá trình chuẩn bị và tiến** **hành lễ rửa làng.**  **-**- Đoàn người đi làm lễ rửa làng mang theo đồ lễ, đi khắp các nhà, suốt các hang cùng ngõ hẻm trong làng bản, vừa đi vừa gõ chiêng trống rộn ràng nhằm đánh thức những điều đẹp đẽ ngủ quên và xua đi những rủi ro ám ảnh.  - Đoàn người tới nhà nào thì gia chủ nhà đó phải chuẩn bị sẵn hình nhân cùng hai bó củi và hai bó cỏ để ngầm bồi dưỡng công xua đuổi tà ma cho thầy cúng với thái độ cung kính, thành khẩn.  - Xong phần lễ, mọi người hoan hỉ ăn tiệc, uống rượu mừng, bắt đầu 3 năm yên ổn làm ăn.  - Sau lễ cúng, phải 9 ngày sau người lạ mới được bước vào làng, nếu chẳng may người lạ vào làng, người đó phải sửa soạn lễ vật để cúng lại, bù vào lễ cúng đã bị họ làm mất thiêng.  **3.Ý nghĩa của lễ hội.**  - Xuất phát từ nhận thức rằng không gian sinh sống của họ phải được “làm sạch”, “tẩy rửa” theo định kì để gọt rửa những điều xui xẻo, đem lại điều may mắn.  - Xong lễ mọi người thấy nhẹ nhõm hơn và tin vào tương lai phía trước  - Thể hiện những ước vọng tốt lành cho cuộc sống ấm no.  - Là tín ngưỡng dân gian và nét đẹp truyền thống cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam.  **III.Tổng kết**   1. **Nghệ thuật:**   - Lời văn nhẹ nhàng, giàu hình ảnh.  - Câu văn ngắn gọn, đơn giản nhưng giàu sức gợi, cuốn hút người đọc.  **2. Nội dung**  - Văn bản đã cung cấp cho người đọc thông tin đầy đủ, rõ ràng về phong tục rửa làng của người Lô Lô để thấy được nét đẹp về văn hóa và tinh thần của người dân nơi đây. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập viết đoạn văn ngắn từ nội dung câu truyện.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs, bài viết của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ**

**Câu hỏi 5:**Qua đọc văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô, em rút ra được kinh nghiệm gì về tạo lập loại văn bản giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động?

*- GV yêu cầu HS:*

*+ Khi đọcvăn bản thông tin em cần chú ý đến những đặc điểm nào?*

*+ Nêu ý nghĩa được rút ra từ văn bản trên?*

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ lựa chọn câu trả lời.

**\* Báo cáo thảo luận:**

- hs trả lời

**- D**ự kiến sản phẩm

Qua đọc văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô, em rút ra được kinh nghiệm về tạo lập loại văn bản giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động:

- Giới thiệu chung về trò chơi hay hoạt động.

- Nêu thời gian, địa điểm diễn ra trò chơi/hoạt động và những công việc cần chuẩn bị.

- Miêu tả/giới thiệu chi tiết về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi/hoạt động.

- Nêu ý nghĩa của trò chơi/hoạt động.

**\* Đ** **ánh gi á nhiệm vụ**

- HS khác nhận xét , bổ sung

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập viết đoạn văn ngắn từ nội dung câu truyện

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:*  Viết đoạn văn 5-7 câu giới thiệu về một lễ hội ở địa phương em?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS làm theo hướng dẫn của GV

- GV hướng dẫn HS: cần viết đúng chủ đề, đúng đặc trưng thể loại.

**\* Báo cáo thảo luận:**

**-** HS trình bày bài viết trước lớp

- Hs nhận xét bổ sung

**\* Kết luận nhận định**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

***Ngày dạy /04/2025***

**TIẾT 120**. **VĂN BẢN 3**

**BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO**

**(Nguyễn Vĩnh Nguyên )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* HS thấy được cách đặt vấn đế độc đáo của tác giả bài tản văn về việc xây dựng nếp sống hài hoà với thiên nhiên cho con người thời hiện đại.
* HS củng cố được khái niệm tản văn đã học ở học kì I và thấy được những mối quan tâm chung được thể hiện trong ba VB đọc của bài học.

**2. Về năng lực:**

**-** Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu văn bản hơn.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm: biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài .

- Đọc kĩ văn bản và hoàn thành các phiếu học tập mà GV giao chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **HĐ KHỞI ĐỘNG**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Bản tin về hoa anh đào.*

**b.Nội dung:** GV chiếu video đã chuẩn bị cho SH quan sát để khởi gợi trải nghiệm của HS.

**c.Sản phẩm:** Chia sẻ cảm nhận của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt những câu hỏi khơi gợi trải nghiệm cho HS:

*+ Em biết gì về Đà Lạt?*

*+ Trong cảm nhận của du khách muôn phương. Điều làm nên giá trị nổi bật của Đà Lạt là gì?*

- GV gợi ý cho HS trả lời thông quan việc trình chiếu cho HS xem đoạn video ngắn về thiên nhiên thơ mộng nói chung của Đà Lạt

<https://www.youtube.com/watch?v=RAf62UOSPmY>

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS xem video, cảm nhận và chia sẻ câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời môt vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã có những lời chia sẻ hay và thú vị.

- Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ở hai văn bản trước trong chủ đề là Thủy tiên tháng Một và Lễ rửa làng của người Lô Lô đều thể hiện mối quan tâm về Trái Đất và về môi trường sống. Phải chăng ngoài văn bản thông tin, người ta hoàn toàn có thể sử dụng các loại, thể loại văn bản khác đề đề cập về những vấn đề này. Văn bản ngày hôm nay chúng ta học là một thể loại rất mới, chắc chắn sẽ đem lại cho chúng ta sự thú vị và hấp dẫn. Chúng ta sẽ cùng được đắm chìm trong thế giới thiên nhiên thơ mộng, với sắc hồng nhẹ nhàng của hoa anh đào xử Đà Lạt xinh đẹp. Hãy cùng đi vào văn bản****Bản tin về hoa anh đào.***

**B .HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, xuất xứ, thể loại, giải nghĩa từ khó, cốt truyện, nhân vật trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chuẩn bị ở nhà , chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**II. Tìm hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung bài học và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1 *Tìm hiểuchung* về văn bản**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS làm việc cá nhân với câu hỏi sau:**  + Em hãy giới thiệu cách đọc văn bản ***“Bản tin về hoa anh đào”***  *?*   * GV cho HS đọc VB trước lớp khoảng 2 lẩn (vì VB tương đối ngắn). Nhắc các em xem kĩ cước chú để hiểu thấu đáo hơn vể nghĩa của các từ ngữ khó. * Lưu ý HS về cách đọc: Chú ý nhấn giọng khi đọc những từ ngữ thể hiện trực tiếp quan điểm đánh giá của tác giả đối với các bản tin về hoa. Cũng cần ngắt giọng đúng khi gặp những càu văn dài, đầy tính biểu cảm như hai cầu có liên hệ đến nhân vật hoàng tử bé trong tác phẩm của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.   + GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó:  - HS lắng nghe  - **HS thảo luận cặp đôi với :**  **\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  + Em hãy cho biết ai là tác giả? Giới thiệu những nét chính về tác giả?  + Nêu xuất xứ của văn bản***“ Bản tin về hoa anh đào”***  *?*  *+* ***Văn bản “ Bản tin về hoa anh đào”*** *thuộc thể loại nào?Kiểu văn bản nào?Phương thức biểu đạt chính?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV gọi HS tóm tắt văn bản( GV gợi ý)**  -Anh bạn tôi là kí giả ở Đà Lạt, có đóng góp nhiều điều cho chuyện lớn của thành phố nhưng với tôi điều nể phục lớn nhất của anh là những bản tin nhỏ về hoa anh đào đều đặn xuất hiện hằng năm khi Đà Lạt giao mùa đông – xuân. Bản tin thường xuất hiện trên tờ báo T vào đúng cái mùa mà những người yêu Đà Lạt đang ngất ngây trong cái lạnh tháng Chạp. Có năm, bản tin được viết trong niềm hân hoan hứng khởi báo tin hoa sẽ nở rộ; có năm bản tin dự báo hoa sẽ đến muộn và chóng tàn vì thời tiết bất lời, có năm bản tin chỉ kể về một vài gốc hoa anh đào cổ thụ. Với nhiều người bản tin đó có thể tạo cảm giác lạc lõng, nhưng với người “sốc hoa” thì điều quan tâm là một bản tin về hoa liệu có giải quyết được gì? Thoạt đầu, anh đã lo sợ về những khó khăn của thưở ban đầu, nhưng vượt qua chướng ngại về tâm lí để viết nên cảm nhận về hoa đào. Đối với tôi, bản tin xuất hiện trên trang báo mỗi năm vô cùng ý nghĩa để hiểu rằng hoa cỏ cũng cần được truyền thông, nâng niu theo một cách tự nhiên nhất.  **Nhiệm vụ 2.Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- Hãy chọn trong đoạn 1 một cụm từ có thể khái quát được nội dung chính của vấn đề mà tác giả muốn trao đổi?*  *- Những cách gọi khác nhau của vấn đề?*  *-Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK, tìm các thông tin được tác giả giới thiệu trong đoạn văn 1.  - Suy nghĩ cá nhân..  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  -Dự kiến sp  Theo em, nhan đề Bản tin về hoa anh đào có thể gợi lên ở người đọc suy đoán văn bản có nội dung liên quan đến một bản tin viết về hoa anh đào, về ý nghĩa của bản tin hoa anh đào đó, những con người gắn với bản tin đó,...  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Từ *bản tin* có thể gây hiểu nhầm rằng VB là một bản tin về hoa anh đào. Đây chính là yếu tố “gây nhiễu” thú vị mà khi vượt qua, HS sẽ có cơ hội thấy được đặc điểm riêng về thể loại của VB đang học. GV cẩn giúp các em phân biệt được sự khác nhau giữa hai đối tượng: VB với tư cách là *một bản tin* và VB với tư cách là *một tác phẩm văn học lấy cảm hứng từ một bản tin*  **GV mở rộng và chuyển ý: Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS thảo luận nhóm với**:  ? Liệt kê những từ ngữ thể hiện trực tiếp ý kiến đánh giá của tác giả đối với các bản tin nhỏ mà người bạn nhà báo đã viết về hoa anh đào? Em có nhận xét ntn về ý kiên đánh giá đó?  ?HS tự nhận xét về những từ ngữ đã được liệt kê và gạch bỏ những từ ngữ không “thể hiện trực tiếp quan điểm đánh giá của tác giả đối với các bản tin nhỏ mà người bạn nhà báo đã viết về hoa anh đào ’?  *?Tác giả có quả lời không? Quan điểm đánh giá đó có điều gì khác thường? Nó có thể được người khác tán đồng, chia sẻ một cách dễ dang hay không? Căn cứ để tác giả nêu quan điểm đánh giá đó là gì?* GV cho HS thảo  **\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + Liệt kê : hứng khởi, hân hoan,loan báo: Các từ ngữ thể hiện thái độ hết sức trân trọng: nể phục, thông điệp giá trị, vô cùng ý nghĩa.  **->Tác giả đã néu quan điểm đánh giá cua mình một cách hết sức nghiêm túc, dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về tình hình báo chí nói riêng, hiện trạng xã hội nói chung.**  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  GVlưu ý các từ ngữ sau: *nể phục, thông điệp giá trị, vô cùng ý nghĩa.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  ? Vì sao tác giả lị cho rằng để viết một bản tin về hoa anh đào , người bạn của mình đã vượt qua nhiều “khó khăn”, “ chướng ngại” ?  - Tác giả lại cho rằng để viết một bản tin về hoa anh đào, người bạn của mình đã phải vượt qua nhiều “khó khăn”, “chướng ngại” vì với nhiều người, đó là thứ xa xỉ viễn mơ. Nó cũng có thể bị lạc lõng ngay trên trang báo bảo vì nó không phải là thông tin giật gân, thông tin được nhiều người ưa chuộng.  ? Những “khó khăn”, “ chướng ngại “ được nêu lên đó cho biết gì về cách sống và thái độ ứng sử với thiên nhiên của con người trong cuộc sống hiện tại ?  - Những “khó khăn”, “chướng ngại” được nêu lên trong tản văn cho thấy trong cuộc sống hiện đại con người thường ít chú trọng, quan tâm đến thiên nhiên, quan tâm đến đời sống tinh thần mà hay chú trọng đến những cái thiết thân của bản thân, những vấn đề cơm ăn, áo mặc hàng ngày. Điều này cũng thấy con người hiện đại ngày càng sống nhanh, sống gấp hơn  - GV định hướng trả lời: Việc cho ra dòi một tac phãm (dù là một bản tin báo chí) luôn phụ thuộc vào nhiếu yếu tố: yêu cầu của toà soạn; tâm lí tiếp nhận của độc giả; sự thấu hiểu vấn đê' của người viết; cuộc đấu tranh nội tâm của người viết khi muốn chuyển tải một thông điệp có ý nghĩa trong hoàn cảnh không hoàn toan thuận lợi;... Ở đây, quả thực người bạn của tác giả đã đứng trước những nghi ngờ của người đọc khi họ có thể cho đó là “thứ xa xỉ viễn mơ”. Nhân vật kí giả cũng đã lường tính đến sự xuất hiện “lạc lõng” của bản tin về hoa trên mặt báo vốn đầy những thông tin phổn tạp vế đời sống đương đại. Đặc biệt, anh phải đối diện với chính nghi ngờ của bản thân mình: Câu chuyện vẽ hoa “có phải hoặc có nên là một bản tin?”. Rõ ràng, tất cả những điều đó đã làm nên “khó khăn”, “chướng ngại” đối với người viết báo - bạn của tác giả. Thông qua việc nhấn mạnh những “khó khăn ) “chướng ngại” trên, tác giả Nguyễn Vĩnh Nguyên đã nêu được một hiện trạng đáng suy nghĩ. Đó là, trong cuộc sống hiện đại, con người thường bị cuốn theo nhịp sống hối hả nên nhiều khi đã để lạc mất cảm giác rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, làm mai một thói quen tự vấn về lối sống của chính mình, không tạo được khoảng lặng cần thiết cho tầm trí để trả.  ?Vỉ *sao có sự đồng điệu giữa tác giá và nhân vật được nói đến trong bài tản văn? Đoạn văn thuật lại sự “hình dung”, tưởng tượng của tác giả về tâm trạng- người bạn viết cho ta biẽt điều gì? Việc tác giả liên hệ, so sánh người bạn với hoàng tử bé Ct ỷ nghĩa như thế nào?...*  ***GV gợi ý****: Bản tin về hoa anh đào* đã thể hiện tính chất của thể loại tản văn khá đậm nét: thấm đượm cảm xúc; có những liên hệ, liên tưởng phóng khoáng nhưng tất cả kết nối với nhau chặt chẽ. Đặt mình vào vị trí của một người đọc, tác giả đã thể hiện tâm trạng hân hoan chừ' đợi các bản tin về hoa và có những đánh giá cao về chúng. Đặt mình vào vị trí một ngườiviết, tác giả phần nào đã nhập thần vào nhân vật, hình dung được một cách hết sức cụ thể'*về* những suy tư, trăn trở âm thầm trong anh khi anh muốn viết những bản tin nhỏ về hí ã. Chính nhờ sự đổng điệu này mà điều tác giả muon nhắn gửi qua *Ban tin về hoa anh đào* không còn là tâm sự thuần tuý cá nhân nữa. Nó đã trở thành tiếng nói chung, thực sự mang tính diện, chạm vào một vấn đề đang khiến bao người băn khoăn tìm lời giải đáp - vấn đề xây dựiụ; lối sống phù hợp, hoà vào nhíp điệu vĩnn cửu cua cỏ cầy: hoa la, của thiên nhiên.  ? Nêu khái quát thông điệp chính mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua tản văn là gì?  **GV gợi dẫn**:Qua những suy ngám trước các bản tin về hoa anh đào, tác gỉa muốn hướng người đọc tới thái độ biết nâng niu từng vẻ đẹp của thiên nhiên, biết đieữ chỉnh thái độ sống, cách sống để tìm được niềm hạnh phúc trong sự giao hoà với tạo vạt. Cũng theo tác giả, trên vấn để định hướng giá trị sống, hoạt động báo chí cần phải có những thay đổi tích cực trong cách chọn và đưa thông tin tới độc giả.  **\*Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  Gv hd hs hoạt động cá nhân  **\* GV giao nhiệm vụ**  Nêu nội dung chính của văn bản?  Chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc của văn bản?  Văn bản đã có ý nghĩa như nào đối với em và mọi người?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS tiếp nhận nhiệm vụ  **\* Báo cáo nhiệm vụ**  - HS trả lời cá nhân  **\* Đánh giá nhiệm vụ**  - HS khác nhận xét , bổ sung  - Gv nhận xét và chốt kt | ***I.Tìm hiểuchung***  ***1.Tác giả***  Nguyễn Vĩnh Nguyên sinh: 1979  - Quê quán: Ninh Thuận  - Thể loại sáng tác: tản văn, du khảo, báo chí,...  - Tác phẩm tiêu biểu: Tản văn Với Đà Lạt, ai cũng là lữ khách; du khảo Đà Lạt, một thời hương xa; biên khảo Đà Lạt, bên dưới sương mù,...  ***2.Văn bản***  **- Xuất xứ**  - Theo Nguyễn Vĩnh Nguyên, *Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách,* NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 29-31  **- Bố cục**(3 phần)  - Phần 1 (từ đầu đến “giao mùa đông-xuân”): Giới thiệu về bản tin hoa anh đào  - Phần 2 (tiếp theo đến “rộn ràng nhất thời”): Đặc điểm của bản tin hoa anh đào  - Phần 3 (còn lại): Cảm xúc vủa tác giả về bản tin của các loài hoa  - Thể loại: Thuyết minh  - Phương thức biểu đạt: Thuyết minh  - Kiểu văn bản: Thông tin  **II.Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **1.Giới thiệu về bản tin hoa anh đào .**  - Thời gian xuất hiện  + mỗi năm một lần, vào tháng Chạp  - Nội dung của bản tin thay đổi theo từng năm  + Viết như một bài thơ với niềm hưng khởi, hân hoan, loan báo rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới  + Bản tin dự báo hoa nở muộn, chóng tàn vì thời tiết bất lợi  + Có năm kể lể về gốc anh đào cổ thụ đứng ở góc đường nào đó trong thành phố vừa bị đốn hạ  - Những khó khăn đầu tiên của người bạn tác giả khi mới viết một bản tin lạ  + Người viết tin không biết nên bắt đầu từ đâu  + Anh vẫn đưa ra quyết định: phải làm cho hoa anh đào bình đẳng với các bản tin khác trên đời.  ***2. Ý kiến của tác giả về bản tin hoa anh đào***  - Suy nghĩ của tác giả về bản tin  + Việc bản tin mỗi năm xuất hiện một lần theo tác giả vô cùng ý nghĩa  + Ý nghĩa tư duy trong nghề làm báo  + Bản tin mang đến  sức lan tỏa lớn đến mọi người  + Tác giả muốn trong tương lai có nhiều bản tin về hoa tiếp theo  + Mong muốn những bản tin rối rắm của xã hội bằng các bản tin về các loài hoa  - Tâm hồn của con người sẽ được thanh lọc, thoải mái hơn    **3. *Suy ngẫm từ những bản tin về hoa* .**  - Tác gỉa muốn hướng người đọc tới thái độ biết nâng niu từng vẻ đẹp của thiên nhiên, biết điều chỉnh thái độ sống, cách sống để tìm được niềm hạnh phúc trong sự giao hoà với tạo vật.  -Định hướng giá trị sống, hoạt động báo chí cần phải có những thay đổi tích cực trong cách chọn và đưa thông tin tới độc giả.  **III.Tổng kết**  **1.Nghệ thuật:**  - Kết hợp giữa tự sự, miêu tả, bình luận cùng lời văn tha thiết thể hiện rõ tình yêu của tác giả với Đà Lạt.  - Sử dụng dẫn chứng, liên hệ, phong phú chứng minh vấn đề đồng thời để lại dấu ấn sâu trong lòng người đọc.  **2. Nội dung**  - Văn bản là bản tin viết về hoa anh đào. Tác phẩm thể hiện tình yêu lớn lao mà tác giả dành cho hoa đào Đà Lạt. Qua đó chúng ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn, hồn cốt của hoa đào và trân trọng vẻ đẹp của nó. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập viết đoạn văn ngắn từ nội dung câu truyện.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs, bài viết của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ**

*? Ở đoạn cuối của VB, tác giả đã bộc lộ mong muôn gì? Em có đồng tình, chia sẻ với những điều được tác giả phát biểu không? Theo em, trong cuộc sổng hiện nay, tâm hồn của con người đang “đói” những gì?*

* GV hướng dẫn HS tổng hợp những điều đã phân tích để đưa ra nhận định khái quát vế nội dung và ý nghĩa của VB, đặc điểm thể loại của VB (trong sự so sánh với hai VB đã được học trước đó).

*- GV yêu cầu HS:*

*+ Khi đọcvăn bản thông tin em cần chú ý đến những đặc điểm nào?*

*+ Nêu ý nghĩa được rút ra từ văn bản trên?*

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ lựa chọn câu trả lời.

**\* Báo cáo nhiệm vụ:**

- hs trả lời

**\* Đánh giá nhiệm vụ**

- Em đồng tình với suy nghĩ của tác giả thể hiện ở đoạn cuối văn bản. Quả thực trong xã hội hiện đại ngày nay, gánh nặng “cơm áo gạo tiền” đã làm con người ta bận rộn và tất bật, không có thời gian để ngắm nhìn và cảm nhận thiên nhiên tươi đẹp. Chúng ta hãy tạm gác lại những âu lo, dành một chút thời gian để ngắm nhìn và yêu thiên nhiên hơn nữa, để cho tâm hồn mình được thanh lọc và tốt lành hơn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập viết đoạn văn ngắn từ nội dung câu truyện

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:*  Viết đoạn văn 5-7 câu giới thiệu thiên nhiên nơi em sống?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS làm theo hướng dẫn của GV

- GV hướng dẫn HS: cần viết đúng chủ đề, đúng đặc trưng thể loại.

**\* Báo cáo nhiệm vụ:**

**-** HS trình bày bài viết trước lớp

- Hs nhận xét bổ sung

**\* Đánh giá nhiệm vụ**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

***Ngày dạy /04/2025***

**TIẾT 121: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng

- HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi cho HS:

*+ Từ “Nam quốc sơn hà” là từ thuần Việt hay từ mượn?*

*+ Nếu là từ mượn, thì mượn của nước nào?*

*+ Em hiểu từ Hán Việt là từ như thế nào?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Từ Hán Việt nghe có vẻ khá lạ lẫm với các em, chắc chắn các em sẽ cảm thấy nó khá là khó vì bản thân các em không biết chữ Hán đúng không nào? Tuy nhiên, trong cuộc sống, các em cũng vô tình bắt gặp và sử dụng rất nhiều từ Hán Việt đấy. Trong bài học hôm nay, chúng ta cùng đến với bài thực hành tiếng Việt để đi tìm hiểu về****Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt****nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**  Hiểu rõ hơn nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt qua việc phân tích ngữ liệu thực tế trước khi hoàn thành các bài tập thực hành tiếng Việt

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn  + Em hiểu “Thuyết minh” có ý nghĩa là gì?  + Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  1**.Xét ví dụ:**  **Thuyết minh**  **- Thuyết**: thuyết phục, thuyết giảng, lí thuyết, diễn thuyết…  **- Minh:** minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh…  **Thuyết:** có liên quan đến hành động nói  **Minh**: có liên quan tới sự rõ ràng, sáng sủa  🡪 **Thuyết minh**: nói rõ ràng ra (về một vấn đề nào đó)  **2. Nhận xét**  - Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét  - Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.  - Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh làm bài tập 1  - GV phát phiếu học tập, hs hoàn thành bài tập 2    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  Theo em hiểu tín: uy tín, chữ tín, lòng tin…; ngưỡng: ngưỡng vọng, ngưỡng mộ, kính ngưỡng… Hai yếu tố này hợp thành tín ngưỡng mang nghĩa chỉ niềm tin của con người được thể hiện thông qua những nghi lễ gắn liền với phong tục, tập quán để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân, cộng đồng.  - Theo em, khi chưa có từ điển trong tay ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách:  + Tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét. Ví dụ: tín ngưỡng tách thành tín và ngưỡng.  + Tiếp đó, dựa vào từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách trên vào các nhóm khác nhau. Ví dụ tín có: tín tâm, uy tín, tín nghĩa, chữ tín; ngưỡng có: kính ngưỡng, ngưỡng mộ…  + Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.  **Bài tập 2**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Từ cần xác định nghĩa | | Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự | Nghĩa của từng yếu tố | Nghĩa chung  của từ | | Bản sắc | Bản | bản chất, bản lĩnh | bản: cội, gốc | bản sắc: tính  chất riêng  tạo thành  đặc điểm  chính | | Sắc | sắc thái, sắc độ, | sắc: vẻ | | Ưu tư | Ưu | ưu điểm, ưu tú | ưu: tốt, giỏi, cái ở phía trên | ưu tư: lo nghĩ | | Tư | Tư duy, tâm tư | tư: suy nghĩ, ý niệm | | Truyền thông | Truyền | truyền đạt, truyền hình | truyền:di  chuyển, lan rộng | Truyền thông:  hoạt động  trao đổi thông  điệp trong một nhóm  người hoặc  một cộng  đồng để tạo ra  sự hiểu biết  lẫn nhau hoặc  hiểu biết về một  sự kiện, sự việc | | thông | Thông tin, lưu thông | thông: bảo cho biết, không bị tắc nghẽn | |

**Hoạt động 4: vận dụng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết đoạn văn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: *Hoà điệu với tự nhiên.* Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ hán Việt. (Gạch chân từ Hán Việt đó)

Gợi ý:

- Trình bày câu chủ đề

- Hoà điệu với tự nhiên

- Có sử dụng từ Hán Việt, gạch chân.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn theo gợi ý

Dự kiến sản phẩm:

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

-GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

***Ngày dạy /04/2024***

**TIẾT 122+123+124 .VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**VỀ QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- HS viết được kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và phương tiện truyền thông.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  | **B** | **Ị** | **T** | **M** | **Ắ** | **T** | **B** | **Ắ** | **T** | **D** | **Ê** |
| **2** |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ả** | **D** | **I** | **Ề** | **U** |  |  |  |
| **3** |  | **C** | **H** | **Ơ** | **I** | **Đ** | **U** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  | **N** | **H** | **Ả** | **Y** | **B** | **A** | **O** | **B** | **Ố** |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  | **T** | **Ế** | **T** |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ổ** | **I** | **C** | **Ơ** | **M** |  |  |
| **7** | **T** | **R** | **Ố** | **N** | **T** | **Ì** | **M** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  | **Đ** | **I** | **C** | **À** | **K** | **H** | **E** | **O** |  |  |
| **9** |  |  |  | **Đ** | **Ậ** | **P** | **N** | **I** | **Ê** | **U** |  |  |  |  |  |
| **10** |  | **C** | **H** | **Ơ** | **I** | **C** | **H** | **U** | **Y** | **Ề** | **N** |  |  |  |  |

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

**Cách 1:** Gv tổ chức trò chơi ô chữ bí mật

Câu 1: Đây là trò chơi trong đó một người chơi sẽ bị bịt mắt và cố gắng bắt những người khác trong một phạm vi sân chơi giới hạn. Người bị bắt sẽ thua cuộc và phải thế chỗ cho người bắt.

Câu 2: Sắp xếp các kí tự sau để thành tên một hoạt động vui chơi trong dịp hè của trẻ em vùng nông thôn

ả/h/t/u/ề/i/d

Câu 3: Trò chơi diễn ra vào mùa xuân, sử dụng đu quay làm công cụ, người chơi thể hiện sự khéo léo, mạnh mẽ của mình.

Câu 4: Sắp xếp các kí tự sau để thành tên một trò chơi

ả/o/a/b/b/n/h/y/ố

Câu 5: Đây là một dịp được mong đợt nhất trong năm của người Việt Nam.

Câu 6: Đây là tên một hội thi nổi tiếng ở Đồng Vân?

m/t/ơ/h/ổ/c/i

Câu 7: Cũng gọi là **chơi 5-10** là trò chơi phổ biến của trẻ em, số lượng người chơi không hạn chế (nhưng ít nhất là ba). Mục đích là một người đi tìm còn những người kia lẩn trốn.

Câu 8: Trò chơi dùng 2 cây tre, trên đó cột hai cái khấc cũng bằng [tre](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tre) làm bàn đạp để đứng lên đó đi thay chân.

Câu 9: Trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là phải đập vỡ nó với một chiếc gậy.

Câu 10: Trò chơi còn gọi là chơi chắt, dùng 1 quả bóng tung lên nhặt lấy que chuyền rồi chụp bóng.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Các em ạ, các từ khóa hàng ngang các em vừa tìm được đó chính là những trò chơi hoặc hoạt động. Vậy làm thế nào để viết được bài văn thuyết minh về các quy tắc, luật lệ trong các trò chơi hay hoạt động đó? Cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu tiết

**B.Hoạt động 2:Hình thành kiến thức**

**I.Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài vănthuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KI ẾN SẢN PH ẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *+ Bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  ***+*** *Tại sao phải giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động?*  ***+*** *Khi tham gia trò chơi hay hoạt động, việc tìm hiểu ý nghĩa của nó có tác dụng gì?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  (.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia)  - Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động, nêu rõ trình tự các bước cần thực hiện trong trò chơi hay hoạt động đó.  - Nêu được vai trò của trò chơi hay hoạt động đó với con người.  - Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó. |

**II. Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *“****Chơi chuyền”***

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Hình ảnh trên gợi nhắc đến trò chơi dân gian nào?  + Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về trò chơi đó. (luật chơi, số người, câu đồng dao…)  + Đọc bài viết tham khảo “Chơi chuyền” và đối chiếu với trò chơi diễn ra trong thực tế và cho nhận xét.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  **- Giới thiệu trò chơi**  “Trong các trò chơi dân gian Việt Nam, trò chơi chuyền được rất nhiều bạn gái yêu thích … đánh chuyền thoăn thoắt.”  **- Miêu tả cách chơi (quy tắc)**  “Tham gia trò chơi này thường có từ 2 đến 6 người, chơi theo cặp, cũng có khi chơi luân phiên từng người trong nhóm, hoặc hia đội. … Hết 10 bản và chuyền vòng tính là một ván.”  **- Miêu tả luật chơi**  “Khi đến lượt chơi chuyền, nếu bạn nào không bắt được quả hay bắt que chuyền không đúng sẽ mất lượt … Tính thắng thua bằng tỉ số hoàn thành các ván.”  **- Nêu tác dụng của trò chơi**  “Chơi chuyền luyện sự khéo léo, nhanh tay, nhanh mắt … đem đến cho các bạn sự vui vẻ, hoà đồng.”  **- Nêu ý nghĩa của trò chơi**  “với tư cách là trò chơi thể hiện đậm nét một vẻ đẹp của văn hoá dân gian người Việt, chơi chuyền vẫn là “trò” thường có mặt trong các lễ hội và trong các hoạt động phát triển thể chất hoặc hướng tới mục đích lưu giữ bản sắc truyền thống.” |

**III. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn **thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động** gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a, Lựa chọn đề tài**  Hãy tham khảo một vài trò chơi hay hoạt động như sau:  - Trò chơi ô ăn quan  - Trò chơi pháo đất  - Trò chơi cướp cờ  - Thi thả diều  - Thi thổi cơm  - Hát đối đáp  **b. Tìm ý (trả lời câu hỏi dựa theo mẫu sau)**   |  |  | | --- | --- | | - Trò chơi hay hoạt động đó thường diễn ra ở đâu? |  | | - Trò chơi hay hoạt động đó dành cho lứa tuổi nào? |  | | - Hiện nay người ta có còn chơi trò chơi đó hay duy trì hoạt động đó nữa không? |  | | - Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó là gì? |  | | - Trò chơi hay hoạt động đó có tác dụng như thế nào đối với con người? |  | | - Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó là gì? |  |   **c. Lập dàn ý**  Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý  - **Mở bài:** Giới thiệu về trò chơi hay hoạt động (tên gọi, hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).  - **Thân bài**:  + Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.  + Nêu tác dụng của trò chơi hay hoạt động.  - **Kết bài**: Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đối với cuộc sống con người.  **2. Viết bài**  **Khi viết bài, em cần lưu ý:**  - Kết hợp các thông tin em tham khảo được về trò chơi hay hoạt động và những trải nghiệm của riêng em (nếu có).  - Miêu tả quy tắc hoặc luật kệ của trò chơi hay hoạt động một cách chi tiết, rõ ràng.  - Mỗi ý thuyết minh về trò chơi hay hoạt động trình bày thành một đoạn văn. |

**IV. Viết bài**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.(trò chơi nhảy dây)**

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Hs viết bài

**\* Báo cáo nhiệm vụ**

**-** HS nộp bài

**\* Đánh giá nhiệm vụ**

*- GV nhận xét, đánh giá vềý thức tự giác tiết học tự viết bài của HS*

**V . Chỉnh sửa bài viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò.** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV : Chép đề bài lên bảng** :    Các nhóm trình bày dàn ý  **Gv nhận xét**  **1. Ưu điểm**  - Bước đầu các em viết đúng thể loại văn thuyết minh…..  - Đa số học sinh làm bài văn có bố cục 3 phần rõ ràng  - HS biết làm bài văn thuyết minh xen yếu tố miêu tả và biểu cảm.  - Nhiều bài viết có cảm xúc, diễn đạt trôi chảy, trong sáng, có hình ảnh  - Một số HS đã biết cách dựng đoạn, liên kết đoạn  - Đa số học sinh viết chữ đẹp rõ ràng  **2. Tồn tại.**  - Nhiều HS viết đơn thuần chỉ là thuyết minh.  - Chưa có ý thức dựng đoạn, tách đoạn và liên kết đoạn văn.  - Nhiều HS sai lỗi chính tả  - Diễn đạt lặp, lủng củng, tối nghĩa.  - Một số chưa có dẫn chứng  **Gv hướng dẫn sửa lỗi- trả bài**  - Lỗi chính tả : Trò chơi- chò trơi, lỗi sai- nỗi sai...  - Lỗi dùng từ, câu : Câu từ trong bài văn lủng củng....  - Lỗi diễn đạt: Một số bài trình bày rườm rà, văn chưa lưu loát....  - Do chưa năm vững quy tắc dùng từ, lẫn lộn các từ gần âm.  - Do đặc trưng của vùng miền...  - Học và nắm chắc quy tắc quy tắc dùng từ.  - Thảo luận với các bạn bên cạnh...  **Gv thống kê kết quả** | **.Đề bài : Giới thiệu trò chơi nhảy dây**  **Dàn ý**  **I. Mở bài**  - Giới thiệu chung: Nhảy dây là trò chơi mà các bạn gái ở lứa tuổi thiếu niên nhi đồng rất thích. Trò chơi nhảy dây được chơi trong lúc rảnh rỗi ở nhà hoặc vào giờ ra chơi ở trường.  **II. Thân bài: Thuyết minh về trò chơi nhảy dây**  **1. Giới thiệu chung về trò chơi**  - Đối tượng chơi thường là các bạn gái ở tuổi thiếu nhi.  - Trò chơi cần một khoảng đất vừa đủ rộng cho vòng dây quay.  - Dây dùng để nhảy có thể là dây thừng, dây cao su, dây thun,...  **2. Cách chơi**  - Có hai kiểu nhảy dây là nhảy một người hoặc nhảy nhiều người.  + Cách thứ nhất (nhảy một người):   * Dùng một sợi dây đủ dài. Hai đầu dây cuốn vài vòng vào bàn tay để giữ cho chắc. Đặt chân lên chính giữa sợi dây, kéo cao cho vừa tầm người là được. * Người nhảy đứng thẳng, hai cổ tay quay đều dây về phía trước cho qua đầu, khi dây chạm sát đất thì nhảy lên. Vừa nhảy vừa đếm, để dây vướng chân là mắc lỗi, là phải dừng lại. Người thắng là người có số lần nhảy nhiều nhất.   + Cách chơi thứ hai (nhảy nhiều người):   * Hai người quay dây đứng cách nhau một khoảng cách đủ để dây chùng vừa chạm đất là được. * Quay dây đều tay. Lần lượt từng người hoặc hai, ba người cùng nhảy. Trò chơi này cần sự khéo léo. Nếu để dây chạm trúng chân thì phải ra quay dây cho các bạn khác vào nhảy.   **III. Kết bài: Cảm nghĩ của em về trò chơi nhảy dây**  - Trò chơi nhảy dây vừa vui vừa bổ ích, rèn luyện sự nhanh mắt, nhanh chân và sức khỏe dẻo dai, có ích cho quá trình phát triển cơ thể của tuổi thiếu nhi.  - Trò chơi gắn liền với tuổi thơ.  Hình ảnh các em bé chơi nhảy dây vui nhộn  **II. Nhận xét chung**  **1. Ưu điểm**  **2. Tồn tại.**  **III. Chữa bài – Trả bài.**  1. Đưa ra các lỗi.  - Lỗi chính tả  - Lỗi dùng từ, câu  - Lỗi diễn đạt  2. Hướng dẫn sửa lỗi.  - Nguyên nhân mắc lỗi.  - Cách sửa lỗi.  **IV. Thống kê kết quả:**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Lớp | ss | 0-1 | 1-5 | 5-7 | 7-9 | 9-10 | Trên Tb | |  | 45 |  |  |  |  |  |  | |

**C. Hoạt động 3:** **Luyện tập.**

*a/ Mục tiêu:* Củng cố lại kiến thức đã học.

*b/ Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành xem lại bài văn trao đổi về bài viết của bạn và mình

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Chia sẻ bài làm của cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

-GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**D. Hoạt động 4:** **Vận dụng.**

*a/ Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để làm đề văn

*d/ Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS: tiếp tục hoàn thành bài viết cho đề văn sau*

Giới thiệu trò chơi kéo co

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.:HS thực hành lập dàn ý, viết bài văn(Thực hiện ở nhà)

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Chia sẻ bài làm của cá nhân.(Dự kiến vào giờ học sau)

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

-GV nhận xét, đánh giá, ý thức học bài bằng điểm số

***Ngày dạy /04/2025***

**Tiết 125: NÓI VÀ NGHE**

**GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ**

**TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Giải thích được (dưới hình thức nói) một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

- Biết cách nói và nghe phù hợp: Với tư cách người nói, HS có thể dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời; với tư cách người nghe, HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài - Năng lực tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập II, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, tìm hiểu về một trò chơi dân gian

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**







*-* HS quan sát các bức tranh và huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi:

? Những hình ảnh em vừa quan sát là những hình ảnh miêu tả hoạt động gì?

Những hoạt động đó gợi cho em những suy nghĩ, cảm nhận gì? ? Em đã tham gia các trò chơi này chưa? Em thích nhất trò chơi nào? Em hiểu biết gì về quy tắc, luật lệ của trò chơi ấy?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động với những người tham gia hoặc những người quan tâm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chọn lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung trước khi nói ( đã giao từ giờ học trước)  ? Dựa vào bài viết của tiết học trước , em hãy chọn nội dung cho phần nói theo những gợi ý sau*:*  *+* Đánh dấu đoạn giải thíchquy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết  + Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó  + Chuẩn bị tranh ảnh liên quan đến trò chơi hay hoạt động  + HS có thể thuyết minh bằng hình thức trình chiếu để người nghe hiểu rõ hơn về trò chơi hay hoạt động  - GV nhấn mạnh việc giải thích về quy tắc luật lệ của trò chơi hay hoạt động luôn có ý nghĩa tích cực, giúp người tham gia trò chơi hay hoạt động có tâm thế thoải mái vào cuộc  Đồng thời giúp cho người chủ trì đánh giá đảm bảo công bằng khi điều kiển  *Giải thích quy tắc và luật lệ* không đồng nghĩa với việc giới thiệu toàn bộ trò chơi hay hoạt động, tuy nhiên bài nói phải nêu được thật khái quát tính chất, ý nghĩa của trò chơi. Tập trung vào các vấn đề sau:  *+Có những quy tắc quy định nào cần tuân thủ? Vì sao phải tuân thủ những quy tắc ấy?*  *+ Quy định của trò chơi( hoạt động) được xd trên cơ sở nào?...*  - GV hướng dẫn HS tập nói thành tiếng một mình( có thể đứng trước gương để nói) HS nói tập nói trước nhóm/tổ. Vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh. Nếu chuẩn bị bản thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **Trước khi nói**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  - Tìm ý, lập ý cho bài nói;  + Giới thiệu trò chơi  + Miêu tả cách chơi  + Miêu tả luật chơi  + Nêu tác dụng của trò chơi  + Ý nghĩa của trò chơi.  - Viết bài.  ( Phần này các em đã thực hiện ở tiết học trước đó)  - Tập luyện |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

1. **Mục tiêu:** - Luyện kĩ năng nói cho HS. Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông
2. **b. Nội dung:** HS sử dụng phần chuẩn bị trước khi nói để trình bày

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát phiếu đánh giá cho từng nhóm HS. Yêu cầu các em đọc kỹ tiêu chí nội dung đánh giá trước khi tiến hành nghe, trao đổi và đánh dấu vào cột phù hợp trong phiếu  Cuối giờ học thu phiếu ĐG để làm cơ sở cho việc ĐG kỹ năng nói và nghe của HS  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá  Các HS khác chú ý lắng nghe và có thể ghi chép lại những điểm mạnh điểm yếu của bạn để nhận xét , rút KN cùng hoàn thiện bài viết  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** theo tiêu chí đã đề ra  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **2. Trình bày bài nói**  **a.Mở đầu:**  - Thái độ người nói: hào hứng gây ấn tượng đối với người nghe( Có thể dẫn dắt bằng cách đặt câu hỏi, vd như *các bạn đã bao giờ chơi trò chơi…( hoặc tham gia hoạt động …) chưa? Các bạn có biết trò chơi (hoạt động này không?Các bạn có muốn chơi( tham gia) không ?...*  **b. Triển khai** *:* Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị( hoặc nói kết hợp với trình chiếu)  **c. Kết luận:**  - Khẳng định sự thú vị của trò chơi (hoạt động)  VD:**Lời chào**  [Nhảy dây](https://specialkid.vn/products/special-kid-calcium-vitamine-d-bo-sung-canxi-va-vitamin-d)là trò chơi dân gian có từ lâu đời, được các bạn gái ở độ tuổi thiếu niên nhi đồng yêu thích. Tranh thủ lúc rỗi rãi ở nhà hoặc giờ ra chơi ở trường, dăm ba bạn, một sợi dây thừng hoặc dây thun và khoảng đất đủ rộng là trò chơi có thể bắt đầu.  [**Trò chơi nhảy dây có ý nghĩa gì?**](https://specialkid.vn/products/special-kid-calcium-vitamine-d-bo-sung-canxi-va-vitamin-d)  Trò chơi nhảy dây vừa vui vừa bổ ích, rèn luyện sự nhanh mắt, nhanh chân và sức khỏe dẻo dai, có ích cho quá trình phát triển cơ thể của tuổi thiếu nhi.Tạo không khí vui vẻ, sôi nổi và thư giãn cho các bạn nhỏ.  Với trò chơi nhảy dây có thể chơi từ 2 - 3 bạn theo hình thức cá nhân hoặc theo nhóm từ 5 - 10 người. Những địa điểm để chơi trò chơi này sân trường, sân nhà, rộng rãi và sạch sẽ  [**Luật chơi nhảy dây**](https://specialkid.vn/products/special-kid-calcium-vitamine-d-bo-sung-canxi-va-vitamin-d)  Dù nhảy cá nhân hay tập thể thì người chơi cũng không được chạm vào dây. Dây phải được quay liên tục theo 1 chiều cố định không được quá nhanh hoặc quá chậm. Người nhảy phải vừa nhảy vừa đếm số vòng, người nào nhảy được nhiều hơn người đó sẽ dành chiến thắng.  [**Hướng dẫn cách chơi nhảy dây**](https://specialkid.vn/products/special-kid-calcium-vitamine-d-bo-sung-canxi-va-vitamin-d)  Có hai kiểu nhảy dây là nhảy một người hoặc nhảy nhiều người.  *Hướng dẫn chơi nhảy dây*  Người chơi chuẩn bị một đoạn dây thừng hoặc dây thun dài khoảng 1,5m .Người chơi trước hai tay cầm hai đầu dây, đưa dây ra phía sau lưng, quay cổ tay cho dây vòng lên đầu và xuống đất đồng thời kết hợp nhảy co hai chân lên cho dây bật ra phía sau, tiếp tục quay cổ tay để dây quay liên tục theo vòng như trên. Cứ như vậy khi nào bị vướng chân mất lượt thì đổi cho bạn khác chơi. Một người nhảy, người không nhảy ngồi đếm số vòng người nhảy được. Ai có số lượt nhảy nhiều hơn thì người đó thắng |

**Hoạt động 3: Sau khi nói (Trao đổi về bài nói)**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.  ?Theo dõi quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi( hoạt động) cảm nhận được sự thú vị của trò chơi ( hoạt động)  ? Nếu em có ý định chơi trò chơi (tham gia hoạt động)với các bạn thì ghi nhớ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi  ? Nhận xét về cách trình bày bài nói của bạn?(nội dung, giọng điệu, tính mạch lạc của bài nói…)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. |  |

**C – D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, thực hành nói và nghe lại.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

**NHÓM…**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CHƯA ĐẠT** | **ĐẠT** | **TỐT** |
| **Trò chơi(hoạt động) hấp dẫn, có tính nhân văn** | Chưa có trò chơi  ( hoạt động) | Có trò chơi ( hoạt động) nhưng chưa gây ấn tượng | Có trò chơi ( hoạt động) gây ấn tượng |
| **Nói to, rõ ràng, có sức hấp dẫn** | Nói nhỏ, khó nghe, ngập ngừng nhiều lần | Nói to nhưng đôi chỗ còn ngập ngừng, lúng túng | Nói to, rõ ràng , ngữ điệu gây hứng thú cho người nghe |
| **Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ ( điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt…)** | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt gợi cảm xúc |
| **Mở đầu, kết thúc hợp lý** | Không chào hỏi hoặc kết thúc | Có chào hỏi, có lời kết thúc | Chào hỏi, kết thúc hấp dẫn, ấn tượng |

***Ngày dạy /04/2025***

**TIẾT 126,127: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB nghị luận và văn bản thông tin đã học trong các bài *Trải nghiệm để trưởng thành Hoà điệu với tự nhiên .*Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học;

*-*Khi đọc cần chú ý các đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

**2. Về năng lực**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**3. Về phẩm chất**

- Những phẩm chất được gợi ra từ nội dung của VB đọc;

- Ý thức tự giác, tích cực của HS.

**II. Thiết bị**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD, Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình**

**A. HĐ KHỞI ĐỘNG**

*- GV gợi dẫn và đặt câu hỏi:*

+ Trong các bài học vừa qua, chúng ta đã được thầy/cô hướng dẫn đọc 1 VB cụ thể. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tự chọn ra các VB đã được yêu cầu để tiến hành đọc mở rộng.

+ Các em đã lựa chọn ra những VB nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;*

*- GV nhận xét, đánh giá.*

**B. HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 2 nhóm và yêu cầu: *Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc, trình bày nội dung*  - GV gợi ý:  *+ Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật;*  *+ Đối với VB NLí, chú ý tới các yếu tố cơ bản như: lý lẽ, bằng chứng*  *+ Đối với VB thông tin chú ý tới nhan đề, cách triển khai…*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV: Dựa vào các văn bản em đã sưu tầm,em cùng các bạn trao về:  - Nội dung chính của mỗi văn bản.  - Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu ra trong văn bản nghị luận.  - Cách triển khai nội dung trong văn bản thông tin.  GV gợi ý: Các em có thể tìm đọc những văn bản như: *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”- Thạch Lam; Câu chuyện về con đường- Đoàn Công Lê Huy; “Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000*” …  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS dựa vào nhật kí đọc sách đã ghi những ý tưởng và thông tin quan trọng từ các văn bản đã đọc và trao đổi thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Tìm đọc một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin mà em thích.**  - Chú ý các đặc điểm của văn bản nghị luận và văn bản thông tin sau:  **a. Văn bản nghị luận:**  **- Khái niệm:**Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  **- Các yếu tố cơ bản trong văn nghị luận**: Để văn bản thực sự có sức thuyết phuc, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.  + Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.  + Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.  **b. Văn bản thông tin**  **- Các yếu tố:** Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phần), đoạn văn, tranh ảnh,...  **- Cách triển khai:** Mỗi văn bản thông tin thường có một cách triển khai riêng. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian, văn bản thông tin có thể được triển khai theo quan hệ nhân quả, nguyên nhân được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.  **2. Trao đổi, thảo luận về những văn bản mà em đã đọc.** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thông tin về ngày Trái Đất**  **năm 2000** | **Câu chuyện về con đường** |
| Nội dung chính | Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông và những biện pháp khắc phục với lời kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường, bảo vệ trái đất. | Khắc họa hình ảnh con đường của nhân vật “em” khi còn nhỏ cho tới khi trưởng thành |
| Lí lẽ, bằng chứng | - Lí lẽ: Tác hại của bao bì ni lông  - Bằng chứng:  + Cả nước mỗi ngày vứt vào môi trường 25 triệu bao ni lông, trên 9 tỉ bao ni lông mỗi năm  + Con người lạm dụng bao bì ni lông và vứt vứt rác bừa bãi nơi công cộng | - Lí lẽ: “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông”  - Bằng chứng: nói về chàng thanh niên Lỗ Tấn du học ở Nhật, ông bỏ học ngành Y sau 2 năm theo đuổi để chuyển sang viết văn với quyết tâm là dùng ngòi bút của mình để chữa bệnh tật trong tính cách dân tộc |

**-**Cách triển khai nội dung của văn bản thông tin: Logic, gắn gọn, rõ ràng**.**

**KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Thực hành Đọc**

***Văn bản:* THÂN THIỆN VÓI MÔI TRƯỜNG**

**I. Mục tiêu**

***1. Về kiến thức***

- Tri thức Ngữ văn:

+ Biết thông tin cơ bản của văn bản thông tin

+ Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin; văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động; cước chú; Biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- Giúp học sinh hiểu, biết cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin, thông qua những văn bản cụ thể nói cách sống hài hòa với tự nhiên, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ tự nhiên.,môi trường.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn về văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đich của nó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một luật lệ trong hoạt động.

***3. Về phẩm chất:***

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng cách sống hài hòa với thiên nhiên.

**II. Thiết bị**

- SGK, SGV. Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu học tập.

**III. Tiến trình**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

*? Cho biết nội dung của video trên? Những thông tin từ video cung cấp gợi cho em suy nghĩ gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các lẫn nhau

GV: chốt vấn đề

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục)?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** hýớng dẫn HS ðọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  B4: Kết luận, nhận định  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả.**  - Nguyễn Hữu Quỳnh Hương sinh năm 1997  - Cô là tác giả của rất nhiều bài báo, cuốn sách cổ vũ nhiệt thành cho “lối sống xanh”  - Tác phẩm chính: *Sống xanh rồi mới sống nhanh*  **2. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Chính luận  **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác**:  -Trích từ tác phẩm  *Sống xanh rồi mới sống nhanh*  **- Phương thức biểu đạt**: Nghị luận  **- Bố cục:** 3 phần  - Phần 1: Từ đầu…. *thân thiện với môi trường hơn túi ni lông..?*: đặt ra vấn đề  - Phần 2: Tiếp theo…*hàng tấn rác thải nhựa* : các tiêu chí phân loại  - Phần 3: Còn lại : lý giải về các sản phẩm thân thiện môi trường | |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN (…’)** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định.**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | ***1. Cách phân loại***  - Chia ra thành 3 nhóm nhỏ dựa trên các tiêu chí rõ ràng  **-**Đối với vật liệu dựa vào quy trình khai thác, tính chất của vật liệu,giá trị sử dụng  + Ví dụ túi vải thân thiện với môi trường hơn túi ni lông  *+ Việc sản xuất 1 túi vải tiêu thụ 131 lần so với việc sản xuất ra túi ni lông*  + Túi vải thân thiện với môi trường khi người sử dụng tái chế nhiều lần  - Đối với sản phẩm  + Quy trình khai thác, sản xuất phân phối, sử dụng  *+ Sản phẩm này có tác hại với môi trường không?*  - Đối với dịch vụ hay không gian thân thiện  + Quán cà phê cam kết thân thiện môi trường nhưng lãng phí điều hòa, không cam kết vấn đề phân loại xử lý rác thải, vô tư sử dụng các sản phẩm một lần từ giấy, bã mía  + Khu du lịch sinh thái tuy nhiên không đem lại giá trị môi trường tương xứng |
| ***2. Bài học rút ra*** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | ***2. Bài học rút ra***  - Những nhận thức sai lầm của người tiêu dùng khi thấy  + Sản phẩm ghi trên bao bì “ có thể tái chế”  + Hoặc sản cam kết “ không thử nghiệm trên động vật”  - Nhãn hàng đã đánh vào tâm lý của người tiêu dùng  + Ống hút cỏ bàng có khả năng phân hủy làm cho người tiêu dùng sử dụng nhiều  + Ống hút nhựa không phải là không thân thiện với môi trường  - Không co điều gì thật sự thân thiện với môi trường nếu không phải do thiên nhiên tao ra  →  Là người tiêu dùng thông minh hãy nhận thức rõ các sản phẩm thân thiện môi trường,tự nhắc nhở bản thân mình về vấn đề sống xanh. |

**3. HĐ 3: Luyện tập :**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

? Em đã làm những gì để bản thân góp phần nhỏ vào việc bảo vệ môi trường, soongs thân thiện với môi trường?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ;**  HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*? Qua sự việc và những số liệu trên, em có suy nghĩ gì vế vấn nạn môi trường hiện nay?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

*KÝ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN*

*Ngày tháng năm 2025*

***Ngày soạn: 25 / 04 / 2025***

# Bài 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG

***(Thời lượng : 8 tiết )***

## TIẾT 128,129,130,131 :

## GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

## ĐỌC : THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN:

## CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS lựa chọn được chủ đề đọc trong chuỗi hoạt động của dự án.

- Định hướng được sản phẩm của các hoạt động đọc, viết, nói và nghe khi thực hiện dự án *Trang sách và cuộc sống*

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài *Giới thiệu bài học* và *Tri thức ngữ văn.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về *Giới thiệu bài học* và *Tri thức ngữ văn.*

**2. Phẩm chất:**

- HS yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***Tiết 128***

***Ngày dạy***

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- HS lựa chọn được chủ đề đọc trong chuỗi hoạt động của dự án.

- Định hướng được sản phẩm của các hoạt động đọc, viết, nói và nghe khi thực hiện dự án *Trang sách và cuộc sống*

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi gợi mở nội dung bài họccho HS.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt một vài câu hỏi gợi mở cho HS dẫn vào chủ đề:

*+ Em có thích đọc sách không? Em thường đọc sách thể loại gì?*

*+ Em cảm thấy sách đem lại cho con người chúng ta điều gì?*

*+ Em có sẵn sàng tham gia vào dự án sách không?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời, HS khác lắng nghe và nhận xét

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Trong cuộc sống, sách có một vai trò rất quan trọng, từng trang sách đem lại cho chúng ta rất nhiều kiến thức bổ ích. Trong chủ đề cuối cùng của chương trình Ngữ Văn lớp 7 này, chúng ta sẽ cùng đến với những cuốn sách mới, những tác phẩm yêu thích để các em cùng suy ngẫm, cảm nhận và bàn luận để tiếp tục chia sẻ và sáng tạo. Trang sách chính là một phần của cuộc sống, những gì đã học, đã đọc không chỉ tồn tại trong sách mà sẽ cùng em đi suốt cuộc đơi. Đó chính là một phần hành trang trí thức để em có thể tự tin bước vào thế giới rộng lớn. Trong buổi học hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau đi bước đầu đến với dự án:* ***Trang sách và cuộc sống*** *nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề *Trang sách và cuộc sống* và thể loại các tác phẩm có trong chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến chủ đề *Trang sách và cuộc sống*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung chủ đề *Trang sách và cuộc sống.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động sau để bắt đầu khởi động dự án:  - HS tìm hiểu tên bài học, nhận diện mối quan hệ giữa tên bài với để từ bước đầu hiểu được ý nghĩa của việc đọc sách, mối quan hệ giữa sách và cuộc sống, việc ứng dụng những tri thức đã đọc, đã học vào thực hành.  - HS tự đọc phần *Giới thiệu bài học* để định hướng về chủ đề và mục đích của việc thực hiện dự án *Trang sách và cuộc sống.*  - HS thảo luận theo nhóm để lựa chọn chủ đề phù hợp. Chủ đề cần kết nối với các bài học trong SHS. Có thể phối hợp các chủ đề và lựa chọn một số cuốn sách thuộc thể loại khác nhau trong một chủ đề nhất định. Ví dụ:  + Kết hợp chủ đề *Cội nguồn yêu thương* và *Hòa điệu với tự nhiên* có thể tạo nên một chủ đề mới: Yêu thương sự sống và con người.  + Thể loại, loại VB có thể lựa chọn: truyện, thơ, tản văn, VB nghị luận, VB thông tin,…  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần *Giới thiệu bài học* và tìm hiểu dự án  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vàiHS trình bày phần tìm hiểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức🡺 Ghi lên bảng | **I. Giới thiệu bà học và tri thức ngữ văn**  ***1. Giới thiệu bài học***  - Chủ đề được giới thiệu trong đoạn văn thứ nhất: |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Định hướng cho HS mục tiêu chính của việc đọc sách trong bài học này là: quan tâm đến mối quan hệ giữa nhân vật trong tác phẩm văn học và con người có thực ngoài đời, đó cũng là một phương tiện của mối quan hệ giữa văn học và cuộc sống.

- HS có ý thức chủ động hơn trong việc tiếp nhận các phương tiện phi ngôn ngữ trong quá trình đọc: tranh ảnh, sơ đồ minh họa,...

- HS biết cách vận dụng hiểu biết về VB đa phương thức vào việc sáng tạo nên các sản phẩm minh họa sau khi đọc sách: làm pô-xtơ, vẽ tranh minh họa, chuyển thể thành truyện tranh,...

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến chủ đề *Trang sách và cuộc sống*thông qua trò chơi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung chủ đề *Trang sách và cuộc sống.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chỉ dẫn cho HS đọc mục *Tri thức ngữ văn* trong SHS trang 102 nêu cách hiểu của mình về nội dung từng phần và hỏi thêm về những điểm chưa rõ.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *“Ai là ai?”*  + Mục đích của trò chơi: HS tìm hiểu, dự đoán mối quan hệ giữa tác phẩm văn học và cuộc sống, giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời.  + Cách chơi: GV chia lớp thành các đội chơi, đội nào tìm được nhiều nhân vật, đồng thời dự đoán, suy luận, trình bày được một cách sinh động, phong phú nhất về mối quan hệ giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời qua việc trả lời câu hỏi *Ai là ai?* là đội thắng cuộc.  + *Ai là ai?* là một câu hỏi mang tính chất gợi mở để trò chơi thêm phần thú vị và HS có thể liên tưởng, phán đoán, suy luận một cách phong phú. GV không yêu cầu các em trình bày như một công thức hay định nghĩa áp đặt.   |  |  | | --- | --- | | Ai | Là ai? | | - Dế Choắt  - Chị Nhà Trò | Những người yếu đuối, cô độc, không có khả năng tự bảo vệ mình, thường bị bắt nạt,… | | ………… | Những người có sức mạnh, biết trân trọng và yêu quý bản thân | | ………… | Kiểu người thời trẻ thường kiêu căng, tự mãn và ích kỉ, không biết cảm thông, chia sẻ hay giúp đỡ người khác. Khi đã trải nghiệm và tự mình vượt qua nhiều khó khăn, gian khó khăn, gian khổ, đã biết sửa chữa tính xấu, tự hoàn thiện mình,... | | …………. | …………………………………… |   - GV sử dụng các sơ đồ, hình ảnh,… để trò chơi thêm thú vị với HS. Nội dung ở mỗi cột có thể do GV thiết kế sẵn hoặc để mở cho HS tự điền, tự trình bày, nhưng nguyên tắc của trò chơi là luôn giấu đi nội dung ở mỗi cột để HS phán đoán, suy luận. HS cũng có thể tự vẽ những nhân vật mà các em yêu thích theo sự tưởng tượng và đưa ra những phán đoán về nhân vật khi trả lời câu hỏi *Ai là ai?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* vàtham gia trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS tham gia trò chơi tích cực, nắm được mục tiêu và hoạt động chính của bài học.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***2. Tri thức ngữ văn***  ***2.1. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học***  - Là một loại văn bản nghị luận, trong đó người viết bàn luận về đặc điểm của một tác phẩm trên các phương diện nội dung, hình thức trong mối quan hệ với tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thời đại,... và khái quát giá trị chung của tác phẩm.  ***2.2. Từ con người có thực ngoài đời đến nhân vật văn học***  - Gợi niềm cảm hứng bất tận cho hoạt động sáng tác của nhà văn.  - Tác phẩm văn học thường đưa đến cho người đọc cảm giác được gặp những con người có thực.  - Nhân vật văn học không đồng nhất với con người thực ngoài đời  ***2.3. Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản hình ảnh***  - Con người sử dụng rất nhiều loại văn bản để trao đổi thông tin: các văn bản thông dụng thường chỉ sử dung phương tiện phi ngôn ngữ.  - Đối với văn bản hình ảnh, ngôn ngữ chỉ là phương tiện hỗ trợ thêm trong việc truyền đạt thông tin: ghi chú, dẫn giải,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về phần Tri thức ngữ văn đã học và vận dụng kiến thức đã học về phần Tri thức ngữ văn để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS tham gia trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:**Ý kiến và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt yêu cầu cho HS:

*+ Hệ thống kiến thức bằng sơ đồ tư duy những kiến thức thu nhận được ở phần Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn.*

*+ Nêu cảm nhận của em về một cuốn sách, tác phẩm văn học mà em yêu thích.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc câu hỏi, thảo luận để làm sơ đồ tư duy theo hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và bổ sung

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét và chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn.*

+ Soạn bài: ***Thách thức đầu tiên: Chinh phục những cuốn sách mới***.

**Tiết 129+130+131**

**Ngày dạy**

**THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN:**

## CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS lựa chọn được những cuốn sách mưới phù hợp cho hoạt động đọc của cá nhân, nhóm, hoặc lớp trên cơ sở chủ đề đã xác định.

- HS xây dựng được mục tiêu đọc phù hợp với chủ đề, sách đã chọn và năng lực của cá nhân, nhóm, lớp.

- HS thực hiện hiệu quả việc đọc sách của cá nhân, chia sẻ thông tin về việc đọc sách trong nhóm, lớp để cùng xây dựng sản phẩm trong khi đọc và sau khi đọc phù hợp theo những hướng dẫn của SHS.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách: đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ để đã học.

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

**2. Phẩm chất:**

- HS yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về tác giảTrần Thanh Địch và Nguyễn Quang Thiều;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Sắp xếp, trang trí góc đọc sách và xây dựng danh mục sách cần đọc**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú, phát huy sáng tạo của HS với những yêu cầu cụ thể phù hợp với năng lực của các em.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS làm việc theo nhóm.

**c. Sản phẩm:**HS làm việc nghiêm túc, tích cực.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS làm mới góc đọc sách của lớp, nhóm; xây dựng danh mục sách bổ sung, cần đọc trong dự án này.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm để xây dựng danh mục sách cần đọc cho mỗi chủ đề đã được lựa chọn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV tổ chức các hoạt động thì xây dựng danh mục sách phù hợp với chủ đề hoặc tranh luận giữa các nhóm để các bạn chọn chủ đề, chọn các cuốn sách thú vị cần đọc.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV tổng hợp ý kiến, nhận xét và đánh giá HS

**Hoạt động 2: Xây dựng mục tiêu đọc sách**

**a. Mục tiêu:**HS biết cách xây dựng mục tiêu đọc sách phù hợp với các chủ đề và danh mục đã lựa chọn.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS xây dựng mục tiêu đọc sách.

**c. Sản phẩm:**HS xây dựng được mục tiêu đọc sách.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS cách xây dựng mục tiêu đọc sách phù hợp với các chủ đề và danh mục đã lựa chọn thông qua các gợi ý:

*+ Đề tài*

*+ Bố cục và nội dung chính*

*+ Nhân vật, sự kiện nổi bật được thể hiện*

*+ Những chi tiết quan trọng, những đoạn văn, câu ăn gợi lên ý nghĩa, vấn đề chính*

*+ Chủ đề, ý nghĩa, bài học có thể rút ra.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm để xây dựng mục tiêu đọc sách phù hợp với cá nhân, mục tiêu chung của nhóm và của lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

-GV tổ chức cho HS trình bày về mục tiêu và lên kế hoạch thực hiện mục tiêu.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV tổng hợp ý kiến, nhận xét và đánh giá HS

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Sau khi các em xây dựng được danh mục sách cần đọc và mục tiêu đọc sách, chúng ta sẽ cùng đến với những phần thú vị tiếp theo trong thử thách đầu tiên:* ***Chinh phục những cuốn sách mới.*** *Đây sẽ là những chuỗi hoạt động trọng tâm đầu tiên nằm trong giai đoạn thực hiện dự án. Vì vậy, chúng ta hãy cùng nhau tha gia thật nhiệt tình và sôi nổi nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Cuốn sách mới – chân trời mới**

**a. Mục tiêu:**HS lựa chọn độc một hoặc hai cuốn sách phù hợp với chủ đề, mục tiêu. Việc lựa chọn sách có trọng tâm giúp cho HS có thể đọc kĩ được một số cuốn sách hữu ích, phát triển được năng lực đọc một cách hiệu quả.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS lựa chọn đọc cuốn sách phù hợp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lựa chọn được cuốn sách phù hợp với chủ đề và mục tiêu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV định hướng cho mỗi HS lựa chọn đọc một hoặc hai cuốn sách phù hợp với chủ đề và mục tiêu trên cơ sở danh mục sách đã xây dựng.  - GV hướng dẫn HS trong khi đọc có thể ghi chép, đánh dấu những thông tin quan trọng trong nhật kí đọc sách hằng ngày. Hình thức của nhật kí đọc sách có thể linh hoạt và phong phú, tùy theo sở thích cá nhân của HS hoặc sở trường của các nhóm. Tuy nhiên, những thông tin quan trọng cần được ghi chép để có thể sử dụng làm tư liệu cho phần *Viết.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm để ghi chép, bổ sung thông tin một cách phong phú sauu khi đã đọc kĩ được những phần quan trọng trong cuốn sách.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**.  - GV gọi một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV Dánh giá kết quả thực hiện NV, chốt kiến thức | **I. Cuốn sách mới – chân trời mới** |

**Hoạt động 2: Đọc cùng nhà phê bình**

**a. Mục tiêu:** Thông qua việc đọc VB *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội” (Võ Quảng)* của Trần Thanh Địch, HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:**HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏicác kiến thức liên quan đến VB nghị luận *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội” (Võ Quảng)* của Trần Thanh Địch.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đếnVB nghị luận *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội” (Võ Quảng)* của Trần Thanh Địch.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Khởi động**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV kết nối hoạt động 1. *Cuốn sách mới – chân trời mới* với hoạt động 2.  - GV định hướng cho một số nhóm trong lớp tìm đọc tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng và ghi chép về những đặc điểm nghệ thuật, nội dung của *Quê nội* theo các yêu cầu của phần *Cuốn sách mới – chân trời mới.*  - GV dựa vào gợi ý ở SHS hướng dẫn HS hình dung các em không chỉ như một độc giả mà còn trong vai một nhà phê bình dề tìm hiểu, bàn luận về tác phẩm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm, ghi chép theo hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mời đại diện một vài nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV Dánh giá kết quả thực hiện NV, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu để trả lời câu hỏi về đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - GV cho HS lập sơ đồ để nắm rõ hơn mạch nội dung chính của GV trong quá trình HS đọc VB.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc VB,hoàn thành sơ đồ chi tiết và đầy đủ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm xung phong trình bày sơ đồ trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV chọn sơ sơ đồ đạt nhất dán lên bảng hoặc chiếu lên màn hình và nhận xét, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 3: Khám phá văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS nhận biết được vấn đề được nêu ra để bàn luận trong VB qua việc nhận diện, tóm tắt được vấn đề thông qua nhan đề và đoạn mở đầu: đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm *Quê nội* (Võ Quảng)  - GV hướng dẫn HS chỉ ra được những đoạn, câu, cụm từ cho thấy rõ nội dung ý kiến của người viết về hoàn cảnh đời sống và thế giới nhân vật trong tác phẩm và yêu cầu HS chỉ ra những yếu tổ cụ thể giúp xác địn ý kiến của người viết trong VB.  - GV hướng dẫn HS để thấy rõ sự gắn kết, thống nhất giữa lí lẽ (nhận xét của người viết) và bằng chứng (những chi tiết được dẫn ra từ tác phẩm); sự ngắn gọn, lô-gíc của lí lẽ và tính cụ thể, xác thực của bằng chứng.  - GV hướng dẫn HS phân tích và suy luận từ câu hỏi: *Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được thể hiện như thế nào trong bài viết này?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe, thảo luận và làm theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày, chia sẻ ý kiến để cuộc thảo luận sôi nổi, tích cực.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV tổng hợp ý kiến, kết luận 🡺 Ghi lên bảng.  - GV kết luận về VB nghị luận một tác phẩm văn học:  + Mục đích: bàn luận về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của VB, đồng thời đánh giá chung về giá trị của tác phẩm.  + Mục tiêu: được thể hiện nhất quan trong toàn bộ bài viết. | **II. Đọc cùng nhà phê bình: Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội (Võ Quảng)**  ***1. Tìm hiểu chung***  ***1.1. Nội dung***  - Câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương nông thôn miền Trung. Các nhân vật là những người nông dân bình thường vừa tự xây dựng chính quyền cách mạng địa phương, vừa tự chuẩn bị chống giặc giữ làng. Đây là một sự chuyển mình, thay đổi toàn diện của chế độ xã hội mới. Nó làm thay đổi hẳn nếp sống thường ngày từ trước: Những con người làm việc hơi quá sức mình một chút, họ lo đến công việc xã hội hơn công việc nhà mình.  ***1.2. Nghệ thuật***  - Tác giả đã nêu ý kiến về người kể chuyện vai “tôi”, nêu các bằng chứng làm sáng tỏ ý kiến,…  ***2. Đọc văn bản***  ***2.1. Đọc văn bản***  ***2.2. Vấn đề được nêu ra đề bàn luận trong VB***  - Ý kiến của người viết về hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm.  - Ý kiến của người viết về thế giới nhân vật trong tác phẩm.  - Ý kiến của người viết về người kể chuyện trong tác phẩm.  - Nhận xét chung về sức hấp dẫn của tác phẩm.  ***3. Đọc hiểu văn bản***  ***3.1. Vấn đề nêu ra bàn luận***  Vẻ đẹp giản dị và chân thật trong tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng.  ***3.2. Ý kiến của người viết***  - Về hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm: Nội dung câu chuyện xảy ra trong khung cảnh quê hương. Một nông thôn miền Trung, tại thôn Hòa Phước, bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ - như một buổi tảng sáng – sau Cách mạng tháng Tám thành công.  - Về thế giới nhân vật: Các nhân vật là người nông dân bình thường…, những Cục, Cù Lao, bà Kiến, ông Hai Dĩ, thầy Lê Tảo,… là những con người thật đáng yêu…  ***3.3. Cách nêu bằng chứng của người viết trong VB***  - Lược thuật, tóm tắt, không trích đoạn trực tiếp vì tác phẩm truyện dài và nhiều chi tiết.  - Đưa ra những dẫn chứng cụ thể, bóc tách, cảm nhận sâu về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.  ***3.4. Mối quan hệ giữa mục đích viết, đặc điểm và nội dung chính của VB***  - Những đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm đã được thể hiện trong việc người viết nêu ý kiến về hoàn cảnh đời sống, về thế giới nhân vật, về người kể chuyện (sử dụng lí lẽ rõ ràng và vằng chứng cụ thể)  - Người viết nhận xét chung về sức hấp dẫn của VB (phần cuối). |

**Hoạt động 3: Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật**

**a. Mục tiêu:** Từ những hiểu biết về mối quan hệ giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời, HS vận dụng các chiến lược đọc một cách tự nhiên: *tưởng tượng, hình dung, suy luận, dự đoán,...* để có thể cảm nhận sâu sắc hơn về nhân vật trong cuốn sách đã đọc. Qua đó, quá trình đồng sáng tạo với tác giả và tiếp nhận hình tượng, ý nghĩa của tác phẩm trở nên tự nhiên, hứng thú với HS.

**b. Nội dung:**HS sử dụng vận dụng những chiến lược đọc để hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tham gia tích cực và ghi chép kiến thức đầy đủ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật* trong SHS và dẫn dắt: Cuộc trò chuyện tưởng tượng với nhân vật trong hoạt động giống như một cách “nhập thân” để hiểu thế giới của nhân vật sâu sắc hơn.  - GV yêu cầu HS đọc những gợi ý trong SHS:  *+ Bạn từ đâu đến? Vì sao bạn lại trở thành nhân vật trong tác phẩm này?*  *+ Sở thích của bạn là gì? Bạn thấy mình có gì nổi bật (về sở thích, tính cách)?*  *+ Bạn muốn nói điều gì nhất nếu được kể về cuộc đời của chính mình?*  *+ Bạn quan tâm đến ai hay điều gì hơn cả?*  *+ Điều bạn muốn làm tiếp là gì nếu bước ra ngoài trang sách?*  - GV cùng HS xây dựng thêm các câu hỏi khác để quá trình trò chuyện giữa người đó (HS) và nhân vật trở nên phong phú, sâu sắc hơn theo năng lực đọc và tưởng tượng, suy luận,.. của các em.  - GV tổ chức cho HS đóng vai người phỏng vấn và nhân vật sau khi HS làm việc cá nhân để chia sẻ những thông tin đã thu hoạch, ghi chép về nhân vật trong quá trình đọc một cách sinh động, thú vị.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, sau đó làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**.  - GV gọi một vài HS chia sẻ kết quả làm việc trước lớp, các HS còn lại lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV Dánh giá kết quả thực hiện NV, chốt kiến thức | **III. Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật** |

**Hoạt động 4: Đọc và trò chuyện cùng tác giả**

**a. Mục tiêu:** Phát triển năng lực đọc kết hợp với liên tưởng, tưởng tượng của HS. Từ hoạt động *Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật*, HS tiếp tục được định hướng, dẫn dắt để có thể tìm hiểu thêm về mói quan hệ giữa tác giả và thế giới hình tương – nhân vật văn học. Đồng thời, HS có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa văn học và hiện thực, đề tài và thế giới hình tượng, nội dung, ý nghĩa của tác phẩm.

**b. Nội dung:**HS đọc VB, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức trả lời câu hỏi liên quan đén bài đọc Mon và Mên đang ở đâu?

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và tiếp th tri thưc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đọc và trả lời các câu hỏi sau VB *Mon và Mên đang ở đâu?*  + GV gợi lại thế giới hình tượng trong truyện ngắn Bầy chim chìa vôi (bài 1) để HS có thể vận dụng những ấn tượng, cảm xúc đã có thể có về tác phẩm này vào việc đọc và tìm hiểu VB *Mon và Mên đang ở đâu?*  - GV yêu cầu HS tưởng tượng cuộc trò chuyện với tác giả về một số vấn đề của tác phẩm như nhân vật, chi tiết tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm,… GV hướng dẫn HS sử dụng các tư liệu đã ghi chép trong hoạt động cuốn sách mới – chân trời mới và xây dựng cuộc trò chuyện với tác giả theo tưởng tượng, nhưng căn cứ trên các nội dung đã thu hoạch được trong quá trình đọc sách.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành theo yêu cầu của GV  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**.  - GV mời một vài HS và nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, yêu cầu cả lớp lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV không yêu cầu HS trả lời theo một đáp án chính xác mà chủ yếu huy động cảm xúc và trí tưởng tượng để HS hình dung về mối quan hệ giữa nhà văn và nhân vật một cách sinh động, thú vị trong cả đời sống thực tế và trong thế giới của tác phẩm. GV tổng hợp ý kiến 🡺 Ghi lên bảng.  - GV kết luận: Bằng cách tưởng tượng cuộc trò chuyện với tác giả - người đã sáng tạo ra nhân vật và đem lại cuộc sống cho nhân vật trong tác phẩm. Đó cũng là mối quan hệ giữa trang sách, tác phẩm và cuộc sống. | **III. Đọc và trò chuyện cùng tác giả**  ***1. Văn bản Mon và Mên đang ở đâu?***  a. Mon và Mên là hai cậu bé trong chính tuổi thơ của tác giả.  b. Nhà văn khẳng định rằng “tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non” vì tất cả đều nghĩ về bãi sông và lo lắng cho bầy chim chìa vôi non.  c. Cậu bé – người “phỏng vấn” tác giả - ngạc nhiên vì tác giả không cùng Mon và Mên đi cứu bầy chìa vôi, cậu bé cũng lo Mon và Mên gặp nguy hiểm khi bơi thuyền ra bãi sông.  d. Ngoài Mon và Mên, lũ trẻ trong làng là người có trải nghiệm và kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sống và bầy chim chìa vôi.  e. Mon va Mên ngang tuổi tác giả và có thể đã không còn ở trỏng làng nữa. Bầy chim chìa vôi đã bay đi rất xa.  ***2. Lựa chọn cuốn sách*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về bài học *Thách thức đầu tiên: chinh phục những cuốn sách mới* đã học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thảo luận hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành bài tập được giao.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV ra đề bài: *Qua bài học hôm nay, em rút ra được cho mình những bài học gì? Hãy tóm lược nội dung đã học bằng sơ đồ tư duy.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm, tìm hiểu và hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống hóa nội dung bài học.

**Bước 3:Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV mời một vài nhóm đại diện trình bày sơ đồ, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung và phản biện.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV đánh giá, nhận xét các nhóm có sơ đồ tư duy chuẩn kiến thức nhất và tuyên dương.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội (Võ Quảng)* để giải bài tập, củng cố kiến thức về chủ đề.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã họcđể viết đoạn văn nêu ý kiến của em về một tác phẩm văn học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương, đất ước mà em đã học.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GVhướng dẫn HS lựa chọn một VB văn học yêu thích về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương, đất nước mà các em đã học và trình bày ý kiến của mình bằng một đoạn văn (khoảng 6-8 câu).

- GV gợi ý HS hình dung mình như một nhà phê bình để bàn luận về tác phẩm thơ hay truyện, tùy bút, tản văn,…

- GV có thể giao nhiệm vụ này cho HS thực hiện ở nhà để các em có thời gian chuẩn bị và thực hiện hiệu quả hơn.

- GV lưu ý HS có thể vận dụng sơ đồ đã xây dựng trong hoạt động *Đọc VB*, chỉnh sửa sơ đồ cho phù hợp với thể loại, đặc điểm nghệ thuật và nội dung của VB được chọn để bàn luận và dựa vào đó đề hoàn thành bài viết.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe GV hướng dẫn và viết đoạn văn theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV mời một sốHS trình bày bài viết, HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét các bài viết HS và kết luận

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại *Thử thách đầu tiên: Chinh phục những cuốn sách mới.*

+ Soạn bài: ***Thử thách thứ hai: Từ ý tưởng đến sản phẩm***

## Ngày dạy

## TIẾT 132,133,134 :VIẾT: THÁCH THỨC THỨ HAI

## TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN SẢN PHẨM

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức :**

-HS phát huy năng lực, sở trường của bản thân trong việc lựa chọn 1 trong 3 họat động đã được gợi ý trong SHS và hoàn thành:

+ Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh

+ Kể lại câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc thơ năm chữ.

+ Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học em yêu thích trong cuốn sách đã đọc.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành 1 trong 3 đề bài.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng tóm tắt câu chuyện, kể lại câu chuyện và viết bài văn phân tích nhân vật.

**2. Phẩm chất:**

- HS yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Phát huy năng lực, sở trường và tạo hứng thú cho HS để các em lựa chọn được hình thức xây dựng sản phẩm.

**b. Nội dung:** GV chiếu yêu cầu đề bài cho HS lựa chọn.

**c. Sản phẩm:**HSlựa chọn được để bài phù hợp.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu 3 hoạt động tương ứng với 3 hoạt động trong SHS cho HS lựa chọn đề tài để tạo các sản phẩm sáng tạo:

*+ Thể hiện nội dung tóm tắt của một câu chuyện theo hình thức truyện tranh. Cố gắng sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (hình vẽ hoặc kí hiệu chỉ dẫn) để có thể hỗ trợ cho việc thể hiện nội dung một cách sinh động và hiệu quả.*

*+ Kể lại câu chuyện em đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ.*

*+ Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học mà em yêu thích (trong cuốn sách đã đọc), có thể vẽ minh họa các chi tiết, sự việc để bài phân tích được sinh động, hấp dẫn hơn.*

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu các sản phẩm này và viết, vẽ sáng tạo nhằm xây dựng sản phẩm phù hơp với năng lực, sở trường của mình.

- GV yêu cầu những HS lựa chọn đề tài giống nhau sẽ ngồi cùng vào một chỗ cho dễ dàng, thuận tiện trong việc trao đổi, giúp đỡ nhau thực hiện sản phẩm. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu và lựa chọn hoạt động phù hợp với bản thân mình.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ lựa chọn, yêu cầu cả lớp lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học:*Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đến với thách thức thứ hai trong dự án. Các em đã có những lựa chọn hoạt động thích hợp cho mình rồi, vậy bây giờ, chúng ta hãy cùng bắt tay nhau từ những ý tưởng của bản thân để tạo ra sản phẩm sáng tạo cho riêng mình nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh**

**a. Mục tiêu:**Hài hòa cho HS giữa yêu cầu phát triển năng lực sáng tạo, thẩm mĩ và các mục tiêu giáo dục khác.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm truyện tranh và tổ chức cho HS hoạt động viết và vẽ minh họa.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm sáng tạo của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm truyện tranh chuyển thể minh họa trong SHS trang 110-111 (tóm tắt truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi* của nhà văn Nguyễn Quang Thiều): cách sắp xếp các nội dung và cách vẽ tranh minh họa cho từng nội dung. GV nhắc HS chú ý sự phù hợp giữa hình ảnh và ngôn ngữ (ở dạng đối thoại)

- GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động viết và vẽ minh họa. GV hướng dẫn HS viết VB tóm tắt câu chuyện.

- GV chú ý nhắc HS cần tham khảo các truyện tranh phù hợp với lứa tuổi và sản phẩm trong SHS để có thể tự xây dựng truyện tranh đơn giản, thú vị gắn với những chủ đề và các tác phẩm đã học, đã đọc.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tìm hiểu sản phẩm truyện tranh chuyển thể minh họa trong SHS.

- HS làm việc cá nhân để tóm tắt VB

- HS làm việc theo nhóm để xây dựng sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa nội dung cần tóm tắt bằng lời và hình thức cần thể hiện trong tranh.

- HS làm việc theo nhóm để vẽ tranh và sử dụng lời dẫn, lời thoại phù hợp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày sản phẩm trước nhóm, sau đó cả nhóm chọn một vài sản phẩm tiêu biểu nhất lên trình bày trước lớp, các HS còn lại lắng nghe, nhận xét và đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS có ý thức hoàn thành sản phẩm tốt.

**Hoạt động 2: Kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ**

**a. Mục tiêu:** HS phát huy sở trường, năng khiếu nghệ thuật của bản thân chuyển thể phần tóm tắt thành bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm sáng tạo trong SHS và tổ chức hoạt động viết.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm sáng tạo của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm sáng tạo của các bạn HS được đưa vào minh họa cho phần này (bài tóm tắt truyện *Gió lạnh đầu mùa* bằng thơ năm chữ): tìm hiểu cả phần lời và phần minh họa hình ảnh.

- GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động viết: GV hướng dẫn để HS tóm tắt câu chuyện một cách súc tích bằng lời văn. Sau đó, HS phát huy sở trường, năng khiếu để chuyển thể phần tóm tắt thành bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- GV hướng dẫn HS dành thời gian chuẩn bị sản phẩm này ở nhà (do đặc thù của việc sáng tạo: làm thơ, vẽ tranh minh họa).

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp nếu HS đã hoàn thành và chuẩn bị trước, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương những sản phẩm sánh tạo.

**Hoạt động 3: Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã học**

**a. Mục tiêu:**HS phát huy được năng lực viết, phân tích một nhân vật văn học yêu thích và trình bày một cách sáng tạo.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã học.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích để chuẩn bị cho việc giới thiệu, trình bày về nhân vật yêu thích trong hoạt động nói và nghe ở phần báo cáo kết quả dự án.  - GV lưu ý HS về yêu cầu với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã học.  - GV hướng dẫn HS trao đổi theo nhóm, tìm hiểu và phân tích bài viết tham khảo trên các phương diện:  *+ Tên bài viết*  *+ Giới thiệu nhân vật*  *+ Nghệ thuật miêu tả nhân vật*  *+ Đặc điểm nhân vật*  *+ Ý nghĩa hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ dề.*  - GV hướng dẫn HS thực hành viết theo các bước hướng dẫn.:  + Lựa chọn đề tài:  Quan tâm đến những đặc điểm nổi bật, sự độc đáo hoặc những phẩm chất tích cực của nhân vật vì cách chọn nhân vật để phân tích phản ánh quan niệm, suy nghĩ của người viết.  + Tìm ý: đặt ra và trả lời các câu hỏi:  *Nhân vật xuất hiện trong cuốn sách, tác phẩm nào? Vì sao em yêu thích nhân vật? Điều gì khiến em quyết định lựa chọn phân tích nhân vật này? Nhân vật có những đặc điểm nào nổi bật (ngoại hình, hoạt động, ngôn ngữ, suy nghĩ,…)? Những đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất, giá trị của nhân vật? Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc? Nhân vật gợi cho em liên tưởng, suy nghĩ và rút ra bài học gì?*  + Lập dàn ý: Sắp xếp các ý theo bố cục bài viết.  - GV gợi ý cho HS sử dụng các tư liệu trong phần *Cùng đọc và trải nghiệm*, đặc biệt là hoạt động *Trải nghiệm cùng nhân vật* để viết bài phân tích một nhân vât văn học.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để viết bài văn hoàn chỉnh.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS xung phong đọc bài văn của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhân xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chọn ra những bài viết hay và chất lượng nhất để khen ngợi, đồng thời, phê bình những bài viết còn mắc nhiều lỗi để các em chỉnh sửa. | **1. Yêu cầu với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã học**  - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học: lai lịch, hoàn cảnh, tình huống xuất hiện và những ấn tượng ban đầu.  - Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.  - Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghệ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật.  - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả.  **2. Phân tích bài viết tham khảo**  - Tên bài viết: Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương.  - Giới thiệu nhân vật: Hoàng tử bé là nhân vật của nhà văn Ăng-toan đơ Xanh-tư Ê-xu-pe-ri, đã trở thành người bạn cúa rất nhiều bạn nhỏ.  - Nghệ thuật miêu tả nhân vật:  + Hoàng tử bé được miêu tả bằng một bức vẽ minh họa trong tác phẩm “một cậu bế thật khác thường”  + Theo tác giả, bức vẽ không bằng một nửa sức quyến rũ của người mẫu  + Hoàng tử bé xuất hiện bất ngờ, tự nhiên bằng giọng nói nhỏ nhẹ, kì lạ.  - Đặc điểm nhân vật:  + Cậu bé luôn cố gắng để trò chuyện với tất cả  + Cậu không ngừng tìm kiếm để lăng nghe, thì thầm và chia sẻ  - Ý nghĩa hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề: Hoàng tử bé chính là biểu tượng cho tình yêu thương, lòng vị tha và khát khao được sẻ chia, thấu hiểu.  **3. Thực hành viết**  - Lựa chọn đề tài:  + Mục đích viết: Phân tích nhân vật yêu thích để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý, cuốn hút của nhân vật.  + Người đọc: Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến cuốn sách và nhân vật.  - Tìm ý  - Lập dàn ý:  + Mở bài: Giới thiệu nhân vật và nêu ngắn gọn ấn tượng ban đầu của em về nhân vật.  + Thân bài:  - Bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật.  - Những đặc điểm của nhân vật thể hiện qua các bằng chứng trong tác phẩm  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật.  - Ý nghĩa của hình tượng nhân vật.  + Kết bài: Nêu những bài học, suy nghĩ, ấn tượng sâu sắc mà nhân vật để lại trong tâm trí em.  - Viết bài. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành viết bài và chỉnh sửa, hoàn thiện các sản phẩm học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV chiếu tiêu chí đánh giá cho HS chỉnh sửa, tự đánh giá.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết và các sản phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trưng bày các sản phẩm của mình, đặc biệt đối với bài viết, GV yêu cầu các em đọc lại bài viết để tự kiểm tra dựa trên những gọi ý sau:

*+ Tên nhân vật, tên sách, tác giả và các chi tiết liên quan có chính xác không?*

*+ Bắng chứng cho các đặc điểm của nhân vật và nghê thuật xây dựng nhân vật trong chuyện đã đủ và phù hợp chưa?*

*+ Có lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tổ chức doạn văn hay không?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành phần chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

HS hoàn thiện bài viết của mình. Báo cáo kết quả và nộp bài cho giáo viên.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV Dánh giá kết quả thực hiện NV, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để tự lên ý tưởng khác liên quan đển chú đề *Trang sách và cuộc sống.*

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn HS sử dụng kiến thức đã học trong phần Viết để lên ý tưởng thực hiện dự án của chủ đề *Trang sách và cuộc sống.*

**c. Sản phẩm học tập:**HS lên nhiều ý tưởng khác và thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu: Dựa vào những kiến thức đã học trong bài Viết hôm nay, em hãy lên ý tưởng khác để thực hiện sản phẩm nằm trong dự án củ chủ đề *Trang sách và cuộc sống.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và tự lên ý tưởng, sau đó trao đổi với bạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- HS hoàn thành việc lên ý tưởng, chia sẻ với nhóm và trước lớp. Các HS khác lắng nghe và góp ý.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét, tổng kết hoạt động, tuyên dương những HS có ý tưởng hay, sáng tạo và nhắc HS về nhà hoàn thiện sản phẩm đẫ lên ý tưởng.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học

+ Soạn bài: ***Về đích: Ngày hội với sách.***

**Ngày dạy**

## TIẾT 133 +134 : VIẾT BÀI PHÂN TÍCH MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC

## YÊU THÍCH TRONG CUỐN SÁCH ĐÃ HỌC

**1. Kiến thức**

**-** HS xác định được nhân vật yêu thích mà cuốn sách gợi ra, biết liên hệ thực tế và biết đánh giá, nhận xét về nhân vật ấy.

- HS nắm được yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc.

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực cảm thụ thẩm mĩ…

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực nhận diện nhan vật từ những cuốn sách đã đọc và từ thực tế cuộc sống.

- Năng lực viết đoạn văn, bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc.

- Năng lực thể hiện quan điểm cá nhân trước một nhân vật văn học.

**2. Phẩm chất**

Qua bài học, giúp học sinh hình thành và phát triển được những phẩm chất tốt đẹp: Yêu sách, thích đọc sách, yêu cuộc sống; làm việc có trách nhiệm; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo án; SGK, SGV

- Phiếu tìm ý

- Bài viết tham khảo.

...

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý**  Họ và tên: ................................................Lớp .............  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc.  . Ghi vào cột bên phải. | |
| + Nhân vật đó là ai? |  |
| + Lí do e lựa chọn phân tích nhân vật này? |  |
| + Nhân vật này có những đặc điểm nổi bật nào? Những đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất giá trị của nhân vật |  |
| +Nghệ thuật xây dựng nhân vật? |  |
| + Nhân vật ấy gợi cho e những suy nghĩ và rút ra bài học gì? |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

-GV chia lớp thành ba nhóm, cho HS chơi trò chơi tiếp sức (3 phút)

? Em hãy kể tên những nhân vật được gợi ra từ những cuốn sách mà em đã đọc?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lên bảng trình bày theo cột của nhóm mình.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

-GV cùng HS đánh giá kết quả làm việc của mỗi nhóm.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV tuyên dương, động viên các nhóm. Từ những nhân vật trong các cuốn sách đã học đã được gợi ra, giáo viên dẫn vào bài mới.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động 1: Yêu câu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được yêu cầu của bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc

**b. Nội dung:** HS nêu được yêu cầu của bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS nhắc lại các bước viết bài.  - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu tìm ý  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận bàn.  **B3: Báo cáo kết quả**  -HS trình bày kết quả.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức. | **1. Trước khi viết bài**  **a. Lựa chọn đè tài:** Xác định được nhân vật yêu thích để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý của nhân vật**.**  **b. Tìm ý**  - Xác định nhân vật yêu thích từ cuốn sách (văn bản) gợi ra (thông qua các chi tiết, câu văn, sự việc, đoạn văn cụ thể)  - Tìm ý:  + Nhân vật đó là ai?  + Lí do e lựa chọn phân tích nhân vật này?  + Nhân vật này có những đặc điểm nổi bật nào? Những đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất giá trị của nhân vật  +Nghệ thuật xây dựng nhân vật?  + Nhân vật ấy gợi cho e những suy nghĩ và rút ra bài học gì?  **c. Lập dàn ý:**  - MB: Giới thiệu nhân vật nêu ấn tượng ban đầu của e về nhân vật  - TB: +Hoàn cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật.  + Đặc điểm nổi bật  + Nghệ thuật  + Ý nghĩa.  - KB: Bài học, suy nghĩ, ấn tượng mà nhân vật để lại.  2. Viết bài  3. Chỉnh sửa bài viết |

**C. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành viết bài

**b. Nội dung:** bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV chia nhóm cho HS viết phần mở bài, kết bài và một đoạn trong phần thân bài theo dàn ý đã chuẩn bị ở phần 1

- HS có thể làm việc cá nhân.

- GV quan sát, hỗ trợ.

- GV đánh giá, kết luận.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để tiếp tục sáng tạo, giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu những nhân vật khác trong các tác phẩm. Viết đoạn văn trình bày ý kiến của mình và lí giải tại sao.

**c. Sản phẩm học tập:**Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS.

- HS làm bài ở nhà.

- GV kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết học sau.

**\* Chuẩn bị cho tiết học sau:**

- Chuẩn bị cây đọc sách của nhóm, lớp.

- Nhật kí đọc sách của cá nhân.

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.

- Bài giới thiệu sách của cá nhân, tập san của nhóm, lớp;

**TIẾT 135 +136 : KIỂM TRA HỌC KỲ II**

***(Kiểm tra theo đề của Sở và Phòng GD và kế hoạch của nhà trường )***

**Ngày dạy**

**NÓI VÀ NGHE**

## TIẾT 135: VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI ĐỌC SÁCH

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức :**

- Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan.

- Dựa trên các sản phẩm được chuẩn bị và xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thành ở giai đoạn 1 và 2 là tư liệu để HS báo cáo kết quả dự án một cách chủ động.

- Việc triển lãm, trưng bày tại ngày hội phát huy tính chủ động và gợi hứng thú cho HS.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp,năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các hoạt động.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**2. Phẩm chất:**

- HS yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung của *Ngày hội sách* với những điều thú vị, hữu ích.

**b. Nội dung:** GV cho HS lựa chọn một trong hai hoạt động để thực hiện.

**c. Sản phẩm:**HSlựa chọn được hoạt động để thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc và theo dõi nội dung hai hoạt động trong SHS trang 116:

*+ Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách.*

*+ Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.*

- GV yêu cầu HS lựa chọn một trong hai hoạt động trên để chuẩn bị, tham gia trình bày với các bạn.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lựa chọn hoạt động thích hợp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- HS chia sẻ lựa chọn của mình với bạn bên cạnh, GV chọn một vài HS chia sẻ lựa chọn trước lớp.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Vậy là chúng ta đã bước đến giai đoạn cuối cùng của dự án rồi. Trong bài học ngày hôm nay, cô cùng các em sẽ tham gia vào Ngày hội sách – nơi để các em sẽ cùng nhau đóng góp, chia sẻ và trình bày những sản phẩm mà mình đã chuẩn bị trong suốt hai giai đoạn trước. Hãy cùng nhau tham gia thật tích cực, nhiệt tình để tạo nên Ngày hội sách hiệu quả, ý nghĩa nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chuẩn bị bài nói của mình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  \* Xác định mục đích nói và người nghe:  - GV yêu cầu HS xác định mục đích nói và người nghe.  \* GV hướng dẫn các bước chuẩn bị nội dung, phương tiện để trình bày và tập luyện:  *- Chuẩn bị nội dung và phương tiện để trình bày:*GV hướng dẫn HS lựa chọn và xác định nội dung cần trình bày theonhững gợi ý sau:  + Xem lại sản phẩm sáng tạo từ sách và chọn sản phẩm độc đáo, thú vị mà em muốn giới thiệu.  + Lập dàn ý nói trước khi trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách, đánh dấu những nội dung cần nhấn mạnh, cần làm rõ và thuyết phục người nghe.  + Xác định các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp cần sử dụng để hỗ trợ cho bài nói về sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách: hình ảnh, sơ đồ, tranh vẽ hoặc bản nhạc không lời.  *- Tập luyện:*  GV tổ chức cho HS:  + Tập luyện một mình để ghi nhớ nội dung và chọn cách diễn đạt phù hợp  + Trình bày trước các bạn trong nhóm học tập, cùng các bạn trao đổi để có thể lắng nghe góp ý nhằm điều chỉnh nội dung trình bày và diễn đạt sao cho rõ ràng, mạch lạc và có sức thu hút.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, tìm hiểu đề, chuẩn bị nội dung, phương tiện trình bày và tập luyện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả chuẩn bị của các nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV nhấn mạnh: *Hãy cố gắng để việc giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc trình bày quan điểm của em về việc đọc sách trở nên thú vị, hấp dẫn, cuốn hút và để lại ấn tượng sâu sắc với người nghe.* | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe:  + Mục đích nói: Chọn một trong hai mục đích nói sau đây để chuẩn bị và trình bày bài nói:  - Giới thiệu để lảm rõ ý nghĩa những sản phẩm sáng tạo từ sách.  - Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.  + Người nghe: Thầy cô, bạn bèvà những người quan tâm đến kết quả dự án đọc sách và quan điểm của em về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.  - Lựa chọn nội dung và phương tiện trình bày.  - Tập luyện |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**Nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày, thảo luận sôi nổi, tích cực

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS trình bày bài nói theo quy mô cả lớp một cách rõ ràng các nội dung đã chuẩn bị  - GV lưu ý HSnhấn mạnh những đặc điểm nổi bật của sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc làm rõ quan điểm của em về việc đọc sách qua lí lẽ xác đáng và bằng chứng cụ thể.  - GV nhắc HS sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp để phần trình bày hấp dẫn hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS luyện tập bài nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày bài nói của mình trước lớp, GV yêu cầu cả lớp nghe để có thể nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Trình bày bài nói** |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được tiêu chí đánh giá bài nói và đưa ra được nhận xét về bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng phiếu đánh giá theo tiêu chí để đánh giá bài nói của bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành phiếu đánh giá theo tiêu chí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS trao đối bài nói theo gợi ý sau: | **3. Trao đổi bài nói** |
| |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | *-* Nghe và ghi vắn tắt những đặc điểm nổi bật của sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc quan điểm về việc đọc sách để có thể trao đổi, nêu câu hỏi sau khi có người nói trình bày.  - Nêu ý kiến về nội dung bài nói và cách trình bày. | *-* Nghe góp ý và phản hồi những ý kiến của người nghe về nội dung bài nói một cách phù hợp, rõ ràng, có thể bổ sung những điểm cần làm rõ thêm.  - Trao đổi lại với ngời nghe về cách trình bày để có thể rút kinh nghiệm và điều chỉnh một cách hiệu quả. | | |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện nhận xét bài nói theo bảng gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày nhận xét và thảo luận về những ý kiến đóng góp  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV lắng nghe cuộc thảo luận và hướng dẫn HS chốt lại ý kiến của mình  - GV thu lại những phiếu đánh giá để làm cơ sở cho việc đánh giá kĩ năng nói và nghe của HS. |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 1: Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách**

**a. Mục tiêu:** HS tự giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách theo sự chuẩn bị.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn, tổ chức cho HS giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách đã chuẩn bị.

**c. Sản phẩm học tập:**HS giới thiệu, chia sẻ sản phẩm của mình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS sử dụng các sản phẩm đã chuẩn bị như tranh vẽ, bài thơ, truyện tranh làm nền cho hoạt động.

- GV yêu cầu HS giới thiệu từng sản phẩm cá nhân bằng cách thuyết trình trong nhóm.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- HS giới thiệu sản phẩm trong nhóm, sau đó GV chọn một vài HS bất kì lên trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

- Nếu HS cần nhiều thời gian để đọc kĩ cuốn sách và chỉnh sửa các sản phẩm sau đọc, viết thì GV cùng tổ chuyện môn trong trường lên kế hoạch làm riêng một ngày sau khi kiểm tra cuối năm để HS báo cáo kết quả dự án đọc.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương những HS có phần trình bày hay, hấp dẫn và sáng tạo.

**Hoạt động 2: Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày tự tin, mạc lạc ý kiến của bản thân mình về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách. Qua đó, HS hiểu rõ hơn tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn, tổ chức cho HS trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.

**c. Sản phẩm học tập:**HS giới thiệu, chia sẻ sản phẩm của mình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói và trao đổi thảo luận để trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách trên cơ sở những trải nghiệm thực tế của chính các em.

- GV đinh hướng để HS có thể chuẩn bị nội dung bài nói trên cơ sở các luận điểm được hình thành qua việc trả lời các câu hỏi tìm ý:

*+ Trong thời gian qua em đã đọc sách gì? Em có thể nêu tên một số cuốn sách đã đọc và lí do em lựa chọn những cuốn sách này?*

*+ Việc đọc những cuốn sách đó có tác động như thế nào tới suy nghĩ, hiểu biết của em?*

*+ Từ kinh nghiệm cụ thể của bản thân, em có suy nghĩ gì về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách nói chung? Theo em, việc lựa chọn những cuốn sách phù hợp để đọc có tầm quan trọng như thế nào?*

- GV tùy theo năng lực của HS để bổ sung thêm hệ thống các câu hỏi hình thành và phát triển các luận điểm.

- GV khuyến khích HS sử dụng các sản phẩm là VB đa phương thức để tạo không khí hấp dẫn cho ngày hội với sách.

- GV tổ chức cho HS thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ và hoàn thành theo yêu cầu GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- HS trình bày ý kiến trong nhóm, sau đó GV chọn một vài HS bất kì lên trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương những HS có phần trình bày hay, hấp dẫn và sáng tạo.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài nói.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài nói về một trong hai chủ dề vừa trình bày.

**c. Sản phẩm học tập:**HS chỉnh sửa, rút ra ưu nhược điểm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa bài nói vừa trình bày của mình.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện kiểm tra lại bài làm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- HSrút ra được ưu, nhược điểm để hoàn thành bài nói tốt hơn.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bàinói trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học

+ Soạn bài: ***Ôn tập học kì II.***

**Ngày dạy**

## TIẾT 136 +137 : ÔN TẬP HỌC KÌ II

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức :**

- HS nêu được kiến thức về các loại, thể loại VB đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành theo *Ngữ văn 7*, tập hai.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài Ôn tập học kì II.

- Phát triển kĩ năng hệ thống hóa kiến thức đã học trong suốt cả chủ đề lớn.

**2. Phẩm chất:**

- HS có thái độ nghiêm túc trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh, ảnh và đoạn phim ngắn minh họa cho các nội dung học tập ở các bài học kì II;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung của bài ôn tập.

**b. Nội dung:** GV gợi mở kiến thức mới cho HS.

**c. Sản phẩm:**HS làm việc nghiêm túc, tích cực.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nhắc lại những chủ đề đã học trong học kì II và yêu cầu các em vẽ sơ đồ tư duy hệ thống lại những văn bản, kiến thức thực hành tiếng việt, kiến thứ về các kiểu bài viết, bài nói đã học ra khổ giấy lớn theo từng nhóm nhỏ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV mời đại diện một số nhóm lên trình bày sơ đồ của nhóm mình.Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét và đánh giá thái độ làm việc của các nhóm và dẫn vào bài học Ôn tập:*Vậy là chúng ta đã được học hết những kiến thức của chương trình Ngữ Văn 7 rồi. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi ôn tập lại những kiến thức đã học trong học kì II để củng cố, nắm chắc tri thức ngữ văn qua việc giải quyết các bài tập trong sách nhé!*

**B. ÔN TẬP KIẾN THỨC**

**\* Nguyên tắc ôn tập kiến thức:**

- GV để HS đóng vai trò chủ động tối da trong việc điểm lại những kiến thức đã học, những nội dung đã thực hành trong suốt học kì II (GV tránh “giảng”, chỉ giao nhiệm vụ cho từng nhóm học tập và yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung kết quả làm việc của nhau).

- GV chú trọng tới HS việc lập bảng, sơ đồ biêu thị những kiến thức cần nắm và cách triển khai các hoạt động thực hành viết, nói và nghe theo những nội dung khác nhau (HS lập bảng và vẽ sơ đồ theo gợi ý trong SHS hoặc theo sáng kiến riêng).

- GV khuyến khích HS trao đổi về một số khái niệm dễ gây sự nhập nhằng trong cách giải quyết (ví dụ: *truyện khoa học viễn tưởng và truyện giả tưởng, thành ngữ và tực ngữ, mạch lạc và liên kết,…*).

**\* Xây dụng thêm bài tập mới**

- Ngoài việc cho HS làm những bài tập được nêu trong SHS, GV có thể xây dựng bài tập mới, tập trung vào vấn đề nào mà các em chưa nắm vững kiến thức hoặc chưa định hướng được hoạt động một cách rõ ràng. Mỗi nhóm nên được giao 1-2 bài tập và sẽ nối tiếp nhau trình bày kết quả cho đến khi toàn bộ các bài tập được giải quyết xong.

**\* Định hướng giải quyết các bài tập trong SHS:**

**Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức các thể loại, loại văn bản đọc**

**a. Mục tiêu:**

- HS ôn tập lại những kiến thức đã học về loại và thể loại VB.

- HS nhận diện được những thể loại VB mới học trong học kì II, chưa được học trước đó trên cả hai phương diện: đặc điểm nội dung và hình thức.

**b. Nội dung:**GV ôn tập lại kiến thức và định hướng cho HS giải quyết câu hỏi 1 và 2.

**c. Sản phẩm học tập:** HS giải câu hỏi 1, 2 trong SHS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Câu hỏi 1**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV để HS tự do lựa chọn và phát huy khả năng sáng tạo riêng, trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm đã có khi học bài *Ôn tập học kì I*  - GV khuyến khích HS vẽ sơ đồ hay kẻ bảng vào vở.  - GV nhắc HS chú ý phân biệt *loại, thể loại VB đọc* và *kiểu bài viết* đã thực hiện, không đưa vào bảng tổng hợp hay sơ đồ tên của các kiểu bài viết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mời ngẫu nhiên một vài HS lên trình bày bài tập, cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2:Câu hỏi 2**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS kể thêm những VB thuộc các thể loại kể ở câu hỏi 1 mà các em đã tìm đọc thêm, theo những gì được gợi ý ở phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học và ở phần *Đọc mở rộng* đặt sau các cụm bài học. Việc yêu cầu kể thêm VB sẽ giúp GV nắm bắt được tương đối chính xác thực trạng đọc mở rộng của HS để tìm được hướng khắc phục.  - GV nhắc HS đối chiếu những nội dung được các em điền trong bảng với nội dung được cung cấp trong phần *Tri thức ngữ văn* của từng bài học để nhận ra những điểm còn thiếu hoặc chưa chính xác cần được bổ sung, chỉnh sửa.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên loại, thể loại văn bản** | **Đặc điểm nội dung** | **Đặc điểm hình thức** | **Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học** | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm, trao đổi đề hoàn thiện bảng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mời đại diện một vài nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV nhận xét, đánh giá, chiếu bảng đáp án cho HS đối chiếu và chỉnh sửa: | **I. Các loại, thể loại văn bản**  ***1.Những loại, thể loại VB đã được học trong học kì II***  + VB nghị luận xã hội  + VB tự sự  + VB thuyết minh  + VB nghị luận văn học  ***2. Đặc điểm nổi bật của các loại,thể loại văn bản đã học*** |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên loại, thể loại văn bản** | **Đặc điểm nội dung** | **Đặc điểm hình thức** | **Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học** | | 1 | Văn bản nghị luận xã hội | Làm rõ được sự việc, hiện tượng chứa vấn đề; phân tích mặt trái, mặt phải, mặt lợi và mặt hại của vấn đề; chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ ý kiến, nhận định của người viết | Xuất hiện luận cứ, luận điểm, lập luận | - Bản đồ dẫn đường  - Hãy cầm lấy và đọc  - Câu chuyện về con đường | | 2 | Văn bản tự sự | Cung cấp hiểu biết về sự vật việc và con người giúp người đọc, người nghe hiểu chúng một cách đúng đắn, đầy đủ. | Có sự việc, nhân vật, cốt truyện,... | Chiếc đũa thần | | 3 | Văn bản thuyết minh | Cung cấp tri thức khách quan về nhiều vấn đề, sự vật, sự việc trong đời sống thực. Nó có phạm vi sử dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của đời sống. | Trình bày rõ ràng, ngôn ngữ chính xác, cô động. | - Lễ rửa làng của người Lô Lô  - Thủy tiên tháng Một | | |

**Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**HS nhắc lại những kiến thức tiếng Việt đã được củng cố hoặc được hình thành trong học kì II

**b. Nội dung:**GV ôn tập lại kiến thức và định hướng cho HS giải quyết câu hỏi 3.

**c. Sản phẩm học tập:** HS giải cấu hỏi 3 trong SHS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm câu hỏi 3 trong SHS và kẻ bảng vào vở:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bài học** | **Kiến thức củng cố** | **Kiến thức mới** | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   - GV giúp HS chỉnh sửa những thông tin điền sai, lưu ý các em việc thường xuyên luyện tập tìm hiểu nghĩa của từ (trong đó có nghĩa của các yếu tố Hán Việt), tìm hiểu giá trị của biện pháp tu từ, vì đó là những nội dung sẽ còn được thực hành nhiều lần ở các lớp học trên với độ khó tăng dần.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm đôi để hoàn thiện bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mợi một vài nhóm xung phong lên trình bày bảng, HS các nhóm còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV nhận xét, đánh giá và chiếu bảng đáp án cho HS chỉnh sửa | **II. Tiếng Việt** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bài học** | **Kiến thức củng cố** | **Kiến thức mới** | | 1 | Bài 6: Bài học cuộc sống | Biện pháp tu từ |  | | 2 | Bài 7: Thế giới viễn tưởng | Mạch lạc và liên kết |  | | 3 | Bài 8: Trải nghiệm để trưởng thành | Mạch lạc và liên kết |  | | 4 | Bài 9: Hòa điệu với tự nhiên |  | Cước chú | | |

**Hoạt động 3: Ôn tập kiến thức các kiểu bài viết**

**a. Mục tiêu:**

- HSđiểm lại những kiểu bài viết đã thực hành trong học kì II, đặc biệt phải chia ra được các kiểu bải mới cùng lí do xuất hiện và đòi hỏi riêng của chúng đối với mọi yếu tố cấu thành VB.

- HS liệt kê được các đề tài cá nhân đã chọn và chủ động trong việc vận dụng kiển thức về quy trình viết đã học.

**b. Nội dung:**GV ôn tập lại kiến thức và định hướng cho HS giải quyết câu hỏi 4 và 5.

**c. Sản phẩm học tập:** HS giải câu hỏi 4, 5 trong SHS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Câu hỏi 4**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu câu hỏi 4 và làm việc theo nhóm nhỏ để hoàn thiện.  - GV gợi ý HS chọn sơ đồ phù hợp để đáp ứng yêu cầu của bài tập. Để miêu tả một kiểu bài viết, không thể bỏ qua các yếu tố: mục đích viết, người đọc, nội dung đề cập, mô hình cấu trúc, hình thức diễn đạt.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm nhỏ, trao đổi, thảo luận để hoàn thiện bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mợi một vài nhóm ngẫu nhiên lên trình bày bảng, HS các nhóm còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Câu hỏi 5**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để liệt kê các đề tài viết mà mỗi HS đã lựa chọn.  -GV gợi ý cho HS nêu danh mục những đề tài dự kiến có thể viết.  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng vào vở:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Kiểu bài viết** | **Đề tài đã chọn viết** | **Đề tài khác có thể viết** | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   - GV phân tích cho HS thấy rõ: Việc dự kiến những đề tài có thể viết có ý nghĩa như việc chuẩn bị tích cực của mỗi cá nhân trước các kì kiểm tra, đánh giá, ngoài ý nghĩa rèn luyện thói quen suy nghĩ, tìm ý tưởng mới trong quá trình học tập.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việccá nhân hoàn thiện bảng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mời một vài HS trình bày bảng trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án sau khi thống nhất: | **III. Các kiểu bài viết**  ***1. Những kiểu bài viết đã thực hành***  - Tên các kiểu bài viết đã thực hành:  **+** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).  + Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.  + Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (thể hiện ý kiển phản đối một quan niêm, một cách hiểu khác về vấn đề).  + Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  + Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc.  - Kiểu bài mới:  + Tên: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  + Yêu cầu cụ thể; thông tin thuyết minh phải chính xác, cô đọng, dẫn chứng đúng, thuyết phục.  ***2. Những đề tài viết dã thực hiện***  - Văn nghị luận  - Văn thuyết minh  - Văn phân tích |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Kiểu bài viết** | **Đề tài đã chọn viết** | **Đề tài khác có thể viết** | | 1 | Văn nghị luận | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối) | | 2 | Văn thuyết minh | Thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | Thuyết minh về một bộ phim hay một cuốn sách hay,… | | 3 | Văn phân tích | Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học mà em yêu thích. | | |

**Hoạt động 4: Ôn tập kiến thức các bài nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**HS nhớ lại những nội dung đã nói và nghe đã được thực hành và đánh giá về những nội dung ấy.

**b. Nội dung:**GV ôn tập lại kiến thức và định hướng cho HS giải quyết câu hỏi 6.

**c. Sản phẩm học tập:** HS giải câu hỏi 6 trong SHS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nhắc HS nhớ lại những nội dung đã nói và nghe đã được thực hành và đánh giá về những nội dung ấy.  - GV nêu câu hỏi để kiể tra nhanh phản ứng của HS trước tính hiệu quả của hoạt động nói và nghe:  *+ Em rút ra được bài học bổ ích gì cho mình qua việc tham gia tích cực vào hoạt động nói và nghe?*  *+ Theo em, để hoạt động này đạt được hiệu quả tốt hơn, có những điều gì cần được chú ý điều chỉnh?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi gợi dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**  - GV mợi một vài HS xung phong trả lời câu hỏi HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  ***Dự kiến sản phẩm:*** Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động khiến em cảm thấy hứng thú nhất, vì qua nội dung này, em hiểu được cách để giải thích, thuyết minh quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động một cách đúng nhất.  **Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức 🡺Ghi lên bảng.  - Sau khi HS trả lời, GV có thêm căn cứ nhìn nhận về tính hợp lí, thiết thực của từng hoạt động nối và nghe cụ thể đã được tổ chức, từ đó có phương án điều chỉnh phù hợp. | **IV. Các bài nói và nghe**  - Kể lại truyện ngụ ngôn  - Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người  - Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống  - Giải thích quy tác hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về bài học *Hướng dẫn ôn tập kiến thức học kì II* đã học, đồng thời vận dụng kiến thức đã học về bài họcđể giải bài tập.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thảo luận hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành bài tập được giao.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV ra đề bài: *Qua bài học hôm nay, em đã nắm được những kiến thức nào? Hãy tóm lược nội dung đã học bằng bảng biểu hoặc một đoạn văn ngắn.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luậncá nhân và hoàn thành bài tập.

**Bước 3:Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV gọi ngẫu nhiên một vài HS trình bày bài tập trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV đánh giá, nhận xét thái độc học tập và khả năng tiếp thu kiến thức của HS.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại *Hướng dẫn Ôn tập lại kiến thức.*

**TIẾT 138 +139 : KIỂM TRA HỌC KỲ II**

***(Kiểm tra theo đề của Sở GD và kế hoạch của nhà trường )***

**Ngày dạy**

**TIẾT 140 : TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức :**

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài

- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tiếp nhận văn bản, hợp tác, cảm thụ, năng lực giao tiếp.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

**2. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- SGK

- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

**b. Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**c. Sản phẩm:** Hs chuẩn bị kiến thức đã có trong đề kiểm tra

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

**c. Sản phẩm học tập:** HS so sánh bài làm với đáp án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm.  - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận. | **II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM:**  **1. Ưu điểm:**  - Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề.  + Trình bày khoa học.   1. **Nhược điểm:**    - Một số em chưa biết cách làm bài :  \* Kiến thức:  + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm  + Nhiều em lười không làm bài.  + Bài văn nêu cảm nhận còn sơ sài, thiếu phần nêu đặc sắc nghệ thuật.  \* Diễn đạt:  - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic. - Lời văn : Một số em viết bài cảm nhận chưa đạt yêu cầu.  - Chữ viết : Ẩu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học.  - Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó. - Có em không hiểu yêu cầu đề văn phân tích nhân vật.  - Phê bình nhiều em chưa nộp bài đúng hạn. **3. Kết quả:**  **4. Hướng dẫn chữa bài:**  - Lỗi chính tả : l - n, ch - tr, gi-d-r…  - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ.  **III. Trả bài – Gọi điểm:** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:* Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV Dánh giá kết quả thực hiện NV, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa bài kiểm tra

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

**Bước 3: Báo cáo kết quả HĐ và thảo luận**

- HS đại diện trình bày.

**Bước 4: Dánh giá kết quả thực hiện NV**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày baì tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung các bài học

*KÝ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN*

*Ngày tháng 4 năm 2025*